

Richard MILLES



EN SUBUD

Le vrai sens de la vie m'a été révélé



A.S.F.
6, rue Deguerry - 75011 Paris

Bằng chứng và sự thử thách trong Subud

Nguyên tác EN SUBUD của **Richard Milles**

Minh Thần dịch 2003

© Phiên bản 12.2015 Góc Nhỏ

Sửa lỗi: Hartini Tâm Đan - Hoàng Nam

phiên bản 8.2021 - Góc Nhỏ

Richard Milles

**Bằng Chứng
và Sự Thử Thách
trong Subud**

Minh Thần
dịch 2003

gn 2021

MỤC LỤC

Lời nói đầu	7
Trước Subud	13
Latihan đầu tiên của tôi với Bapak và 50 người anh em khác	20
Latihan Kedjiwan Subud	27
Tôi thuyên chuyển tới Arièges	34
Những quan hệ với Bapak	39
Chúng tôi làm lễ cưới tại nhà thờ Công giáo	44
Tôi tiếp nhận được cái cười	47
Là phụ tá của Bapak	51
Ba tôi	56
Thượng Đế ban cho chúng tôi những chỉ dẫn không chấp nhận được trong hiện thời	63
Linh hồn làm gì sau khi rời khỏi thể xác?	76
Đồng tiền muốn phục vụ Thượng Đế	80
Năm 1971 tại Hội nghị Thế giới ở Cilandak	88
Trong công việc cũng xảy ra điều gì	95
Xem xét tâm thức	99
Đấng Thượng Đế chúng tôi thờ là ai?	103

Vợ chồng trong Subud	109
Mẹ tôi	122
Thượng Đế dạy cho tôi thuật trở thành ông nội	126
Tại sao chúng tôi đôi khi làm trắc nghiệm trong Subud	131
Subud đã được tiên tri tại nhiều nơi	137
Tại sao Subud xuất hiện trong thời đại của chúng ta?	142
Muhammad Subuh Sumhadiwijojo là ai?	147
Subud đến Âu Châu như thế nào	169
Chúng tôi là những người tiên phong của thời đại hoàng kim	174
Sự hài hòa của các tôn giáo	179
Căn nhà của Subud ở Bénaix	184
Cầu nguyện	187
Sống giây phút hiện tại	191



Richard Milles

Lời nói đầu

Khi gần về hưu, người ta thường có xu hướng đặt những câu hỏi: tôi sẽ làm gì để lấp trống thời gian rảnh rỗi?

Tôi đã được cơ may phi thường có thể nghe tiếng nói của sự im lặng trong nội tâm, và tiếng nói bảo tôi: cậu nên viết sách.

Là một hội viên tích cực của hội tâm linh Subud và muốn xác nhận những trực giác của mình, tôi đã hỏi ba người anh em rằng họ cũng muốn hay không nghe tiếng nói của nội tâm của họ phát sinh từ sự im lặng của tư tưởng, để thực sự biết được tôi có tài viết lách hay không, và đối với tôi thì như thế nào, nếu tôi viết lên trang giấy những kinh nghiệm tâm linh nhận thấy từ lúc là hội viên của hội Subud. Những người anh em đó, những người y như tôi được tập luyện để tiếp nhận những sự chỉ dẫn của nội tâm mà không có sự suy tư của trí tuệ, đã trả lời: 'Được! cậu thấy hạnh phúc được viết lách: điều đó sẽ còn có lợi cho ngay cả những người đọc cậu. Tôi vui mừng về những điều cho hay đó, điều đó sẽ khiến cho việc làm của tôi được dễ dàng, vì kể từ 25 năm, tôi đã ghi chép, hay đúng hơn, viết lại những kinh nghiệm nổi bật nhất, những điều đã tạo cho cuộc đời của tôi và gia đình một ý nghĩa đích thực.

Vậy, phần chánh yếu của cuốn sách đã xong; chỉ còn việc sắp xếp, sửa lỗi, lên trang giấy. Cái ý nghĩ viết một cuốn sách đến với tôi, khi tôi bị đày qua Đức lao công trong những năm 1932 và 1942, trong thời chiến khủng khiếp.

Tất cả chúng ta không ít thì nhiều, trong những lúc thật

cô đơn, có những ý nghĩ đến với mình liên quan tới hay báo trước tương lai, những ý nghĩ đôi khi có thể áp dụng được trong tức khắc, trong khi chúng có thể hay phải đợi nhiều năm, trước khi trở thành thực tại sống động. Thế nên, thấy mình phải chuẩn bị viết lách, tôi học đánh máy. Ban đầu, tôi khá vụng về; tôi không biết tổ chức công việc của mình như thế nào, nhưng tôi vui mừng nhận thấy sự việc tự sắp xếp, cái nào vào cái đó, điều cốt yếu là tiếp tục mà không nản lòng. Mặc dù nổi vui mừng được làm điều đó, ta cảm thấy lo ngại: nó sẽ được chấp nhận như thế nào?

Cuốn sách đầu tiên này dành cho hội viên Subud, nên in ra không hơn 100 bản, ta không nên quá liều lĩnh! Tôi đã ngạc nhiên và vui mừng, khi nhận thấy tất cả đã nhanh chóng được bán, và thậm chí tại hội nghị Subud thế giới ở Anh tháng 8 năm 1983, sách còn thiếu! Tôi phải cho xuất bản lần thứ nhì, kể đến lần thứ ba! Tôi đã ngạc nhiên hơn nữa, khi có những anh chị em Subud hỏi ý kiến mình, những người đề nghị dịch nó: một người anh em qua tiếng Đức, một bà chị qua tiếng Tây Ban Nha, một bà chị khác qua tiếng Anh, và cuối cùng là một bà chị qua tiếng Hòa Lan.

Một phần cuốn sách cũng sẽ được dịch ra tiếng Nam Dương, và lồng vào một trong ba tập của bộ Lịch Sử của Subud.

Những bình luận và những bức thư nhận được khuyến khích tôi viết một cuốn sách đầy đủ hơn cuốn trước, như một độc giả nữ nói với tôi: 'Ông nên dùng cuốn đầu tiên của mình như một cái sườn cho cuốn kế tiếp và giải nghĩa về Subud.' Tôi phải nói vị độc giả nữ đó không là hội viên Subud.

Tôi phải có một nhận định quan trọng: những điều các bạn sẽ đọc không bao giờ khiến mình biết được cái thực tại mật thiết và thâm sâu của mình, bởi tất cả đã có sẵn trong lòng các bạn và đang mê ngủ. Mục đích cuốn sách

này chỉ để các bạn hiểu được trên thực tế có một con đường mà nhân loại có thể theo để đạt được một cuộc sống khá hơn, gồm tình thương, sự an lạc, tự do của nội tâm.

Cuốn sách này không là con đường 'tuyệt đối'; nó cho thấy có một con đường mở cho tất cả những người tìm cách thoát khỏi lối cũ của những cấm kỵ, những tín ngưỡng không được thực nghiệm kiểm chứng. Chúng ta sống trong một thế giới bị che lấp khỏi đối thoại, khỏi những vấn đề đích thực về nền tảng; người ta nói chuyện một cách hời hợt; tôi thấy chúng ta cần mở tấm lòng mình người này cho người kia, ăn nói một cách điềm tĩnh về những điều trọng đại mà không tự coi mình là nghiêm trọng, vì nghiêm trọng quá sẽ làm hại những trao đổi cần được cởi mở.

Đọc cuốn sách này biết đâu chừng có thể giúp các bạn trước hết mở tấm lòng mình cho chính mình, rồi cho Thượng Đế; như vậy thì...tất cả đều ăn thua ở các bạn! Tìm kiếm những báu vật chôn giấu trong đáy lòng mình là một sự hiểu kì có tính chất thánh thiện và giải phóng, vì sự phát huy cái chân tâm¹ là điều gì quý trọng nhất trong cuộc sống trên trần gian; và điều này hình như người ta đã quên! Người ta đã không từng nói hay sao: *„Cứ xin đi thì sẽ được cho.”*²

Cuốn sách này thông tin và báo tin cho các bạn về một biển cố phi thường xảy ra trên trái đất, trong lúc chúng ta nghi ngờ tất cả, chúng ta sợ hãi, chúng ta mất niềm tin ở bản thân mình; do đó chúng ta chờ đợi điều gì giúp mình thoát khỏi sự bế tắc, trong đó con người thấy ngột ngột và tranh luận mà không biết đâu là lối thoát cho một cuộc sống khá hơn. Đối với tác giả viết một cuốn sách như vậy thì dễ, vì những điều thuật lại không là sản phẩm của tưởng tượng, mà của những điều đã nghiệm được bởi tác giả và bà vợ mình, bởi nhiều người khác, nhất là bởi người

1 Nguyên văn: l' être intérieur.

2 Một câu nói trong Phúc Âm đã trở thành phương ngôn

là nguồn gốc của cái biến cố phi thường đó.

Tư tưởng của thế giới hiện đại không được kinh nghiệm trực tiếp về cuộc sống nuôi dưỡng; nó là sự mô phỏng, cái cóp nhặt của cái cóp nhặt, và người ta nghe được nhiều lối bình luận khác nhau về mọi sự việc, về bất cứ gì; điều cốt yếu là nói năng và chứng tỏ mình biết nhiều điều. Nhưng nếu nhìn cho kĩ, ta nhận thấy đó không là một sự hiểu biết đích thực xuất phát từ kinh nghiệm trực tiếp về cuộc sống, về sự vật, về những biến cố; điều đó khiến đức Ki Tô nói: 'Phần anh em, mầu nhiệm Nước Thiên Chúa đã được cho anh em; còn những người kia là những kẻ ở ngoài, thì cái gì cũng phải dùng ngụ ngôn, để họ có trở mắt nhìn thì cũng chẳng thấy, có lắng tai nghe cũng không hiểu, kéo họ trở lại và được ơn tha thứ.' [Marc 4.1.20]³. Và đã mất ý thức của thánh quan, ý thức của lối nhìn thâm sâu và xa xôi, ý thức của cảm quan, ý thức về Nước của Chúa trong nội tâm chúng ta, nên chúng ta sống trong vô thức: có nghĩa là chúng ta không nghe thấy cái làn sóng về sự đau khổ vô tận của con người, chúng ta không nhìn vượt qua lỗ mũi mình, không vượt qua những hiện tượng, chúng ta không cảm nhận được những biến cố, những sự việc trong cái thực tại cảm thấy được của nó; và thay vì soi sáng tư tưởng mình với Chân Lí của linh hồn, chúng ta để cho lối chơi lười biếng của trí tuệ, áp lực của những dục vọng không bao giờ được thỏa mãn, làm cho mình bị mù quáng và mê ngủ.

Nhưng một điều phi thường đã xảy ra: hàng ngàn người đã tiếp nhận được một sự tập luyện tâm linh. Một người tên là Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo, là người đầu tiên đã tiếp nhận được nó, và Thượng Đế đã cho người biết là có thể truyền nó cho tất cả nhân loại. Chúng tôi có hàng ngàn người đã tiếp nhận được nó, và cuộc sống mình đã thay đổi, được soi sáng; cái linh hồn mê ngủ của chúng tôi đã thức tỉnh, cái nội quan của chúng tôi cho phép mình được nhìn vượt qua những hiện tượng, đối với lỗ tai của

3 Theo bản dịch của nhóm phiên dịch Công giáo Giờ Kinh Phục Vụ Việt Nam.

chúng tôi thì cũng thế, nó trở nên sống động: khi nó phát lên tiếng kêu, chúng tôi hiểu tại sao! Tương tự, cảm quan của chúng tôi khiến mình nhìn thấu được tâm trạng của những người đến gần mình, chúng tôi cảm thấy sự khổ khổ và sợ hãi của con người gia tăng, như vậy chúng tôi ý thức được cái trách nhiệm nặng nề mà Thượng Đế đã đặt cho mình: giúp đỡ những kẻ đau khổ, bằng cách khiến họ phụng thờ Thượng Đế như điều các vị thiên sứ đã làm.

Có một từ thường khiến ta rối trí, đó là từ 'giúp đỡ'. Người ta nói: 'Hãy tự giúp mình, Trời sẽ giúp mình.' Chủ đích của tôi là giúp các bạn tự giúp mình, vì tôi không có gì để dạy bảo các bạn ngoài những điều các bạn đã có sẵn trong lòng mình. Tôi xin các bạn hãy độ lượng về cái đề tài của những điều tôi viết, hãy tha thứ cho tôi, nếu tôi kể lại những kinh nghiệm có thể khiến các bạn bối rối, vì trên thực tế đó là những kinh nghiệm của những người đi theo con đường của Subud.

Vị hướng đạo tâm linh của chúng tôi thường nói nhờ tập đều đặn lối tập luyện tâm linh của mình, chúng tôi có thể biết được những biến cố trước khi chúng xảy ra. Hơn nữa, người khích lệ chúng tôi kể lại những kinh nghiệm của mình, những điều nếu củng cố được đức tin của những kẻ nghiệm được nó, cũng có thể khuyến khích những người mà đức tin vẫn còn nguội lạnh, hay khiến người ta tự mình cũng muốn cảm thấy sự hiện diện của Thượng Đế; như điều đức Ki Tô nói, cái sự hiện diện xua đuổi phiền não và lo âu. Quả thực chúng tôi đã học được nhiều điều của Thượng Đế, có những biến cố được cho chúng tôi thấy trước khi chúng xảy ra, khiến bản chất chúng tôi được yên tâm và không bị giao động, khi những biến cố đó xảy ra.

Tôi rất vui mừng, khi viết cuốn sách này, được làm theo những lời khuyên của vị hướng đạo tâm linh mà chúng tôi gọi là Bapak [cha]. Một huyền thoại cổ xưa của đạo Hindu thuật lại có một thời loài người là thần thánh. Nhưng họ đã lạm dụng thiên chất của mình tới nỗi Phạm Thiên⁴ vị

4 Brahma.

chúa tể của các thần thánh, quyết định tước bỏ cái quyền hành thần thánh của họ, để cất giấu nó tại một nơi chốn khiến họ không thể tìm thấy nó trở lại. Vậy, vấn đề chánh yếu là kiếm được một chỗ cất giấu nó. Khi các thánh thần thứ yếu được kêu đến họp để giải quyết vấn đề đó, họ đề nghị điều này: 'Chúng ta hãy đem chốn giấu thiên chất của con người', nhưng Phạm Thiên đáp: 'Không, như vậy không được, vì con người sẽ đào bới và tìm thấy nó.' Và các thần thánh đáp: 'Nếu vậy thì chúng ta liệng nó xuống dưới đáy biển sâu nhất.'

Nhưng Phạm Thiên lại đáp: 'Không, vì không sớm thì muộn con người sẽ thám hiểm tất cả những chiều sâu của tất cả các biển, và chắc chắn một ngày nào đó bọn chúng sẽ tìm thấy nó và đem nó lên mặt đất.' Và các thần thánh kết luận: 'Chúng ta không biết giấu nó ở đâu, vì không có một nơi nào trên đất hay dưới biển mà con người một ngày nào đó không tới được.' Và Phạm Thiên nói: 'Đây là điều chúng ta sẽ làm với thiên chất của con người: chúng ta giấu nó trong chỗ thâm sâu nhất của chính con người, vì đó là chỗ duy nhất bọn chúng không bao giờ tới kiếm.' Kể từ lúc đó, theo truyền thuyết, con người đã đi vòng quanh trái đất, ta thám hiểm, leo trèo, lặn lội, đào bới, để kiếm một điều gì đó có trong lòng mình. Chính điều đó là điều mà sự tập luyện tâm linh của Subud được khơi dậy nơi người được khai mở nhờ ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng Duy Nhất.

Trước Subud

Thời thơ ấu tôi không được hạnh phúc, tôi phải tự vấn về ý nghĩa của đời người. Có gì sau cái chết? Yêu, được yêu, không được yêu? Muốn, không muốn; tôi, không là tôi? Vui hay buồn trong công việc? Làm cách nào để hội giác được những bí mật của hạnh phúc, khi ta đau khổ? Có một đấng Thượng Đế? Nếu có, làm cách nào có được bằng chứng? Nhiều câu hỏi đã đi qua đầu tôi ở tuổi 18 và tìm kiếm những giải đáp xác thực. Những câu hỏi không giải đáp gâi nên ở cái tuổi đó một sự nổi loạn đầu tiên được chứng tỏ qua việc từ chối nhập vào một đội ngũ dạy cho con người cách giết những người khác.

Thời đó, trong năm 1939, tôi ở chung với song thân tại Villenaux-la-Grande, cách Paris 80 cây số. Thế nên, một ngày nọ, sau khi đã tra hỏi, tôi lên xe đạp để đi thi vào đội cứu hỏa của Paris, một đội ngũ dạy cách cứu mạng sống những người khác, hay tối thiểu cứu giúp họ. Vui và lạ thật! Trong kì thi nhập khóa, tôi đã đậu. Nhưng cuộc đời dành cho ta những bất ngờ, tới nỗi tôi đã có lần so sánh nó một sân trường rộng lớn có đầy vỏ chuối.

Đến cuối khóa, sau một cuộc khám nghiệm sức khỏe, người ta nhận thấy tôi bị tràn dịch áo tinh⁵, và sau khi qua 5 Hydrocèle

một hội đồng phục viên, tôi rất choáng váng thấy bị sa thải. Không muốn là gánh nặng cho song thân [chúng tôi là một gia đình đông người gồm 4 anh em], nên tôi kiếm việc và được nhận vào làm tại công xưởng Gnome-Rhône ở Paris. Nhưng hồi đó, tất cả lại bị đảo lộn... Đó là thời chiến trong đó giới chức trách chiếm đóng nước Pháp cần lao công ngoại quốc cho những công xưởng chế tạo vũ khí của họ. Thế nên, do tuổi trẻ của mình, tôi đã không trốn thoát được, và bị sung công đầy đi lao động tại B.M.W, cạnh trại tập trung Dachau. Người ta bảo là chúng tôi đi vài tháng, nhưng hã huyền, tôi ở đó 3 năm, trong thời gian đó tôi có rất nhiều thời giờ để suy nghĩ về ý nghĩa của đời người. Vận mệnh muốn tôi không bị giết chết trong những cuộc dội bom mà chúng tôi thường hứng chịu. Tôi có thể trở về nước Pháp bằng xe cam-nhông của quân đội, và khi đi ngang qua biên giới ở Strasbourg, tôi gặp một người lính nhận ra tôi và kêu tôi, vì trước chiến tranh chúng tôi ở cùng một làng. Anh nói: 'Mày đến từ đâu, tại sao mày ở đây?' Tôi kể lại cho anh mình trở về nước Pháp. Và anh nói với tôi: 'Nếu mày chịu, tao đưa cho mày một bức thư trao cho em gái tao, mày có thể đưa cho nó khi về.' Tôi làm kẻ đưa tin, nhưng tôi không quen em gái của anh ta, vì lúc qua Đức, tôi được 22 tuổi và cô nàng thì 13, vậy cô nàng không thuộc trong nhóm những người trẻ tôi chơi với thời đó.

Sau nhiều đợt biến trong cuộc hành trình, tôi về làng và bị một cú sốc; căn nhà chúng tôi ở với song thân không còn nữa; những cuộc dội bom đã phá huỷ nó. Nhưng khi dò hỏi, tôi tìm ra chỗ ở mới của họ cách đó 200 thước. Sau vài ngày, tôi hỏi mẹ tôi cô em gái của anh chàng tôi gặp tại biên giới ở đâu. Bà chỉ cho tôi và tôi đem bức thư được trao cho mình đưa cho cô. Cô nàng không có nhà, cô ở nơi giặt công cộng, người ta cho tôi hay; tôi đến nơi giặt; tại đó quả thực tôi trông thấy một cô gái đang giặt giũ quần áo, và đôi mắt chúng tôi bắt gặp nhau; như người ta nói, điều đó khiến tôi <giác ngộ>⁶. Tôi đưa cho cô bức thư của anh cô. Đồng thời cái nghị lực của cô gái đang giặt quần

6 Nguyên văn: cela fait tilt en moi: tôi chợt hiểu.

áo một cách kiên quyết dọc theo con suối nhỏ của làng, khiến tôi xúc động. Quan hệ giữa chúng tôi trở nên thân mật; thể thao đem chúng tôi lại gần nhau, vì chúng tôi chơi bóng rổ tại cùng một hội. Trở về Pháp, tôi quyết định bỏ việc làm trong công xưởng mà mình không thích, và theo những khóa huấn luyện tại những trung tâm chuyên môn để trở thành giáo viên về môn thể dục và thể thao, vì tôi thích thể thao. Thực tập liên miên mỗi chiều cho tới khuya, nên tôi được đền đáp qua việc thi đấu trong kì thi xảy ra ở Paris kéo dài 5 ngày; có 240 thí sinh mà chỉ có 40 chỗ làm trong học đường. Montereau là chỗ tôi được phái tới.

Những quan hệ với cô gái mà tôi được gặp trong những hoàn cảnh kì ngộ, trở nên mật thiết hơn, tới nỗi tôi xin cha cô được cưới cô, ông đã chấp thuận mà không bắt chờ đợi. Đám cưới xảy ra, nhưng hồi đó tôi làm chính trị [tôi tin chủ nghĩa cộng sản] hôn nhân của chúng tôi không nhận thánh lễ, điều đó khiến một vài người trong gia đình thấy khó chịu. Người ta phạm lầm lỗi ở bất cứ tuổi nào...

Tôi đã đổi chỗ làm, và bây giờ dạy tại École d'Électricité de France (trường điện) ở Gurcy-le-Châtel en Seine-et-Marne, với những học sinh tuổi từ 17 tới 20, và bọn chúng mến tôi. Đặt mua tập san thể dục và thể thao, tôi đọc một ngày nọ một bài viết về môn Hatha-Yoga, và lập tức mỗi sáng tôi tự tập môn thể dục thiên nhiên đó bắt đầu trong năm 1950 bành trướng ở Pháp; vận mệnh muốn tôi gặp được một vị hatha-yogi⁷ chân chính đến từ Ấn Độ. Tôi đến gặp vị tôn sư đó một hay hai lần ở Paris để hấp thụ môn thể dục mới đó. Những tiến bộ của tôi khá nhanh chóng, vì tôi có bản chất của một người rất mềm dẻo, và tôi đã đạt tới chỗ làm chủ được phần nhiều thể xác mình. Tôi rất vui mừng về điều đó. Người ta khuyên tôi trầm tưởng sau mỗi buổi tập hatha-yoga, nhưng trầm tưởng về điều gì? Tôi đặt câu hỏi đó hỏi ông thầy của mình, và ông khuyên tôi đến gặp một 'Swami' trong một 'già lam'⁸ ở Gretz.

7 Yogi: người tập yoga.

8 Ashram: tu viện.

Gretz cách Montigny-Lencoup 80 cây số, nơi chúng tôi ở hồi đó. Sau khi hẹn gặp nhau, tôi lại lên xe đạp đến gặp Swami Siddeshwarananda. Tôi được nồng nhiệt đón tiếp, giải thích hoàn cảnh của mình, và cũng nói là mình muốn theo một tôn giáo, vì kể từ cái lễ ban thánh thể đầu tiên của mình, tôi đã không trở lại Giáo Hội; tôi là một kẻ vô thần. Sau khi nghe tôi trong một lúc lâu, Swami nói với tôi: 'Ở đây chúng tôi không truyền thụ tôn giáo, chúng tôi dạy cái truyền thống của Vedanta'⁹

Ông bắt đầu truyền cho tôi những lối tu tập của pranayana, lối tham thiền, cho tôi một ngữ mật¹⁰ khuyên tôi đọc một vài cuốn sách, nhất là cuốn về cuộc đời vị thánh đạo Hindu là Ramakrishna, cuốn Mandukya Upanishad và một vài cuốn khác.

Vui mừng vì cuộc hội kiến đó và muốn thực hành cái giáo lí mới đó, tôi xây một cái nhà thờ riêng nhỏ bé trong tầng trên cùng của căn nhà, nơi chúng tôi ở, và mỗi sáng, thức dậy trước khi mặt trời mọc, tôi tập một giờ hatha-yoga, tập những lối hô hấp người ta khuyên tôi làm, tọa thiền và đọc các thánh thư.

Điều đó kéo dài 7 năm trời. Cái thời kì đó, về phương diện thể chất nên khiến tôi được mềm dẻo nhiều, làm chủ được thân xác mình, khiến trí thức tôi có những hiểu biết mới về những giáo lí đến từ phương Đông, thì nó cũng là điều không hoàn toàn thích hợp với đời sống gia đình, vì tôi có nhiều xu hướng tự cô lập mình, và hơi bỏ bê bà vợ và những đứa con mình. Thực ra, tôi bắt buộc phải ngưng tập tất cả những lối tập của nhu đạo [tôi muốn đoạt được đai đen trong năm 1954], tất cả những lối tập hatha-yoga và pranayama mà tôi đã tập quá mức, mặc dù sự cảnh cáo của Swami. Thực vậy, khi hàng năm các giáo viên được khám sức khoẻ, chụp tia X cho thấy tôi bị hang phổi. Lòng kiêu hãnh của tôi bị một vỡ rất nặng. Ông bác sĩ khải ái Kanoni muốn tôi vào bệnh viện tư của ông tại Melun.

9 Triết thuyết thuộc truyền thống của kinh Vệ Đà cho Brahman (Trời) và Atman (linh hồn) chỉ là một.

Tôi từ chối và hứa với ông là sẽ tự chữa bệnh cho mình bằng cách nghỉ ngơi, nằm dài 18 giờ trên 24 giờ. Tôi nói rõ cho ông hay mình ăn chay; bà vợ tôi hỏi ông có phải vì vậy mà tôi bị bệnh phổi không. Ông mỉm cười và nói cái chế độ (ăn uống) của chúng tôi không liên quan gì tới cái hang phổi đó. Nhưng dù sao, ông cũng khuyên tôi ăn một miếng bít tết ngựa mỗi tuần. Tôi đã nghe lời ông. Nghiên cứu triết học Vedanta giúp tôi nhiều trong việc chấp nhận căn bệnh của mình; tôi nói với ai muốn nghe mình: phổi đã mắc bệnh, chứ không phải là cái 'Tôi'; đó là căn bệnh của phổi, không phải là căn bệnh 'Của Tôi', một căn bệnh mà tôi không muốn bám vào; tôi như không màng tới, điều khiến bà vợ tôi ngạc nhiên; tôi làm tất cả những điều có thể làm để được lành bệnh, có nghĩa là đừng quan trọng hóa, và nằm dài 18 tiếng trên 24 tiếng. Trong lúc tôi nghỉ ngơi, có một vị hatha-yogi tới thăm tôi, một Swami cư ngụ trong cái già lam ở Gretz; ông chỉ cho thấy những động tác hatha-yoga nguy hiểm, vậy những cái đó thì đừng làm. Hơn nữa, mỗi sáng tôi đều tắm gội trong nước lạnh, trong một chậu gỗ mà tôi đã làm, và xoa bóp bụng. Chính ông, lúc 20 tuổi, cũng đã bị bệnh phổi, và đã được lành bệnh như tôi đã làm, có nghĩa là không dùng thuốc men, mà chỉ có một muỗng cà phê chất sét màu xanh lá cây¹¹ (1) [đã được phơi nắng] trong một li nước uống, mỗi sáng liên tiếp trong 21 ngày, rồi ông ngưng lại trong 9 ngày, và tiếp tục trở lại.

Ông bác sĩ khả ái theo dõi tôi đã ngạc nhiên về cái tinh thần của tôi, và đến thăm tôi. Ông bảo tôi biểu diễn cho ông một vài 'asana'¹²; ông nói với chúng tôi: 'Nếu tất cả các bệnh nhân đều như ông, thì bảo hiểm xã hội sẽ không bị thâm thủng, và các y sĩ sẽ bớt việc làm.' Trong ngày đó, chúng tôi đã trò chuyện về triết học: thực tế và bề ngoài, vấn đề trọng yếu của mỗi cá nhân. Bàn rộng về đề tài đó trong cuốn sách này là điều vô ích, vì sự hiểu biết đó thuộc lãnh vực của cảm giác, không là sự suy đoán của trí thức. Mỗi sáng tôi đến thăm ông bác sĩ đó và nói với ông:

11 Argile verte

12 Những tư thế của hatha yoga

'Cái hang đang khép lại,> và thực vậy quang tuyến X cho thấy cái lỗ đó đã khép lại mà không dùng bất cứ thuốc men nào, nhưng với một tinh thần quyết tâm lành bệnh. Thế nên, trong vòng một vài tháng, tôi khỏi bệnh.

Tôi tiếp tục theo những lối tu tập tâm linh của mình, mà không tập những lối của hatha-yoga cấm không được tập trong lúc bệnh.

Năm 1957 Swami Sideswarananda qua đời; trước đó ông đặt cho tôi cái tên là Dharmadas, có nghĩa là 'tôi tớ của Dharma' và 'được Dharma phục vụ'. Sự qua đời đó là một cú sốc đối với tất cả những người là đệ tử của ông. Tôi đến Gretz để được nhìn ông trong quan tài, đứng một hồi lâu nhìn khuôn mặt của ông, và tôi thấy mình nhớ ông; thế nên, mỗi tháng sau khi tập thiền, tôi đòi hỏi có một vị hướng đạo tâm linh mới. Phải nói là tôi đã bỏ tất cả những hoạt động chính trị, vì điều đó không phù hợp với lối suy tư mới và nhân sinh quan của tôi. Tôi bắt đầu tin ở Thượng Đế, nhưng đó chỉ là một tín ngưỡng thiếu bằng chứng.

Một buổi sáng, tôi cảm thấy trong lòng mình sự im lặng của nội tâm, nhưng đó là một sự im lặng thiếu năng lực của sự sống. Trực diện cái kinh nghiệm yên lặng đó, tôi cảm thấy còn thiếu điều gì đó. Tháng 8 năm 1959, một người bạn Phật giáo đã truyền thụ cho tôi một vài lối thiền định của đạo Phật, say sưa viết thư cho tôi: 'Đến đây đi, tôi có một cuốn sách mà anh sẽ thấy thích, điều đó liên quan tới một hiền giả của Đông phương, đó là điều chúng ta cần.' Người bạn đó cũng như tôi đang tìm kiếm một vị hướng đạo tâm linh khác, vì anh cũng là một đệ tử của Swami Sideswarananda. Chủ nhật kế tiếp, vẫn đi xe đạp, tôi đến Gretz để đọc cuốn sách đó: cuốn <Nguồn Đại Sinh Lực> của John Bennett; tôi đọc xong trong một đêm, và đến sáng, tôi nói với anh bạn đó: <Đúng vậy, đó là điều chúng ta cần! Làm sao nhận được sự giao tiếp mà cuốn sách đó nói tới? Tôi muốn gặp cái ông Subud đó> Anh khuyên tôi biên thư cho một người liên lạc với ông Bennett, và ông Bennett biết khi nào Bapak Subud đi ghé

qua Pháp cuối tháng 11 năm 1959; tôi viết thư một lần nữa, yêu cầu được nhận sự giao tiếp của Subud, khi người ghé qua Pháp. Tôi chờ đợi mà không được biết một chút gì về Subud, nóng lòng muốn tiếp nhận cái Nguồn Đại Sinh Lực đó, nhưng tôi phải kiên nhẫn và chờ đợi 4 tháng.

Latihan đầu tiên của tôi với Bapak và 50 người anh em khác

Một lần nữa, tôi lập tức lên xe đạp để lấy chuyến xe lửa đi đến một chỗ cách 12 cây số, ở Montereau pour Paris. Nhưng lần này, tôi cảm tưởng mình có cánh bay! Tôi được phóng mạnh tới Bapak. Toàn thân tôi đều muốn nhận được sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế. Bởi mặc dù lối tập thiền định và việc đọc những thánh thư của mình, trong lòng tôi có vô số những mâu thuẫn tạo nên tình trạng nội tâm bị rối loạn. Thế nên, tôi đến với Subud như với một phao cứu đắm. Tôi không bất hạnh, nhưng trong lòng mình có điều gì thiếu thốn; cuộc tầm đạo của tôi không được thỏa mãn. Và tôi ước mong được một sự hiểu biết thực dụng thâm sâu hơn.

Tôi luôn là một người thực tế thích hiểu biết sự sống và những bí ẩn của nó qua kinh nghiệm hơn là qua những ý tưởng và những điều nghe người ta nói. Cái kinh nghiệm Subud có vẻ thích hợp với mình, và tôi rất muốn thử nó, không phải do hiếu kì, mà do một nhu cầu thâm sâu, không

cưỡng lại nổi, của nội tâm. Thế nên, tôi đến Paris một cách cương quyết và không chút lo sợ, sẵn sàng nhận sự giao tiếp đó. Nếu hiện nay tự hỏi mình về sự sốt sắng đó, tôi lấy làm lạ tại sao mình vừa được Subud hấp dẫn, vừa được thúc đẩy tới đó một cách vui vẻ và tự do; đối với tôi Thượng Đế như một nam châm vĩ đại thu hút mình tới Ngài. Đó là bởi vì lúc khoảng 18 tuổi, tôi tự vấn về cuộc đời, về con người. Nói thực ra mình may mắn được đau khổ trong thời niên thiếu, được đau khổ trong lúc bị lưu đày, có vẻ là điều khôi hài, tới nổi cuộc đời đối với tôi không có ý nghĩa, nó khiến tôi thất vọng, và đối với loài người thì cũng thế, tôi bơi lội trong một vũng bùn, và ước mong bơi lội trong nước trong mát. Tôi có một nhu cầu thâm sâu kiếm được một điều gì đó khác trong cuộc sống này, một điều cho phép tôi hiểu được nó, chấp nhận nó, thích nghi với nó, nghiệm được nó trong sự an lạc và hạnh phúc.

Khi trở về nước từ Đức, tôi tin tưởng chính trị và tranh đấu trong lòng một đảng phái, nhưng ngay cả trong điều này, tôi cũng đã không tìm thấy giải đáp cho sự tìm kiếm của nội tâm. Chính lúc đó là lúc tôi gặp những người đến từ phương Đông, những người qua gương mẫu của họ, qua giáo lí của họ, bắt đầu cho tôi thấy được quả thực có những điều khiến ta hiểu biết được sự an lạc đó, cái hạnh phúc mà Thượng Đế ban cho những kẻ quy phục Ngài. Nếu trước kia đọc những sách về chính trị, những cuốn sách tôi đọc đã thay đổi chiều hướng; tôi đọc về cuộc đời của các vị thánh của đạo Hindu, đạo Hồi, đạo Ki Tô, đạo Phật, vân vân... Song song với điều đó, tôi nghiên cứu Áo Nghĩa Thư¹³, triết học Vedanta, Phật giáo, Lão giáo.

Nhưng tất cả những cái đó chỉ là ý tưởng; tôi vẫn còn tìm kiếm sự thức tỉnh của nội tâm, sự khai mở mà tôi đọc được những điều thuật lại trong nhiều tác phẩm, nhất là cuốn về cuộc đời của Ramakrishna, của thánh Jean de la Croix, của thầy dòng Laurent de la Résurrection và nhiều vị thánh khác.

Những giao du của tôi cũng thay đổi, điều đó đương nhiên.

13 Upanishad: thánh thư của đạo Hindu.

Tôi lại đến Paris, trong một căn phòng rộng lớn đằng sau đại lộ Les Champs Élysées. Tôi đến đó với anh bạn Phật giáo, với người em mình là Robert, và khoảng 50 người khác. Chúng tôi đang ngồi thì Bapak đến với cái dáng điệu điềm tĩnh và oai vệ của người; người nói chuyện một lúc với ông Bennett, ông này bảo chúng tôi: 'Những người chưa tiếp nhận latihan hãy đứng hàng đầu, cách nhau vài thước'. Vậy, tôi thuộc những kẻ đứng đầu đối diện với Bapak đang nói năng rồi được ông Bennett dịch: đó là những lời khuyên giúp ta trong trạng thái nội tâm tiếp nhận được latihan kedjawan Subud. Latihan bắt đầu, và hầu như tức khắc tư tưởng của tôi đứng lại. Tôi quan sát như một khán giả sáng suốt, trong lúc nghe những người anh em của mình đang tập latihan trong phòng, mà không bị điều đó làm phiền mình; đột nhiên, trong lúc mắt mình nhắm, tôi trông thấy đến từ phía xa thật xa một sao băng to lớn xoáy với một tốc độ thật nhanh, và cái đó đến thẳng phía tôi. Nó đi rất nhanh, và tôi không có thời giờ hỏi coi nó có đập thẳng vào mặt mình không; tôi rùng mình không vì sợ hãi mà vì một nỗi vui vô tận; một hạnh phúc tràn trề xâm nhập vào tôi, cũng như vào tất cả những tế bào của cơ thể, và trong đầu tôi có một sự say sưa êm dịu, một nỗi cực lạc chưa từng cảm thấy trước đây. Điều đó rung động khắp nơi trong nội tâm; có điều gì mới lạ xảy ra trong lòng tôi, điều gì bất ngờ, nhưng đó lại là điều tôi tìm kiếm mà không từng biết nó. Tôi bình tĩnh quan sát cái đại hạnh phúc đó đang xâm chiếm mình. Kế đến tôi cảm thấy dâng lên một cái cười bao la. Trong tôi tất cả đều cười! Sao mà vui thế! Nó cười và cười... Một nỗi vui tràn trề thực sự, một sự bùng nổ đích thực... Như vậy mới là được giải thoát! Cái cười đó lắng xuống, khi tôi cảm thấy chỗ cuối nhất của xương sống phát điện, như mình bị cắm vào một phích điện; luồng điện đó nhanh chóng chạy khắp toàn thân tôi, và tôi trở nên nhẹ nhõm, nhẹ nhõm... Cánh tay tôi tự động đưa lên mà không có sự tham dự của ý chí: tôi như được kéo lên phía trên.

Thực ra, tôi đang phụng thờ Thượng Đế trong một niềm hạnh phúc có tính cách tự nhiên. Toàn thân tôi rung động

dưới sự thúc đẩy của cái năng lượng đó. Tôi đã quên cả cái ý niệm về thời khắc, như mình ở ngoài thời gian. Tôi đang triệt để hưởng thụ sự ngây ngất đó, khi chợt nghe thấy một tiếng nói: 'Chấm dứt.' Trời, đã xong rồi! Một cách luyến tiếc, tôi để cánh tay mình hạ xuống trở lại; cái sức mạnh xâm chiếm tôi đi mất như khi nó đến. Tôi mở mắt, tôi đứng một mình giữa phòng. Bapak, ngồi trên một chiếc ghế tại một góc của căn phòng, đang thông thả hút một điếu xì gà.

Tôi thật vui mừng đi về phía Pierre, ông em tôi, và người bạn đã dẫn tôi vào Subud, tôi nói với họ: 'Thật tuyệt diệu, đó là niềm sung sướng hoan hỉ mà tôi tìm cách đạt được qua những lối thiền định của Phật giáo, nó có thật!' > Anh bạn đó cho tôi là điên rồ; tôi không hiểu tại sao anh lại nói vậy! Ôi, điên rồ êm dịu đó... Sau 27 năm còn khiến ta mong chờ¹⁴. Khi Bapak đứng lên để đi khỏi căn phòng, tôi đến trước mặt người để cảm ơn bằng cách bắt tay người; tôi vẫn còn giữ một kỉ niệm sống động và cảm động về việc đó.

Đã muộn rồi và ngày mai đi làm, nên tôi về bằng xe điện ngầm, xe lửa, và đạp xe đạp tới Montigny, nơi bà vợ tôi đang chờ tôi để biết coi điều đó đã xảy ra như thế nào. Tất nhiên, lúc về nhà tôi vui vẻ. Tôi chưa từng được thanh tịnh như vậy. Tôi cảm tạ Thượng Đế về việc Ngài đã ban ân huệ cho tôi. Nó có thật! Đêm kế tiếp và trong khoảng một tháng, đôi khi tôi có cảm tưởng rõ rệt như trôi nổi trong một nguồn sáng có màu trắng của bông lót nệm, có những đêm êm dịu trong đó tôi ngủ ít. Tất nhiên là vậy, tôi kể những kinh nghiệm của mình cho Renée, bà vợ tôi, bà ấy hỏi tôi: 'Thế nào, kể lại đi, điều đó xảy ra như thế nào?' Điều này không thể tránh được, bà ấy cũng nói: <Cha này khủng rồi,> và không mảy may tin một chút gì những điều tôi kể lại về cái latihan [sự tập luyện] tâm linh Subud đầu tiên của tôi.

14 Nguyên văn: Ô douce folie...qui après 27 ans demeure! Có lẽ đây là câu thơ của một thi sĩ hay một lời ca của một bài hát. Latihan đầu tiên của tôi với Bapak và 50 người anh em khác

Một buổi chiều, trong khi tôi lên giường ngủ, Renée đã khiến tôi ngạc nhiên khi nói: 'Thôi được, em cũng muốn nhận được sự giao tiếp đó, cái Quyền Lực của Thượng Đế Toàn Năng.> Sở dĩ vậy vì bà ấy muốn tự mình biết được điều đó thực sự đến từ Thượng Đế hay không, và không do tưởng tượng của tôi hay do một pháp thuật nào đó. Năm 1959, chúng tôi không biết là người chồng không được truyền sự giao tiếp đó cho vợ mình [ngay cả khi đọc được điều đó trong tác phẩm của ông Bennett, tôi cũng đã quên]. Thế cho nên, không chút đợi chờ, tôi liền nói bà ấy: 'Vậy thì em hãy đứng đó, đừng suy nghĩ tới bất cứ gì, hãy giao phó mình cho Quyền Lực của Thượng Đế.> Và latihan bắt đầu. Vậy, tôi tập latihan mà không tìm cách ảnh hưởng tới bà ấy, vì tôi biết quả thực ta phải trống rỗng không có một chút ước muốn, một chút tình cảm, không có chút gì là những ngoại xuất của trí tuệ. Latihan kéo dài nửa tiếng đồng hồ, rồi chúng tôi ngồi xuống; tới phiên tôi nói với bà ấy: <Anh có khùng không?> Bình luận về latihan mình, Renée nói với tôi: 'Lúc đầu latihan, em không nhận được gì hết, nghĩa là không có bất cứ biểu hiện nào được cảm thấy, và em tự nói với mình: chẳng có gì hết! Nhưng ngay khi nói điều đó, phải nói là có một lúc quy thuận; trời ơi, em cảm thấy một sự rung động trong cánh tay, cánh tay đó đưa lên từ phía bên cạnh mà không có sự tham dự của ý chí; thế nên, dùng ý chí, em mãnh liệt hạ cánh tay xuống; nhưng nó lại đưa lên, và ngay khi đó, latihan chấm dứt. Nhưng, bởi luôn luôn có cái 'nhưng', trong đêm kế tiếp, Renée thấy rất đau cánh tay, cái cánh tay đưa lên trong latihan mà bà đã dùng sức mạnh để hạ nó xuống. Do đó chúng ta phải để cho những cử động đến trong latihan được tự nhiên. Một vài ngày sau, chúng tôi cả hai tập một lần nữa cái latihan thứ nhì của mình [tuy chỉ có 'một' trong lúc phụng thờ Thượng Đế] và lần này không còn nghi ngờ tôi nữa [vì ban đầu bà nghĩ là tôi muốn thôi miên bà, hay làm điều gì như vậy]. Renée quy thuận một cách hoàn toàn tin cậy và chân thành, và lạ thay, bà vợ tôi, một người kể từ thuở niên thiếu đã được nuôi nấng trong một môi trường vô thần, cảm thấy trong cái latihan đó hai cánh tay mình đưa lên, hai bàn tay chắp

vào nhau, trong một tư thế tự hạ mình trước Thượng Đế. Latihan chấm dứt, tôi nói với bà: 'Em có cảm thấy điều gì không?' Bà nói: 'Em nghĩ có một điều gì chúng ta nhận được mà không lệ thuộc ý chí.' Vui mừng vì biến cố đó, tôi viết thư cho người anh em ở Paris đã dẫn mình vào Subud, báo cho anh hay cái tin vui: bà vợ tôi đã được dẫn tới quyền năng của Thượng Đế trong Subud; tôi mời anh đến Montigny-Lencoup. Anh đến tuần kế tiếp, không phải để chúc mừng tôi, mà để nói với tôi là tôi đã phạm một lỗi lầm lớn: 'Ta không được khai mở vợ mình.' Anh cho tôi địa chỉ của một người chị em ở Paris, và Renée đến đó để được 'chính thức' khai mở theo những nguyên tắc của Subud. Kể từ lúc đó, chúng tôi không bao giờ tập chung latihan.

Chúng tôi tập latihan hai lần mỗi tuần, và mỗi lần một tháng tôi lên Paris đến phòng Mendel, nơi chúng tôi được 4 hay 5 người. Phải nói là tôi đã phạm một lỗi lầm khác, đó là việc khai mở cho anh bạn trẻ Pierre, hồi đó anh được 18 và 19 tuổi. Pierre là một trong những học sinh của tôi về môn thể dục và nhu đạo. Những suy tư của tôi đã khiến anh thích thú, tôi dẫn nhập anh vào môn hatha-yoga và việc tìm kiếm sự im lặng của nội tâm. Sau đó, khi trở về Paris, tôi kể cho anh nghe cái kinh nghiệm tuyệt diệu của mình với Bapak, và Pierre đã nói với tôi: 'Đó đúng là điều tôi đang kiếm.' Anh đã được <khai mở> trong khi tôi chưa là phụ tá, vì tôi được biết là chỉ có phụ tá mới có trách nhiệm là người làm chứng cho việc truyền thụ sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế trong Subud, theo những chỉ dẫn của Bapak. Những phụ tá ở Paris được cho hay về điều đó, đã đến gặp chúng tôi và hợp thức hóa cái tình trạng đó, và Pierre có thể tiếp tục tập latihan.

Tháng 7 năm 1960 tôi dự ở Paris cuộc họp đầu tiên của Subud Pháp, với sự hiện diện của Sjafrudin, một trong những phụ tá Nam Dương đầu tiên của Bapak, nhân dịp đó tôi xin được đàm thoại với ông, vì trong 8 tháng vào Subud, chúng tôi đã có nhiều chứng nghiệm phi thường, Renée và tôi. Trong ít nhất hai tiếng đồng hồ, Sjafrudin

đã giải đáp một cách uyên thâm tất cả những câu hỏi mà latihan đã khơi dậy trong lòng chúng tôi. Thuật lại những điều đó nơi đây là vô ích, vì hiện nay chúng ta có những bài nói chuyện của Bapak và ngay cả một tác phẩm: 'Những giải đáp của Bapak cho hội viên' mà ta chỉ cần đọc. Nhờ vậy, nhiều lầm lỗi và vấn đề có thể tránh được đối với những người đã vào Subud và chịu khó bỏ thời gian đọc lại cuốn đó thường xuyên.

Latihan Kedjiwan Subud

'Latihan' là một từ Nam Dương có nghĩa: tập luyện, thực tập. Kedjiwan: tâm linh, thuộc lãnh vực linh hồn. Thông thường người ta hiểu tập luyện là một điều gì mà một người nào đó dạy cho một người khác những điều mình đã học được và có lợi cho mình, nhưng chúng ta được biết rằng mỗi người trong chúng ta khác biệt nhau [ngay cả trong một gia đình], đều có thể là tốt với một cá nhân nào đó không nhất thiết là như vậy với một cá nhân khác. Cha mẹ biết rõ là phải có một thái độ khác nhau với mỗi đứa con. Tất cả những điều đó có ý nói là không một cá nhân nào có thể dạy cho một cá nhân khác cách trở nên khá hơn, cách trở nên một người tốt, được may mắn và hạnh phúc.

Trong quá trình của sự tập luyện tâm linh mà chúng tôi gọi là latihan, chúng tôi không phải làm theo hay bắt chước theo bất cứ ai. Người ta không nói với chúng tôi: bạn phải làm điều này điều nọ, hay giữ tư thế này tư thế nọ, hoặc lặp lại tụng niệm này tụng niệm nọ. Chúng tôi cũng không phải tuân theo một nghi thức có tính chất tôn giáo, hay một nghi lễ được chỉ thị trước đó. Chúng tôi không phải quan tâm tới những gì sẽ xảy ra trong lúc tập. Người ta chỉ đòi hỏi chúng tôi đừng định tưởng hay trầm tư về bất cứ gì. Nhưng nếu thế thì các bạn sẽ nói là

'Còn gì để làm nữa? Chẳng có gì hết! Hoàn toàn không có gì hết! Cứ giao phó mình cho Quyền Lực của Thượng Đế hoạt động trong lòng mình trong lúc tập. Sự giao phó đó không do thôi miên, hay một ảnh hưởng thần thông nào đó, gây nên. Không, trong Subud trái lại tuyệt đối không có gì là thần thông. Nói tới thần thông, ta phải hiểu đó là ảnh hưởng của một cá nhân này tới một cá nhân khác qua quyền lực cái ý chí của chính mình. Trong Subud tất cả những gì là thần thông không thể có được, nếu không thì đó không là latihan kedjiwan Subud, mà là điều gì khác với lối tu tập của chúng tôi.

Trong suốt lúc tập, nửa tiếng đồng hồ, ý thức của chúng tôi hoàn toàn thức tỉnh, sự sáng suốt của chúng tôi hiện diện và trong sáng; chúng tôi cảm thấy quả thực có điều gì xảy ra trong lòng mình, không lệ thuộc lối hành xử thông thường của ý chí.

Chúng tôi nhận thấy có một sức mạnh thanh khiết khiến mình cử động, và điều đó để chúng tôi được thanh lọc, tới nỗi sau mỗi xuất latihan, chúng tôi cảm thấy vui sướng, nhẹ nhàng, đôi khi có một tình thương nồng nhiệt có tính cách tự nhiên đối với tất cả những người chung quanh mình, điều này phần nhiều thường là kinh nghiệm của tôi và nhiều anh em khác. Sự yên tịnh của nội tâm dần dần phát huy đó là điều hiện diện trong lòng chúng tôi trong ngày, nó giúp chúng tôi chấp nhận những trạng huống khó khăn mà không rời xa sự điềm tĩnh đó.

Trong trạng thái nội tâm trống không, có nghĩa là sự trống không giữa hai tư tưởng, chúng tôi cảm thấy [tôi nói rõ 'chúng tôi cảm thấy', chứ không 'chúng tôi suy diễn'] nảy sinh trong lòng mình một sự sống mới, một con người mới, thực ra đó là người bạn thân nhất của mình, một người bạn đồng hành luôn luôn ở bên mình. Và chính lúc không tìm kiếm người bạn đó, thì đột nhiên trong một trạng thái phó thác:

Ừa, người đó đã có đây, người đó luôn luôn có đây! Cuộc

gặp gỡ đó là một hồi ức kì diệu nhất, phi thường nhất mà một cá nhân, bất cứ người đó là ai và ở đâu, có thể thực hiện được. Bởi một khi được như vậy, nó sẽ lặp lại, và ta không bao giờ thấy mình đơn độc. Thế nên, ta có thể hiểu được cái mệnh lệnh của Thượng Đế: 'Hãy yêu thương người khác như yêu thương chính mình.' Theo kinh nghiệm, chúng tôi biết được trong latihan nếu mình muốn điều gì đó với ý chí, trí tưởng tượng, thị dục mình, chúng tôi làm latihan ngưng lại, nghĩa là chúng tôi không còn tiếp nhận được bất cứ gì: không có cử động, không có ca hát, không có nhảy múa, không có gì đến từ một nguồn ngoài năng lực của cá nhân mình. Nhưng nếu trái lại chúng tôi khiến nội tâm mình trống không mà không lo sợ gì, không suy nghĩ tới bất cứ điều gì, nghĩa là trí tưởng tượng của chúng tôi được yên nghỉ, thì Sự Sống trở lại trong lòng chúng tôi, điều đó động đậy và mỗi người tiếp nhận được điều mình cần tùy theo nhân cách chân thực của mình, và đó là điều cốt yếu của sự phụng thờ Thượng Đế bởi những người nam và nữ kể từ thời của Abraham, Moses, Jesus Christ và Muhammed.

Bapak nói với chúng tôi là khi đức Ki Tô nói chuyện trước đám đông tụ họp dưới chân ông, có nhiều người đã khóc, thấy vui sướng, ca hát, nhảy múa. Điều đó không xuất phát từ ý chí của chính họ; họ đã không giả bộ. Ý muốn của Thượng Đế biểu hiện trong lòng họ, vì họ đã thực sự quy phục và tin cậy. Trong Subud thì cũng thế, khi chúng tôi thực tâm quy phục ý Thượng Đế. Vậy, Subud không là điều gì mới lạ, hiểu theo nghĩa là trong những thời xa xưa thiên hạ đã phụng thờ Thượng Đế một cách tự nhiên, cũng y như vậy. Do đó mà có câu nói: 'Quyền Lực của Thượng Đế ở trong lòng các bạn, và mỗi lần các bạn phiền não, mỗi lần các bạn đau khổ, hãy chạy tới Quyền Lực của Thượng Đế.'

Mới hôm qua, chúng tôi đã kiểm chứng được cái chân lí đó. Một người anh em của chúng tôi nằm bệnh viện tiếp theo một tai nạn; anh bị gãy chân. Sự việc đã được sắp xếp để anh nằm trong một căn phòng riêng biệt. Chúng

tôi đến thăm anh với một người anh em khác, vì người ta khuyên chúng tôi đến thăm người bệnh để tập một latihan gần họ. Khi chúng tôi vào phòng, anh đang ngủ, kiệt sức, vẻ nhìn đau buồn và chết lịm. Tôi ngạc nhiên và hỏi anh điều gì đã xảy ra. Người ta nói với tôi là anh đã bị tiêm chích, và điều đó khiến anh bất tỉnh và bất động. Chúng tôi đề nghị làm một latihan, điều mà anh chấp nhận. Anh nằm trên giường; với người anh em đến chung, chúng tôi làm một latihan khoảng nửa tiếng đồng hồ. Lạ thay! Anh bắt đầu cười, vui mừng lấy lại được <thần hồn> và cái tính vui thông thường của mình; mắt anh trong sáng trở lại như mắt một đứa bé. Thượng Đế đã lấy đi sự phiền não của anh, mà chúng tôi đã không làm bất cứ gì cho anh, ngoài việc có mặt với Quyền Lực của Thượng Đế, để cho Nguồn Đại Sinh Lực tuôn chảy.

Thiên hạ hỏi Subud có là một tôn giáo mới không. Câu trả lời thật đơn giản. Subud không thể là một tôn giáo mới: không có nghi thức, nghi lễ, lí thuyết, những giáo lí Cơ Đốc phải học thuộc lòng. Thế nên, trong hội của chúng tôi có những người thuộc mọi tôn giáo, mọi tầng lớp, mọi chủng tộc, có người nghèo cũng như người giàu. Mỗi người nhận được của Thượng Đế tùy theo tín ngưỡng mình và thuận với bản tính mình.

Đối với tôi, trước khi vào Subud, tôi không hề có ý tìm kiếm Thượng Đế, mà là sự an lạc trong lòng mình, ánh sáng, hạnh phúc.

Và tôi không lấy làm lạ trong cái latihan đầu tiên của mình, ánh sáng là điều tôi thấy và nổi vui thanh khiết được giải thoát khỏi mọi cuộc tìm kiếm. Trong sách báo Subud có kể về một vị 'maharishi', một người đã nghiên cứu đạo Phật trong nhiều năm và tập thiền định, vào Subud và nhận được sự giao tiếp với Nguồn Đại Sinh Lực; độ một lúc sau, trong khi đang trong trạng thái yên tĩnh và không tìm kiếm bất cứ gì, ông trông thấy đức Phật tỏa chiếu trước mặt. Ông lập tức quỳ xuống và phụng thờ. Đó là thời kì Bapak ghé qua New Delhi trong một khoảng

thời gian ngắn. Vị maharishi đó đến gặp Bapak để cảm ơn người về việc đã hướng dẫn và dẫn dắt mình tới chỗ có thể tìm thấy điều mình luôn luôn mơ ước trông thấy, đó là đức Phật tỏa chiếu ánh sáng.

Thế nên, Subud là một sự tập luyện mà thực chất là điều Thượng Đế muốn. Đó là một con đường thích nghi với hiện trạng của nhân loại. Ta hiểu được dễ dàng là Subud, nhờ Thượng Đế, giúp cho tín đồ của một tôn giáo hiểu được thực tại của tôn giáo mình. Đó là điều người Hồi giáo gọi là 'Hakekat'. Mọi sự việc đã được tất cả các vị thiên sứ giảng dạy, những vị mà nhân loại đã biết tên tuổi. Hiện nay điều cốt yếu là thực hành những giáo lí đó trong đời sống hàng ngày, nghiệm được cái thực tại của nó mà không tự cô lập mình bằng cách trốn tránh cái xã hội trong đó mình sống.

Subud không là một cộng đồng của những người sống chung nhau đằng sau những bức tường cao, người này cạnh người kia, nhà này đối nhà nọ. Latihan được tập theo nhóm hai lần mỗi tuần, và sau một vài tháng ta được khuyên tập một xuất thứ ba ở nhà. Ngay khi nhiều người cùng một địa phương vào Subud, họ có thể lập nên một nhóm.

Ở Pháp tất cả các nhóm đều gắn liền với Hiệp Hội Subud Pháp hiện có trụ sở ở Paris, và được Đạo Luật 1901 về các hiệp hội chi phối. Những điều lệ của hiệp hội phù hợp với những đạo luật của nước Pháp. Tuy thế, một phần dẫn nhập, được tất cả các quốc gia trên thế giới công nhận, được phụ thêm vào những điều lệ đó.

Những văn bản đó được khai tại sở cảnh sát Paris ngày 16 tháng 5 năm 1968. Đây là phần dẫn nhập được chấp nhận nhân đại hội của Hiệp Hội Subud Pháp: 'Chúng tôi công nhận latihan kedjawan mà chúng tôi tiếp nhận và theo tập, trên thực tế chỉ xuất phát từ việc chúng tôi chân thành quy thuận sự vĩ đại của Thượng Đế Toàn Năng.'

Nói một cách rõ hơn, khi chúng tôi chân thành giao phó

mình cho sự vĩ đại của Thượng Đế Toàn Năng, tâm và trí chúng tôi, thường có đầy những tưởng tượng và ý nghĩ đủ loại, được yên tĩnh một cách tự nhiên, đồng thời nội cảm của chúng tôi bắt đầu rung động. Sự rung động đó của nội cảm biểu lộ dưới hình thức những cử động mà chúng tôi gọi là latihan. Trong trạng thái đó, chúng tôi nghiệm được sự yên nghỉ của tư tưởng và trí tưởng tượng, nội ngã chúng tôi trở nên yên tĩnh và sáng suốt, tới nỗi chúng tôi luôn có thể quan sát những cử động mà thực chất là điều hướng dẫn chúng tôi trong sự phụng thờ Thượng Đế.

Kết quả của những kinh nghiệm nhận được trong latihan là chúng tôi biết chắc mình chỉ phụng thờ Thượng Đế Toàn Năng, và tin chắc chỉ Ngài mới có thể hướng dẫn mình. Thượng Đế có thể sửa đổi những khuyết điểm của chúng tôi, và nâng cao nội cảm chúng tôi, linh hồn chúng tôi, theo ý Ngài. Thượng Đế giúp chúng tôi xua đuổi những sự giả tạo mà chúng tôi đã chõng chắt qua cách cóp nhặt của xã hội, để cái tôi chân thực của chúng tôi được phát huy. Đó là cái latihan kedjiwan Subud mà chúng tôi theo tập, chúng tôi được dẫn tới cái nhân cách chân thực của mình trong sự thanh cao của linh hồn, theo ý Ngài. Bởi cái latihan kedjiwan mà chúng tôi tiếp nhận, tồn tại nhờ ân huệ của Thượng Đế. Thế nên, chúng tôi nhường cho ý muốn của Thượng Đế cách truyền bá latihan kedjiwan khắp thế giới.

Tuy nhiên, chúng tôi là những con người sống trên cái thế giới này, và chúng tôi cần mặc quần áo, ăn uống, chúng tôi phải quan tâm tới những điều kiện của đời sống vật chất. Thế cho nên, ngoài việc phụng thờ Thượng Đế, chúng tôi cũng cần lập nên một tổ chức cho phép mình đáp ứng những nhu cầu của hội, thể theo những tập tục thông thường của những con người sống trên thế gian này. Tất nhiên, những thể thức của cái tổ chức đó phải thích ứng với những hoàn cảnh của xã hội và những luật lệ của đất nước chúng tôi. Những điều lệ của hiệp hội chúng tôi lưu ý tới điều đó, cũng như đến những nguyên tắc và mục tiêu của Subud.

Sau khi nhận được sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế và chấp nhận những điều lệ cùng với những điều trong phần dẫn nhập, chúng tôi trở thành hội viên của hội tâm linh Subud. Người ta đòi hỏi hội viên điều gì? Tập latihan đều đặn hai lần mỗi tuần với nhóm gần nhất, và đóng góp một số tiền tối thiểu dùng vào việc thuê phòng tập và những nhu cầu khác của hiệp hội. Sau một khoảng thời gian, một vài người cảm thấy nhu cầu lãnh một trách nhiệm trong một hội đồng có trách vụ chăm lo tới những vấn đề vật chất; sau khoảng 7 năm, một vài người trở thành phụ tá của Bapak.

Như trong bất cứ hiệp hội nào khác, nhóm hội họp mỗi năm một lần trong kì đại hội, và trong vòng năm đó tùy theo nhu cầu. Mỗi năm có một hội nghị quốc gia trong đó tất cả các nhóm ở Pháp được đại diện, và cứ 4 năm thì có một hội nghị thế giới.

Một điều phải nói rõ: căn bản của hội Subud là latihan kedjiwan, mục đích của những hội họp địa phương, quốc gia hay quốc tế, là trao đổi kinh nghiệm. Làm cách nào phát triển Subud, khiến hòa bình, hòa thuận và hạnh phúc, ngự trị trên trần gian?

Trong Subud chúng tôi coi chỉ có một quốc gia duy nhất, một nhân loại duy nhất, phụng thờ cùng một đấng Thượng Đế Duy Nhất và Toàn Năng. Vì Thượng Đế là đấng duy nhất có thể kết hợp những người mọi nơi, mọi tuổi; đó chính là cái kinh nghiệm chúng tôi thực hiện trong Subud.

Trong latihan, chúng tôi được tập luyện trở thành những người không bắt chước người khác, mà là những người có thể bộc lộ cái cá tính độc đáo của mình.

Tôi thuyên chuyển tới Arièges

Sự khai mở trong Subud giúp tôi giải quyết những vấn đề chưa thanh toán được. Là người sinh ở miền Nam nước Pháp, tôi còn ấp ủ lòng nhớ quê hương, và mỗi năm tôi điền một tờ đơn xin thuyên chuyển tới miền Nam. Năm 1957, người ta cho tôi một chỗ làm ở Lacq, tôi từ chối, chỗ đó bị khí đốt ô nhiễm quá nhiều. Năm kế tiếp là Manosque, nhưng một đồng nghiệp đã được phái tới đó, vì anh có 3 đứa con, trong khi chúng tôi chỉ có 2. Thực ra, đó là điều may mắn cho tôi, bởi nếu đến Manosque, tôi có lẽ sẽ không được gặp Bapak. Và lại, đó là một ý nghĩ... Năm 1960 tôi nộp đơn xin thuyên chuyển một lần nữa, và đơn của tôi được chấp thuận cho tôi chuyển tới Arièges, nơi hiện nay chúng tôi đang ở. Cái tin đó đến lúc tháng 7; Renée nói với tôi: 'Anh sẽ làm gì? -Thật đơn giản, anh đến Arièges coi như thế nào và kiếm một chỗ ở.' Ba lô lên lưng, tôi lập tức lấy xe lửa tới Lavelanet; ngay khi tới đó, tôi dựng một căn lều gần trường học, nơi tại đó tôi làm việc tháng tới; không đi xe đạp mà đi bộ, tôi bắt đầu tìm kiếm một nơi ăn chốn ở cho toàn gia. Sau khi mò kiếm 4 ngày, tôi tìm thấy một căn nhà cho thuê cạnh trường học

Benaix, không mắc: 50 fr. mỗi tháng. Năm 1950, đó là của trời cho; như vậy tôi có bằng chứng về cái tính chất có căn cứ của lòng kiên trì của mình trong việc tìm kiếm một nơi ăn chốn ở.

Tháng 9, chúng tôi đến Benaix; tôi hỏi Renée là bà có thấy thích chỗ đó không, mặc dù cái tình trạng cô lập của nó vào thời đó, vì chúng tôi không có xe hơi, không có điện thoại, và Benaix có vị trí trên núi ở cao độ 663 thước, cách Lavelanet 4 cây số, một thành phố có 12000 dân cư. Tôi vui mừng vì câu trả lời của bà: 'Phong cảnh thật đẹp, và nhìn núi khiến em thấy êm dịu,' bà nói với tôi. Do đó, bà chịu sống ở Benaix, và ngay cả xây cất tại đó một căn nhà. Sự đồng lòng của Renée khiến tôi yên tâm, và đồng thời điều đó xác nhận cái ý định có một căn nhà của chúng tôi, vì tôi tự nói với mình: 'Nếu chẳng may mình chết, không sớm thì muộn mọi người, gia đình mình, sẽ không có chỗ che thân, và ra đầu đường xó chợ ở.' Chúng tôi ở ngay cạnh ngôi trường công, nên những đứa con của tôi không phải đi đâu xa, và sự thích nghi trở nên dễ dàng, vì chúng tôi ở sát cạnh bên con cái mình. Cách xa mọi nhóm Subud, nhưng vẫn tiếp tục theo cái đà ở Montigny, tôi ghi vào thời khóa biểu hàng tuần của mình giờ tập hai xuất latihan, thứ hai và thứ năm; cho dù bất cứ điều gì xảy ra, theo giờ ấn định, tôi vào phòng và tập latihan để tiếp tục được thanh lọc, và không mất sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế. Và Thượng Đế đã hướng dẫn tôi; một ngày nọ khi đang tìm kiếm một khu đất, tôi gặp ông xã trưởng của làng đang chặn bò, và chúng tôi bắt đầu nói chuyện với nhau. Ông hỏi ở Benaix có thích không, tôi nói là có và đề cập tới mục tiêu sự tìm kiếm của mình; ông đáp: 'Tôi có một khu đất để bán, và trên khu đất đó còn có nước.' Ngay lập tức, ông chỉ cho tôi chỗ đó, và Renée cũng đến đó. Ông buộc chúng tôi phải cho biết ý định của mình tuần kế tiếp. Điều này rất thuận lợi cho chúng tôi, dù sao thì đó cũng là điều hệ trọng với chúng tôi, ta phải suy tính. Nhưng suy tính quá nhiều về một vấn đề, về một quyết định phải chọn, tạo nên một điều gì như một tình trạng đình trệ, một sự dậm chân tại chỗ; ta ngập ngừng,

được, không được, có thể được... ta mất bình tĩnh, trở nên ngoan cố. Thế cho nên, điều đáng quý là có thể làm cho tất cả những giao động của trí tuệ được lặng yên, là hỏi cái chân tâm của mình và nghe nó trả lời: 'Được, hãy mua khu đất đó và xây cất căn nhà mà cậu cần.' Tôi nói điều đó với bà vợ mình; đã thích nghi với núi non, với cái khung cảnh thiên nhiên mới đó, nên bà cũng khuyên tôi mua nó. Chúng tôi đến trước mặt công chứng viên ngày kế tiếp, và khu đất đó được mua. Nó nằm trên dốc, nên tôi phải làm cho mặt đất được phẳng; tôi xắn tay áo lên, và trang bị với một cái cuốc, một cái xẻng, một xe cút kít, tôi bắt đầu công việc, vì không có tiền trả cho một chiếc xe ủi đất. Mỗi lần rảnh rỗi, tôi làm cho mặt đất được bằng phẳng; đã đọc trên báo thông tin của Subud Pháp cho hay có một nhóm ở Carcassonne, nên tôi đến thăm cái thành phố đó. Tôi đã thất vọng, vì nhóm đó pha trộn Subud với những phong trào tâm linh khác như yoga, thiền định tiên nghiệm¹⁵ những phép quán định, và theo ý tôi, người ta đã tranh luận quá nhiều, và hơn nữa không có latihan! Trong khi tôi đến đó để tập latihan nhóm... Tôi thất vọng bỏ đi. Thế nên, tôi hướng về nhóm Marseille, tuy cách 450 cây số, tại đó tôi được nồng nhiệt tiếp đón; tôi có thể tập trở lại latihan nhóm, vì trong năm 1960 nhóm Subud Provence là nhóm quan trọng.

Về mặt nghề nghiệp, đó không phải là điều 'dễ ợt'. Sự thích nghi với những học sinh mới từ 14 tới 17 tuổi [có 160 đứa] rất nặng nhọc. Tôi phải lo tới mọi thứ, thể dục, trượt tuyết, nhu đạo, vân vân... Hơn nữa, tôi luôn luôn làm việc ngoài trời, và khi mưa nhiều, trong một phòng bụi bặm và quá nhỏ cho những lớp gồm 60 học sinh. Thế nên, tôi cảm thấy thể lực của mình suy sụp. Thay vì nghỉ ngơi, tôi phải sửa soạn cái khu đất trên đó căn nhà của gia đình được xây cất. Hồi đó là tháng 5 năm 1963. Mặc dù mệt mỏi, tôi tự nói: 'Tới kì nghỉ hè, mình sẽ nghỉ ngơi...' Nhưng tôi đã lạm dụng sức khỏe của mình, có lẽ vì kiêu ngạo. Tôi không biết cách cự tuyệt những học sinh của mình, những đứa mỗi thứ bảy xin tôi cho một bài học về

15 Méditation transcendentale: một lối thiền gốc ở Ấn Độ.

nhu đạo hay trượt tuyết. Quả thực tất cả những đứa trẻ đó là những trường hợp xã hội và rất cần được có người chăm sóc chúng; tình cảm của tôi khiến mình có mặt với chúng càng nhiều lúc càng tốt.

Một thứ bảy, trong lúc đang cho một bài học về nhu đạo, chợt nhiên tôi thấy tất cả đảo lộn, tôi không nói gì hết và ngồi xuống. Tịnh tâm, tôi tiếp nhận được mình phải dẹp bỏ hết, vì tôi không thể tiếp tục cho một bài học nào. CƠM MỆT của tôi lên tới cực điểm. Đạp xe đạp từ Lavelanet tới Bénaix, trên một đoạn đường dài 4 cây số, lần đó tôi phải mất tới 2 tiếng đồng hồ, trong khi thông thường tôi chỉ cần từ 10 tới 15 phút. Tôi không muốn Renée thấy mình mệt mỏi. Nhưng tôi không thể giấu bất cứ điều gì với Renée; nói không thể thì không đúng, phải nói là khó có thể. Thế cho nên, bà lấy làm lo lắng về tình trạng của tôi, và khuyên tôi đi coi bác sĩ; tôi nói với bà: 'nó sẽ chóng qua.' Nhưng một người bạn là chủ tịch hay phó chủ tịch của một hội nhu đạo, nhận thấy tôi có vẻ thiếu não, đã làm mọi việc để tôi có thể chấp nhận đi chụp phổi, vì tôi thỉnh thoảng ho. Quang tuyến X quả thực cho thấy cái vết rách cũ đầu phổi đã mở ra trở lại, điều đó buộc tôi ngưng mọi công việc, nằm trên giường và dùng trụ sinh. Lần này, tôi ngạc nhiên nhận thấy mình vui sướng được nằm nghỉ, vì quả thực tôi đã kiệt sức như chưa từng bị. Tất nhiên điều người ta đề nghị với tôi là điều dưỡng ở bệnh viện; tôi từ chối, nói rõ là mình thấy khá hơn giữa những người trong gia đình. Ban đầu, tôi chấp nhận dùng những thuốc men mà bác sĩ kê toa, tôi phải thích nghi với loại thuốc đó. Nhưng điều đó không kéo dài bao lâu, và dần dần, không nói với ai, tôi giảm bớt dùng chúng, vì tôi cảm thấy những hậu quả thứ yếu khiến bao tử mình bị trục trặc.

Về mặt tâm linh, tôi tiếp tục tập latihan một mình, một cách đều đặn; tôi bắt đầu nhận thấy một vấn đề nghiêm trọng, và tôi tự nói: 'Nhận được cái ân huệ kì diệu này, cái đại hạnh phúc này [nó vẫn còn đó mặc dù căn bệnh của tôi] để làm gì, nếu mình phải giữ cho riêng mình và cho Renée?' Tôi đặt câu hỏi đó hỏi phụ tá ở Paris, phụ tá quốc

gia, để biết tôi có thể được đề nghị làm phụ tá của Bapak không, vì trong thâm tâm mình, một tiếng nói bảo tôi: 'Cậu sẽ khỏi bệnh, và một ngày nào đó cậu sẽ có thể, nhờ Thượng Đế, lập một nhóm Subud ở Bénaix.'

Yêu cầu của tôi không được chấp nhận: người ta không đề cử một bệnh nhân làm phụ tá.

Những quan hệ với Bapak

Luôn luôn duy trì liên hệ với hiệp hội Subud vùng Paris, tôi được tin là Bapak sẽ ghé qua Paris một vài ngày.

Một buổi chiều sau latihan, nếu tôi còn nhớ rõ [đó là căn phòng của một rạp chiếu bóng đường Chézy à Neuilly] Bapak cho hay mình sẽ cho những bằng chứng qua trải nghiệm. Tôi đã biết thế nào là những trải nghiệm, vì năm 1964 tôi có mặt ở Marseilles, khi Bapak lần đầu tiên cho chúng tôi làm một vài cái. Thế nên, buổi đó tôi tiến lên để tham dự; chúng tôi được vào khoảng 15 người anh em. Bapak cho chúng tôi trải nghiệm: 'Thượng Đế chữa trị cho những người bị bệnh phổi như thế nào?' Tôi ngạc nhiên, bởi thay vì nằm dài trên đất, tôi đứng bất động như điều các y sĩ luôn luôn khuyên tôi làm; sự rung động của latihan, một sự rung động rất mạnh, đặc biệt xâm chiếm cái phần đang trên đường lành lại, khiến tôi có những cử động về chiều rộng của tất cả phần trên ngực, bên trong tôi thấy hình như những cử động đó tạo nên một loại xi măng bít lại cái hang và khiến nó được lành, như thể một sự sống mới trong các phần đó của thân thể đã như chết hay bị tê liệt. Tôi rất vui sướng vì cái cảm giác và những trải nghiệm đó. Còn có những trải nghiệm khác,

luôn luôn rất bổ ích và có ý nghĩa, những điều cho chúng tôi thêm đi và thêm lại bằng chứng về việc có trong mỗi người chúng ta một sự hiểu biết vô biên mà Thượng Đế có thể tiết lộ cho chúng ta, khi với sự hiện diện của Bapak, chúng tôi ở trong trạng thái latihan, nghĩa là thoát khỏi mọi dục vọng hay thị dục. Buổi chiều đó, sau những trải nghiệm, tôi nói về cái chứng nghiệm đó với một vài người anh em, họ nói với tôi là mình cũng có một căn bệnh trước đó, hay mình đang được điều trị. Chúng tôi vừa có bằng chứng về việc Bapak đọc được trong lòng chúng tôi như đọc trong một cuốn sách mở, vì người đã nhận thấy những trải nghiệm thích hợp với nhóm chúng tôi ngay lúc đó, và như vậy có thể giúp chúng tôi tiếp nhận được sự hướng dẫn của Thượng Đế.

Tôi chưa hoàn toàn lành bệnh, và ông bác sĩ theo dõi tôi muốn tôi đi mổ. Toàn gia đều đồng ý với ông, nhưng tôi không thích mổ cũng như những ngày tháng nằm trong bệnh viện hay nhà thương. Kết cuộc, tôi quyết định đi khám một lần cuối tại nơi của một chuyên viên lỗi lạc về phổi ở Toulouse; chúng ta sống trong một thời đại trong đó sự chuyên môn trở thành một, nên ta cũng phải theo một. Tôi đến Toulouse cho nhà y học nổi tiếng đó khám; sau khi nhìn hình chụp của phổi, ông nói với tôi: 'Ông có thể vào bệnh viện của tôi, và tôi có thể mổ cho ông trong vài ngày tới.' Ngay lúc đó, tôi đặt một câu hỏi: 'Nhưng thưa bác sĩ, sau khi mổ xong, tôi có thể mắc bệnh trở lại?' Ông đáp: 'Có thể, nếu ông làm những điều bất cần.' Tôi quyết định chờ đợi để cho hay mình có chịu mổ hay không. Buổi chiều, tôi làm một cái latihan [một mình! đáng tiếc] trải nghiệm về điều đó và tiếp nhận được: 'Không được, không mổ.' Bà vợ tôi, cô con gái tôi, cậu con trai tôi, những người mong tôi chóng lành bệnh, rất tức giận vì tôi đã từ chối. Tôi đã quá liều lĩnh, nhưng lòng tin cậy Thượng Đế của tôi không cho phép tôi nghi ngờ cái trải nghiệm đó, và nhất là điều gì mà tôi cảm thấy tốt cho sức khỏe mình. Tôi đã may mắn, một vài tuần sau, được tin Bapak tới Marseilles.

Thế nên, tôi đến Marseilles và xin được hẹn gặp Bapak; điều đó có thể làm được hồi đó. Không chỉ có riêng tôi, vì được gặp Bapak và xin người cho biết ý kiến là một ân huệ đặc biệt, theo ý tôi. Mas Usman và Luthfi Abeille thông dịch. Tôi hỏi Bapak điều sau đây: <Do cái tai nạn về phổi của tôi và sự hướng dẫn điều trị của y sĩ, tôi có nên cho mổ phổi không?> Im lặng một hồi lâu, Bapak nói: 'Không mổ, nhưng cứ chuyên cần tập latihan thì bạn sẽ lành bệnh.' Tôi nhiệt liệt cảm ơn Bapak, và vui mừng ra về sau cuộc hội kiến đó. Phải nói rõ là Bapak không chống lại những vụ mổ khi điều đó cần thiết; đôi khi ta được khuyên nên mổ [sự khéo léo của một nhà phẫu thuật hay sự chẩn đoán của một y sĩ cũng có thể là điều được Thượng Đế hướng dẫn] Thế nên, tôi tuân theo lời khuyên quý giá đó và 18 năm sau, hiện nay, tôi còn có thể cảm tạ Thượng Đế và Bapak vì đã giúp tôi tránh né sự thử thách của phẫu thuật, điều thực ra sẽ không xúc tiến cho tôi được lành bệnh, mà có lẽ sẽ có những hậu quả đau đớn.

Nhờ latihan và lối sống mực thước, không bất cần, tôi lấy lại được một sức khoẻ dồi dào. Trước khi lành bệnh, nhận thấy mình suy giảm về thể chất, tôi tự hỏi không biết mình có làm lại được nghề giáo viên thể dục và thể thao không, vì tôi hoài nghi những khả năng của thân thể mình. Tôi viết thư cho Bapak để giải thích cho người hay về tình trạng mình. Một tháng sau, tôi nhận được thư phúc đáp: 'Nghề giáo viên thể dục và thể thao đối với bạn tốn sức rất nhiều, người ta sẽ kêu bạn làm một công việc văn phòng.' Cái tin đó không khiến tôi phấn khởi: tôi không thấy ở đâu và như thế nào, không được đào tạo về công việc đó, mình có thể kiếm được một việc làm trong một văn phòng, và hơn nữa tôi không thấy mình làm việc suốt ngày, trong thế ngồi, trước một bàn giấy. Tôi hoài nghi phúc đáp của Bapak, nhưng...

Trong suốt lúc bị bệnh, tôi thường nằm mơ thấy mình đi trên những đường xe lửa, tìm kiếm một lối đi có xe lửa. Điều đó kéo dài khoảng 3 năm, rồi những giấc mơ đó thay đổi: tôi phải lấy một chuyến xe lửa, nhưng tôi có nhiều

thời giờ, kể đến giấc mơ đó cho thấy rõ hơn: tôi đứng trong một nhà ga và nhìn thời biểu coi chuyến xe lửa đi mấy giờ. Một vài tháng trước khi được phục chức vào Bộ Quốc Gia Giáo Dục, tôi nằm mơ thấy mình bước lên một chiếc xe lửa rất dài. Ngay hôm sau, tôi nói với Renée: 'Đúng rồi! Giấc mơ đêm đó cho anh hay mình sẽ nhận được một việc làm trong một văn phòng của Sở Hành Chánh Pháp.' Tôi đã nói về trường hợp của mình với Cục Thanh Niên và Thể Thao, nơi tôi làm việc trước khi mắc bệnh. Ngay khi nhận được phúc đáp của Bapak nói với mình: 'Người ta sẽ kêu bạn làm một công việc văn phòng', và thể theo lời khuyên của y sĩ, tôi khẩn khoản đòi một chỗ làm đặc biệt được tạo nên cho mình. Tháng 9 năm 1968 tôi được cho hay có một chỗ làm thêm tạo nên cho mình tại Tổng cuộc Thanh Niên và Thể Thao. Tôi đã không ngạc nhiên, mà là kinh ngạc. Tôi cảm tạ Thượng Đế về việc mình có thể làm việc trở lại như mọi người, vì tôi thấy khó chịu bị người ta coi mình là một bệnh nhân, và nói với mình: 'Hãy về dưỡng bệnh đi!'

Một tuần trước khi đi làm lại, tôi đến trình diện ông giám đốc và những đồng nghiệp mới của mình. Người ta ngạc nhiên, vì không có một chỗ làm cho tôi trong văn phòng, chỗ nào cũng đầy người. Tôi bị hất hủi. Cuộc tiếp xúc đầu tiên đó không khiến phấn khởi; tôi trở về khá rầu rĩ, điều đó chẳng vui gì. Hôm đó là ngày tập latihan, Thượng Đế khiến những lo lắng của tôi được lắng đọng. Tôi bình tĩnh chờ đợi ngày mình nhận một chỗ làm.

Lạ thay! Buổi sáng ngày 17 tháng 9 khi đến chỗ làm, tôi đã xúc động biết bao khi trông thấy những tòa nhà chứa những văn phòng bị cháy! Sau đó, tôi được biết là điều đó do xì hơi: người thợ đặt ống đến làm việc hôm qua, có lẽ đã làm một điều gì sai tại một chỗ nào đó, khiến gây nên hỏa hoạn. Do đó, tôi biến thành người dọn nhà thuê trong nhiều ngày. Người ta tìm thấy nhiều văn phòng mới trong một tòa nhà vừa xây cất, và tôi được cho một văn phòng trong đó chỉ có mình tôi; không thể tưởng nổi! Đột nhiên, nhờ hỏa hoạn đó, có một chỗ làm cho tôi. Khi nói tới điều đó sau này, tôi được hay là vụ nổ đã xảy ra nửa tiếng đồng

hồ trước khi nhân viên tới, không tạo nên những thiệt hại vật chất. Điều đó đôi khi thuận tiện cho chúng tôi, khi phải kiểm một bản thông tin mà không tìm thấy; ta nói: 'Bị cháy trong cơn hỏa hoạn.'

Nếu vui mừng vì được làm việc, tôi không mấy vui mừng làm việc trong một văn phòng trong đó người ta giao cho tôi những việc gay go nhất; tôi đã vất vả vì thích nghi với cái công việc hành chánh trong đó tôi không được chuẩn bị chút nào. Tôi phải mất 2 năm để khiến mình được hội nhập và làm việc một cách vui vẻ. Cuối cùng, công việc đó trở nên dễ dàng, và điều này kéo dài 15 năm. Đến công sở một cách miễn cưỡng không là một thái độ hay, nhưng bằng cách dần dần thay đổi, sự dễ dàng đến với tôi, và những quan hệ của tôi với những người chung quanh trở nên khá hơn, tới nỗi những điều mà ông giám đốc của tôi phê bình, trong ngày tôi về hưu, đều có tính cách ca ngợi: 'Giáo chức xuất sắc, đặc biệt chu đáo và tận tâm, đạt được thành tích trong ngành giáo dục về mọi mặt được coi là khuôn mẫu; điểm 100/100.' Trong khi viết đoạn này, tôi đã về hưu. Và điều ngạc nhiên là 6 tháng sau lúc tôi ra đi, cơ sở đó lại đổi tới chỗ địa chỉ xảy ra hỏa hoạn cách đây 17 năm.

Chúng tôi làm lễ cưới tại nhà thờ Công giáo

Khi đến Bénaix, tôi là người Phật giáo, và mỗi ngày tôi nhắc lại những giới định của mình, và tìm cách áp dụng nó trong đời sống; tôi làm theo những lời khuyên của đại đức Rahula, người tôi đến thăm ở Paris trong năm 1952, để lấy 'chỗ nương tựa (nơi Phật pháp), những lễ bái và những giới định.' Trong dịp đó, tôi quỳ gối, hai tay chắp lại, và nhắc lại theo ông những giới định; khi đọc: 'Tôi cố gắng không sát hại bất cứ sinh vật nào,' tôi nói với ông: 'Nhưng thưa đại đức, nếu một con muỗi chích mình, tôi phải làm gì?'. Ông vừa cười vừa đáp: 'Nếu sát hại nó, anh không còn mất công nhắc lại hàng ngày cái giới định không được sát hại. Chỉ việc đuổi nó đi.'

Một hôm, có một thầy dòng Ki Tô giáo đến Bénaix từ Toulouse, để làm một lễ đại xá. Điều kì lạ là không có ai trong những người Công giáo của làng đề nghị cho ông trú ngụ. Sau khi tham khảo với Renée, chúng tôi mời ông đến trú ngụ nơi mình ở; ông ưng thuận và chúng tôi sắp xếp một căn phòng để ông có thể thấy thoải mái nơi nhà chúng tôi. Ngay lập tức, chúng tôi có một cuộc giao tiếp tốt đẹp với ông thầy tu dòng Chúa Cứu Thế đó, và ông

mời chúng tôi đến nhà thờ nghe ông giảng đạo; tôi đến nghe ông. Buổi chiều ở nhà, chúng tôi nói chuyện lâu dài với nhau, và chính lúc đó ông được biết là chúng tôi không làm lễ cưới ở nhà thờ, Renée không có đạo, và những đứa con của chúng tôi không được rửa tội. Ông ở lại 10 ngày và khiến chúng tôi quy theo đạo, tới nỗi chúng tôi quyết định làm lễ cưới ở nhà thờ, để có đạo. Buổi lễ xảy ra tại nhà thờ nhỏ bé ở Bénaix, trong sự đơn giản, với sự hiện diện của một vài hội viên Subud được mời đến dự nhân dịp đó. Gérard và Monique được rửa tội cũng như Renée; ông cha của làng, người đứng chủ lễ, đã xúc động đến khóc.

Thế cho nên, sau khi quy theo đạo một cách cảm động như thế, tôi đi nhà thờ không phải vì bị lôi cuốn, mà được một sức mạnh của nội tâm thúc đẩy. Ban đầu, tôi dự lễ trong thế đứng suốt buổi lễ, vì không biết gì về những nghi thức của đạo Công giáo; vả lại, tôi vất vả lắm mới theo những cái đó được. Nếu hiện nay sau 20 năm tôi chỉ đi nhà thờ trong những ngày đại lễ, thì Renée, bà ấy, đã trở thành một tín đồ rất nhiệt thành, tới nỗi có lần bà đã nói: 'Nhà thờ là lãnh vực của tôi.' Thượng Đế đã giúp tôi hiểu được kinh Phúc Âm, đặc biệt phần Những Mối Phúc¹⁶ nhưng sự hiểu biết này có tính cách cá nhân và không được là đề tài để bàn cãi hay tranh luận. Tôi đã hiểu được gì? Thật đơn giản: latihan kedjiwan Subud là một kỹ thuật khiến ta nghiệm được ý nghĩa thâm sâu của những giáo lí đã có trong các tôn giáo. Thế cho nên, đi nhà thờ mà không bị ép buộc, đối với tôi là điều dễ dàng, vì ta

16 Một đoạn rất nổi tiếng trong kinh Phúc Âm, được coi là cốt tủy của đạo Thiên Chúa. Đoạn đó như sau, theo bản dịch của nhóm Giờ Kinh Phục Vụ Việt Nam:

Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khổ, vì Nước Trời là của họ.

Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp.

Phúc thay ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa an ủi.

Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng.

Phúc thay ai xót thương người, vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.

Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ nhìn thấy Thiên Chúa.

Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.

Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính, vì Nước Trời là của họ.

luôn luôn có thể phối hợp latihan với bất cứ tôn giáo nào. Subud như một vòng tròn bao quanh tất cả các tôn giáo. Latihan liên hệ với Thượng Đế Toàn Tri, nên nó có tiềm lực chứa đựng tất cả các tri thức, như vậy kể cả những tri thức về tôn giáo.

Một người Ki Tô giáo có thể hiểu được đức Ki Tô, khi ông nói: 'Đấng duy nhất tôi phụng thờ là Thượng Đế.' Một người Hồi giáo hiểu được cái surat mở đầu: 'Ngài là đấng chúng con phụng thờ, Ngài là đấng chúng con cầu cứu.' Thế nên, ta dễ dàng hiểu được latihan của Subud củng cố đức tin của những người theo một đạo nào đó, dù đó là bất cứ đạo gì, vì Subud là yếu tính của tất cả các tôn giáo, chấp nhận tất cả các tôn giáo trong căn nguyên của các tôn giáo đó. Trên kia, tôi viết là mình đã quy theo đạo, nhưng thực ra tôi đã quy theo Thượng Đế trước khi đi nhà thờ, nên tôi không chạy từ tín ngưỡng này qua tín ngưỡng khác; không, bằng hành động đó tôi chỉ muốn nhận thức được qua kinh nghiệm của mình những điều có trong Giáo Hội Công giáo. Để được vậy, tôi bắt đầu đọc kinh Phúc Âm. Thượng Đế giúp tôi hiểu được nó trong cái sự thật thực dụng của nó, trong nội dung của nó. Tôi vui mừng được đọc (và nhận thấy) là những tập luyện tâm linh của Subud hoàn toàn phù hợp với điều đức Ki Tô nói: 'Hãy phụng thờ Thượng Đế trong Tinh Thần và Sự Thật.' Và chính con đường của latihan kedjiwan Subud giúp ta tiếp nhận những điều sẽ đến, và nhiều điều khác chưa diễn tả bằng ngôn từ thông thường được.

Tôi tiếp nhận được cái cười

Cái thế giới này sao mà buồn thế! Những dự vọng, những suy đoán của trí tuệ, những vấn đề mà thị dục và trí tưởng tượng tạo nên, khiến con người lo lắng, hoài nghi, trở nên tởm tở của một sự phiến não mà mình không trừ bỏ được. Môi ta mím chặt lại, sẵn sàng trả đũa, sẵn sàng phản kháng; hình như nó sắp cắn. Trời ơi, tất cả những điều đó thật đáng tiếc.

Trong cái latihan đầu tiên của mình, ngày 20 tháng 11 năm 1959, tôi tiếp nhận được một cái cười bao la xuất phát từ linh hồn, từ Thượng Đế. Nó xâm chiếm toàn thân tôi, khiến môi tôi được giãn ra, và tôi biết được một niềm vui chân thực, niềm vui của cái chân tâm thức tỉnh trong lòng mình. Cái cười đó khiến tôi bắt đầu biết được nó... Điều kì lạ là nó đến một cách tự nhiên, trong khi tôi chẳng làm gì để nó đến. Người ta hiểu nó theo nhiều cách: có người kiếm nó, nó đến khiến họ được thư giãn, được thoải mái; họ cần cười và khuôn mặt họ, trong một vài lúc, phản ánh niềm vui [một vài phút vui sướng trong một ngày thì quá ít!] Những người khác thì co dúm lại, khi họ nghe thấy nó: 'Mày làm tao nhức đầu quá!', 'Ông chọc tức chúng tôi!' Có những người khác nữa thì nói với tôi: 'Cậu tự ép mình cười.' Khi nghe họ nói, tôi lại cười nhiều hơn. Hãy tha thứ cho tôi, tôi không thể làm cách nào khác hơn

được. Trong một cuộc đàm thoại khi tôi cảm thấy người ta trì trệ quá nhiều trong sự mâu thuẫn, khi không khí trở nên nặng nề, có điều gì trong lòng bảo tôi: 'Im đi' và chợt nhiên tôi cảm lạnh, đôi khi với cái vẻ mà người ta cho là dần dần. Rồi đột nhiên trong lòng tôi đến một niềm vui, một cái cười tới nở bung trên môi tôi, và điều đó cười. Cái cười mà Thượng Đế cho tôi có thể làm tất cả những người nghe nó được thư thái, chỉ có những kẻ thiếu cởi mở mới không chịu cười: thôi nào, họ nói, chúng ta hãy nghiêm trang, đừng trở nên khùng như cái thằng cha đang cười mà không hiểu tại sao. Quả thực, điều này là sự thật, tôi cười mà không biết tại sao, và điều đó lại khiến tôi cười nhiều thêm; cười việc không thể trả lời câu hỏi đó, vì trong trường hợp này, suy nghĩ khiến tôi mệt. Trời ơi, những câu hỏi đó, những cái 'tại sao' xuất phát từ cái tôi, cái ngã thế, từ cái lòng kiêu ngạo của chúng ta muốn giải thích những sự việc, trên thực tế, do sự biểu hiện của chúng, không cần được giải thích.

Tại sao Richard cười? Thật đơn giản: vì y vui sướng đã tiếp nhận được niềm vui của Thượng Đế, chỉ có thế! Kiểm điều gì khác là đi lạc đường, làm cho cuộc sống trở nên phức tạp. Tất nhiên làm cho cuộc sống của mình, của những người khác, trở nên phức tạp, rất là một cái mốt.

Làm việc trong sự vui vẻ, bất cứ mình ở đâu, bất cứ mình làm gì, cái cười giúp ta đối diện với những trách nhiệm của mình. Nếu không có ân huệ của Thượng Đế, không có điều gì chắc chắn với chúng ta; vì thế mà những người chưa tiếp nhận được cái ân huệ đó là những kẻ ngập ngừng, bị ảnh hưởng của cái quảng cáo chót nhất, cái ý tưởng chót nhất, cái ấn tượng chót nhất; ta mò mẫm, mất thời giờ, mất bình tĩnh, và mệt mỏi vô ích. Có thể làm việc trong niềm vui là điều gì chắc chắn mà Thượng Đế đã cho tôi, như một sự giải thoát của một kẻ đang chết, một niềm vui sau cái chết, là những điều chắc chắn mà Thượng Đế đã cho tôi. Khi nhiều người cùng cười, họ không tìm cách bôi nhọ nhau; có sự thống nhất trong niềm vui. Nhưng cái cười không đến theo đòi hỏi; nó phải đến sau sự thanh lọc

của điều bóp nghẹt nó trong lòng mình.

Khi tất cả cùng cười, không có bạn và tôi, không có chúng tôi và quý vị; không có sự phân hóa, cách ngăn giữa chúng ta; không có buồn phiền, không có những giằng co, không có những tư tưởng lông bông, tất cả chúng ta đều trống không, và sự trống không đó nhận được sự phong phú của niềm vui thuộc thiên giới, và ta cảm thấy được thống nhất.

Những phước lạc trong lòng mình không là điều bí hiểm, nhưng là một thực tại sống động mà chúng ta rất thường nghiệm được, và điều đó không được cho chúng ta qua học tập; không có trường học nào dạy ta cách vui sướng; Thượng Đế cho chúng ta biết được những cái đó, khi chúng ta phó thác mình cho Ý Muốn của Ngài, trong một trạng thái im lặng của nội tâm. Nhận được sự tự do trong đó sự hoan lạc của linh hồn rung động, là điều thật đáng quý trong cái thời đại của lo sợ, những bực bội và sự lao碌.

Tại văn phòng nơi tôi làm việc, có người nói: 'Phải khôi phục lại cái cười của anh Richard; khi anh về hưu, chúng ta sẽ thấy thiếu thốn cái cười đó.' Một ngôn ngữ cổ xưa nói:

'Một tấm lòng vui vẻ còn hơn y dược.'

Và đây là một bằng chứng do Mas Prio Hartono kể lại ở Canada: 'Tôi có thể kể cho các bạn một câu chuyện. Tôi có một người bạn là đại tá trong quân đội, và anh ta còn khá trẻ, khi lên tới cấp bậc đó. Tất nhiên do bốn phận và trách nhiệm của mình, nhất là trong thời chiến, anh bắt buộc phải trở nên rất nghiêm túc, rất trang trọng, anh không bao giờ có thể cười. Anh biết tôi đã vào Subud, nhưng anh không bao giờ muốn gia nhập. Hồi đó tôi là một người mới trong Subud, và các bạn biết là một hội viên mới thì muốn luôn luôn nói điều đó với bất cứ ai. Thế nên, tôi tuyên truyền Subud cho người đó, trái với lời khuyên của Bapak. Anh nhận thấy sau khi tôi vào Subud, sức khỏe của tôi trở nên khả quan. Anh nói: 'Trước kia

ông bệnh hoạn, hiện nay trông ông có vẻ khá hơn.' Ông biết không, bác sĩ khám thấy tôi có 30 livơ¹⁷ khối u trong bao tử, và ông tiên đoán nếu điều đó cứ tiếp tục gia tăng theo cái đà đó, tôi sẽ chết trong vòng 15 ngày. Thế nên, tôi muốn ông đem tôi tới Bapak, có thể tôi sẽ khỏi bệnh.' Tôi nói với anh: 'Nếu vậy thì tôi sẽ đem ông tới Bapak.' Chúng tôi đi chung nhau và anh ta được khai mở. Hồi đó chúng tôi chưa có thời kì dự bị. Ngay khi được khai mở, anh ta ngã xuống sàn, lưng trên mặt đất, và anh bắt đầu cười. Tôi để ý, vì chưa từng nghe anh ta cười trước đó, và lối cười của anh ta thật lạ lùng.' Cái kỉ luật quân đội của anh đã tìm cách hãm lại cái cười đó. 'Ha! Ha! Ha!' anh cười lên cười xuống. Sau 45 phút, latihan chấm dứt, mọi người đi ra ngoài; một phụ tá đến nói với anh thôi tập. Chính tôi cũng không ngăn được cười, và anh bắt đầu giận tôi: 'Tại sao ông chọc quê tôi?' Tôi cố sức nén cười. Sau latihan, chúng tôi ngồi chung với Bapak, và còn tiếp nhận được latihan, nên anh vẫn cười; anh quả thực đã hổ thẹn với chính mình. Biết được anh có thể tức giận, mỗi người đều ngồi yên. Tôi nghĩ là anh đã cười thêm một tiếng đồng hồ trong đêm đó, và cuối cùng chúng tôi đi về chung nhau, và anh không nói chuyện với tôi. Cái latihan kế tiếp anh lại y như vậy, anh cười và tiếp tục cười, và latihan chấm dứt; ngồi chung với những người khác, anh thấy khó chịu. Anh đã tập 3 cái latihan mà còn luôn luôn cười; 3 cái latihan, có nghĩa là một tuần.

Chủ nhật anh đến gặp tôi và nói: 'Ông có biết điều xảy ra cho tôi? Tôi đến khám bác sĩ một lần nữa, và khối u đó đã biến mất.' Tôi đã trông thấy khi anh cười, bụng anh rung động, và điều đó xua đuổi cái khối u đó.

Cái cười là điều gì lành mạnh, nó đến từ một nguồn gốc tốt đẹp. Khi cười, chúng ta được ánh sáng của Thượng Đế soi sáng.

17 Một livơ (livre) là nửa kí lô

Là phụ tá của Bapak

Ngay cái latihan đầu tiên, khi tiếp nhận được niềm hạnh phúc vừa tả trước đây, niềm hạnh phúc mà mọi cá nhân đều tìm, tôi hay thường tự nói: 'Tiếp nhận được sự hoan lạc đó, sự thanh tịnh đó của nội tâm, để làm gì, nếu mình phải giữ nó cho riêng mình?' Trong niềm ao ước lớn lao được chia sẻ cái Thiên Ân đó, đôi khi tôi cảm thấy cái nhu cầu kêu điện thoại để nói với một người nào đó đầu giấy: 'Hãy vào Subud và cuộc sống bạn trở nên khá hơn.' Thế nên, tôi duy trì sự tiếp xúc với hiệp hội Subud vùng Paris, và sau sự thành lập của nó, với hội đồng quốc gia và phụ tá quốc gia. Tôi thường viết thư cho họ, xin họ cho mình làm phụ tá của Bapak. Tại mỗi hội nghị quốc gia, tôi đều nói với họ về điều đó, nhưng tôi buồn rầu cảm thấy nhu cầu của mình như không được chấp thuận, mà không hiểu tại sao. Tôi cay đắng tự nói: 'Mình chưa được trong sạch, mình còn nhiều tật khiến mình không lãnh được cái trách nhiệm nặng nề của phụ tá.' Tuy nhiên, tôi đã lành bệnh và hoàn toàn mạnh khỏe, nhưng người ta bảo tôi kiên nhẫn. Tôi đã kiên nhẫn 12 năm.

Một linh tính... Năm 1970, lúc đầu của kì trai giới Ramadhan lần thứ hai, giữa trưa, tôi đang nằm trên một chiếc ghế dài trong vườn, dưới bóng râm. Tôi đang có mặt ở đó khoảng một thời gian, chợt một latihan có tính cách tự nhiên xâm chiếm tôi. Được thung dung, nên tôi để nó

tới và hưởng thụ một niềm hạnh phúc hoàn toàn, không bị bất cứ một ý nghĩ nào, một ảnh tượng nào, một thị dục hay tình cảm nào, làm nó vẩn đục. Khi điều đó rung động trong lòng mình, tôi chợt thấy khuôn mặt của Bapak đang mỉm cười và trở nên nghiêm trang; ngay lúc đó một ý nghĩ đi qua đầu óc tôi: 'Bapak chấp nhận mình làm phụ tá của Subud Pháp.' Hiện ảnh đó biến mất, nó kéo dài thêm một vài phút, và nguồn đại sinh lực chấm dứt. Khoảng một tháng sau, tôi nhận được một bức thư, có chữ kí của phụ tá quốc gia cho hay: 'Bapak chấp thuận cho anh làm phụ tá.' Ngày thấy Bapak quyết định tương ứng với ngày tôi nhận được cái hiện ảnh và ý nghĩ đó, trong khi đang trong trạng thái latihan. Cái bằng chứng vừa được cho tôi là trong lãnh vực tâm linh không có ranh giới, do đó ta có thể bắt được một ý nghĩ cách mấy ngàn cây số nơi mình ở, hay Bapak có thể tới gặp chúng ta bất cứ lúc nào người muốn.

Tôi rất vui mừng khi hay được điều đó, như vậy tôi được trao cho một sứ mệnh thiêng liêng: lập nên một nhóm Subud ở Ariège. Một trách nhiệm chờ đợi tôi là một người được ý Thượng Đế hướng dẫn. Quả thực tôi đã nói về Subud với một vài người chú ý tới nó. Nhóm có thể được thành lập với một vài người. Bà vợ tôi chưa là phụ tá, và khi một người chị em được khai mở, chị Isabelle là người từ Paris tới. Sự khai mở kì ngộ nhất mà tôi được biết hồi đó, là sự khai mở của Monique, cô con gái của chúng tôi; cháu chổng đốì Subud mãnh liệt. Ngày Monique được 18 tuổi, ngày mùng một tháng 6, tôi chợt nghe cháu nói với mẹ: 'Má, làm cách nào để vào Subud?' Tôi không tin được lỗ tai mình và tự nói: 'Cái đầu mình có gì trục trặc, mình nghe thấy những tiếng nói, nhất là những tiếng nói bất thường.' Thế nên, tôi đứng dậy, đến nghe những điều nói trong nhà bếp và hỏi Monique. Monique nói cùng tôi với lòng tin vững chắc: 'Ba, con muốn tiếp nhận latihan của Subud.' Tôi ngồi xuống dưới ảnh hưởng của sự ngạc nhiên và nói với Monique: 'Không có phụ tá ở Bénaix; nếu muốn, con hãy viết thư cho Isabella.' Là phụ tá quốc gia hồi đó, nên chúng tôi quen biết bà thật rõ, vì bà thường đến

Bénaix nghỉ hè. Lập tức Monique lấy thứ gì để viết, báo cho Isabella hay quyết định muốn nhận sự giao tiếp với Subud. Tôi kinh ngạc vì sự nhanh chóng theo đó Monique đã quyết định, do những thái độ chống đối Subud trước đây của cháu.

Monique được khai mở một khoảng thời gian sau và nhận được sự rung động của latihan. Bà mẹ của Monique không lấy gì làm ngạc nhiên cho lắm, vì một tuần lễ trước đó, bà đã nằm mơ thấy ông Brodjo đợi Bapak trong một căn phòng; Bapak tới trễ, nên ông Brodjo nói: 'Chúng ta tập một cái latihan.' Đó không là một cái latihan thông thường, vì chúng tôi đứng theo vòng tròn, người này nắm tay người kia; bên phải Renée là Monique; thực ra Monique đang tập latihan với mẹ mình. Trong cái latihan khai mở cho Monique có bà mẹ của Monique, nhưng họ không nắm tay nhau.

Thế nên, nhóm đã bắt đầu hoạt động; latihan được tập tại nhà chúng tôi, vì không có một nơi chốn độc lập, điều này không tốt cho gia đình chúng tôi. Cho nên, có một vị thuộc phái nam mà hai đứa con đã vào Subud, cho chúng tôi mượn một căn phòng rất rộng, trong công xưởng của ông, và điều đó được miễn phí. Tuy nhiên, cái căn phòng đó rất lớn và cao, không có sưởi, mùa đông thì lạnh, nên chúng tôi tập latihan với bao tay, với những đôi vớ dày, và đôi khi với áo choàng. Căn phòng đó được đề nghị cho chúng tôi mượn một tháng trước khi ông Brodjo đến Bénaix, có bà vợ Ulfia của ông đi theo; khi ghé qua Pháp, họ đến thăm chúng tôi và khai mở cho một vài người chị em. Có phụ tá quốc gia đi theo họ là Isabella và Rasjid. Thế nên, nhóm có một nơi chốn, nhưng đó chưa là ước mơ. Ta phải tiến tới phía trước, và kiếm thứ gì độc lập hơn. Cuộc tìm kiếm nơi chốn tập đó là một đề tài cho một chương khác.

Một chỗ tập latihan là một căn phòng trống, sạch, nếu có thể được thì có một tấm thảm trên mặt đất, vì những buổi tập xảy ra trong đó người ta không mang vớ, để được

thoải mái. Một vài nhóm khác thuê những căn phòng gần nơi có đại đa số hội viên của nhóm. Hiệp hội ước mong là sở hữu chủ của những chỗ tập, để khỏi mất tiền thuê phòng và lệ thuộc vào bất cứ ai.

Ở đây điều cần thiết là nói rõ nhiều hơn một phụ tá là gì, trách nhiệm của phụ tá, và người ta mong đợi gì ở phụ tá. Như đã nói trên kia, người đầu tiên nhận được cái ân huệ kì diệu đó là Bapak, do đó người đã trở thành vị hướng đạo tâm linh của hội Subud. Thượng Đế muốn Subud bành trướng khắp trái đất, và để được trợ lực trong sứ mệnh của mình, Bapak, không thể có mặt khắp nơi cùng một lúc, đã phải phong chức phụ tá, đó là những người cũng như mình, có thể truyền lại sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế cho những người chân thành xin điều đó. Phong chức một phụ tá không là một chức tước quang vinh, không là một sự ưu đãi được danh dự, không có nghĩa đó là một thẩm quyền cao hơn. Không! Một phụ tá được nhóm phụ tá [hiện nay] hay hội viên đề cử; nếu người phụ tá có gia đình, người vợ hay người chồng phải được sự đồng ý của bên này và bên kia. Người ta cũng coi xem đương sự có thể là phụ tá không, và để được vậy có một vài tiêu chuẩn phải tôn trọng: chẳng hạn như việc sẵn sàng trở thành phụ tá, vì trong Subud không có gì ép buộc, mỗi người được tự do quyết định, ứng viên lãnh chức vụ phụ tá phải trong Subud tối thiểu 7 năm, phải chấp nhận công việc phụ tá theo điều được vị hướng đạo tâm linh của chúng tôi ấn định, phải tránh ma túy, không được tập bất cứ lối tu luyện tâm linh nào khác ngoài latihan; điều đó không ngăn cấm đương sự thực hành cái tôn giáo của mình, nếu đương sự theo một tôn giáo. Rượu chè quá mức là điều không nên làm, vì điều đó kích thích dục vọng, như vậy làm giảm thiểu cái khả năng khiến ta trong trạng thái yên tĩnh và tiếp nhận; tích cực hoạt động trong trung tâm hay nhóm của mình, và điều đương nhiên là thực sự cử động và cảm nhận được latihan một cách rõ rệt, cũng như có lối hành xử đứng đắn về phương diện luân lí và tính dục. Nếu đáp ứng được tất cả những tiêu chuẩn đó, ứng viên bước vào một thời kì dự

bị là 3 tới 6 tháng; sau đó đương sự được đề cử để Bapak chấp thuận.

Phải nói rõ thêm về vai trò của phụ tá trong lúc khai mở một hội viên mới, để mọi sự việc được hiểu một cách rõ rệt và không mơ hồ. Sự khai mở một người đã trải qua thời kì chờ đợi 3 tháng và muốn vào Subud, là điều không do phụ tá [một người chỉ là đường truyền dẫn cần thiết qua sự hiện diện của mình trước mặt hội viên] làm, mà do Quyền Lực của Thượng Đế Toàn Năng; vai trò của phụ tá chỉ là việc giao phó mình cho Quyền Lực của Thượng Đế, để nội cảm của người được khai mở trở nên yên tĩnh và tách biệt khỏi ảnh hưởng của những dự vọng đè nén mình; chính trong cái trạng thái yên tĩnh đó của nội tâm, đương sự có thể nhận được sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế Toàn Năng.

Phải nói là phái nữ cũng có những nhiệm vụ tương tự với phái nam, có nghĩa là họ cũng có thể trở thành phụ tá, và như vậy có thể giải thích Subud cho những hội viên dự bị nữ, rồi khai mở những người đó sau 3 tháng đợi chờ, và giải đáp những câu hỏi của họ. Ta có thể hiểu được là nam và nữ không tập latihan trong cùng một phòng, mà trong những phòng cách nhau; nguyên nhân làm điều đó đã được giải thích trong lúc chờ đợi 3 tháng cho những người muốn vào Subud. Cái thái độ đó của Subud và những chỉ thị của hội, đặt phái nữ trên một bình diện bình đẳng với phái nam. Để thành lập một hội Subud, điều cần thiết là có tại nơi chốn đó một phụ tá nam và một phụ tá nữ, vì một người nam không thể khai mở một người nữ, và một người nữ không thể khai mở một người nam. Những cấm kị đó rất quan trọng trong Subud và được tuân thủ một cách nghiêm khắc. Thế nên, ta có thể nói là Subud tạo một cơ hội cho phái nữ được nẩy nở trong sự tự do của tâm linh, theo nghĩa là người đàn bà không bị coi là thấp kém, và được bình đẳng trong những trách nhiệm mà Thượng Đế giao cho mình.

Ba tôi

Ba tôi ở Marseilles khi ông bị bệnh. Tôi đến nhà thương thăm ông; và nhận thấy tình trạng của ông rất trầm trọng, nên tôi xin bác sĩ làm mọi điều khiến ông có thể được khiêng đi để đến Bénaix, vì những ngày tháng của ông thật nguy kịch. Điều kì lạ là tôi rất thường xuyên cầu nguyện cho ông đến Bénaix. Chúng tôi có 4 anh em và tôi là người anh cả. Tôi không biết rõ những quan hệ của ba tôi với những người em của mình như thế nào. Một tháng trước khi ba tôi đến Bénaix, trong một đêm lúc gần sáng, tôi nằm mơ thấy ông trong một nhà ga lớn, trên một cái bến trông có vẻ mênh mông và vô tận; ông khởi hành một chuyến đi lâu thật là lâu, và trước khi đi, ông nói với tôi, trong khi chỉ vào 4 chiếc va-li cùng một kích thước: 'Con lo tới những cái này.'

Và tôi thấy ông bước lên một bậc lên xuống của một chiếc xe lửa dài lê thê. Nó không có hình thù rõ rệt, nên tôi có cảm tưởng nó sắp khởi hành.

Tuy ở với chúng tôi được vài ngày, ông cảm thấy những giây phút cuối cùng của mình sắp đến, và nói với tôi về cái di chúc trong đó ông muốn truất quyền kế thừa của một người em tôi, và điều này thì có nhiều nguyên do. Tôi không đã động gì, nên ông nói:

'Con không nói gì! Con không đồng ý?' Ngay lúc đó giặc

mơ trở lại trí óc tôi; tôi kể cho ông điều đó, nói với ông đó là một chỉ dẫn rõ rệt, 4 chiếc va-li giống nhau chỉ cho thấy phải phân chia công minh và đồng đều cho 4 người chúng tôi. Sau khi ông qua đời, sự phân chia những tài sản mà ông để lại, sẽ được thực hiện như điều giấc mơ cho thấy. Do đó gia tài sẽ không tạo nên những xích mích trong gia đình, và mỗi người trong chúng tôi có thể nhận được một phần tư của gia tài.

Ba tôi đến Bénaix trong một chiếc xe rộng lớn được biến thành ghế nằm. Trông ông thật tiêu tụy. Người đàn bà sống chung với ông và không là mẹ chúng tôi, yêu cầu có một cái truyền hình, vì chúng tôi không có. Ba tôi chống đối và nói: 'Không được! Đây là một nhà nguyện.' Và điều đó được chấp nhận như vậy. Khi đến, bác sĩ khuyên chúng tôi chăm sóc một cách thật cẩn kẽ, vì những ngày tháng còn lại của ông không có là bao; thế nên, chúng tôi thường đến giường ông nằm. Tôi cảm động một cách thâm sâu vì sự tận tâm của bà vợ tôi và Monique đối với ba tôi, họ làm mọi điều có thể làm để cơn đau của ông bớt đi. Trong 10 ngày ông đã thường năn nỉ chúng tôi đừng đem ông trở lại nhà thương ở Marseilles, nơi không khí hoàn toàn không thích hợp với ông.

Ngay khi ông đến Bénaix, tôi được một cảm tình mới đối với ông xâm nhập: tôi cảm thấy một cách thâm sâu ba tôi trở thành con tôi. Tôi cũng hiểu được là khi con người cảm thấy cái chết đến, ta đòi được gặp người vợ đầu tiên của mình [ba tôi đã li dị mẹ tôi cách đây vài năm] Tôi không biết làm cách nào để ba tôi xin sự giao tiếp trong Subud, vì tôi là một phụ tá duy nhất của vùng và không thể kêu ai đến. Thứ năm, theo giờ thường lệ, tôi đi tập latihan, kể đến tôi làm trắc nghiệm để coi xem khai mở cho ba tôi có tốt không: cái trắc nghiệm đó rất tốt. Phải nói là tôi đã nói với ông về Subud; tôi đi xuống từ căn phòng trên căn của ông, để hỏi ông có muốn tiếp nhận Quyền Lực của Thượng Đế và được khai mở trong Subud không. Ông nói với tôi:

'Nếu không có gì làm, thì ba rất muốn.' Lúc đó là 19 giờ

30, tôi ngồi cạnh ông. Sau một lúc im lặng lâu dài, ông mở mắt; tôi đọc cho ông nghe đoạn về sự khai mở, và cuối cùng ông nói một cách thật rõ: 'Tôi xin latihan bắt đầu.' Ông nằm dài trên giường, latihan bắt đầu và kéo dài 45 phút. Ông tiếp nhận được sự rung động, và điều đó khiến ông lay động. Ông xoa bóp tim và duỗi chân; sự hiện diện của Thượng Đế rất sống động trong căn phòng; tôi cảm thấy ba tôi được yên tâm. Khi chấm dứt, ông ngồi lên, điều ông không thể làm được trước đó, nếu không được giúp đỡ. Ông kéo tôi về phía ông và ôm hôn tôi mà không nói gì, vẻ mặt ông được thư giãn và an lạc. Ông buồn ngủ hầu như ngay lập tức. Đối với tất cả chúng tôi trong nhà, đêm đó là một đêm được yên nghỉ; điều này chúng tôi rất cần, vì kể từ 5 đêm qua chúng tôi không ngủ.

Ngày kế tiếp, khi đi làm về, tôi đến phòng ông và yên lặng ngồi cạnh cái giường trên đó ba tôi nằm. Sau một khoảng thời gian, sự rung động êm dịu và vui vẻ của latihan xâm chiếm tôi. Ông mở mắt và kéo tôi về phía ông, ôm hôn tôi và nói với tôi 3 lần với một giọng nói cương quyết và êm dịu, trong khi chỉ tay vào tôi: 'Con, con là ba của ba.' Những giọt lệ hạnh phúc chảy xuống mắt tôi. Tôi cảm thấy vui sướng và nhẹ nhàng một cách thâm sâu, thưởng thức một cách hân hoan cái giây phút tuyệt diệu của sự kết hợp đích thực và sống động giữa người cha và người con. Tôi cảm tạ Thượng Đế đã cho mình đầy đủ sức lực để trợ giúp ba tôi trong cái latihan mở cho ông đến cuộc sống vĩnh cửu.

Nếu không khí trong nhà được nhẹ bớt đi, thì sức khỏe của 'người cha là con' của tôi trở nên tệ hơn. Với Renée chúng tôi phải thay phiên nhau để trông nom ông. Ông cha của giáo khu được kêu gọi đến để làm lễ xức dầu thánh cuối cùng mà tôi tham dự trong trạng thái latihan; điều khiến ông cha ngạc nhiên: ba tôi muốn ôm hôn ông sau các nghi lễ, và ông cha có vẻ như sợ hãi. Nhiều năm sau đó, trong lúc chúng tôi nói chuyện với ông cha của buổi lễ xức dầu thánh cuối cùng đó, ông đã nói với chúng tôi một điều khiến chúng tôi ngạc nhiên: 'Người cha của

ông đã đem đến cho tôi nhiều hơn tôi đem đến cho ông.' 5 ngày sau, ngày 31 tháng 3 lúc 4 giờ 30, sau một cơn hấp hối lâu dài, ba tôi mở mắt, nhưng đó là cái thế giới bên kia mà ông đang nhìn. Ông trở nên đẹp đẽ, sáng suốt; tôi ở trong trạng thái latihan, phụng thờ Thượng Đế. Tôi cảm thấy Thượng Đế giải thoát mình khỏi cái áp lực làm nghẹn ngực; latihan tác động một cách mãnh liệt: tất cả các xúc động và ý nghĩ đều được yên nghỉ. Phó thác cho latihan, ba tôi chia tay với chúng tôi trong sự an lạc, cặp mắt ông mở ra. Với Renée chúng tôi như bị cái nhìn đó quyến rũ, cái nhìn trông thấy điều gì kì diệu, tới nỗi chúng tôi tự nói với mình: 'Ông ấy đã trông thấy gì?' Cái nhìn đó trở nên rục rỡ. Chúng tôi nhìn lên trần nhà, nhưng đối với cặp mắt mình thì không thấy gì hết. Renée cầm tay ông, trong khi đang êm dịu khóc; tôi mở những cánh cửa sổ của văn phòng, buổi sáng vừa bắt đầu đến, gà gáy, chim hót, trong nhà được an lạc. Sự sống đã đi khỏi ba tôi một cách đơn giản, không tiếng động.

Tôi cảm tạ Thượng Đế đã ban cho chúng tôi cái ân huê của sự sống vĩnh cửu, và đuổi khỏi chúng tôi sự sợ hãi và kinh hoàng. Cái kinh nghiệm phi thường đó củng cố đức tin của tôi ở Thượng Đế và Subud. Sự cái chết là điều không có được, khi ta trong latihan, vì trong cái trạng thái trống không của nội tâm, ý thức của chúng ta có thể nhận thức và giao tiếp được với cái bản thể vĩnh cửu sống trong mỗi người chúng ta.

Một năm sau, tôi đến dự hội nghị quốc gia của Pháp ở Saint-Denis-de-Vaux. Có 3 người anh em Subud đi cùng tôi; hôm đó là ngày tưởng niệm cái chết của ba tôi, nên tôi bảo ông em tôi đang lái xe, dừng lại ở Vinassan, để tôi đến mộ ông cầu nguyện.

Ba người anh em đi theo tôi đến phần mộ, nơi gần đó tôi làm một cái latihan ngắn, trong khi đang cầu xin cho ông được an lạc và vui sướng trên thiên đàng. Trong sự trống không của nội tâm, tôi nhận được một niềm vui hết sức đặc biệt, như tôi có mặt cùng với ông, hân hoan và yên

bình. Điều đó thật đơn giản. Trong khoảng một tiếng đồng hồ, trong khi chúng tôi chạy xe về Châlon, tôi ở trong cái trạng thái an lạc và rất sáng suốt về sự kết hợp với người trước cái chết đã 3 lần nói với tôi: 'Con, con là ba của ba.'

Tôi đã ngạc nhiên và vui mừng biết bao, ngay lúc hội nghị khai mạc, khi người phụ tá quốc gia đọc một đoạn của bức thông điệp Bapak gửi cho những người đến dự hội nghị: 'Nhờ sự hiện diện của latihan kedjiwaan mà các bạn đã theo tập cho tới nay, các bạn cũng ý thức được Thượng Đế rất gần gũi với bản chất của mình, bởi trên thực tế thừa các anh chị em, trong nội dung của kedjiwaan, sự thật Thượng Đế Toàn Năng Duy Nhất là đường dẫn dắt và hướng dẫn tất cả các bạn, khiến các bạn cảm được trạng thái của những người mà Thượng Đế đem lên thiên đàng, những người vẫn luôn luôn trong trạng thái mà tiếng Hòa Lan gọi là Zalis, có nghĩa là được phúc lạc, an lạc và hoan lạc.' Như vậy, hôm qua ở Vinassan tôi có được bằng chứng về cái thực tại thật đơn giản và thật hiển nhiên đó; tôi nói đơn giản, vì cái kinh nghiệm đó được thể hiện trong trạng thái sự im lặng của nội tâm, không có sự tìm kiếm cực nhọc của trí thức. Sự kết hợp với những bản thể khác là điều vô hạn, khi trong nội tâm chúng ta trống rỗng không có bất cứ gì có thể giới hạn mình.

Mầu nhiệm đang xảy ra Mầu nhiệm là một sự kiện phi thường theo đó người ta tin là nhận thấy một sự can thiệp có lòng tốt của Thượng Đế, một điều mà người ta cho là có một ý nghĩa tâm linh. Mầu nhiệm đến một cách bất ngờ và thuận lợi; đó là điều gì tuyệt diệu mà thực tại có vẻ như phi thường. Mầu nhiệm xảy ra trong mọi thời kỳ, và những người là nhân chứng của mầu nhiệm luôn luôn còn giữ được một kỉ niệm khó quên, nhưng họ không thể tiên đoán được nó, không tính trước được lúc nào và như thế nào nó xảy ra: có những mầu nhiệm nhỏ bé chỉ đến với một cá nhân nào đó, khiến người đó chuyển hóa, trở nên khá hơn. Có những mầu nhiệm to lớn đến với rất nhiều người trong khắp nhân loại! Ta có thể nói rằng sự xuất hiện của Subud trên trái đất là một mầu nhiệm to

lớn, một sự kiện phi thường trong đó ta nhận thấy sự can thiệp của Thượng Đế vào trần gian. Ý Thượng Đế được thực hiện trên trần gian và ý nghĩa của điều đó có tính chất tâm linh. Sự tập luyện tâm linh của Subud tự nó là một mẫu nhiệm đã đến với hàng ngàn người một cách bất ngờ và thuận tiện.

Thượng Đế đã ban cho con người một định mệnh phù hợp với bản chất mình, đó là một cuộc sống thanh cao, lành mạnh, vui vẻ, hài hòa và bình yên. Nhưng con người mang trong lòng mình một quá khứ mà phương Đông gọi là karma (nghiệp) và phương Tây gọi là fatalité¹⁸ ta bị điều đó chi phối và chịu sự áp đặt của di truyền, dục vọng và những ảnh hưởng của các tinh thể¹⁹. Cái karma đó là điều cố định mãi mãi, chúng ta không có cơ hội được giải thoát khỏi nó? Có! Nếu không thì đối với con người không có một niềm hi vọng nào, và tất cả những nỗ lực của mình đều vô ích.

Đối với con người, mẫu nhiệm chính là cái khả năng mà Thượng Đế cho mình, khiến ta phá vỡ được xiềng xích của karma và hướng tới một định mệnh thanh cao và trong sạch. Ngay khi nhận được ân huệ của Thượng Đế, chúng ta bắt đầu trở lại những cội nguồn thanh khiết của bản thể mình, dần dần chúng ta tránh xa khỏi cái kiếp tiền định của mình, để tìm lại cái định mệnh (chân thực), những cội nguồn của mình, và sự khám phá đó được biểu lộ trong lòng mình qua một niềm hạnh phúc mà ngôn từ không dịch nổi.

Nhưng chúng ta luôn luôn được ban cho cái tự do tuân theo ý Thượng Đế hay theo ý muốn của những dục vọng trói buộc chúng ta trong cái số kiếp tiền định của mình.

Một sức mạnh mãnh liệt của nội tâm là điều cần thiết, khiến ta đi được trên con đường tâm linh. Nhưng trên con

18 Tiền kiếp, số mệnh.

19 Influence astrale: có lẽ tác giả muốn nói tới các tinh thể định đoạt số mệnh của một con người, đều là lãnh vực nghiên cứu của các chiêm tinh gia.

đường đó, ta nhận thấy một niềm hạnh phúc, một sự an lạc, một tình thương khôn xiết! Quả thực ta không thể tránh khỏi đau khổ; nhưng trên sự đau khổ đó luôn luôn có Quyền Lực của Thượng Đế ở trong lòng, ngay cả trong những lúc khó khăn nhất. Người ta dễ hiểu được là sự tập luyện mà chúng tôi tiếp nhận và theo tập trong Subud là một trong những vô số đặc ân được Thượng Đế giáng hạ cho những người nam và nữ có thể tiếp nhận nó được.

Có nhiều người khác không vào Subud mà cũng có thể tiếp nhận được đặc ân của Thượng Đế. Có rất nhiều những sách và tác phẩm thuật lại việc cái đặc ân của ân huệ Thượng Đế được giáng cho những người nam và nữ như thế nào. Những sách đó kể lại những câu chuyện về các vị thiên sứ và thánh nhân, những người, trong mọi tôn giáo, đã tiếp nhận đặc ân của Thượng Đế nó làm thay đổi cuộc sống họ.

Tất cả những gì là bè phái không thể có trong Subud, vì chúng tôi biết quả thực không chỉ trong Subud ta mới có thể tiếp nhận đặc ân của Đức Thánh Linh. Vì thế cho nên trong Subud có những người thuộc mọi tôn giáo chấp nhận phụng thờ cùng một đấng Thượng Đế Duy Nhất. Chúng tôi có thể nói mà không sợ lầm lẫn và nói láo: những điều chúng tôi đã tiếp nhận trong Subud là một trong những đặc ân mà Thượng Đế ban cho người nam cũng như nữ. Chúng tôi hiểu được rằng Thượng Đế là để cho tất cả những sáng lập của Ngài, chứ không cho một tôn giáo đặc biệt nào.

Thượng Đế ban cho chúng tôi những chỉ dẫn không chấp nhận được trong hiện thời

Tôi đây là việc thuật lại những kinh nghiệm được nhận thấy mà đi ra ngoài mức bình thường, và khiến chúng tôi hiểu được những điều Bapak nói, hay những điều mà các tôn giáo của các vị thiên sứ đã thuyết giảng, và lại tôi cũng đã nói về những cha mẹ quá cố, nên điều cần thiết là nói rõ về một vài sự kiện của một kinh nghiệm mà những người chị em của nhóm Subud Nam Pyrénées đã nhận thấy, 3 năm trước khi cô con gái Monique của chúng tôi đi khỏi thế gian này.

Hồi đó là đầu năm 1973, khoảng một năm sau khi Monique vào Subud. Thời đó, như đã nói trên kia, chúng tôi tập latihan trong một phòng rộng lớn của một công xưởng cải dụng, và bởi chỉ có một phòng rộng lớn duy nhất, nên phái nam bắt đầu tập trước tiên, kể đến là phái nữ. Điều đó được quyết định như vậy theo sự thỏa thuận của nhóm. Lúc đó là thứ hai, sau cái latihan của phái nam, tôi trở về nhà ở Bénaix, một tiếng đồng hồ sau đó, ngạc nhiên, tôi trông thấy tất cả 7 người chị em của mình với một vẻ mặt u buồn, như chưng hửng, và mọi người đều nói: 'Thôi hết rồi, chúng tôi không tập latihan nữa, cái latihan chúng tôi vừa tập rất kinh khiếp, chúng tôi cầu nguyện cho Monique, vì cô ấy sắp chết.' Monique cũng có

mặt tại đó, không nói gì hết, vì cháu có một cái latihan yên tĩnh và nằm trên mặt đất, trong khi những người khác, kể cả mẹ cháu, quỳ trên đầu gối chung quanh cháu. Dưới tác động của một tràng những câu nói biểu lộ sự hốt hoảng, tôi không biết nói gì. Trong sự yên lặng, tôi chờ đợi tìm cách suy nghĩ một cách sáng suốt. Người ta hỏi ý kiến mình và tôi nói:

‘Các bạn nói không tập latihan nữa là không đúng; để Thượng Đế có thể cho các bạn biết trước điều gì là thật trong cái chứng nghiệm của mình, tôi trái lại khuyên các bạn tiếp tục tập latihan.’

Lời khuyên đó được làm theo, và người ta quên sự cảnh cáo của Thượng Đế đã được ghi khắc trong cuốn sách nội tâm của những người tham dự latihan buổi chiều đó.

Nhưng có những ghi khắc mà Thượng Đế để trong lòng mình và chúng ta không muốn chấp nhận nó với cái lí trí lôgích của mình. Tuy nhiên, những cái đó cần thiết cho chúng ta trong những lúc hết sức bối rối, vì chúng khiến ta không bị điên. Một khoảng thời gian sau, Monique có hai giấc mơ. Một buổi sáng, khi ăn sáng, cháu kể cho chúng tôi: ‘Con thấy mình trong nhà đang dùng bữa. Bên ngoài có một chiếc xe của hội cứu tế gồm bạn bè đang chờ đợi con, đột nhiên có điều gì nói trong lòng con là ngày tận thế sắp đến. Tất cả những người bạn của con đều ý thức được những điều đang xảy ra, thấy kinh khiếp, nhưng con thì trái lại, con không sợ. Ngay lúc đó, con thấy xuất hiện, phía bên trái, đằng sau một ngọn đồi, một cầu vồng tuyệt diệu màu vàng cam, và ở chính giữa là đức Ki Tô hai tay dang ra theo hình chữ thập.’

Những người đang chờ đợi con cũng trông thấy quang cảnh đó, và họ rất lấy làm sợ hãi. Về phần mình, con bình tĩnh, và một khi đức Ki Tô đã biến mất, một luồng ánh sáng màu trắng bắt đầu soi sáng bầu trời, tạo nên trong lòng con một sự chứng ngộ; con liền cảm thấy rất nhẹ nhàng, và khi giơ tay lên trời, con ca hát. Sau đó, con trở

thành chính mình như cũ. Tuy nhiên, chiếc xe vẫn chờ đợi, nhưng con ngần ngại không muốn ra đi, sợ cái hiện tượng y như vậy sẽ xảy ra một lần nữa trước mặt bạn bè mình. Tuy thế, con quyết định lên xe, nhưng trước khi lên xe, con nhận thấy bên trái mình cũng cái cầu vòng đó, nhưng lần này thì đó là Đức mẹ Đồng Trinh Maria mặc toàn màu trắng, cũng đang lên trời; rồi cũng luồng ánh sáng đó và cũng sự chứng ngộ xảy ra trong lòng con'. Cánh tay con đưa lên, và nhẹ nhàng con ca hát.

Tại con đến một ngôi làng; con không biết điều gì xảy ra, nhưng tại con ra ngoài nhà thờ. Khi ngẩng đầu lên nhìn cái chuông, con nhận thấy thực ra nó gồm bức tượng của Đức Mẹ Đồng Trinh Maria luôn luôn mặc đồ trắng. Ngay lúc đó, con thấy bức tượng lắc lư một cách êm dịu và ca hát; rồi một sự chứng ngộ xảy ra một lần nữa trong lòng con và khiến con ca hát y hệt như vậy, con hoàn toàn sáng suốt, và thấy mình được một niềm vui sướng và hoan lạc kì diệu bao quanh. Trong một giấc mơ khác, con thấy mình trong một hồ bơi nước màu xanh trong suốt. Con ở dưới nước và không thể lên mặt nước; thỉnh thoảng con lên được, và thấy xuất hiện những người vui vẻ đang cười dưới một mặt trời tươi đẹp. Nửa tỉnh nửa ngủ, con còn giữ trong một lúc cái ấn tượng kinh khủng về việc cảm thấy mình bị nhốt tù mà không chạy thoát được.

Ngày 21 tháng 12 1975, bà vợ tôi kể cho tôi nghe một giấc mơ bà vừa có đêm qua, vì lúc ăn sáng chúng tôi thường bình luận về việc 'anh (em) đêm qua ngủ như thế nào, anh (em) có nằm mơ không?' Hôm đó Renée kể lại cho tôi: 'Em trông thấy Monique, đứa con gái của chúng ta, dựa đầu và nửa thân thể của nó lên thứ gì bằng gỗ màu tươi của cây sồi, phía bên phải khuôn mặt của nó bị thương tới chỗ cằm, và máu chảy. Em nghe thấy mình nói trong giấc mơ: kì ngộ thật, nó chảy máu như ông của nó khi ông ấy đang chết.'

Một giọng nói đằng sau tôi nói: 'Nó sắp chết.' Ngay lúc đó, Monique đáp: 'Tôi không muốn nói điều đó.' Không

biết thật rõ mình phải nói gì, và bởi bà vợ tôi muốn được yên tâm, nên tôi nói với bà: 'Có lẽ Monique chết trong lòng em, một điều gì như không còn gắn bó.' Chưa bao giờ chúng tôi đã nghĩ giấc mơ đó thực sự là một sự chỉ dẫn.

Kể từ lâu, Renée muốn đi thăm Rome. Một ông cha cho chúng tôi hay nhân dịp đóng cửa của năm thánh [điều này xảy ra cứ 25 năm một lần] ông tổ chức một chuyến đi tới Rome với một giá phải chăng. Biết đó là niềm vui đối với Renée và một dịp để tôi được ra ngoài, chúng tôi đã đăng kí. Lúc khởi hành được ấn định vào chiều Giáng Sinh, và lúc trở về là ngày 3 tháng Giêng. Và chúng tôi lên đường với 50 người khác.

Môi trường thật tốt, chúng tôi đi du lịch, điều đó khiến chúng tôi quên cái giấc mơ đó.

Giai đoạn đầu tiên đến Gênes, và tới sáng sớm, chúng tôi có thể khiến bao tử mình được thỏa thuê trong một tiệm ăn Ý. Nhưng hôm đó là một ngày chủ nhật, nên giá tiền tăng gấp đôi, điều này là bình thường đối với nước Ý, người ta nói với chúng tôi.

Hừ! Có một vài người nghiến răng. Nhưng chuyến đi có thể tiếp tục tới Pise, nơi chúng tôi có thể leo lên cái tháp nghiêng nổi tiếng. Buổi chiều, chúng tôi được đón tiếp tại một tu viện ở Rome, và mỗi ngày là sự khám phá những vẻ đẹp của Rome, nhất là cái nhà thờ đồ sộ kiểu basilica, nhà thờ Saint Pierre. Chính trong cái nhà thờ đó ngày mừng một tháng một 1976, chúng tôi dự một buổi lễ dưới sự chủ tọa của Đức Giáo Hoàng. Đây là lần đầu tiên trong đời mình tôi được tham dự một cuộc 'biểu diễn' có tính chất tôn giáo, nó thật cảm động, thật lôi cuốn, do sự nhiệt thành của các tín đồ, do những bài ca, do cái đám đông mênh mông gồm những người đang tịnh tâm, tới nỗi tôi bắt đầu có những cơn run vì vui mừng, hạnh phúc khiến tôi rùng mình; tôi thấy mình như một đứa bé khám phá được một thế giới mới đẹp, tới nỗi ông cha đi cùng với tôi thường nói: 'Tôi hiếm thấy một người nào vui sướng như

vậy!'

Lúc về cũng như lúc đi xảy ra ban đêm, tới nổi tới sáng chúng tôi phải dừng lại tại một quán trọ để ăn sáng. Tôi là người cuối cùng đi ra khỏi xe, và Renée giữ cho tôi một chỗ, trong khi tôi đứng xếp hàng để lấy thứ cà phê sữa thường dùng và bánh croissant. Sau khi được mang đến cho thức ăn, tôi đến ngồi cạnh ông cha đang ăn uống thịnh soạn với bíp-tết, rượu và vân vân... Tôi tịnh tâm và khi xong, ông cha quay về phía tôi và nói: 'Ông Milles, sự yên tịnh uy nghiêm đó từ đâu đến vậy?' Im lặng, rồi tôi đáp: 'Chính Thượng Đế cho tôi.' Lại im lặng, rồi ông cha nói với tôi: 'Tôi phải đến gặp ông.' Ông đến một lúc sau đó, và sau khi trò chuyện, tôi cho ông mượn cuốn kinh Koran mình đang đọc, vì ông cha muốn hiểu biết nhiều hơn về đạo Hồi.

Bề ngoài chúng tôi quên giấc mơ đó, và trong đêm từ ngày 26 đến 27 tháng 2, tôi giật nảy mình vì bị đánh thức dậy, khoảng 3 giờ sáng; Renée cuống cuồng. 'Cái gì vậy?' tôi nói với bà. 'Trời ơi, một chiếc xe hơi thẳng lại, thẳng lại làm chết người.' Vài tiếng đồng hồ sau, những đứa cháu của tôi đến từ Versailles, Renée hỏi chúng: 'Các cháu không bị tai nạn?' Chúng đáp: 'Không!' Hôm đó là ngày thứ bảy; tôi thức khuya với một vài người anh em, và đến 2 giờ sáng chúng tôi đi tập latihan. Trở về nhà, tôi nhìn vào phòng của Monique, và thấy chiếc giường trống trơn. Tôi không thấy vui vì giờ đó Monique vẫn chưa về; cháu đi khiêu vũ với một vài đứa bạn gái. Ngày chủ nhật 28 tháng 2 lúc 6 giờ sáng, có người gõ cửa; đó là ông xã trưởng nói một cách nhanh chóng: 'Monique không về nhà, cô ấy bị tai nạn và nằm ở nhà thương Foix.' Tim tôi siết lại; tôi vội vã điện thoại cho đứa con trai; và cả ba đều lo lắng, không ai dám nói một lời, chúng tôi đi xe hơi đến Foix, để được cho hay là cô con gái chúng tôi đã chết, bị giết chết trong một tai nạn xe hơi lúc 3 giờ sáng. Monique mang một vết thương đúng ngay chỗ được cho thấy trong giấc mơ, và đầu cháu nằm nghỉ trên gỗ màu tươi cây sồi. Renée quỳ xuống cạnh cháu như trong cái latihan 3 năm

trước đó.

Chúng tôi vừa được Thượng Đế thử thách một cách kì lạ! Thượng Đế đã biết trước 3 năm trước đó là Ngài sẽ kêu gọi Monique lên trời.

Bapak nói với chúng tôi là sự thử thách càng mạnh chừng nào, cái sức mạnh đến từ Thượng Đế càng mãnh liệt chừng nấy. Tôi nghiệm được điều đó buổi sáng đó, vì ngoài cú sốc mình nhận thấy, tôi phải nâng đỡ Renée và Gerard, phải có những quyết định mà không cuống cuồng lên. Mặc dù cái không khí đau đớn và khó chịu đựng đó, nhân chứng trong nội tâm bình tĩnh và quan sát tình cảnh và những gì đang xảy ra. Tôi thấy một cô y tá cầm một mũi tiêm trên tay, vì cô lo sợ Renée sẽ bị điên.

Cô hỏi tôi cho biết ý kiến, và tôi đề nghị kiên nhẫn đợi chờ, nhưng tới một lúc nào đó, có lẽ nghĩ rằng sự thử thách đó quá mạnh với Renée, khiến bà không chịu nổi, cô tiến về phía bà như để chích. 'Đừng! Đừng chích tôi!' Trong lòng mình tôi nghĩ: 'Như vậy thì tốt; điều đó chứng tỏ bà có đủ sức mạnh trong lòng, và như vậy thì được cứu thoát, vì ý thức của bà ấy không bị mũi tiêm ru ngủ, bà hoàn toàn tỉnh thức, bà thấy bên trong mình 2 người: một người vì người đó biết được, và người kia thì bị điên.

Người bình tĩnh đã thẳng và có thể chấp nhận điều khủng khiếp đó.

Monique bị bệnh trước đó một vài ngày; cháu có những nỗi lo sợ bị nghẹt thở vì chứng sưng phổi. Được gọi đến để cấp cứu, bác sĩ đã tiêm cho cháu một mũi để cứu cháu, và Renée, tuyệt vọng, đã đặt tay lên người cháu để ban phúc. Khi tỉnh lại, Monique nói với bà: 'Má thấy chưa, không có gì hết, giấc mơ của má không ứng với con'. Cháu bình phục rất nhanh chóng, điều khiến bác sĩ ngạc nhiên, khi ông trở lại để thăm hỏi cháu. Tuy nhiên, có nhiều dấu hiệu [mà chúng tôi nhận thức được sau này] cho thấy một cách rõ rệt cháu sẽ rời bỏ chúng tôi. Chẳng hạn: thứ tư,

được quyền thức dậy, cháu kêu mẹ đến, nói với bà đến coi những mớ đồ cháu mới mua, một khoảng thời gian trước đó; cháu trải những thứ đó lên giường: khăn lau, khăn mặt, khăn trải bàn, mền, khăn trải giường: 'Má thích cái nào?' Ngạc nhiên, mẹ cháu đáp: 'Nhưng má đã biết những món đồ đó là gì.' 'Con được quyền thấy những cái đó một lần nữa.' Sau khi mẹ cháu chỉ cho cháu cái mà mình thích, Monique cất vào tủ tất cả những thứ cháu đã lấy ra. Ngay lúc đó, cháu vừa nói vừa chỉ vào cái nôi vừa mua: 'Như vậy đó, có lẽ con sẽ không bao giờ dùng cái này.' Càng lúc càng ngạc nhiên về việc xử sự kì lạ của cháu, bà mẹ cháu nói: 'Hôm nay con kì cục thật, con bị gì vậy?' Ngay sau đó, Monique mở tủ áo và lấy ra những quần áo để chúng vào một hộp giấy. Càng lúc càng thấy quái lạ vì cái thái độ đó, bà mẹ cháu hỏi: 'Con dọn tất cả những cái đó để làm gì?' 'Con không dùng nó nữa. Như vậy thì đem nó lên tầng lầu trên cùng.' Ngày hôm sau, Monique nghe một buổi phát thanh của radio đưa lên đài Montaya một người có tài nhìn thấy tương lai mà người ta có thể kêu điện thoại để hỏi điều này nọ. Bà mẹ cháu nói: 'Con luôn luôn đặt câu hỏi là một ngày nào đó, mình có lấy chồng không, con hãy gọi ông ấy đi.' Im lặng, và Monique đáp: 'Co lẽ tốt hơn là con không nên biết điều đó.' Và trong ngày đó, cháu sắp xếp tất cả những giấy tờ về ngân hàng và những thứ khác của mình. Monique để lại mọi thứ ngay ngắn và sạch sẽ. Chúng tôi không thể chấp nhận những dấu hiệu đó mặc dù sự hiển nhiên của nó. Người ta không chết lúc 22 tuổi khi còn đang tràn đầy nhựa sống và được những người chung quanh thương mến. Điều đó quả thực không thể tưởng nổi!

Lúc đó là buổi chiều và tới giờ đem quà Monique, tôi bảo Renée và Gerard tới căn nhà gỗ của ông em tôi, để tránh cho họ sự thử thách đó. Tôi ở trong nhà bếp với 2 người anh em Subud và một vài người khác, và đột nhiên, không hiểu điều này đến từ đâu, tôi suy sụp, như bị người ta lấy đi hết trong lòng mình tất cả những gì tạo thành cuộc đời tôi, và tôi thấy một nỗi tuyệt vọng mệnh mông nhất, ngã gục lên bàn, không còn sức lực. Trong sự trống

rõng đó, một ý nghĩ đi qua đầu tôi. Cái câu nói này, tôi đã được nghe từ cửa miệng của vị hướng đạo tâm linh đầu tiên của mình là Swami Sideswarananda trong năm 1955 ở Gretz: 'Dưới đây của sự tuyệt vọng, nếu ta quy thuận, có Thượng Đế.' Tôi đứng dậy, đội mũ, bảo Louis và Guy đi cùng mình ra ngoài. Không khí mạnh khiến tôi thấy dễ chịu; sau một vài bước đi, tôi cảm thấy latihan xâm chiếm mình; nguồn đại sinh lực dâng lên trong lòng tôi một cách chậm chạp, và khiến ngực tôi được nới lỏng khỏi cơn buồn làm nó bị tắc nghẽn. Nó mở ra và tôi có thể ngáp lâu dài và cảm thấy một sự giải phóng bao la. Một sự yên tĩnh thâm sâu xâm chiếm lấy tôi, tôi thấy trống rỗng, nhưng rất bình tĩnh và mạnh dạn. Tôi có thêm một lần nữa cái bằng chứng về việc sự hiện diện của Thượng Đế khiến ta yên tâm, được an ủi, làm cho mình nguôi, và làm sáng tỏ sự hiểu biết về một thực tế khó chấp nhận được. Sự khai thị đó cho tôi thấy quả thực chúng ta không có gì hết.

Nói 'con gái tôi' là một ảo tưởng, chúng ta là sở hữu của Thượng Đế. Không có cái chết, chỉ có sự chuyển qua từ một cuộc sống giới hạn tới một cuộc sống vô hạn.

Monique, được khai mở để đến một cuộc sống khác lúc 18 tuổi, ở trong một trạng thái latihan thường trực trên trời, và do đó rất sung sướng trong sự Toàn Thể của Thượng Đế. Tôi thường có thể cảm thấy tình trạng của những người được Thượng Đế đem lên trời trong latihan, và chúng tôi vui sướng vì biết họ vui sướng. Nhưng để được vậy, sống cái hiện tại nhàn tiền là điều tốt, không có một chút hồi tưởng về quá khứ, không có một chút những suy đoán về tương lai [điều này không luôn luôn dễ lúc ban đầu]. Chỉ có hiện tại là có thật, quá khứ và tương lai đều không có thật.

Tôi muốn có bằng chứng. Nhiều anh chị em Subud đến dự đám tang. Tôi đã nói với ông cha: 'Cha hãy đem tới những ca hát vui mừng để làm nhẹ sự đau khổ của chúng tôi, và nhất là đừng đụng vào tình cảm của chúng tôi.' Hôm đó là thứ hai, có rất nhiều người và bông hoa; Monique

là một người rất được mến yêu. Buổi chiều có latihan và mọi người đều nghiêm trang. Tôi cảm thấy mình là cái đích của mọi người, chúng tôi có tối thiểu là 20 người anh em, và latihan rất mạnh. Khi latihan chấm dứt, có một sự im lặng lâu dài, không ai dám nói. Những người anh em của tôi tôn trọng sự yên tĩnh trong lòng mình và trong cái không khí của căn phòng. Tôi cảm tạ họ đã nâng đỡ mình. Tôi nói với họ về việc nói láo, khi ta nói 'Tất đều là của tôi.' Rồi tôi hỏi 7 người phụ tá có mặt tại đó là họ có muốn cảm nhận với tôi tình trạng của Monique không.

Có những do dự, điều này dễ hiểu. Nhưng cái mất của một người thân yêu khiến chúng ta nghĩ không còn gì để mất nữa. Tôi thấy trống rỗng không có chút gì những thứ tham dự vào hạnh phúc của mình trên trần gian, như vậy còn gì mà lo sợ nữa, nếu muốn cảm nhận được tình trạng của Monique? Tôi thấy mình đủ sức mạnh để đối phó với một kinh nghiệm hiểm có như thế. Nếu kẹt quá, có lẽ tôi đã làm trặc nghiệm một mình. Những người anh em của tôi cuối cùng chấp thuận, và điều đó rất cảm động. Monique như trong sương mù, một hành lang, một vài người nói, cháu tìm kiếm Thượng Đế, rồi đột nhiên là ánh sáng, sự bay bổng nhanh chóng lên trên, như một chiếc hỏa tiễn phóng lên trời.

Một vài đêm kế tiếp, tôi ngủ ít, vì tôi cảm thấy thực sự có nhiều người cầu nguyện cho chúng tôi, và điều đó làm cho sự đau khổ của chúng tôi vơi đi. Với Renée chúng tôi quả thực cảm thấy sự nâng đỡ của tất cả những người quen biết mình; sự đau khổ của chúng tôi có vẻ như loãng đi, được sự quan tâm của hội; và điều này không là sự kiện của một giấc mơ lười biếng!

Hai năm sau, tôi đọc trong tác phẩm của bác sĩ Raymond Mody 'Cuộc sống sau cuộc sống' kể lại kinh nghiệm của những người nam và nữ, sau khi lâm sàng và bị coi là chết, hoặc đến rất gần cái chết theo sau những tai nạn nguy kịch, những người đã được đem trở lại sự sống nhờ những phương tiện hồi sinh tân tiến. Nhiều người đã đem

về từ cuộc phiêu lưu đó những hồi ức kì lạ, và hàng trăm lời chứng đã được ghi nhận. Tôi đã không ngạc nhiên, khi đọc những câu chuyện đó. Những trải nghiệm làm 2 năm trước đó đã cho chúng tôi một chỉ dẫn về cái sự sống không chết được đó.

Trong cuốn sách của mình, ông bác sĩ đó nói: 'Chúng ta có trước mặt một bằng chứng đầu tiên về sự sinh tồn của tâm thức sau cái chết?' Nếu bỏ thời giờ đọc tất cả những văn chương của Subud, có nghĩa là những câu chuyện của nhiều anh chị em, ta quả thực nhận thấy một vài người có những bằng chứng về những cha mẹ hay bạn bè của mình đã đến thăm mình một khoảng thời gian sau cái chết của họ, thậm chí còn nói chuyện với mình nữa.

Đối với chúng tôi, sự ra đi tới cuộc sống tại nơi bên kia của cô con gái mình, đã ảnh hưởng rất nhiều tới chúng tôi, và một vài người còn nghĩ là chúng tôi sẽ mất đức tin ở Thượng Đế. Quả thực là thế, ta có thể mất đức tin khi nó dựa trên trí tuệ, trên cái tín ngưỡng thiếu bằng chứng, nhưng khi nó dựa trên sự im lặng, trên kinh nghiệm về sự hiện diện của Thượng Đế Toàn Năng trong lòng mình và chung quanh mình, thì theo ý tôi, ta không thể mất nó được. Tôi đã viết trên kia là chúng ta phải sống cái 'hiện tại'; cái khả năng đó được ban cho mình, khi chúng tôi trong latihan.

Trong nhà tạo nên một khoảng trống, chúng tôi thấy thiếu thốn sự hiện diện sống động của Monique. Chúng tôi phải lấp cái khoảng trống đó, không bằng ma túy làm tâm thức mê ngủ, không bằng lạc thú của giác quan, âm nhạc, vân vân...không! mà bằng latihan, vì chỉ có Thượng Đế mới có thể làm dịu bớt sự đau khổ của chúng tôi.

Chúng tôi phải mất gần đến 3 năm để không còn nhận được nữa những tình cảm, những làn sóng đôi khi đến nhắc lại cho chúng tôi sự hiện diện của Monique. Tuy nhiên, trong tình cảm của Renée vẫn còn một nghi vấn. Tại sao điều đó đến với chúng tôi? Tại sao, khi biết được

nó, chúng tôi không làm gì được hết? Những tại sao đó khiến bà nghi ngờ tình thương của Thượng Đế đối với chúng tôi, dẫn vật bà, ảnh hưởng tới bà. Chúng tôi được tin là Bapak đến London. Tôi đề nghị với Renée đến đó, nhưng không thể đi chung với bà. Bà may mắn được đi với một người chị em và hai người anh em. Một cuộc gặp mặt được sắp xếp để bà có thể không phải gặp Bapak, mà Rahayu, bà con gái của Bapak. Trong lúc trò chuyện, bà Rahayu nói với vợ tôi là chính mình cũng được Thượng Đế báo trước cho hay cái chết của bà mẹ mình và hai người em. Bà nói: 'Thượng Đế đã chuẩn bị linh hồn của chị để chị có thể chịu đựng được sự thử thách đó mà không bị điên; thậm chí có thể một ngày nào đó trong latihan, Monique sẽ đến thăm chị, như Ibu đến thăm Rahayu.' Điều đó khiến bà vợ tôi được yên tâm một chút, nhưng bà vẫn luôn hoài nghi. Một khoảng thời gian sau, trong một cuộc họp vùng của Subud ở Prouille, Renée nói điều đó với Đức Cha viện trưởng của Tu Viện, ông này nói với bà điều gì gần giống với điều bà Rahayu đã nói.

Lần này Renée chấp nhận căn cứ vững chắc của những giải thích đó.

Ngay sau khi Monique ra đi, tôi cảm thấy nhu cầu làm việc nhiều, và khởi công bố trí và làm lớn thêm những căn nhà trên khu đất cắm trại ở Bénaix tại chỗ gọi là 'Giọt Nước' mà Bapak đặt tên là 'Harapan Mulia', một từ Nam Dương có nghĩa là 'sự chờ đợi thanh cao.' Hồi đó là đầu tháng 6, tôi đang đào một cái lỗ làm hồ tiêu tự loại, chợt tôi trông thấy một người anh em Subud làm việc trong cùng một công xưởng với Monique. Anh nói với tôi: 'Trong giấc mơ tôi trông thấy em gái tôi và Renée trong một nông trại ở Anh; họ ăn uống trên bãi cỏ trước sự hiện diện của Bapak. Anh tả cho tôi những chi tiết của nơi chốn đó. Tôi không mấy tin những điều anh nói, bởi về phần mình tôi nghĩ là họ ở London. Tôi nói với anh: 'Hãy đợi chờ họ từ London về, để biết điều đó có đúng không.' Rồi anh nói thêm: 'Tôi trông thấy Monique mặc toàn màu trắng nói với mình: 'Anh đến nói với cha mẹ tôi là thỉnh thoảng

tôi đến thăm họ, tôi hạnh phúc, tôi du hành trong vũ trụ với Rashad Brossard [cựu phụ tá quốc gia Pháp mất cách đây vài năm] và tôi hiểu được sự phục sinh của Lazare²⁰. Chúng tôi đứng im lặng một lúc lâu. Tôi cho anh hay hôm qua là ngày mừng một tháng 6, như vậy là ngày sinh nhật của Monique: cháu sẽ được 23 tuổi. Một sự tình cờ, người ta sẽ nói!

Tôi vui mừng vì cái tin mà Thượng Đế đã gửi cho người anh em của chúng tôi. Điều đó quả thực xác nhận thực tại của cuộc sống sau cuộc sống này, và hạnh phúc của những người trong latihan trên trời. Khi họ từ London về, tôi bảo người anh em đó kể cho họ giấc mơ của anh. Họ ngạc nhiên, vì anh tả đúng y hệt cái nơi chốn họ tới và họ làm gì ở đó. Như vậy, lại có thêm bằng chứng về việc không có giới hạn trong lãnh vực tâm linh, mắt của linh hồn có thể thấy xa hơn mắt của thể xác.

Tôi đọc được một đoạn văn trong một thánh thư: 'Cuộc sống chỉ vĩ đại, chỉ thực sự hạnh phúc tại thế giới bên kia, nơi là thế giới đích thực của con người.' Ta gọi nó là 'trên trời' và nó không có dưới này. Theo những câu chuyện của những người đã nếm được, nghiệm được cái thế giới bên kia, đây là điều bác sĩ Mody nói thêm: 'Sự vinh quang, sự tốt đẹp, lạc thú của cuộc sống, sẽ gấp ngàn lần những cái đó ở dưới này.'

Nhưng chúng ta khó nghiệm được nó, vì bị 'che lấp' bởi ảnh hưởng của những sức mạnh thấp kém của thể gian này; vì đã lâu đời tìm kiếm sự vĩ đại, sự phú quý, lạc thú, ưu thế và quyền thế trên cái thế gian này, nên chúng ta không còn khả năng ý thức được cuộc sống của thế giới bên kia là gì.' Khi quan sát kĩ những sự kiện của cuộc sống trên thế gian này, chúng ta nhận thấy lạc thú không vĩnh viễn, không bền vững; chúng ta cho là mình có thứ này thứ nọ, trong khi mình là sở hữu của những cái đó, tới nỗi chúng ta trở thành nô lệ của chúng. Nếu phú quý và của cải khiến con người hạnh phúc, thì những kẻ giàu có sẽ là

20 Người đã chết nhưng được đức Ki Tô làm cho sống lại.

những người hạnh phúc nhất trên trần gian; điều này trên thực tế không là như vậy. Có ngày họ vui, ngày khác họ buồn. Thế nên, cuộc sống trải qua cái cao và thấp, không có gì cố định, thường hằng, mọi sự việc thay đổi không ngừng. Sinh ra, trải qua thời thơ ấu, niên thiếu, trưởng thành, bị bệnh và chết, đó là số phận của mỗi cá nhân.

Trên trời, niềm vui và hạnh phúc là những điều vĩnh cửu và bất biến, và chúng ta phải rời bỏ cái thế gian này, nên hiển nhiên chúng ta phải sửa soạn mình để hẹn gặp cái cuộc sống cao đẹp hơn nhiều đó. Người ta nói nước của trời được chuẩn bị trên trần gian, trong khi chúng ta mang cái thân thể xác thịt này, mọi nhân đều tạo ra quả.

Một vị Lạt Ma Tây Tạng đã thuyết pháp, và tôi được nghe, trong ngày ông em Robert của tôi qua đời. Ông nói tới cái thế giới bên kia, như mình đã nghiệm được nó. 'Một cuộc sống đạo hạnh, trong sạch, thanh cao, sửa soạn cho một cuộc sống hạnh phúc và an lạc tại cái thế giới đấng sau cửa tử, trong khi một cuộc sống trụy lạc, theo những lạc thú của giác quan, dẫn tới một cuộc sống bất hạnh tại thế giới bên kia.' Ta tìm thấy những điều tương tự trong kinh Koran, trong cái surah 57, câu thơ 14: 'Cuộc sống trên thế gian này chỉ là ảo tưởng và hão huyền, lộng lẫy và phù phiếm, tranh giành, chạy theo phú quý; nó như những cánh đồng có nhiều sương thấm vào, sự phì nhiêu của nó làm mê hoặc trong một lúc những kẻ ngụy tín. Rồi nó trở nên vàng úa và khô héo. Cuộc sống này kết thúc tại thế giới bên kia hoặc trong một nhục hình kinh khiếp, hoặc trong sự tha thứ và vinh quang của Thượng Đế. Ta chỉ hưởng thụ nó được một cách tạm bợ.'

Linh hồn làm gì sau khi rời khỏi thể xác?

Năm 1974, Emmanuel, một người anh em trong Subud, thuật lại cho chúng tôi những điều Bapak nói về lối xử sự của một linh hồn của một người quá cố. 'Khi linh hồn rời khỏi thể xác trong đó nó cư ngụ, nó còn có thể nhận diện được những người của gia đình mình; nó thấy họ khóc, tìm cách nói chuyện với họ; nhưng không ai nhận thấy điều đó, vì cái linh hồn đó không còn trong thể xác nữa; những người khác không thể nhận thấy sự hiện hữu của nó.' Ở Java, theo tập tục, người ta làm một cái 'selematan' cho người chết: thân nhân, hàng xóm, bạn bè, dùng một bữa ăn trưa, và người ta xin những người tham dự cầu nguyện cho sự thoải mái của cái linh hồn đã ra đi. Sau bữa ăn, người ta bắt đầu đưa đám tang để đem xác chết tới nghĩa địa. Không ai hay được điều này, nhưng linh hồn của người liên quan có mặt trong đám tang... Nó đi chung với mọi người tới phần mộ, và trông thấy người ta mai táng thể xác mình như thế nào; và khi mọi người về nhà, nó cũng về nhà với gia đình. Nó lưu lại những nơi gần đó trong 3 ngày, tìm cách nói chuyện với mọi người, nhưng không ai nhận thấy nó; trong vòng 3 ngày đó, nó thấy mất hứng thú, nó thấy chán. Và nó quyết định ra đi.

Vì thế cho nên ở Java tập tục muốn người ta làm một cái 'selematan' sau 3 ngày, để từ biệt cái linh hồn bỏ nhà ra đi. Không biết đi đâu, nó đến phần mộ. Nhưng ngày thứ 7

sau cái chết, nó trở về thăm gia đình.

Bởi lẽ đó ngày thứ 7 sau khi một người nào đó qua đời, người thân lại làm thêm một cái 'selematan' cho sự thoải mái của linh hồn (người chết) khiến nó được vui sướng. Rồi nó ra đi để bắt đầu một cuộc phiêu lưu mới và học cách sống như thế nào trong cái thế giới mới của mình.

Bapak kể lại câu chuyện của một linh hồn ra đi và đến trước một con sông lớn mà nó muốn đi qua. Linh hồn kiếm một cái cầu, nhưng không tìm thấy nó; rồi một linh hồn khác đến và họ bắt đầu nói chuyện.

'Bạn đi đâu?'

Và cái linh hồn mới tới nói:

'Bạn làm gì ở đây?'

'Tôi kiếm một cái cầu, vì tôi muốn đi qua bên kia sông.'

Cái linh hồn thứ nhì nói:

'Thì ra là vậy! Nhưng bạn đã chết được bao lâu?'

'Khoảng một tuần.'

'Vậy, tôi không lấy làm lạ bạn không biết những gì xảy ra ở đây! Lúc này bạn không bị cái thân xác mình trói buộc, giữ lại; nếu muốn đi qua bờ sông bên kia, bạn chỉ việc nhảy và bạn sẽ tới.'

'Nhưng đó là một con sông lớn! Làm sao tôi có thể nhảy xa được? Tôi sẽ té xuống nước!'

'Trời! Bạn ngu thật!'

Rồi cái linh hồn thứ nhì nhảy qua bên kia sông, và cái linh hồn thứ nhất đi theo nó.

Bapak giải thích là khi không còn bị thể xác cản trở, ta có thể du hành rất nhanh, ta thấy mình nhẹ như tinh thần. Chẳng hạn, khi ta ở nơi đây Paris, và nghĩ tới New York, lập tức ta thấy New York; đó là cái tốc độ theo đó tinh thần đi. Như vậy, cái linh hồn không còn bị thể xác bao quanh, có thể du hành nhanh tới cỡ đó.

Thế nên, cái linh hồn đó vui sướng, nó có thể kể đó nhảy qua một ngọn núi trong một tích tắc đồng hồ. Cái linh hồn đó tiếp tục du hành; nhưng tới 40 ngày, nó trở về thăm gia đình, và ở Java, thân nhân lại làm một cái 'selematan' nữa. Linh hồn sẽ ra đi một lần nữa, để trở lại ngày thứ 100 và ngày thứ 1000 một lần cuối, đó là cái 'selematan' cuối cùng cho người quá cố. Như vậy ở Java, cái truyền thống 'selematan' dựa trên một kinh nghiệm tâm linh.

Ba năm sau cái chết của Monique, Renée có một giấc mơ trong đó bà trông thấy Monique mặc một chiếc áo choàng hở hang, dưới chiếc áo đó Monique trần truồng. Cháu đến gần mẹ và nói: 'Con không trở về nữa.' Nhưng 7 năm sau, trong lúc Renée đang tập latihan, bà trông thấy từ đằng xa tóc, rồi mắt, rồi mũi, rồi miệng, rồi toàn khuôn mặt của Monique, và điều đó trước hết là nhìn nghiêng, kể đến là nhìn trước mặt. Monique nhìn mẹ với một khuôn mặt nghiêm trang và không nói gì hết. Hiện ảnh đó kéo dài trong một lúc, rồi biến mất. Chỉ có khuôn mặt hiện ra. Cái chứng nghiệm đó xác nhận điều bà Rahayu đã nói với Renée mấy năm trước đó: 'Một ngày nào đó chị đang tập latihan, có thể Monique sẽ đến thăm chị, như Ibu đến thăm Rahayu.'

Điều kì lạ: ngày Renée trông thấy hiện ảnh của Monique trong latihan, là ngày sinh nhật của Monique, ngày 4 tháng 9 năm 1989.

Cái chết không tránh được. Điều đó không thể khác được; là tín đồ hay không là tín đồ, tất cả đều một ngày nào đó sẽ chết; tất nhiên càng muộn càng tốt! Mọi người đều sợ cái chết, vì ta không biết được điều gì xảy ra sau

đó. Trong Subud chúng tôi do đó ý thức được sự sống sẽ tiếp diễn sau cái chết; quả thực sự phụng thờ Thượng Đế của chúng tôi sửa soạn mình cho cuộc hẹn gặp tại thế giới bên kia. Các bạn có lẽ đã đọc được những câu truyện về cái 'mi-radg' [cuộc thăng thiên của thiên sứ Muhammed]

Ông được chỉ cho thấy một người đàn bà đang bứt tóc, khóc lóc, la hét vì đau đớn, kêu gào cầu cứu. Tóc của người đàn bà đó mọc trở lại, nhưng người đó lại bứt tóc, trong khi đang gào thét cầu cứu, và điều đó cứ như vậy, cho tới mãi mãi. Thiên sứ Muhammed cũng trông thấy một người đàn ông đang đập vào miệng mình, dùng một con dao chém đứt nó, và kêu gào cầu cứu. Rồi ngay khi miệng mình lành lại, người đó lại bắt đầu trở lại, và điều đó tiếp diễn không ngừng. Cuối cùng thiên sứ xin các thiên thần cắt nghĩa cho mình, và họ trả lời lí do khiến người đàn bà đó mãi mãi bứt tóc, là vì trong cuộc đời mình trên trần gian, người đó đã luôn luôn mang tóc giả, có nghĩa là người đó luôn luôn có bên trong mình những tư tưởng xấu xa. Về phần người đàn ông, người đó đập vào miệng mình, vì trong lúc sống trên trần gian đương sự luôn luôn nói những điều xấu xa, và lấy làm vui được ăn những thức ăn kiếm được một cách bất chánh. Có nhiều điều khác nữa mà thiên sứ Muhammed trông thấy trong cuộc thăng thiên; khắp nơi đều có những kẻ chịu cực hình do những hành vi xấu xa của mình trong cuộc sống trên trần gian.

Những kinh nghiệm mà thiên sứ Muhammed thuật lại cho chúng ta thấy mỗi cái nhân đều có một cái quả, và nếu muốn được hạnh phúc tại thế giới bên kia sau cái chết của mình, đó là điều tốt, nếu chúng ta rất chú trọng tới những hành vi của mình khi còn sống trên trần gian; một cuộc sống thanh cao và công chính là điều đòi hỏi, để chúng ta được thanh lọc khỏi những tì tật mà quá khứ đã đặt để trong lòng mình, khiến chúng ta rời khỏi cái thế gian này trong trạng thái thanh khiết và đạt được sự an lạc và hạnh phúc trên trời.

Đồng tiền muốn phục vụ Thượng Đế

Trong Subud chúng tôi học cách tiếp nhận ý Thượng Đế, và nếu có thể thì tuân theo điều đó. Chấp nhận điều đó khiến chúng tôi trải qua nhiều kinh nghiệm bất ngờ, đôi khi kì ngộ. Mỗi lần đến gặp Bapak tại nơi người đến, tại những hội nghị thế giới, năm 1971 ở Cilandak, năm 1975 ở Wolsburg, tại Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, mỗi lần tôi chỉ có đúng đủ tiền cho chuyến đi và cho chỗ ăn ở. Có lần Renée đi với tôi trong năm 1970 đến Marseilles, đem theo nhiều tiền hơn là cần thiết, và chúng tôi đã bị cướp bóc.

Hồi đó là tháng 7. Trong khi ông em Robert của tôi đến nghỉ hè ở Bénéux, tôi được tin Bapak ghé qua Marseille một vài ngày trước khi đến Barcelona. Thế nên, chúng tôi quyết định đến Marseille, mỗi người đi xe của mình và đem theo gia đình. Tôi biết đường đi, vì đã đi qua đó nhiều lần để đến tập latihan với nhóm Provence. Lúc ra đi, Renée nói với tôi: 'Anh có đủ tiền không?' Có chứ! Tôi nói, 150F. 'Anh khùng rồi' bà nói với tôi, 'số tiền đó sẽ không đủ.' Bà muốn đem theo 500F. Phải nói là ba tôi vẫn còn sống, ông ở Marseille và vui mừng đón tiếp chúng tôi để mời chúng tôi ăn uống tại nhà ông. Chúng tôi ở nhà của Martin, và theo ý tôi, 150F thì đủ rồi. Cuối cùng chúng tôi đã lên đường đến Marseille với 500F! Trước khi đến Sète, cách thành phố 3 cây số, tôi đề nghị dừng lại nơi mình có

thói quen đậu lại để nghỉ mệt. Ông em tôi nói với chúng tôi: 'Không, em biết một vùng bờ đá, nơi chị Renée, một người sợ nắng, được che mát.' Một cách miễn cưỡng, tôi đi theo ông em tôi tới cái nơi chốn đó.

Renée, luôn luôn thận trọng, bảo tôi khóa xe lại! Chúng tôi mặc đồ tắm đi xuống phía dưới 10 thước để tắm. Trong khi chúng tôi bắt đầu ăn uống, một người đàn ông chạy đến và hỏi tôi chiếc xe 4L màu trắng là của ai, và nói với chúng tôi: 'Có kẻ muốn cướp trong xe của ông.' 'Sao!' Tôi đi theo người đó và trời! Đó là sự thật: có một kẻ đến với một chiếc xe màu đỏ; khi dừng lại gần xe chúng tôi, hắn tìm cách mở cửa xe, thấy không thể được, hắn để tay lên phía trên cửa xe và vặn cong nó lại, hắn lấy tất cả những gì có trên ghế xe và trong cái ngăn đựng bao tay, nơi Renée thận trọng cất tiền và những đồ đạc khác vào đó. Người đàn ông trông thấy vụ cướp đó đứng phía bên kia đường, trên thềm của nhà mình. Ông đã kêu la khi trông thấy tên trộm, và tên đó đã lên xe chạy trốn.

Chúng tôi đã khá kinh ngạc, và ta phải có một quyết định. 'Thôi, hãy trở về Bènaix, vì chúng ta đã bị vớ vét.' Ông em tôi không muốn như vậy, và cho tôi mượn 150F, số tiền đó đủ cho chuyến đi và những chi tiêu lặt vặt ở Marseille. Từ khi chúng tôi có một chiếc xe, đây là lần đầu tiên nó bị cướp, và một trong những lần thật hiếm trong đó tôi khóa xe. Tôi có nên ép buộc người khác làm những điều mình cho là đúng, để tránh những điều bất như ý trong chuyến đi? Tôi rất bình tĩnh, và một tiếng đồng hồ sau, tôi hầu như quên điều xui xẻo đó. Renée thì không! Bà muốn tiếp tục điều tra. Cảnh sát của Sète đã nói với chúng tôi [thật khôi hài]: 'Hãy cố hằng tìm thấy chiếc xe màu đỏ, vì chúng tôi không thể làm gì cho mấy người! Chúng tôi có quá nhiều việc làm, mỗi ngày đều có những vụ y như vậy xảy ra ở đây, trong thời kì nghỉ hè.' Quả thực thiên hạ đã trở nên điên loạn!

Tại Marseille latihan được tập tại nơi chốn cũ ở khu Aux Carmelins, nhưng Bapak đã làm đảo lộn cái chương

trình thông thường, và nói là cuộc họp cuối cùng, buổi nói chuyện và những trắc nghiệm, được làm tại nhà của Rukmiwati, trong cái ga-ra rộng lớn được dọn dẹp cho những điều đó. Thời tiết tuyệt đẹp; đến muộn vài phút, chúng tôi không có chỗ ở bên trong, và mọi người đều tập trung quanh Bapak, thậm chí có một vài người ngồi mỗi bên và dưới chân Bapak. Chúng tôi phải đứng phía ngoài, và điều đó khiến mình khó nghe được buổi nói chuyện của Bapak và sự thông dịch của Mas Usman. Renée bắt đầu cho thấy những triệu chứng của sự nóng nẩy, và chúng tôi bắt đầu thấy đau cổ, vì phải ngửng cổ lên để nghe cho rõ hơn. Bapak vừa nói:

‘Bapak không muốn xác nhận bất cứ gì về phần mình, nhưng có những dấu hiệu cho thấy khái quát sự xuất hiện của một vài vị sứ giả của Thượng Đế.’ Lạ thay! Chính ngay lúc đó, những hạt mưa lớn bắt đầu rơi xuống, trong khi trước đó không có bất cứ dấu hiệu nào trên trời cho thấy có mưa đến. CƠn mưa đó có vẻ như đến không đúng lúc [nó làm ướt những bộ đồ mỏng của chúng tôi] nhưng là điều chúng tôi mong ước, vì nó khiến chúng tôi, theo lời mời của Bapak, vào tránh mưa trong ga-ra. Bapak cười với cái cười tuyệt diệu chạm vào chỗ thâm sâu của linh hồn chúng tôi, và khiến nó vui sướng. Đám đông xê xích để tạo chỗ cho mọi người có thể tránh mưa; chúng tôi có khoảng chục người đứng ngoài. Điều kì lạ là khi tất cả chúng tôi lại được ngồi gần Bapak hơn, và có thể dễ nghe người nói, thì mưa tạnh. Đó là một dấu hiệu của ông Trời?

Những trắc nghiệm Bapak cho chúng tôi làm buổi chiều đó là những điều rất phong phú cho tâm thức chúng tôi, khiến nó biết được những khả năng phi thường có trong mỗi người chúng tôi: cuộc sống trong kiếp trước, cuộc sống tại những hành tinh khác, tình trạng của trái đất cách đây mấy ngàn năm vãn vãn... Khi chúng tôi ở gần Bapak, bằng những trắc nghiệm, người luôn luôn tạo cơ hội cho chúng tôi đạt được những hiểu biết vượt ngoài những hiện tượng và tất cả những gì chúng tôi có thể tưởng tượng, những điều vượt xa sự hiểu biết của trí thức.

Những trải nghiệm đó đã gây ấn tượng với Renée, một người vẫn còn hoài nghi một chút về Subud, điều này chứng tỏ sự hiện diện của Bapak mang chúng tôi lên một trình độ tiếp nhận cao hơn và bao la hơn như thế nào, những kinh nghiệm của chúng tôi trở nên cụ thể hơn; chúng tôi trở thành những sinh viên của Đại Học Thượng Đế.

Sau Marseille, Bapak phải đến Barcelona; tôi cảm thấy mình phải đi theo. Renée không thể đi cùng, nên tôi đi một mình. Khi thường đi xe hơi một mình, tôi cầu nguyện và ca hát, và khi người ta hỏi tôi: 'Chuyến đi có lâu dài không?' Tôi ngạc nhiên, vì dài hay ngắn, điều đó có ý nghĩa gì khi ta vui sướng?

Cách Benaix 350 cây số, Barcelona là nhóm gần nhất với chúng tôi. Nơi chốn gặp gỡ có vị trí gần Barcelona và trên bờ biển. Buổi nói chuyện đầu tiên của Bapak xảy ra trong một tầng hầm dài của khách sạn, và chúng tôi không thể tham dự. Buổi nói chuyện đó dành cho những anh chị em Tây Ban Nha, và cuối phòng có 5 người cảnh sát mặc đồng phục. Phải nói là trong 12 năm, Subud Tây Ban Nha đã hoạt động lén lút. Nhưng Bapak đã nói là (nhà độc tài) Franco một ngày nào đó sẽ cho phép, và điều đó được cho năm ngoái. Do đó những anh chị em của chúng tôi có thể mời Bapak đến, chúng tôi có thể tham dự buổi nói chuyện thứ nhì, những buổi tập latihan và trải nghiệm. Lần này thì cảnh sát đã biến mất.

Ngày cuối cùng, chúng tôi được tin khoảng 11 giờ Bapak sẽ ra phố. Nhanh chóng chúng tôi tổ chức chuyển đi bằng xe hơi để theo người. Trước đó, Bapak đã chờ đợi Ibu trong phòng họp, tới nỗi có một người, ngạc nhiên vì thấy Bapak đợi, đã dám hỏi:

'Sao! Bapak đợi Ibu?' Bapak đáp: 'Có giờ của Bapak, giờ của Ibu, giờ Barcelona, cả ba đều phải hoà hợp.' Đối với tôi đó là một bài học rất hay, vì giữa giờ của Renée và của tôi thường có nhiều khác biệt. Thời gian hình như không

như nhau đối với người nam và nữ; sự kiên nhẫn giúp ta chấp nhận giờ của mọi người; đó là một kinh nghiệm mà mọi người có thể có, có đúng thế không? Xe hơi đem chúng tôi lên phía trên cùng của những công sự, tại đó có tiệm ăn và cà phê, một khu vườn có những trò vui.

Bapak ngồi trên thềm của tiệm cà phê, Ibu ngồi cạnh, và những thức ăn uống được đặt. Những cô cháu gái của Bapak bước lên những thùng đem người ta đi chơi trên không; ta có thể nhìn thấy xa, mọi người đều vui sướng được có mặt tại đó; tôi ngồi gần Bapak một vài thước, và nhận thấy người có vẻ như đang kiếm thứ gì trong túi mà không tìm thấy! Rồi người lấy từ túi quần một cái ống nhỏ trong đó người bỏ vào những tro tàn của điếu xì gà đang hút. Người đã cho chúng tôi một gương mẫu đáng phục về sự sạch sẽ!

Chúng tôi cảm thấy một ngọn gió nhẹ, và điều đó khiến chúng tôi thấy dễ chịu, vì trời nắng, nhưng đối với Ibu thì phải cho là không chịu nổi, vì Bapak, đang ngồi dựa vào cái vách của quán nước, đã đứng dậy và nói với Ibu đến lấy chỗ của mình; như vậy người dùng thân mình để che nắng cho vợ mình. Người là một ông chồng thật tuyệt diệu, rất ân cần với vợ mình! Đây lại là một gương mẫu để noi theo. Hừ! Không luôn luôn dễ! Một vài người chị em Tây Ban Nha bắt đầu ca hát và nhảy múa; điều đó kéo dài trong một lúc, thì anh bồi bàn chợt đến từ phía trong, tới phản đối những tiếng động họ gây nên. Hầu như lập tức, Bapak đứng dậy và ra đi không nói gì; chúng tôi đi theo người.

Ngày tôi ở đó chấm dứt. Cái hạnh phúc được ở gần Bapak, tập latihan và làm trắc nghiệm với nhóm, đến hồi kết thúc. Tôi phải trở về Pháp. Trong lúc ca hát, lòng đầy an lạc, tôi trở về Ariège. Trước khi đi, tôi đã nhìn vào cái bóp của mình. Còn được 30F. Tôi đang chạy xe, và khi tới lúc vượt qua một chiếc xe, vì không trông thấy chỗ rẽ cách xa đó, tôi đã giẫm lên gạch màu vàng một chút. Đó là một khúc quanh rất lớn tại một chỗ dốc; chỗ cuối của

cái dốc đó, một tiếng còi; tôi dừng xe lại để nhận những khiển trách của cảnh sát Tây Ban Nha đòi tôi trả ngay lập tức tiền phạt. Tôi cho họ thấy số tiền Pháp mình còn lại, họ không chịu lấy ngay loại tiền đó, và tôi lại lên đường, lần này có hai cảnh sát xe mô tô đi kèm, người đi trước, người đi sau. Họ dẫn tôi tới đâu? Cách đó 20 cây số, đậu lại trước một quầy đổi tiền, nơi tôi có thể đưa lúc đó số tiền còn lại. Không thể tưởng nổi! Trong đáy lòng mình, tôi tự nói: 'Thấy không, mình đã mang đi quá nhiều tiền; mình đã biết rõ là khi đến gặp Bapak, thì phải có đúng đủ số tiền cần thiết.' Tuy nhiên, người ta có thể tha thứ cho mình, vì tôi không biết những giá cả ở Tây Ban Nha. Đến Rivesaltes tôi khát nước; tôi lục lọi trong túi quần, còn lại 1F50. Trời! tôi tự nói, vẫn còn quá nhiều! Khi vào một quán nước, tôi uống một nửa li nước có đủ thứ, điều này khiến tôi tiêu những đồng tiền cuối cùng của mình.

Tôi hiểu được kể từ lúc vào Subud là cho hội tiền là điều cần thiết tuyệt đối, để thuê những căn nhà có chỗ tập latihan, chỗ hội họp, mua những khu đất hay những căn nhà, tham dự vào những việc tương tế, v.v... Ngay lúc ban đầu, tôi góp suất tiền của mình như mọi người, nhưng có vài sự phản đối về phía Renée, vì chúng tôi không giàu có. Một hôm, tôi được hay là ta có thể làm trắc nghiệm về số tiền đóng góp của mình, vì Thượng Đế biết được những phương tiện của chúng ta rõ hơn chúng ta. Thế nên, tôi làm cái trắc nghiệm đó mỗi đầu năm, và điều khiến tôi rất ngạc nhiên là Renée, biết được số tiền đóng góp đó là bao nhiêu, đã không còn nói gì nữa với tôi, và điều kì lạ là chúng tôi không bao giờ gặp những khó khăn trầm trọng trong ngân sách gia đình.

Độc Bapak thường giúp chúng tôi có được những hành động khiến mình ngạc nhiên về sự táo bạo của nó; trước khi đi dự hội nghị thế giới ở Cilandak, tôi đọc một đoạn về hội nghị của Bapak: 'Các bạn phải biết rằng những hội nghị (của chúng ta) khác với những hội nghị của những tổ chức khác chỉ quan tâm tới những vấn đề vật chất. Hội của chúng ta là một hội tâm linh, và điều quan trọng

nhất là cái tâm linh. Cái hội nghị thế giới xảy ra tháng 8 năm 1971 đặc biệt rất quan trọng, vì Bapak sẽ có đó để đặc biệt đào tạo các bạn về mặt tâm linh, điều sẽ thuận tiện cho sự thức tỉnh của jiwa, và phát triển cái ý thức về latihan của các bạn, nhờ ân huệ và sự hướng dẫn của Thượng Đế Toàn Năng. Thưa các anh chị em, các bạn biết là trong tất cả những điều mình làm trong đời sống mình trên thế gian này, điều tối quan trọng là lòng chân thành.

Điều này cũng đúng với những người đến Cilandak, nhưng họ thiếu tiền. Nếu thực sự chân thành và giao phó vấn đề đó cho Thượng Đế Duy Nhất, họ có thể bất ngờ nhận được số tiền cho phép mình trả những chi phí đến Cilandak. Vậy, nếu thực sự chân thành muốn đến Cilandak, ý thức được mục đích của chuyến đi đó, ngay cả khi không có đủ tiền, các bạn có lẽ sẽ kiếm được phương tiện hay có số tiền thu nhập mà mình không ngờ tới, miễn là các bạn thực sự chân thành, vì lòng chân thành luôn luôn nhận được phần thưởng. Như vậy các bạn có thể đến dự hội nghị Subud thế giới ở Cilandak.'

Tôi vừa mượn tiền của ngân hàng cho chuyến đi đó; điều này khiến tôi yên tâm: tôi có vừa đủ số tiền cần thiết. Tôi còn nhớ là trong những buổi ban đầu của Subud Pháp, Bapak đến Paris và cư ngụ tại nhà của Renata, những buổi nói chuyện và latihan xảy ra tại khu de Neuilly. Vậy, tôi đến Paris, lợi dụng cơ hội để mua những tác phẩm đầu tiên của Subud xuất bản tại nhà một người anh em lo tới sách báo. Lúc đó là buổi trưa khi tôi đi khỏi nhà anh bạn đó. Trưa là giờ người ta nghỉ tới ăn uống, nhưng tài chánh của tôi ở đâu? Tôi nhìn vào bóp mình, chỉ còn lại 15F; đi đâu được ở Paris với 15F? Hơn nữa, tôi phải giữ lại một vài đồng để mua một cái bánh sandwich cho buổi chiều, và tôi phải cần 6F để lấy xe từ Pamiers về Lavelanet ngày mai. Tôi đi ngoài đường phố, chỗ đó là khu Quartier Latin, tôi thấy mình đứng trước cái căng-tin của Đại Học, nơi tôi đọc được trên cửa: 'Giá tiền của bữa ăn cho sinh viên: 4,50F.' Tôi tự hỏi và nói với mình: Mình mang những cuốn sách dưới tay [cuốn Susila Budhi Dharma của Bapak và

một vài cuốn khác] vậy mình có thể nói mình là một sinh viên về môn ngữ học Đông phương ở Sorbonne, ghé tới Paris, đang lúng túng, không có nhiều tiền để thỏa mãn những nhu cầu của bao tử. Tôi liền đến quầy bán vé, mua một cái vé cho một bữa ăn. Tôi đi theo những sinh viên đi lên một cầu thang dẫn tới lầu hai. Trong cầu thang đó, một thanh niên có lẽ là nhân viên của căng-tin hỏi tờ vé của tôi, xé một phần, đưa phần còn lại mà không hỏi gì hết. Vào phòng ăn, tôi có thể như mọi người ngồi vào một cái bàn, và thản nhiên ăn uống trong khi vừa cảm tạ Thượng Đế về điều bất ngờ đó. Tôi nghe sinh viên nói những vấn đề của họ, vấn đề của tôi đã được giải quyết một cách thật đơn giản. Buổi chiều tôi có thể mua một cái bánh sandwich tốn kém 4F, và trong xe lửa, vận may muốn là hầu như không có ai hết. Tôi không thể mua một chỗ ngủ, nhưng có một chỗ ngồi hoàn toàn trống; vậy, tôi có một chỗ ngủ miễn phí và ứng biến. Sáng hôm sau, xe buýt đem tôi tới Lavelanet, và sau khi trả tiền xe, tôi còn lại nửa F. Đích thực là một gia tài!

Tôi vui mừng vì cuộc phiêu lưu đó; ở Paris cái kinh nghiệm trong Subud của tôi đã được phong phú thêm, và đức tin của tôi lớn hơn. Bapak đã nói với chúng tôi: Thượng Đế không có tiền, nhưng nếu chúng ta phục tòng sự Toàn Năng của Ngài, Thượng Đế có thể chỉ cho chúng ta cách làm việc, và tiền bạc ở đâu.

Năm 1971 tại Hội nghị Thế giới ở Cilandak

Kể từ lâu tôi có một ước mơ: đến phương Đông tìm đạo gần những vị tôn sư về tâm linh. Thời mình nghiên cứu triết học Vedanta và Phật giáo, tôi muốn đến Tây Tạng và Ấn Độ. Nhưng cuộc sống thay đổi, may thay! Và những ước mơ của chúng ta cũng thay đổi theo. Phải có 3300 F để đến dự hội nghị thế giới ở Cilandak. Làm thế nào đây? Tôi không có số tiền đó, nhưng có ước vọng thâm sâu tới đó. Thay vì suy nghĩ quá nhiều và đặt đủ loại câu hỏi, tôi khiến cho tư tưởng mình được yên tĩnh và ồ! trong sự trống không của nội tâm có điều gì nói với tôi: 'Cậu có thể đến dự cái hội nghị Subud đó.' Điều đó rất thuận lợi cho sự phát triển tâm linh của tôi; đó không là một vấn đề tiền bạc, mọi việc sẽ được sắp xếp. Tại ngân hàng tôi được cho hay là mình có thể được cho vay 3000 F. Tôi mượn số tiền đó, và do đó có thể đi dự hội nghị.

Chúng tôi gồm 40 người anh chị em Pháp đi từ Paris để đến gặp những người khác tại những quốc gia khác, cuộc hẹn gặp được ấn định tại phi trường Gatwick. Những người tổ chức lo toan tới chuyển đi đó đã thuê một chiếc

máy bay riêng, một chiếc Boeing, trong đó có 300 hội viên Subud. Đó là chuyến du hành lớn đầu tiên của tôi bằng máy bay; tôi như một đứa con nít khám phá được một chân trời mới; tôi vui mừng được thấy trái đất từ phía trên; những chỗ đỗ lại: trước hết là Ankara, nơi tôi thấy người Thổ lần đầu tiên, chỗ đậu thứ hai là Karachi, Pakistan, sao mà nóng thể khi ra khỏi máy bay! Nhưng buồn thay: trên sân bay có những người đàn bà trên lưng họ có những đứa bé; những người đàn bà đó đang làm việc nặng nhọc với những cái cuốc; làm sao để an ủi họ? Máy bay đậu lại chỉ có nửa tiếng đồng hồ, và chúng tôi tiếp tục bay tới Mã Lai, nơi máy bay đáp xuống phi trường Kuala Lumpur đẹp đẽ. Nơi đây quang cảnh thay đổi; một chiếc xe buýt đem tôi tới một khách sạn trong thành phố; những mùi hương ngoại lai ngửi thấy rất thoải mái: mùi canelle và một vài mùi thơm khác mà tôi không biết tên. Ban đêm trôi qua rất thoải mái; buổi sáng là sự khám phá một thế giới mới và khác biệt với những thói quen của chúng tôi. Sự thích nghi xảy ra dần dần. Một chiếc xe buýt tới kiếm chúng tôi để đem chúng tôi tới phi cơ bay tới trạm cuối cùng, Jakarta.

Đến Jakarta là điều phi thường; chúng tôi được anh chị em Subud đón tiếp, những người làm đường đi nước bước của chúng tôi được dễ hơn; có những chiếc xe buýt đem chúng tôi đến Cilindak, nơi xảy ra hội nghị. Khắp trên đường đi, chúng tôi thấy lẽ lạc của thành phố và những vùng lân cận. Đi vào phức hệ của Subud là một niềm vui: hơn hàng ngàn anh chị em của mọi quốc gia đến trước mình đã vỗ tay đón chào chúng tôi, cười nói; một vài người đã khóc vì vui mừng. Khi xuống xe, những người quen biết nhau đã ôm hôn nhau, trong lòng chúng tôi tất cả đều rung động vì xúc động và hạnh phúc. Ngay lập tức, một người anh em mang theo một loa phóng thanh chỉ cho chúng tôi những điều mình phải làm, trước khi vào những căn phòng dành cho mình, chúng tôi lấy những thông tin về diễn biến của Hội Nghị Thế Giới. Mặc dù sự mệt mỏi của chuyến đi, tôi cảm thấy nhẹ nhõm, được nâng đỡ bởi cái tình huynh đệ có khả năng giải phóng tâm

hồn và tình cảm mình khỏi tất cả những gì khiến nó nặng nề. Một kinh nghiệm khó quên được!

Đó là cuộc phiêu lưu đẹp nhất trong đời sống tôi; vì trong suốt tháng, tôi luôn luôn trong trạng thái latihan và bơi tằm trong một sự đại hạnh phúc hầu như thường trực, chỉ có mỗi một ngày trong đó tôi uống quá nhiều nước lạnh, tôi thấy khó ở và phải đến y xá. Một người chị em nói với tôi: 'Khi đau ốm, Bapak luôn luôn yên tĩnh, và uống nước hâm nóng.' Vui mừng vì điều cho hay đó, và bởi lối trị bệnh đó rất đơn giản, tôi nằm yên trên giường suốt ngày, không dùng bất cứ một thứ thuốc nào. Ngày kế tiếp, tôi cảm thấy được bình phục, nhẹ nhõm, vui sướng vì cái kinh nghiệm đơn giản đó.

Một buổi chiều sau bữa ăn, phát ngôn viên của Wisma Subud báo cho những người muốn cắt bao quy đầu hay là sáng mai họ phải tới đăng kí tại văn phòng. Lập tức, tôi đi điều tra ý nghĩa của nó là gì. Tôi may mắn được chia cùng một phòng với anh Rashad là phụ tá quốc gia. Anh cắt nghĩa cho tôi, và đề nghị với tôi làm một trắc nghiệm: 'Điều đó sẽ như thế nào đối với sự thanh lọc của nội tâm tôi, và sự phát triển của linh hồn mình, khi tôi cắt bao quy đầu?' Cái trắc nghiệm rất thuận lợi và tôi cảm thấy vui sướng và được giải thoát khỏi điều gì xưa cũ. Chúng tôi làm một cái trắc nghiệm khác để biết coi có được hay không, nếu tôi phải cắt bao quy đầu ở Cilandak? Điều đó là được! Đối với vợ chồng thì như thế nào? Kết quả: hòa thuận, thông cảm. Tôi cảm tạ người anh em của mình về những trắc nghiệm đó, và ngày kế tiếp, tôi đi đăng kí với những người anh em của mình để nhận những chỉ thị cần thiết.

Ở đây ta cần mở một dấu ngoặc để nói rõ là trong Subud cắt bao quy đầu không là điều bắt buộc; không có áp lực nào khiến ta phải làm cuộc phẫu thuật đó. Mỗi người được tự do với cá nhân mình. Tôi vui mừng vì cuộc phiêu lưu mới này, vì tin cậy trắc nghiệm. Quả thực Bapak đã huấn luyện cho chúng tôi hiểu được khá hơn những chân lí được

khả thị cho mình nhờ trải nghiệm, thế nên với lòng tin cậy hoàn toàn tôi thử cái kinh nghiệm về cắt da đầu quy, tôi không có bất cứ lí do gì để dẫn vật mình với trí tuệ. Ngày kế tiếp là cái 'selematan' lớn cho tất cả những người đã quyết định làm cuộc phẫu thuật đó. Chúng tôi độ một trăm người; Bapak cũng có mặt và giải thích cho chúng tôi về ý nghĩa của việc cắt da đầu quy: 'Theo quan điểm của nội tâm, cuộc phẫu thuật đó là một sự kiện trừ khử và gột sạch thứ máu dơ bẩn xuất phát từ tổ tiên, khiến sau này một người nào đó có thể có thứ máu tươi tốt trong cuộc sống mình; đó cũng là một biện pháp vệ sinh.'

Tôi đi từ ngạc nhiên này qua ngạc nhiên khác. Tôi được biết trong cuộc phẫu thuật tại bệnh viện Jakarta là chúng tôi được sự trợ lực của một hay nhiều phụ tá Subud, và một người trong họ sẽ là người đỡ đầu của tôi. Tôi không còn nhớ là chính tôi đã chọn người đó, hay chính người đó đã đề nghị mình. Nhưng anh Dahlan là người đỡ đầu tôi, và điều ngạc nhiên khác là anh đã thể theo tập tục mời tôi đến chọn một cái sarong là một tấm vải độ 1 tới 2 thước mà ta quấn quanh thân, nó giống với một chiếc váy. Ta phải mang cái sarong đó sau cuộc phẫu thuật, vì mang quần có thể khiến mình khó chịu, và anh ta đã tặng tôi cái đó; tôi thật được biệt đãi! Cái tổ chức đặc biệt của hội nơi đó rất đáng tin cậy; ngày kế tiếp có nhiều người đến đợi phiên mình tại phòng bệnh rộng lớn tại bệnh viện Jakarata; một vài người không mấy yên tâm; bị tác động của trí tưởng tượng, họ nghĩ và tự nói: 'Nếu điều đó không thành công? Và nếu, nếu...' Thái độ yên tĩnh trong nội tâm và đức tin là những điều nghiêm khắc đối với tôi, và đó là điều tôi có, khi đến phiên mình vào phòng phẫu thuật, nơi một y sĩ chuyên môn đón tiếp chúng tôi với một nụ cười. Nằm dài trên bàn mổ, tôi trông thấy Dhalan và một người anh em Canada khác đang trong trạng thái latihan, trong khi y sĩ đang phẫu thuật một cách tế nhị và chắc chắn, cho thấy trong vụ này ông là một chuyên viên trong lãnh vực. Sự hiện diện của những anh em Subud trong trạng thái latihan, khiến không khí bớt căng thẳng. Một lúc nào đó, tôi đã nói với Dahlan: 'Tôi muốn nhảy nhót!'

Anh nói với tôi: 'Anh khùng rồi, đừng động đây.' Tôi cảm thấy một niềm vui khôn xiết! Và mọi việc đã xong. Điều đó thực ra là một cuộc phẫu thuật thật đơn giản; quả thực có một không khí đặc biệt của lòng tin cậy. Ngay sau đó, với Dahlan rất khát nước, chúng tôi đi uống một li cà phê, trong dịp đó, tôi mang cái sarong bắt buộc vì những lí do thực dụng.

Ngày kế tiếp, người ta báo cho hay có một loạt những trắc nghiệm vào buổi trưa. Tôi không thể bỏ qua cái buổi trắc nghiệm trong đó có nhiều điều trong chúng tôi được giải tỏa, và đồng thời Bapak cũng khiến chúng tôi ý thức được trong lòng mình có một sự hiểu biết vô tận. Không còn mang trong dịp đó cái sarong nữa, để phòng trong trường hợp mình phải cử động mãnh liệt, tôi mặc quần dài. Dahlan, người đỡ đầu và chăm sóc tôi, nói với tôi, khi anh trông thấy tôi như vậy, là tôi đã liều lĩnh nhiều vì muốn tham dự trắc nghiệm! Có lẽ anh ấy có lí, nhưng trong điều này tôi muốn thử cái kinh nghiệm đó, vì làm trắc nghiệm với Bapak ở Cilandak trong phòng tập latihan mệnh mông là một cơ hội không thể bỏ qua được! Lập tức tôi góp mặt với tất cả những người anh em của mình; bởi có nhiều người, nên chúng tôi làm trắc nghiệm từng nhóm gồm 200 đến 300 người. Nhưng anh Dahlan không đồng thời có mặt trong nhóm của tôi để có thể trông nom đứa con đỡ đầu của mình. Cái trách nhiệm mà anh đã lãnh nặng nề biết bao, khi là một người đỡ đầu của một người anh em không muốn nghe lời mình! Tôi rất mang ơn anh về điều đó. Những trắc nghiệm đó đối với tôi là những điều phi thường do cái cường độ và niềm vui thoát ra từ đó, nhưng sau đó ta thấy trống không, mệt lả, tuy được nhẹ nhõm và rất thanh tịnh trong lòng. Tôi đến phía anh Dahlan: 'Anh thấy không, tôi không bị gì hết!' Thực vậy, sau đó, mọi việc xảy ra một cách bình thường, bộ phận sinh dục của tôi không bị một chút hư hại gì.

Đức tin ở Thượng Đế khiến chúng ta tránh được nhiều nỗi lo sợ và e ngại, chúng ta học được cách trở nên đơn giản mà không làm những điều phiền phức.

Cái hội nghị đó khiến tôi khám phá được nhiều bí ẩn của cuộc sống và hạnh phúc; nhưng như mọi điều khác, nó đến hồi kết thúc, và nếu vui sướng vì đã đến đó, rất vui sướng vì đã nghiệm được nó, thì tôi cũng vui sướng được trở về Pháp, để gặp lại vợ con tôi, vì trong những ngày ở đó, tôi đã có lần nói với mình: 'Tiếc thay toàn gia không được đến đây, để cũng nếm được cái hạnh phúc đó, và khám phá thấy một thế giới khác với cái thế giới bên Pháp.

Lúc đi về hoàn toàn là một cuộc phiêu lưu, tôi phải đi qua Mã Lai bằng xe hơi, và tôi đã chịu một thử thách nghiệt ngã, một loại prihatin²¹ mà mình không muốn. Tôi không còn tiền đô la, như vậy không thể đổi tiền để mua những gì để ăn, tôi phải nhịn ăn những trái cây ngoại lai ngon lành, những thứ bán tại những chỗ xe đậu; tôi không nói gì hết, trong khi đang trong cái trạng thái thanh tịnh còn sót lại của hội nghị, nhưng bụng tôi đòi ăn uống. Chỉ khi tôi tới Kuala Lumpur, anh Luthfi, một người chia cùng phòng với tôi, mới nhận thấy tôi đã gầy đi khá nhiều. Anh quả trách tôi, và ngay lập tức mời tôi một bữa ăn ngon miệng tại một nhà hàng gần nhất. Những thức ăn Mã Lai sao mà ngon thế! Về phần nó, bao tử của tôi nhận thấy niềm đại hạnh phúc! Đó là niềm an ủi khôn xiết, nhờ anh Luthfi mà tôi mang ơn; sau đó anh chăm sóc tôi trong suốt chuyến về, khiến tôi không thiếu gì hết. Khi trở về Paris và đi ra khỏi phi trường, tôi bị một cú sốc: tôi thấy hình như tất cả những người đã dự chuyến đi đó bị cuốn vào cuộc sống lạnh lẽo và bất nhân, mỗi người đều đi thật nhanh tới... Tôi đứng lại một mình với một người anh em có vẻ như bị mất hồn; tôi dẫn anh đến nhà ga; bởi anh không còn tiền nữa, nên tới phiên mình tôi có thể cứu nguy cho anh, vì còn một chút tiền Pháp. Anh có thể lấy xe lửa về nhà ở Cannes.

Những ngày ở Cilindak một lần nữa cho tôi cái bằng chứng là ta có thể gần gũi với

21 Theo nguyên chú: từ Nam Dương có nghĩa là tự ý giảm thiểu và hạn chế những khoái lạc của giác quan.

Quyền Lực của Thượng Đế tại bất cứ đâu, vì chúng ta di chuyển theo cái quyền lực đó nó giúp mình chấp nhận một cách điềm tĩnh mọi biến cố tốt hay xấu đến với mình.

Và những cái đó thì không thiếu! Mỗi người nhận được phần của mình!

Trong công việc cũng xảy ra điều gì

Tôi làm việc trong Ban Giám Đốc Tổng cuộc Thanh Niên và Thể Thao, nơi mà một trong những trách nhiệm chánh yếu của tôi là tổ chức các kì thi tại các trường học trong tỉnh. Công việc đó thật quan trọng từ tháng 3 cho tới cuối tháng 7, trong đó tôi phải chuyển điếm chấm thi tới Hàn Lâm Viện. Tôi làm việc đơn độc trong một văn phòng, và đưa thư từ để đánh máy cho một văn phòng khác có hai cô đánh máy. Tôi không đặc biệt cần có một cô đánh máy làm trọn thời gian cho công việc mình làm; tôi đã ngạc nhiên và đồng thời nhận thấy đó là một dấu hiệu, khi một vài tháng trước Hội Nghị Thế Giới, không ai hỏi tôi, người ta phái tới cho tôi một cô đánh máy. Ông giám đốc bảo tôi cho cô hay về những hoạt động của tôi, để cô có thể đáp ứng những nhu cầu của cơ quan khi tôi vắng mặt; thực vậy, giờ giấc làm việc của tôi tại văn phòng khiến mình được một ngày rưỡi rảnh rỗi cuối tuần. Vận may muốn tôi có một giờ giấc đặc biệt. Trong lúc làm việc tại văn phòng, tôi còn duy trì được giờ giấc của một giáo viên về thể dục và thể thao.

Dần dần cô thư kí đánh máy mới được cho hay về công việc của những kì thi, những báo cáo với Hàn Lâm Viện, tuy ngày tôi xin nghỉ là ngày trùng hợp với vụ chuyển điểm thi tới Hàn Lâm Viện [điều này trong lúc thông thường sẽ bị ông giám đốc từ chối]; nhờ có cô thư kí đánh máy mới tới, và công việc đó có thể được giải quyết trong lúc tôi vắng mặt, nên tôi được bật đèn xanh cho đi Nam Dương. Ông giám đốc biết tôi phải đi dự một Hội Nghị Thế Giới của một hội tâm linh. Một hôm trong văn phòng, trong giờ nghỉ, tôi đang yên lặng đọc cuốn sách của Bapak 'Susila Budhi Dharma'. Ông giám đốc vào phòng, đứng đằng sau tôi, đọc những điều tôi đang đọc. Sau một vài hàng, ông vừa rút lui, vừa chấp tay lại, và nói trong lúc cười: 'Tôi không muốn phá đám ông thầy tu ngoài giáo hội của tôi đang đọc kinh.' Tôi vừa nhìn ông, vừa cười với ông. Tôi vui mừng vì kết cuộc của việc xin nghỉ, điều khiến tôi được giải thoát, vì do đó tôi có thể đến dự hội nghị một cách thản nhiên đối với công sở của mình. Tôi thấy trong điều đó một dấu hiệu của Thượng Đế, tôi cảm tạ Ngài, vì tôi đã ngạc nhiên biết bao, khi từ Cilandak trở về và được cho hay là một tuần lễ sau, cô thư kí đánh máy sẽ đi khỏi văn phòng của tôi để được phái tới một chỗ làm khác, không thể tưởng nổi!

Cô đã đến để khiến việc đi dự hội nghị của tôi được dễ dàng.

Một vài tháng sau, trong khi ngồi một mình trong phòng, tôi trông thấy một người đàn ông đến trình diện, vì theo anh nói, anh đến để nhận lệnh chuyển đến Foix, điều mà anh đợi kể từ 7 năm, mỗi năm anh đều làm đơn xin chuyển. Anh sẽ làm việc cùng với chúng tôi; anh là giáo viên thể dục và thể thao. Anh ngồi xuống để điền một vài tờ đơn, và trong khi đi khỏi văn phòng, anh nói với tôi: 'Đây là lần đầu tiên tôi thấy một người thật điềm tĩnh.' Anh đến ngày kế tiếp, lưu lại một lúc, và hỏi tôi đã làm thế nào để được điềm tĩnh như vậy. Tôi chỉ có thể nói với anh về Subud. Anh chăm chú nghe và nói với tôi là anh muốn tìm hiểu. Anh lại đi khỏi phòng, và ngày

kế tiếp nữa, anh trở lại hỏi tôi làm cách nào để vào Subud. Tôi giải thích cho anh và bảo anh điền vào tờ đơn cho dự bị hội viên; ngày kế tiếp, tôi đưa cho anh một tờ, và bảo anh điền vào. Chúng tôi gặp mặt nhau thường xuyên, nên tôi có thể giải thích thêm cho anh về latihan kedjiwaan Subud. Ba tháng sau anh được khai mở và vào Subud, anh nghiêm túc và đều đặn trong latihan; 7 năm sau anh được phong chức và được chấp nhận là phụ tá của nhóm Bénaix; do đó, trong văn phòng chúng tôi có 2 người phụ tá.

Một khoảng thời gian sau, một viên thanh tra mới đến ban giám đốc. Anh là một người trẻ tuổi, và cũng đến từ vùng Bretagne, cũng như Robert đã đến 3 năm trước đó. Cơ hội muốn có là cô thư kí đánh máy của viên thanh tra mới đó cũng là cô thư kí đôi khi đánh máy những thư từ của tôi. Cô gái đó hút thuốc rất nhiều, và trong lúc trò chuyện, tôi nói với cô: 'Thà hút thuốc còn hơn bị căng thẳng thần kinh.' Một nửa tiếng đồng hồ sau, viên thanh tra đến gặp tôi và nói: 'Tại sao anh đã nói với cô thư kí đánh máy là thà hút thuốc còn hơn bị căng thẳng thần kinh?' Tôi ngạc nhiên vì cái tiếng vang của những điều mình nói, và thấy lúng túng; tôi không biết nói gì với anh ta, nhưng anh ta đợi một câu trả lời. Rốt cuộc tôi nói: 'Tôi nghĩ là vậy.' Chúng tôi bắt đầu trò chuyện, tới nỗi anh mời tôi đến văn phòng anh, nơi tôi được khiến cho nói với anh về Subud [tất nhiên!]; chú ý tới những gì tôi nói, anh nói với tôi tuần kế tiếp đến dùng bữa tại nhà anh. Tuần kế tiếp, chúng tôi và Renée đến nhà anh, anh tiếp đón chúng tôi với cô vợ trẻ, anh vừa lập gia đình. Dĩ nhiên, chúng tôi chuyện trò về latihan, và điều đó có một hiệu quả với anh, vì buổi chiều đó anh kí tên vào tờ đơn cho dự bị hội viên mà tôi đã phòng ngừa mang theo. Cứ 15 ngày mỗi lần, chúng tôi thay phiên mời ăn nhau, họ đến Bénaix một lần, và lần kế tiếp chúng tôi đến nhà họ. Ba tháng sau anh nhận được sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế và cảm được sự rung động của latihan kedjiwaan Subud. Điều kì lạ nhất trong vụ này là trong văn phòng chúng tôi có 3 người là hội viên Subud. Tôi kể lại tất cả những điều để chứng tỏ thật rõ là Ngài hướng dẫn người phải vào Subud để phụng thờ Ngài, và điều đó xảy ra khiến chúng ta rất ngạc nhiên và vui mừng.

Trong cái cơ quan của nhà nước nơi tôi làm việc có 20 người, và tất nhiên nếu điều này chỉ do ý tôi, mọi người đã vào Subud, nhưng ta không thể giải thích tại sao chỉ có 2 người đã được hướng dẫn vào Subud, và để được như vậy, 2 người đó phải được chuyển tới Ariège.

Xem xét tâm thức

Để nhìn rõ vào lòng mình và có thể chinh đốn những điều không ổn, một sự xem xét tâm thức là điều cần thiết. Để xem xét tới nơi tới chốn, chỉ có một giải pháp, đó là sự thức tỉnh của tâm thức. Sự thức tỉnh đó có thể thực hiện được qua đặc ân của ân huệ Thượng Đế. Qua cái đặc ân đó Thượng Đế đến cho chúng ta thấy những khuyết điểm của mình là gì, làm cách nào để trừ bỏ chúng khi chúng xuất hiện trong phạm vi của tâm thức. Khi nhận được một niềm an lạc đích thực, chúng ta không hiểu được là niềm an lạc đó có thể bị hư hoại như thế nào tiếp theo một sự bất cẩn. Chúng ta quan sát thấy lòng ích kỉ của mình phai nhạt đi, sự quyến luyến những tư tưởng mình thích, những hình thức và đồ vật, mất đi mãnh lực; chúng ta có thể nói lòng ích kỉ, những hận thù, đố kị và quyến luyến của mình, yếu đi, tinh thần chúng ta được an lạc hơn và hạnh phúc gia tăng. Chúng ta vui sướng được phục vụ tha nhân, đánh thức trong lòng họ đức tin ở Thượng Đế, vì những tác dụng tốt về sự chuyển hóa của mình là những điều có ích cho những người đến gần mình, và điều này ta cảm được mà không suy nghĩ về nó. Chúng ta thấy mỗi ngày cái tình thương nhận được của Thượng Đế được truyền bá mà không bị cất giấu trong đáy lòng mình. Đơn độc vui sướng không có ích lợi gì, hạnh phúc muốn được

chia sẻ. Sự trợ giúp mà chúng tôi có thể đem đến cho người khác là truyền cho họ sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế.

Không còn có tôi và thế gian, chỉ có sự Thống Nhất, mà không là sự đồng đều. Sự nổi loạn tạo nên những chống đối với thế gian, với những người quanh mình, sẽ biến mất. Chúng ta nhìn thấy những lối sống khác biệt của người khác mà không bị xúc cảm. Điều chúng ta rất thường làm là muốn mình giống một nhân vật nào đó; sở dĩ vậy vì chúng ta không biết bản thân mình một cách đầy đủ để có thể xác nhận nhân cách đích thực của mình. Chúng ta hoài nghi, và điều này kéo theo sự cóp nhặt, sự đồng đều, tẻ nhạt, tạo nên buồn chán.

Một tính hiếu kì lớn phải nổi lên trong lòng mình để chúng ta đến chỗ biết được những đức tính của mình, những khả năng, năng khiếu và cái di sản trên thiên giới của mình. Vậy, chúng ta đừng nghĩ rằng đó là một tội lỗi về tính kiêu ngạo, nếu muốn trở nên khá hơn, và có những gương mẫu để noi theo là những nhân vật vĩ đại trong lãnh vực tâm linh, những vị thiên sứ đã biết cách hướng dẫn mình, và những người theo họ sẽ đạt được hạnh phúc, sự an lạc và lòng thương yêu tha nhân. Cái bản chất nguyên thủy của chúng ta là điều gì trong sạch, phong phú và thanh cao. Thượng Đế đã không tạo ra con người thành một kẻ bạo tàn, điêu ngoa, giả dối, lo sợ, kiêu ngạo và ích kỉ. Chúng ta hãy đừng tin mình không thể làm được những điều vĩ đại, hãy phủ bỏ những bụi bặm che giấu cái tấm gương của phạm vi tâm thức mình.

Subud đến vào một thời đại trong đó đúng là lúc con người hoài nghi tất cả: tôn giáo, đảng phái chính trị, gia đình và bản thân mình. Nhân loại chờ đợi một lối tu tập tâm linh đánh thức trong lòng mình những gì cao đẹp, công chính, và thanh lọc được tất cả những gì có thể là chướng ngại với một cuộc sống an lạc và hạnh phúc đơn giản không màu mè.

Người ta đã chi tiêu hàng tỉ đô la để thành lập Liên hiệp quốc, cái tổ chức đó hội họp để ngăn cản chiến tranh; hậu quả cho thấy là nó đã không thành công, vì vẫn có những ngọn lửa của chiến tranh đốt cháy khắp nơi. Một quyền lực hoàn toàn khác là điều cần thiết để hòa bình, tình thương, thuận hoà và tự do, trở lại trái đất. Cái quyền lực đó có, chúng tôi biết được; chúng tôi đã cảm thấy nó trong lòng mình, khi nó chạm vào chúng tôi. Nó đã làm ngưng lại cái chiến tranh trong nội tâm của chúng tôi và khiến chúng tôi cử động, làm rung động toàn thể bản chất chúng tôi, như phủ đi những bụi bặm của tội lỗi mình.

Thượng Đế là cái quyền lực vạn năng đó. Điều này là sự thật, tôi dám khẳng định như vậy, không chỉ là mình tin điều đó, mà là kinh nghiệm đã chứng minh cho tôi thấy. Và cái kinh nghiệm đó, không ai có thể lấy đi của tôi, xoá bỏ nó trong kí ức, vì nó đã được ghi khắc vào đó với những nét bằng vàng. Đó là điều xác thực nghiệm được, chứ không là tưởng tượng. Nếu có những kí ức mà người ta quên một cách dễ dàng, vì chúng không đáng kể, thì ngược lại cái kí ức về cái latihan đầu tiên của tôi mãi mãi tạc khắc trong phạm vi của tâm thức tôi. Điều đó quả thực là di sản kì diệu nhất mà mỗi người có thể nhận được, vì nó là di sản đến từ con người đầu tiên là Adam, ông cũng đã phải vui sướng được sống, và an bình với chính mình.

Nhưng ta không được tin có 'ông già Nô-en' và tự nói: 'Tôi chỉ việc đặt mua hàng và kiểm thấy tất cả các bí mật: biết được những năng khiếu của mình và có một nghề nghiệp giúp mình nhiều trong việc sinh nhai, được mọi người thương mến và kính trọng, không còn vấn đề gì nữa, khó khăn gì nữa...' Ta phải biết là trong lãnh vực tâm linh cũng như trong lãnh vực vật chất, không có gì mình đạt được mà không nỗ lực, không theo kỉ luật, không trải qua những đảo lộn thâm sâu, qua những thay đổi của những lối sống quen thuộc, không trải qua thanh lọc.

Đối với một người còn trẻ và có cuộc đời trước mặt mình, người đó phải đến trường học, vào đại học để có thể sau

này lấy được một chỗ đứng trong xã hội, và đem vào đó những điều mình đã học khi học hành nghiêm chỉnh. Nếu học kiến trúc, người đó có thể xây cất những căn nhà đẹp để trong đó thiên hạ thấy vui sướng; nếu không thì hơi đâu tốn thời gian ngồi ghế nhà trường?

Tôi còn nhớ là sau khi trở về nước sau sự lưu đày ở Đức trong cuộc thế chiến 1940-1945, tôi thấy chán làm việc trong công xưởng và muốn trở thành một giáo viên về thể dục và thể thao, vì tôi thích thể thao và thanh niên. Tôi đã vận động đủ cách để vào một trường học dạy cái nghề đó. Tôi đã thi đậu trong kì thi vào trường Roubaix là một trung tâm thể dục và thể thao. Sự huấn luyện thật khắt khe. Mỗi sáng, thức dậy trước mặt trời mọc, tập thể dục ngoài trời, ngay cả mùa đông; nhưng khi đã đánh lá bài của cuộc đời mình, ta học tập vui vẻ và hăng say; thế nên tôi đã theo học tất cả những bộ môn một cách chăm chú, tôi học tập muộn cho tới khuya, vì muốn đậu kì thi khiến tôi được danh hiệu 'thầy giáo về thể dục và thể thao' và một việc làm vững chắc. Tôi hiểu được là ta không có gì hết, nếu thiếu một nỗ lực chân thành. Tôi được đền đáp và vui mừng được dạy những điều mình đã học.

Khi tôi vào Subud, người ta đã nói với chúng tôi: hãy đều đặn và chân thành trong lối tu tập tâm linh [latihan kedjiwan] của các bạn. Tôi đã làm như vậy, và 7 năm sau, tôi nhận được phần thưởng là một cuộc sống hạnh phúc và đơn giản, điều khiến tôi viết sách để mọi người biết được Subud.

Đấng Thượng Đế chúng tôi thờ là ai?

Một câu hỏi được đặt ra: đấng Thượng Đế các bạn cho mình đang phụng thờ là ai? Đó là Thượng Đế của Ki Tô giáo? Thượng Đế [Allah] của người Hồi giáo? Thượng Đế của người Do Thái giáo? Một Thượng Đế hay nhiều Thượng Đế của người Phật giáo, tuy trong đạo Phật không có ý niệm về Thượng Đế!

Thượng Đế là Duy Nhất và Toàn Năng, Ngài không thuộc một bè phái riêng biệt nào, một tôn giáo riêng biệt nào. Ngài là đấng Thượng Đế tạo ra cái vũ trụ hữu hình cũng như vô hình mà tất cả các vị thiên sứ được nhân loại biết tên tuổi, đã phụng thờ và yêu cầu chúng ta phụng thờ.

Đức Ki Tô đã nói: 'Hãy phụng thờ Thượng Đế trong Tinh Thần và Sự Thật.' Thượng Đế luôn luôn đi với mình, nếu chúng ta phó thác cho Ngài, và nếu chúng ta có thể yêu Thượng Đế hơn bất cứ điều gì khác.

Trong cầu nguyện của người Ki Tô Giáo, họ thường nói: 'Xin cho ý Thiên Chúa được thực hiện trên cõi trần cũng như trên trời.' Kinh Koran nói: 'Không linh hồn nào đạt

được Đức Tin, nếu thiếu ân huệ của Thượng Đế. Trong cái surah Joseph, tiết 53, ta đọc được: 'Buồn thay, tôi có những dự vọng của mình như những người khác, và những dự vọng đó khiến ta làm điều ác, trừ phi được ân huệ của Thượng Đế đùng vào mình. Thượng Đế thật khoan hồng và đại lượng.' Tiết 40: 'Các người chỉ phụng thờ ngoài Thượng Đế những tên tuổi vô tích sự mình đã sáng chế ra, các người, tổ tiên của các người, sự tồn tại của những tên tuổi đó chưa từng được Thượng Đế khai thị.' Mọi năng lực đều xuất phát từ Thượng Đế. Ngài đòi hỏi ta chỉ phụng thờ Ngài. Đó là sự tôn thờ đích thực. Nhưng ít người biết được điều đó.

Tất cả những khai thị ban cho các vị thiên sứ của mọi thời, xuất phát từ cùng một đấng Thượng Đế và do ân huệ Ngài. Thượng Đế của Abraham, Moise, Jesus Christ, Muhammed, và của tất cả những người có những sứ mệnh truyền tới cho nhân loại, cùng là một Thượng Đế. Thực ra thì chỉ có một Thượng Đế duy nhất, và con người đã đặt cho Ngài một cái tên khác nhau, tùy theo chủng tộc và ngôn ngữ mình. Người này gọi là Dieu, người khác là God, người kia là Allah...

Phụng thờ Thượng Đế luôn luôn là điều được các vị thiên sứ khuyên làm. Ngay cả trong ngày nay, ở Medjugorje, Nam Tư, kể từ ngày 24 tháng 6 năm 1983, 6 đứa bé trông thấy sự xuất hiện của đức mẹ Maria, mẹ của đức Ki Tô; ngày 16 tháng 6 năm 1983, một trong những đứa bé đó đã chuyển lại sự thông tri đó: 'Ta đến để nói với thế gian: Thượng Đế là Sự Thật, Ngài hiện hữu. Nơi Ngài là hạnh phúc đích thực và sự sung túc của cuộc sống. Ta hiện thân nơi đây, Nữ Hoàng của Hòa Bình, để nói với thế gian Hòa Bình là cần thiết cho sự cứu thoát của thế gian. Nơi Thượng Đế có niềm vui đích thực trong đó có Hòa Bình đích thực.' Ngày 16 tháng 6 đức mẹ Maria lại nói: 'Hoàn toàn phó thác cho Thượng Đế, khước từ những dự vọng loạn tâm. Vứt bỏ sợ hãi và quy thuận, những người biết quy thuận sẽ không thấy chướng ngại và sợ hãi.'

‘Các người hãy để cho Đức Thánh Linh hướng dẫn mình trong chiều sâu, như vậy mọi việc sẽ tốt đẹp.’ ‘Khó khăn chỉ đến từ Ma Vương.’ Ngày 21 tháng 10: ‘Điều quan trọng là cầu nguyện Đức Thánh Linh cho nó đến. Khi có nó, ta có tất cả.’ ‘Trai giới và cầu nguyện có thể ngăn chặn một cuộc chiến.’

Trong Subud điều đòi hỏi cũng chỉ là phụng thờ Thượng Đế bên trong mình và trong vạn vật; chúng tôi thực hành sự tôn thờ Thượng Đế mà không là sự tôn thờ những hình tượng, ý tưởng hay ngẫu tượng, điều này chúng tôi biết được do kinh nghiệm; vì chúng tôi đã nhận được cái ân huệ của Thượng Đế, như thánh Joseph nói, gạt bỏ những dục vọng mà mình đã thừa kế của quá khứ. Đấng Thượng Đế chúng tôi phụng thờ trong Subud không có hình thù, vì Ngài có trong mọi hình thù, Ngài vô hình thù; thế cho nên, Ngài không thể thấy được với cặp mắt và không thể nhận diện được với những phương tiện thông thường của chúng ta. Thế nên, ta phải giao phó cho Ngài không phải những của cải, bạn bè, thân nhân, nhà cửa của mình vân vân, Thượng Đế không cần tất cả những cái đó! Tất nhiên là không, vì Ngài là Chúa Tể của tất cả và trong tất cả... Điều đòi hỏi ở tất cả những người muốn phụng thờ Thượng Đế là việc từ bỏ những tư tưởng, thị dục, tình cảm, lo sợ hay nghi ngờ liên quan tới Thượng Đế. Và tại sao lại thế? Bởi đó là những chướng ngại ngăn ta phụng thờ Thượng Đế, và do đó khiến mình không tiếp xúc được với Quyền Lực và ý Muốn của Ngài. ‘Xin chỉ có ý Thiên Chúa được thực hiện’, Kinh Lạy Cha của Ki Tô giáo nói, ‘mà không là ý muốn của tôi’, chúng ta có thể nói. Hay: Xin cho ý Thượng Đế hướng dẫn ý chí tôi, khi tôi nhìn một kẻ nào đó, khi tôi nói chuyện với một kẻ nào đó, khi tôi ăn uống, khi tôi gieo hạt giống trong vườn, khi tôi thực hiện giao cấu tính dục, khi tôi nghe một người nào nói, khi tôi viết vv...

Tất cả các vị sứ giả của Thượng Đế đã tuân theo cái Ý Chí Toàn Năng đó ban lệnh cho vũ trụ được hài hòa. Chỉ cần cái Ý Chí đó của vũ trụ ngưng hoạt động trong một nháy mắt, thì toàn thể tạo vật sẽ sụp đổ. Những người

được Thượng Đế lựa chọn để chuyển lại cái thông điệp về hòa bình và tình thương, đã tuân theo 100% cái Ý Chí Tối Cao đó. Với chúng ta thì như thế nào? Cái phần trăm của chúng ta thay đổi tùy theo đức tin ở Thượng Đế của mình.

Để nhận được sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế, chỉ có một con đường duy nhất, đó là sự im lặng của nội tâm. Bởi thế nhà hiền triết Lão Tử đã nói: Đạo khả đạo phi thường đạo ²².

Thượng Đế ở đâu? Câu trả lời này lại được các thánh thư đáp: 'Nước của Chúa ở bên trong các bạn', kinh Phúc Âm nói. Ngài cũng ở khắp nơi, điều này khiến ta hiểu được không có nơi chốn đặc biệt nào để phụng thờ Thượng Đế. Ta có thể phụng thờ trong lúc làm việc, trong lúc du lịch, trên máy bay, trong lúc lái xe, lúc chết.

Thượng Đế thì con người không thấy được, nhưng Ngài thấy được chúng ta! Thượng Đế đã tạo ra trời và đất mà không theo một mô thức nào. Không thể có một Thượng Đế thứ hai, cũng như không có cha hay mẹ của Thượng Đế.

Chính Thượng Đế chứ không phải con người, kể cả những người thuộc giới khoa học, báo cho chúng tôi biết trước cái giờ phút sẽ đến để mình rời khỏi cái thế gian này và tới cái thế giới chúng ta được Ngài giúp để được chuẩn bị để tới đó, trong lúc chúng tôi phụng thờ Ngài; cho nên, sự phân cách giữa cái thế gian này và thế giới bên kia phai nhạt dần dần theo đà thanh lọc của chúng tôi.

Thượng Đế vượt ngoài tất cả những gì chúng ta có thể hiểu và tưởng tượng được, nên ta dễ công nhận trong Subud không có giáo lí, không có một tôn sư nào để theo, không có lí thuyết nào để học, không có giai cấp. Điều duy nhất ta làm là quy thuận Thượng Đế, và sự quy thuận đó không thể là điều truyền dạy từ người này cho người khác.

22 Cuốn Đạo Đức Kinh của ông Nguyễn hiến Lê dịch là: đạo có thể diễn tả được không là đạo vĩnh cửu bất biến.

Cái ân huệ nhận được trong Subud giúp chúng tôi hiểu được điều đó mà không dựa vào trí tuệ, bằng cách tiếp nhận và chấp nhận những gì Thượng Đế đem tới cho mình hay cho mình biết, tùy theo bản chất và kích thích của mỗi người.

Những kẻ chối bỏ sự tồn tại của Thượng Đế không muốn tin những dấu hiệu mà Thượng Đế đã chỉ mình, kể từ khi có người đàn ông và đàn bà. Tuy nhiên, mỗi lần con người bối rối, ngập ngừng, hoang mang, bị sợ hãi ngự trị, nhiều bằng chứng đã được cho nhân loại, để chữa trị con người khỏi căn bệnh đang làm mình bị hao mòn.

Ai đã khiến cho Cuốn Sách mà Moise đã đem đến cho loài người như một ánh sáng và một sự hướng dẫn? Ai đã báo cho hay sự xuất hiện của đức Ki Tô? Ai đã giảng hạ những câu thơ của kinh Koran cho thiên sứ Muhammed? Ai đã ban cho Bapak latihan kedjiwan Subud? Ai đã giúp con người lấy lại được sự tự tin, lòng tin, những năng khiếu, cái bản chất đích thực của mình, và dĩ nhiên đức tin ở Thượng Đế Duy Nhất và Toàn Năng? Nếu không là Thượng Đế thì là ai? Có một điều nên nhận được cho rõ: không có một vị thiên sứ nào đã nói: 'Ta là Thượng Đế.' Để nhận được sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế, chỉ có một con đường duy nhất, con đường sự im lặng của nội tâm. Chỉ có một Ý Chí duy nhất chỉ cho mỗi người đi theo con đường nào là thiện, đường nào là ác, và tạo cho họ một năng lực cần thiết để lựa chọn.

Trong Subud Thượng Đế ban cho chúng tôi Đức Thánh Linh, như Ngài đã luôn luôn ban cho những kẻ quy thuận Ngài, để Ý Muốn của Ngài được thực hiện nơi họ. Cái ân huệ đó tiếp nhận của Thượng Đế là điều không do môi giới của ngôn từ, do một nghi lễ đặc biệt, hoặc một sự cầu khẩn truyền từ miệng qua tai, hay do trung gian của người nào đó. Nó được thực hiện trước sự hiện diện của một người đã nhận được sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế. Trong Subud, chính Bapak, khi người có

mặt²³, hay những phụ tá của Bapak, là những người có trách nhiệm về sự truyền thụ đó. Trong lúc truyền thụ, nội tâm của người phụ tá trống không và trở thành một con đường truyền dẫn cho những điều của Thượng Đế đi qua chạm vào người trước đó xin nhận được sự giao tiếp đó. 'Mâu nhiệm' của việc 'khai mở' tùy thuộc ở Ý Thượng Đế hoạt động trong chúng tôi và xuyên qua chúng tôi.

Trong bức thư của thánh Paul cho người La Mã XV.4.13 có viết: 'Cầu xin cho đấng Thượng Đế của hi vọng khiến các bạn được vui sướng và an bình trong đức tin của mình, để các bạn trở nên giàu có niềm vọng do năng lực của Đức Thánh Linh.'

23 Theo nguyên chú: cuốn sách này được viết khi Bapak còn tại thế.

Vợ chồng trong Subud

Chúng tôi lấy nhau từ 27 năm qua, và đã có một đời sống vợ chồng trước khi vào Subud.

Sau nhiều năm latihan, chúng tôi có thể nói đã gạn lọc bên trong mình một phần rất lớn những điều ngăn cách chúng tôi. Sự thanh lọc hoàn thành công việc của nó, nên chúng tôi có thể nói là hiểu được một phần nào điều Bapak giải thích về hôn nhân 'sai' và hôn nhân 'đúng' khi người nói: 'Một hôn nhân dựa trên dực vọng không thể dài lâu là một hôn nhân tốt. Như các bạn đã biết, người nhận được latihan kedjiwan Subud thực sự được Quyền Lực của Thượng Đế Toàn Năng dẫn dắt và hướng dẫn tới sự trong sáng của nội cảm, và khiến jiwa [linh hồn] được nâng cao.'

Nếu thực sự là sự hướng dẫn của Thượng Đế Duy Nhất tới sự toàn thiện của jiwa, latihan cũng bao gồm những quan hệ giữa vợ chồng. Điều rất thường xảy ra là một người lập gia đình nói chung dựa trên những liên hệ của ái tình theo dực vọng, và không là hay chưa là những quan hệ của linh hồn này với linh hồn kia. Hậu quả là trong nhiều hôn nhân, những tình cảm thương mến và quyến

luyện của người này với người kia phai nhạt đi theo thời gian, và có ngay cả những kẻ sau đó đem lòng yêu một người khác. Như vậy, nhiều hôn nhân đã kết thúc, khi chỉ đặt nền tảng trên ái tình của dục vọng. Nhưng hôn nhân như vậy không thể lâu dài được.

Nói cách khác, trong thời gian đầu của hôn nhân, có một tình cảm thương mến và quyến luyến mãnh liệt giữa vợ chồng. Nhưng thông thường sau 5, 10 hay 15 năm, người chồng bắt đầu có cảm tưởng sống chung với vợ khiến mình bức bối, và người vợ thấy chán người chồng.

Với một người xem xét cuộc đời mình một cách nghiêm chỉnh, một ước muốn phát sinh khiến người đó tìm cách kiếm được một con đường cho phép mình đem đến một sự chuyển hóa trong những tình cảm của tâm tư. Nhưng thông thường ta khó đem được một tâm tư bị rối loạn trở lại cái trạng thái ban đầu của nó.

Bapak nói với chúng tôi là trong Subud nếu ta đều đặn tu theo con đường của latihan kedjiwan, một sự sửa đổi thâm sâu có thể xảy ra. Tất nhiên cái quá trình sửa đổi đó không thể thực hiện một cách nhanh chóng như mong ước, vì sức mạnh hạ đẳng ảnh hưởng tới nội cảm, đem vào đó những dơ bẩn và lỗi lầm. Trong tình cảnh như vậy, điều cần thiết là có thể chịu đựng cái quá trình đó, có nghĩa là có một thái độ kiên nhẫn của người này đối với người khác, và đôi bên đều quy thuận Ý Muốn của Thượng Đế Toàn Năng một cách tin cậy và chân thành. Đó là con đường nên theo, nếu ta nhắm tới việc đạt được một lối sống được cải thiện và được hạnh phúc trong hôn nhân.

Tôi thường tự nói: mình đã may mắn biết bao vì nhận được đặc ân của Thượng Đế!

Bởi với một cái di sản của một người ông li dị, một người cha li dị muộn, nếu đã không có latihan, thì tôi cũng nhận thấy những xấu xí về bên ngoài và bên trong của những vợ chồng li dị. Bởi hiện nay tại Pháp, một cặp vợ chồng

trong ba cặp đã li dị, và điều này là một tai họa thực sự đối với gia đình.

Hiện nay người ta nói rất nhiều về nhân quyền, nhưng lại quên rằng có những bốn phận khẩn thiết, nếu được thực hành, sẽ khiến cho xã hội được vui sướng và hòa thuận. Tình chung thủy của vợ chồng là một bốn phận của người đàn ông và đàn bà.

Hơn nữa, giữa bất cứ một người đàn ông và đàn bà nào, có một bốn phận khác là điều bắt buộc, khó hơn nhưng thanh cao hơn và công chính hơn, đó là sự cấm đoán ta thêm muốn một người khác, biến người đó thành đối tượng của nhục dục. Nhưng bốn phận đó đòi hỏi một sự đảo lộn những thời thượng hiện đại; việc phô trương thân thể của người đàn bà có thể khêu gợi lòng thêm muốn (xác thịt) và gây nên ngoại tình. Bạn Richard thân mến, đừng thôi cảm ơn Thượng Đế đã có lòng tốt ban cho bạn ân huệ và ân phước của Ngài.²⁴

Chính tôi cũng đã từng bị những ảo tưởng của xác thịt cám dỗ, trong khi cái hành động thiêng liêng đó là điều chỉ đáng được làm giữa vợ chồng. Chính chúng tôi cũng có những lúc cãi lộn, nói lên lời nói kinh khủng về li dị, nhưng đó chỉ là lời nói xuất phát từ ma vương, và mỗi lần ma vương đều bị xua đuổi bởi cái ân huệ hiện diện trong chúng tôi canh giữ cho vợ chồng chúng tôi, cho hạnh phúc và sự thống nhất của chúng tôi. Tuy nhiên, tôi đã có những vấn đề trầm trọng: làm cách nào thực sự thương mến vợ tôi, làm cách nào tạo nên hòa thuận giữa chúng tôi, được hạnh phúc trong đời sống và trong tình yêu, trong lúc giao cấu tính dục và sau đó, và còn nhiều câu hỏi khác mà bất cứ người đàn ông và đàn bà nào đi tìm một cuộc sống khá hơn đều đặt ra.

Lỗi tu của yoga và đạo Phật khiến tôi sống một cuộc sống cô lập không thích ứng với những hứa hẹn tôi đã có với Renée trong ngày cưới của chúng tôi. Như vậy có một

24 Tác giả khôi hài tự nói với mình

sự mâu thuẫn, và đồng thời trong tôi có rất nhiều những tính hai mặt ²⁵ tôi không hạnh phúc và muốn được hạnh phúc trong gia đình, vì tôi có một công việc trong đó tôi đã thành công được phần nào nơi học sinh mình; khi tôi đau ốm, chúng viết thư cho tôi:

‘Thầy mau mau trở lại với nụ cười, niềm vui và lối thể dục của thầy: hiện nay thì tụi em học tập theo tiếng còi!’ Tập latihan đều đặn khiến tôi chuyển hóa; sự đảo lộn của tâm tính và thói quen xảy ra mà tôi không hay biết gì, với tất nhiên những nỗ lực và một sự cảnh giác thường trực, để dục vọng không tới làm đổ vỡ những gì Thượng Đế đã rửa sạch trong latihan. Điều này không luôn luôn dễ, nhất là trong một thế giới khiến ta phạm những lỗi lầm có hại cho sự thanh cao và công chính của nội tâm.

Một sự thông hiểu mới mẻ xảy ra trong chúng tôi, và tôi hiểu được từ ngữ ‘trung thành với vợ mình, với những cam kết và hứa hẹn của mình.’ Theo trai giới Ramadhan còn khiến tôi hiểu được rõ hơn thế nào là nói dối với chính mình và với người khác, cùng với những hậu quả tai hại của điều đó cho một đời sống nội tâm muốn trở thành một con đường truyền dẫn thanh khiết và sạch sẽ. Điều này đòi hỏi rất nhiều thời gian, và một lượng dồi dào về kiên nhẫn mà latihan phát huy trong lòng chúng tôi, nhưng lòng kiên nhẫn đó phải được đền bù với một thái độ của sự không bị bức dọc. Có lợi gì lẫn xả vào một hành động khiến tôi hối hận sau này? Trái lại, nhờ cái thái độ kiên nhẫn của latihan phát huy trong lòng mỗi người chúng tôi, ta có thể đi nhanh hơn trong việc tiếp cận sự việc và công việc, vì điều cốt yếu được nhận diện một cách tự nhiên. Sự kiên trở nên quan trọng hơn lí thuyết trong đó ta phải rất thận trọng đừng để mình bị chìm đắm. Tất nhiên, có những trường hợp, những lúc, trong đó cái thái độ đó là điều tiếc thay không đúng chỗ. Vậy, như điều người ta nói, chúng ta cần ngón tay. ²⁶ Thượng Đế đã cho tôi cái năng khiếu tự tin, có nghĩa là tin ở cái tôi trong sạch, không bị

25 Tính hai mặt: dualité

26 Se mordre les doigts: thành ngữ có nghĩa là sốt ruột, bức tức.

ảnh hưởng của những sức mạnh hạ đẳng có thể khiến tôi sa ngã giữa những cám dỗ đủ loại. Latihan của Subud cho chúng tôi cái khả năng xua đuổi những dục vọng nguy hiểm, ngay khi chúng lộ diện trong lòng mình, và do đó ta không thể không chung tình với vợ mình được. Người vợ với cảm tính của mình cảm được điều đó trong nội tâm, và tin cậy người chồng mình.

Đó là kinh nghiệm tôi có trong 39 năm của hôn nhân. Vậy, sự việc thật đơn giản: nếu tôi muốn Renée tin cậy Richard, thì điều rất hệ trọng là Richard càng gần gũi với Quyền Lực của Thượng Đế càng nhiều càng tốt, điều này như Kinh Lạy Cha của Kí Tô giáo nói: 'khiến ta thoát khỏi tội ác,' như vậy để cho Renée cảm được những tình cảm trong sạch của Richard. Ngay khi điều đó được thực hiện, không còn bóng tối nữa, không còn nghi ngờ nữa, trong quan hệ về tình thương, trong sự thống nhất, trong cái tương quan kết hợp với Thượng Đế, vì Thượng Đế bây giờ trở thành sự hướng đạo, sự phù hộ cho hạnh phúc, cho sự kết hợp trong hôn nhân của chúng tôi, không còn sự thoát thân tới li dị, và điều đó sẽ không thể đến làm cho cái bầu trời trong linh hồn của tôi trở nên đen tối.

Bà mẹ tôi ở chung với chúng tôi đã phải ngạc nhiên vì lối xử sự của chúng tôi: 'Tụi bay làm tao cười, tụi bay không như mọi người, bà nói, tụi bay vừa cãi lộn, vừa đôi khi cười, và sau một vài phút tụi bay đã quên hết, như không có điều gì đã xảy ra.' Thực vậy! Latihan gạn lọc khỏi chúng tôi mọi hình thức có tính chất hung hăng và tai hại: lòng thù hận, tính gắt gỏng, việc tự cho mình luôn luôn có lí. Chỉ Thượng Đế mới có lí!

Cái khả năng mà Thượng Đế ban cho chúng tôi để ngăn chặn cơn lốc của tư tưởng, là một đặc ân kì diệu, vì nó giúp chúng tôi không phí sức vào những mâu thuẫn, những tranh luận căn cỗi, những điều trên thực tế chỉ tạo nên tai hại, và làm cho sự an lạc của nội tâm bị dao động.

Thượng Đế đã chuyển hóa chúng tôi, và điều đó khiến

chúng tôi sáng suốt khi đối diện với những tình cảnh khiến mình nổi giận; sự nổi giận đó đã không dâng trào lên, nó bất lực, vì trong lòng mình chúng tôi không cảm thấy có tôi và bạn, mà chỉ có sự Duy Nhất trong Thượng Đế. Sự kết hợp đó có thể thực hiện được, ngay cả khi chúng tôi cách xa nhau. Chẳng hạn trong năm 1967, khi tôi không muốn bỏ môn nhu đạo, Renée đã đem giấu bộ kimono của tôi, để tôi không đi tập võ. Tôi có trách nhiệm về hội (nhu đạo) Lavelanet và tổ chức một cuộc biểu diễn về nhu đạo với một tay vô địch Pháp đến từ Nhật Bản. Cuộc biểu diễn đó xảy ra trong 4 ngày tại Fougax-Barrineuf, cách Bénaix 15 cây số, nơi một vài năm sau có một hội nghị quốc gia của Subud Pháp. Tay vô địch đó cư ngụ tại nhà chúng tôi, và đã mời tôi đến chỗ biểu diễn, ngày cuối cùng trước khi kết thúc, để nói đôi lời và biểu diễn một vài ngón.

Renée không hay điều đó, và luôn luôn còn nghĩ là tôi không dự cuộc biểu diễn đó.

'Bộ đồ đã cất giấu kỹ, bà ấy tự nói, như vậy, nếu đi, ông ấy sẽ không thể biểu diễn.'

Hôm đó, ngày thứ sáu, ngày chợ búa ở Lavelanet, bà đã đi mua đồ với một người bạn gái; nhân dịp được ở nhà một mình, tôi lục lọi khắp nơi, và tìm ra được bộ đồ tập nhu đạo cất giấu dưới đáy cái tủ đựng quần áo. Thật là bất ngờ! Vui mừng vì đã tìm thấy nó, tôi leo lên xe hơi và lập tức đến chỗ biểu diễn, trên một cái thảm tập nhu đạo, nơi tôi bắt đầu sôi nổi lên để có thể tham dự. Tôi liền được mời làm một cái randai, có nghĩa là một trận đầu mềm dẻo. Ngay lúc đó, khi đưa ra cái thế võ đặc ý nhất của mình, tôi bị địch thủ là bạn đồng nghiệp chặn lại, và cảm thấy một cơn đau phần trên cùng của lá phổi, chỗ mang bệnh; điều đó xảy ra nhanh chóng, và tôi tiếp tục đánh mà không dùng nhiều sức. Tới trưa, tôi trở về Bénaix với đứa con trai mình cũng tập nhu đạo. Trong lúc dùng bữa, Renée hỏi Gérard: 'Ba con có đánh nhu đạo không?'

'Ồ! Cháu không dám thú nhận sự thật. Renée nói với tôi:

'Anh làm gì lúc 11 giờ rưỡi?'

Câm lặng. Không ai dám trả lời. 'Anh đã lên thăm đầu nhu đạo!' bà quả quyết nói. Tôi cảm thấy bị lật tẩy. 'Ừa, tôi nói, không thể giấu gì được với em hết! Tại sao em nói điều đó?' 'Vì anh đau phổi, ở chỗ bị theo.' Ngạc nhiên tôi hỏi bà: 'Làm sao em biết được?' 'Vì em thấy rất đau ở phổi và hiểu được cái tại sao của sự đau đớn đó, và em nghĩ tới anh: ông chồng mình bị đau.' Như vậy, lúc trên thăm đầu nhu đạo tôi cảm thấy cơn đau đó, Renée cũng cảm thấy y như vậy. Một sự kết hợp thật kì lạ!

Hôn nhân có thể so sánh với sự khai mở trong Subud, trong đó linh hồn được kết hôn với Thượng Đế trong sự vô hình của một thực tại mà ta cảm nhận được, cuộc hôn nhân đó khiến ta vui sướng trong những bước đầu tiên đến sự im lặng của nội tâm trong Subud. Nhưng với thời gian, có nhiều người dần dần đã quên Thượng Đế, latihan và sự thanh tịnh của nội tâm; họ để cho dục vọng, thời thượng, mãnh lực của vật chất, của những đồ đạc, làm mình bị hao mòn, và họ bỏ Subud.

Một tín đồ của một tôn giáo có thể bỏ tôn giáo mình với những nghi thức, nghi lễ, tín ngưỡng của nó, vì không có bất cứ một bằng chứng nào trong cái tôn giáo đó, nên đương sự theo một tôn giáo khác, nhưng một hội viên Subud thì không thể bỏ được, vì latihan được ghi khắc mãi mãi trong lòng mình. Hôn nhân cũng không y hệt như vậy hay sao, trong đó lúc ban đầu mọi việc đều tươi đẹp? Ta vẫn còn gần gũi với những hứa hẹn được thề thốt trước mặt ông xã trưởng, tại nhà thờ hay chùa Hồi, rồi dần dần, sự buồn chán đến, và người này chê bai người kia, người đàn ông đổ tội cho người đàn bà, và người đàn bà đổ tội cho người chồng, chỗ rạn nứt to lớn dần, và tới một ngày nào đó là sự xa cách bất hạnh với những hậu quả tai hại cho con cái.

Tôi có thể biết những điều đó, vì là nhân chứng bất lực của những cặp vợ chồng trẻ mới cưới nhau chỉ có vài năm,

và đã khước từ sự hướng dẫn của Thượng Đế, nên họ đã li dị và đem đến nhiều rối loạn cho con cái mình.

Sự gần gũi với Thượng Đế và những sự cảnh tỉnh không ngừng của Ngài với chúng tôi trong phần thâm sâu nhất của mình, giúp chúng tôi chấp nhận người bạn đời của mình theo cái cá tính của người đó, chứ không theo những điều chúng ta xét xử để người đó phải theo ý mình. Cái thái độ đó tạo nên một sự kết hợp giữa đôi bên, và như điều Bapak nói, ta nghiệm được việc hai linh hồn trở thành một, sự tin cậy nhau được kiên cố, và ta thấy vui sướng được sống chung nhau.

Điều này đòi hỏi một sự cảnh giác gắt gao của nội tâm, và ta không được phép để cho tư tưởng và ảnh tượng thoát thân thành những mơ tưởng hảo huyền muốn chạy theo những thời thượng của cái thế giới hiện đại đang suy đồi. Ta vui sướng vì không làm khổ cho nhau, vì nếu em khổ thì anh cũng khổ; nếu em sướng thì anh cũng sướng chung. Cái cảm giác xa cách chết đi trong lòng chúng ta; vợ chồng sống với nhau theo cái nghĩa người này bỏ tức cho người kia.

Người đàn bà có rất nhiều những đức tính và thẩm quyền để chẳng hạn làm cho căn nhà của gia đình trở nên đẹp, đón tiếp anh chị em và bạn bè, trông nom cho chồng mình ăn mặc chỉnh tề, là người chủ gia cư và vv... Do đó căn nhà có một linh hồn mà người chồng biết chấp nhận và quý giá.

Khi tôi mệt mỏi đi làm về, cái sự kiện đơn giản được ăn uống, mặt đối mặt tại bàn ăn, lấy đi sự mệt mỏi của tôi, vì Renée bắt được sự mệt mỏi đó và đem nó trao cho Thượng Đế. Có sự tương trợ và đoàn kết trong sự vô hình, tuy chẳng có gì để làm.

Thượng Đế tạo nên cái tấm lòng đoàn kết đó. Thực vậy! Đó là một kinh nghiệm rất thường nhận thấy nơi một cặp vợ chồng Subud, và dĩ nhiên nơi những cặp vợ chồng được

kết hợp bởi cái tình thương mà chỉ Thượng Đế mới ban cho ta; và chúng ta có thể biết do kinh nghiệm điều răn thứ nhì²⁷ của Thượng Đế: 'Hãy yêu người khác như yêu chính mình.'

Hiện nay hình như cặp ba cha-mẹ-con đang bị nguy khốn. Nếu trong năm 1964 một cặp vợ chồng trong 10 cặp li dị tại Pháp, thì hiện nay, tiếc thay, là một cặp trong 3 cặp xa cách nhau, li dị đối với đôi bên là một cuộc khủng hoảng khó sống với nó và vượt qua nó được. Người đàn ông đã đánh mất cái đặc tính nguyên thủy của mình, đó là cái của một người chủ gia đình, nên người đàn bà bắt buộc, hay cảm thấy bắt buộc, bù đắp vào sự thiếu thốn đó. Điều chắc chắn là cái nguy cơ đổ xuống gia đình chỉ có thể dựa trên một nguyên do duy nhất, nghĩa là chỉ trên người đàn ông hay trên người đàn bà.

Gia đình là một toàn thể nên được kết hợp và hòa thuận, mỗi người phải đóng cái vai trò mình phải đóng, thuận với Ý Thượng Đế. Vậy, mỗi thành viên trong gia đình phải ý thức được việc mình có đóng cái vai trò của mình đúng hay không? Thánh Kinh nói: 'Đứa con nương tựa người mẹ, người mẹ nương tựa người cha, người cha nương tựa Thượng Đế.'

Vậy, ta dễ hiểu được chỉ Thượng Đế mới có thể, trong cái thời đại hỗn loạn của chúng ta, cứu nguy cho cặp ba đó. Người đàn ông của thời hiện đại có thực sự là người chủ gia đình thành chỗ nương tựa của người vợ và con cái mình, trong lãnh vực tâm linh và vật chất? Người vợ có thực sự là bà chủ của nhà ở, cái linh hồn của gia cư biết làm cho mọi thứ trở nên đẹp, biết cố vấn người chồng và những đứa con mình trong cách ăn mặc, biết cho chúng những khái niệm về tình thương, sự lương thiện, và trên thực tế, biết trở thành 'bà tiên của gia cư', và tôi chưa nói hết... Có những gia đình trong đó ta cảm thấy thoải mái ngay khi đến: nụ cười của một người đàn bà hạnh phúc tạo nên hào quang của một tình thương là chứng tích âm

27 Một trong 10 điều răn.

thầm về sự hiện diện của Thượng Đế trên đó vợ chồng dựa vào.

Có một thời trong cuộc sống chúng tôi trong đó chúng tôi thiếu thốn, vì tôi mang bệnh, và nhiều bạn bè khuyên Renée đi làm tại công xưởng. Người ta đã chịu nhận bà làm việc, do lòng thiện cảm. Chúng tôi không biết tính sao, và hỏi ý kiến con cái mình! Chúng dứt khoát trong sự cương quyết của mình: 'Tụi con thà chịu nghèo, nhưng muốn mẹ ở nhà.' Một khoảng thời gian sau, một cặp phụ tá đến nhà chúng tôi ở 3 ngày, và chúng tôi lại trò chuyện về việc Renée có phải ra ngoài đi làm không.

Một trắc nghiệm được đề nghị, và theo sự tiếp nhận của cái trắc nghiệm đó, việc Renée đi làm trong công xưởng, và ngay cả đi ra ngoài làm việc, là điều rất xấu, con cái chúng tôi vui mừng về điều đó.

Quả thực khi chúng ta ý thức được cái vai trò phải đóng khi lập gia đình, cái xã hội đầu tiên là gia đình, một trách nhiệm đầu tiên đối với người đàn ông là trở thành một người chồng chung tình, chân thành, biết gánh vác cái trách nhiệm nặng nề và có tính chất đại phúc về gia đình trong mọi lãnh vực, về cái quan hệ tính dục thật quan trọng và thiêng liêng, về cái vai trò của người cha vv... Là một người cha đòi hỏi một sự hiểu biết thâm sâu về con người, và sự hiểu biết đó không thể học được trong sách vở hay từ cửa miệng qua lỗ tai, vì làm gì có một con người có cái hiểu biết mênh mông đó? Chỉ Thượng Đế là biết hết tất cả, và bởi lẽ đó chúng tôi rất phúc đức được là những học viên tại đại học của Thượng Đế dạy cho chúng tôi hay cái thực tại của cuộc sống mình là những điều mình cảm thụ, cảm giác được, chứ không là những điều tưởng tượng hay những điều của những kẻ sống trước mình! Bapak rất thường nói với chúng tôi: 'Hãy suy nghĩ với đầu óc mình, đi đứng với bàn chân mình!' Người còn nói là người đàn ông có trách nhiệm về hạnh phúc của người đàn bà. Trong một thời gian lâu dài, tôi đã suy nghĩ nhiều về cái trách nhiệm kì diệu đó, tôi đôi khi nghi ngờ điều đó là sự thật

và có thể làm được, và chính giữa những thử thách kinh khủng như cái chết của một đứa con, tôi mới nghiệm được một cách mãnh liệt những điều Bapak nói.

Sau 25 năm trong Subud và 14 năm giữ nhiệm vụ phụ tá, sau nhiều lầm lỗi, điều này tôi phải thú nhận, những lầm lỗi khiến đau khổ, sau khi đã bàn luận điều đó với những phụ tá của mọi quốc gia trong những hội nghị quốc tế và quốc gia, sau khi đã tham dự những trải nghiệm với sự hiện diện của Bapak, ta có thể phân biệt những trải nghiệm mình làm được và những trải nghiệm phải tránh. Như có thể xảy ra cho mọi người [vì trên thực tế chúng ta không khác nhau là bao] tôi không biết rõ thái độ nào phải có trước tình cảnh này hay tình cảnh nọ. Mỗi lần có thể được, cái trải nghiệm làm chung với nhiều phụ tá đã cho tôi thấy cái hướng đi đúng, thanh cao và công minh, thuận với Ý Thượng Đế, và nếu áp dụng sự khai thị của trải nghiệm, tôi thấy vui sướng; nếu do sao lãng không theo nó, tôi gặp nhiều khó khăn cho tới khi cuối cùng tôi làm theo những chỉ dẫn được ban cho.

Trước khi giải thích rộng hơn thế nào là một trải nghiệm trong Subud, tôi thấy nên thuật lại những kinh nghiệm của một người anh em và chị em là những người như nhiều người khác, đã nhận được những chỉ dẫn ghi khắc trong cuốn sách của nội tâm họ, những điều họ có thể đọc sau đó.

Dưới đây là một câu chuyện về một cái latihan của mình mà chị Carmen kể lại.

Ngày tập latihan với Bapak, cái ngày cuối cùng Bapak lưu lại Paris tháng 9 1983, tôi đã có một chứng nghiệm không gì khác hơn là bằng chứng về ân huệ của Thượng Đế trong Subud. Trong latihan tôi cảm thấy bị bắn khỏi bản thân mình như một chiếc hỏa tiễn, và tôi có cảm giác mình nâng lên cao với một tốc độ rất nhanh theo chiều dọc.

Kể đến, tôi cảm thấy lần thứ hai bị bắt đi theo chiều ngang, và lần này tôi thấy mình bơi ngửa qua một biển của mây. Trong trạng thái đó, tôi nhận thấy một niềm đại hạnh phúc, tôi trông thấy một không gian mênh mông, nơi tôi hít thở đầy phổi. Tôi nghe thấy một tiếng nói nơi tai mình: 'Chồng người sắp nhận được sự giao tiếp trong Subud, và sự giao tiếp đó sau này đến với nhạc phụ người.' Khi nghe thấy tiếng nói đó, tôi chậm chạp hạ xuống cho tới khi cảm thấy bàn chân mình trên tấm thảm lát của căn phòng lớn trong đó chúng tôi tập latihan. Tôi tiếp tục nhận được latihan trong hình thức của những rung động mạnh. Lần đầu tiên trong đời, tôi trông thấy chồng mình đứng gần [lúc đó ông chồng tôi ở Alger, anh ấy chưa vào Subud] và trên đầu anh ấy, tôi nhìn thấy một loại phễu cao lớn mở rộng cho tới vô cực, rồi cái phễu đó động đậy và đứng giữa hai chúng tôi, vợ chồng chúng tôi thấy mình đồng hóa với nó; anh ấy đứng bên phải và tôi bên trái. Tôi nhận thấy một niềm hạnh phúc không giải thích nổi, như cái hạnh phúc chúng ta nhận thấy mỗi lần tập latihan với sự hiện diện của Bapak. Tôi vào Subud từ nhiều năm nay, và đây là lần đầu tiên tôi nhận được một chứng nghiệm như vậy.'

Ngày 4 tháng 11 1983, một tháng rưỡi sau đó, chồng tôi nhận được sự giao tiếp với Subud, một cách bất ngờ, với những kinh nghiệm của nội tâm liên quan tới anh ấy; về phần ông nhạc tôi, cái lúc được khai mở chưa tới, nhưng tôi biết đó là một ngày gần đây, khi Thượng Đế muốn.'

Và đây là giấc mơ của chồng tôi: 'Một giấc mơ: tôi trèo lên một ngọn đồi, đi theo một con đường còn hơi rõ rệt. Con đường đó khó đi, và phong cảnh hầu như không có cây cối: đó là một ngọn đồi đầy lá, cỏ thì hiếm trong một thiên nhiên thù nghịch. Tuy nhiên, tôi tiếp tục đi, leo lên, trong khi con đường thậm chí không được rõ nữa. Đột nhiên tôi cảm thấy mặt đất tơi xốp dưới chân mình sắp sụp lở. Cho nên, tôi đi trở về, lấy lại con đường có vị trí trước đồi, con đường đó mất hút trong đám cỏ, tôi ngập ngừng không biết theo đường nào. Phía trái, tôi trông thấy một căn nhà nhỏ có vị trí tại lối ra của một hang

động trên đó một con đường mòn dần dần mất hút. Chỗ ở đó trông như một nhà gỗ trên núi, có một hàng rào trắng ngăn cách nó khỏi con đường tôi dùng. Đằng sau hàng rào có một người đàn ông đội mũ bê-rê, đứng chống một cây gậy, một đứa bé và một con chó. Ba nhân vật đó bất động đứng nhìn tôi. Với một nụ cười đầy thiện cảm, người đàn ông mà tôi cảm thấy là một nhà tu hành, lấy cây gậy chỉ cho tôi cái hướng của con đường tôi phải theo. Lập tức, tôi nhận thấy con đường trở nên rộng và đi vào một khu rừng. Đó là một lối đi rộng và thẳng, hai bên có cây cối hình thù cao mang trái cây và đầy chim chóc. Không có một ngọn cây nào, một bông hoa nào mà tôi không biết, và tôi nhận diện được mỗi loại cây mình đi ngang qua. Tôi cảm thấy một niềm đại hạnh phúc khi đi trong khu rừng thân thiện đó, và tỉnh dậy trong sự hoang mang về giấc mơ đó.

Những gì xảy ra sau giấc mơ: Một vài ngày sau chúng tôi đến phi trường Alger để đón anh Richard và chị Renée đến khai mở hội viên Subud mới ở Algerie. Khuôn mặt và hình dáng của anh Richard tỏ vẻ quen thuộc, trong khi tôi gặp anh lần đầu tiên.

Một vài ngày sau, trong lúc anh Richard đang giải thích về Subud trước lúc khai mở cho những người xin vào, tôi chợt ngộ được: theo một chi tiết của một nụ cười (trên mặt anh Richard), tôi nhận được ngay đó là nhà tu hành của giấc mơ! Và tôi xin được khai mở ngày hôm đó. Kể từ ngày đó, tôi có nhiều chứng nghiệm trong latihan và đời sống hàng ngày, những điều là 'dấu hiệu' của cái ân huệ còn được ban cho tôi, khiến mình được hướng dẫn trên con đường của Subud.

Mẹ tôi

Hồi đó là tháng 7, có lẽ cách đây 15 năm, chị Isabella và mẹ tôi đến nghỉ hè ở Bénaix tại nhà chúng tôi. Một hôm khi tôi đi làm về, chị Isabella vừa cười vừa nói với tôi: 'Hôm nay có điều ngạc nhiên! Điều gì? Mẹ anh xin được nhận sự giao tiếp, và đã trên 60 tuổi, nên bà ấy có thể được khai mở ngày hôm nay.> Renée không đồng ý, vì theo vợ tôi nói, mẹ tôi bị bệnh tim, điều đó có thể làm hại bà, và khiến bà đau đớn, nếu được khai mở.'

Chúng tôi thấy hơi hoài nghi, chị Isabella cũng không quyết đoán được; chị hỏi ý kiến tôi. Kể cứu vẫn duy nhất là trắc nghiệm, và đó là điều chị Isabella làm, vì hồi đó Renée chưa là phụ tá. Lạ thay! Giải đáp của trắc nghiệm là khai mở thì được. Vậy, Thượng Đế khai mở cho mẹ tôi qua trung gian của chị Isabella, và Renée trợ giúp điều đó. Tôi đợi ở ngoài. Tôi đã vui mừng biết bao, dù sao đó cũng là niềm vui của tôi, khi trông thấy mẹ tôi vui sướng đi ra ngoài nói là bà không hiểu gì hết, có điều đó đã cử động trong mình và bà đã phải ca hát...

Khi mùa hè đến, có 3 thế hệ trong nhà: mẹ tôi, vợ tôi,

cô con gái tôi, và cái không khí trong nhà không được khả quan. Có những tiếng nghiến răng kèn kẹt, những căng thẳng, tới nỗi lần sau Renée nói với tôi: 'Làm cách nào để đón tiếp mẹ anh? Nếu điều đó như mùa hè năm ngoái, việc này sẽ không vui gì!' Cuối cùng tôi nói với bà: 'Hãy tin cậy Thượng Đế, và nhờ cái latihan trong đó Monique và mẹ anh tập chung, điều đó có thể khả quan.' Quả thực, mẹ tôi đã tiếp tục tập latihan, nên khi bà trở lại, những quan hệ (trong gia đình), tuy không được hoàn toàn hòa thuận, trở nên bớt căng thẳng hơn, an hòa hơn, người này chịu đựng được người kia khá hơn. Thượng Đế thực hiện một công trình thanh lọc kì diệu. Như vậy, 3 người nữ thuộc 3 thế hệ khác nhau, với những nhân sinh quan khác nhau, có thể sống chung nhau mà không thường xuyên oán nhau, và được như vậy nhờ sự quy phục Thượng Đế của họ.

Như đã cho hay, trước khi vào Subud, tôi đã nghiên cứu triết học Vedanta giải thích mỗi nhân đều tạo nên quả, cái quả đó trở thành nhân và vv...Thượng Đế đã đánh thức linh hồn tôi và đồng thời lòng hiếu kì về cha mẹ tôi: cha mẹ tôi là ai? Tôi luôn luôn có cảm tưởng chống lại điều gì đàn áp mình, như bị chứng sợ chỗ kín²⁸ của nội tâm. Ban đêm điều đó thường biểu lộ bởi một nỗi sợ hãi, một cảm giác nghẹt thở, như có một bàn chân to lớn của một con voi đặt lên mình tôi và đè bẹp tôi, hoặc như thấy mình trong vỏ kén²⁹ mà thiếu không khí: tôi vẫy vùng la hét và thức dậy ướt đẫm mồ hôi.

Một khoảng thời gian sau khi nhận được latihan, tôi nhận thấy những giấc mơ, những sợ hãi đó, biến mất. Tôi có cảm tưởng là có điều gì trong lòng mình mở ra, bùng nổ, và cái cảm giác nghẹt thở đó biến mất. Thế nên, tôi tự hỏi: <Mỗi quả đều có nhân, và cái nhân của những sợ hãi đó là gì?> Trong latihan, tôi nhận được: 'Hãy đi hỏi mẹ người về lúc người sinh ra.> Đó là điều tôi làm, nhưng mẹ tôi tránh né câu hỏi đó. Sau này, tôi hỏi lại một lần nữa,

28 claustrophobie

29 cocon

và bà đã cho tôi hay là khi mang thai được 7 tháng, bà đã đến thăm em gái mình ở Narbonne, bà đã vấp lên một tấm chùi chân và lặn ngã trên cầu thang của lầu hai; toàn thân bị đập, khi đứng lên, bà lập tức nghĩ tới đứa bé mang trong bụng và tự nói: 'Mong nó không bị giết chết khi mình té xuống!' Hồi đó, cách đây 63 năm, người ta không đến cho bác sĩ phụ khoa khám để nghe ngóng những đứa bé trong bụng mẹ; cho nên, mẹ tôi đã bắn khoả trong 2 tháng trước lúc tôi chào đời.

Tôi sống một cách khó khăn, đầu tôi không thể ngay thẳng, hơn nữa, tôi không lớn lên một cách bình thường. Lúc còn là một đứa bé, tôi có nhiều khó khăn, và người ta cho điều đó do sự thiếu thốn không khí trong lành của căn nhà nơi chúng tôi ở, ngay giữa làng. Rồi ba tôi mua hay thừa hưởng một căn nhà đẹp nơi cổng làng, và chúng tôi dọn đến đó. Kể từ lúc có sự thay đổi về môi trường bên ngoài, sức khoẻ của tôi trở nên khá hơn, và tôi trở thành một đứa bé lớn lên một cách bình thường.

Tôi nói tới tất cả những điều đó để cho hay những sợ hãi mà tôi có trong 40 năm, có một nguyên nhân: đó là những sợ hãi mà mẹ tôi đã truyền lại cho tôi khi bà mang bầu. Tôi thật vui mừng vì đã tiếp nhận cái Quyền Lực của Thượng Đế làm cho những sợ hãi đó biến mất, những điều kể từ 25 năm nay đã không trở lại nữa.

Về tương quan của người mẹ với đứa con, tôi xin được thuật lại một vài trường hợp khác chứng thực cái tương quan mật thiết đó và giúp ta hiểu được cái tương quan từ nhân tới quả. Khi Renée mang thai Monique, chúng tôi quen một bà hàng xóm mà đứa con gái có một u mạch giữa trán, người ta mổ cái đó để lấy nó ra, và một cái thẹo còn sót lại. Mỗi lần Renée thấy cái thẹo đó, và bà thấy nó khá thường xuyên, vì hai căn nhà của chúng tôi sát nhau, Renée tự nói: 'Tôi không thích cho con mình có cái đó!' Monique ra đời một tháng sau. Trong khoảng 15 ngày sau, chúng tôi nhận thấy cháu có một cái chấm đỏ trên trán bên trái, gần chân tóc. Cái chấm đó mọc lớn lên ngày này

qua ngày khác, điều khiến Renée lo lắng. Bà tới coi một bác sĩ, và ông này nói: 'Đó là là một cái u mạch phải mổ.' Cuộc phẫu thuật đó đã xảy ra, và Monique còn giữ lại một cái sẹo trên trán, như cô con gái của bà hàng xóm.

Chúng tôi nói về điều đó với bà em dâu của mình, và bà ấy nói: 'Khi mang thai thằng Claude được vài tháng, em rất sợ một con gà muốn cắn mình nhiều lần. Một khoảng thời gian sau khi đứa bé sinh ra và trong lúc nó lớn lên, ta nhận thấy nó có một cái cựa mọc gần ngón tay út của đôi bàn tay.' Có thể dễ dàng kể thêm những câu chuyện của những người mẹ đã có những kinh nghiệm xác nhận nỗi lo sợ của họ liên quan tới những đứa con mình, khi họ đang mang thai.

Những người mẹ tôi nói tới nơi đây không là hội viên Subud. Nếu đây là điều có ích, tôi có thể sau này kể lại những kinh nghiệm của những người mẹ được Thượng Đế hướng dẫn và che chở, để đứa con tương lai của họ không gặp những khó khăn do những lỗi lầm của người mẹ!

Độc cuốn Susila Budhi Dharma của Bapak làm sáng tỏ sự thông hiểu của chúng tôi về vấn đề đó; bởi lẽ đó, Bapak khuyên chúng tôi thường đọc nó.

Hiện nay người ta đấu tranh để bảo vệ những quyền lợi của người đàn ông và đàn bà, và chúng ta không được quên những bổn phận của mình. Đối với một người mang trong bụng một sự sống của tương lai, điều có vẻ quan trọng là nhắc cho mình nhớ tới cái bổn phận bảo vệ sự sống đó, để nó được hạnh phúc và không bị tiêm nhiễm bởi những sợ hãi và dị tật do một sự sao lãng nào đó. Sự sống là điều gì quý giá, nên một người đàn bà mang một đứa bé trong bụng cần tới một không khí thanh thản, vui vẻ, khiến yên tâm, trong gia đình, và nhất là cần tới việc cảm được sự hiện diện của Thượng Đế có thể hướng dẫn mình, khiến mình tránh khỏi những lỗi lầm khả dĩ làm hại đứa bé, và điều này nó sẽ gánh chịu suốt đời.

Thượng Đế dạy cho tôi thuật trở thành ông nội

Cậu con trai của chúng tôi chưa vào Subud, và mới đây, trong dịp Giáng Sinh, trong bữa ăn trong gia đình có sự tham dự của hội viên Subud, cháu nói với chúng tôi, cũng như cô con dâu của chúng tôi: 'Tụi con không vào Subud, nhưng tụi con không chống nó.' Họ đã kết hôn và có hai đứa con 9 và 7 tuổi. Họ ở cách Bénaix vài cây số, và mỗi chiều thứ ba trong lúc nghỉ hè, họ đem bọn nhỏ đến, vì cả hai đều đi làm. Ngày nào bọn nhỏ chưa khá lớn, họ không thích để chúng ở nhà một mình trong những ngày không đi học.

Ta biết là có rất nhiều những đứa bé của thế giới hiện đại trở nên nghịch ngợm và không chịu ngồi yên một chỗ, vì cha mẹ, trong sự giao cấu tính dục là điều cần thiết cho việc reo hạt giống cho một sự sống tương lai, đã không trong trạng thái phụng thờ Thượng Đế, nghĩa là trong trạng thái thanh tịnh và đầy tình thương của Thượng Đế. Hơn nữa, nếu người đàn ông mà người vợ mang thai, không có một chút ý niệm gì về những thành tựu của sự sống, không tôn trọng người vợ mình trong lúc đang có chửa, không kiềm chế nổi những kích thích của nhục dục,

thì hậu quả là đứa con sắp ra đời sẽ phải đau khổ vì những lỗi lầm của người cha, và một cách gián tiếp, người mẹ sẽ gánh chịu những hậu quả của điều đó. Điều này còn chứng tỏ là người đàn ông có trách nhiệm về hạnh phúc của vợ mình và gia đình mình.

Phúc đức thay những bạn trẻ đã có thể theo cái latihan thanh lọc trước khi lấy nhau, và áp dụng được những lời khuyên uyên thâm của Bapak, khi người giải thích về những quan hệ bình thường giữa vợ chồng. Chúng tôi cũng có thể nhận thấy kết quả của latihan nơi con cháu mình, nơi cái thái độ của mình khi chúng gần mình. Chẳng hạn, cha mẹ thường la mắng, khi con cái không ngồi yên. 'Tao bực vì mày' người mẹ nói, và đứa bé lặp lại theo mẹ nó 'Con bực vì má'. Rồi những tát tai đổ xuống. Tôi đã tốn công nói với các cha mẹ đó không là một phương pháp tốt, nhưng vô ích, họ không hiểu được; điều này khiến tôi đôi khi lấy làm buồn. Cái thuật duy nhất khiến cho những đứa bị dao động trở nên điềm tĩnh, là điều thật đơn giản: Khi những đứa cháu có đó, ông của chúng chỉ việc đặt mình trong trạng thái yên tĩnh, nghĩa là không làm gì hết để những đứa cháu của mình cảm lạnh. Ông giao phó cho Thượng Đế, qua sự hiện diện của Ngài mà ta cảm được trong lòng mình, việc làm cho mọi người quanh bàn ăn được điềm tĩnh. Thực vậy, bọn nhỏ điềm tĩnh, và bữa ăn xảy ra trong nỗi vui được ngồi chung nhau. Điều thật đáng kể là không nói gì hết, không la hét, bọn nhỏ nghịch ngợm bớt bị dao động.

Với Renée chúng tôi nhận thấy hiệu quả sự yên tĩnh của mình nơi những đứa cháu khi chúng bị bệnh. Tôi chỉ việc đến ngồi gần giường, trong trạng thái yên tĩnh, và kể chuyện cho chúng nghe; ngày kế tiếp hay ngày kế nữa, có khi bệnh của chúng mất đi. Điều này không có nghĩa là nhờ yên tĩnh, mọi căn bệnh được chữa lành; ta nên thận trọng! Đối với việc làm cho chúng buồn ngủ thì cũng thế! Mọi người đều biết là một đứa bé muốn lợi dụng cuộc sống tới mức tối đa, và không chịu đi ngủ, khi nào nó còn không ngủ đứng. Chúng tôi đã tạo cho chúng thói quen,

buổi chiều sau bữa ăn, cho chúng chơi domino với mình hay một trò chơi nào khác. Khi cảm thấy sự mệt mỏi của chúng, chúng tôi đem chúng lên giường.

Chúng tôi không tìm cách đuổi chúng đi, vì thấy 'ồn quá', không! Chúng biết được điều phải làm, chúng đòi hỏi kể một câu truyện. Câu truyện đó chỉ được kể, khi mọi việc trở nên yên tĩnh, và bọn nhỏ [ôi, điều đó không luôn luôn là vậy, nhưng dần dần trở nên thường xuyên hơn] tôn trọng sự yên tĩnh đó của ông bà. Chúng tôi kể cho chúng nghe những câu truyện về cuộc đời của các vị thiên sứ, về thú vật vân vân. Khi chúng tôi không còn truyện để kể nữa, có một cuốn sách để đọc. Đôi khi bọn nhỏ buồn ngủ trước khi câu truyện kết thúc, mà không có gì ép buộc, không có gì bắt buộc chúng ngủ. Thượng Đế đưa xuống sự yên tĩnh trong lòng chúng, điều này thật kì diệu!

Cái thái độ đó đối với trẻ thơ cũng có hiệu quả với những cha mẹ khác hay những người chung quanh họ. Chẳng hạn, sau cái chết của ông em tôi là Robert, bà mẹ 87 tuổi của tôi bị bắn loạn, và đến ở với chúng tôi tại Bénaix. Thịnh thoảng cái tình cảm thuộc về người mẹ của bà thấy đau đớn về cái chết của con mình, và bà ngồi đứng không yên trên chiếc ghế tràng kỉ. Đôi khi tôi tìm cách khiến bà được yên lòng với lời lẽ, nhưng tôi nhanh chóng nhận thấy điều đó không có hiệu quả với sự đau khổ của bà. Đối với Renée thì cũng thế, cách đây vài năm, sau cái chết của Monique.

Một cái trắc nghiệm tiết lộ cho tôi hay cách duy nhất để làm lắng dịu một cơn đau khổ đã xâm nhập vào nội cảm của một người nào, là việc chẳng làm gì hết cho điều đó, mà chỉ việc ngồi cạnh người đó để sự im lặng của nội tâm đến, khiến mình trở thành một con đường truyền dẫn không còn thị dục, để sự an lạc của Thượng Đế đi qua được; và đó là điều nhiều lúc tôi áp dụng với bà mẹ mình và với Renée, khi cái tình cảm thuộc về người mẹ của họ bị đau khổ vì sự vắng mặt của một đứa con mà Thượng Đế đã kêu gọi về với Ngài. Kết quả thật đáng kể: cơn đau

khổ tan biến, và sự an lạc ngụ trong lòng chúng tôi mà không nói gì hết, không tìm kiếm gì hết, không ham muốn gì hết; một cách dịu dàng Thượng Đế giải thoát những kẻ đau khổ. Điều đó có phi thường không, khi ta nhận thấy một điều gì như vậy?

Cuộc sống trở nên đơn giản nhờ Thượng Đế, cái đức tin không lay chuyển ở Thượng Đế đòi hỏi một sự tin cậy tuyệt đối ở Bapak, ở latihan kedjawan Subud: cái đức tin đó không phát triển trong sự dễ dãi, nhất là trong những lúc thử thách ta nghiệm được nó một cách mãnh liệt.

Nếu có sự dễ dãi thì đó là nhờ sự tiếp cận với latihan mỗi lần điều đó cần thiết, và cũng nhờ sự chấp nhận một cách kiên nhẫn những khuyết tật của chúng tôi. Cảm thụ cuộc sống thay vì suy tư về nó là điều không đạt sau một vài latihan, cái cảm quan được phát triển nhiều lúc đã giúp tôi nhận được một thái độ đúng đắn trước những trạng huống rối loạn, kì lạ; tuy nhiên, như mọi người, sức mạnh hạ đẳng đã tìm cách cám dỗ tôi, làm tôi nghi ngờ, nhưng mỗi lần Thượng Đế đã hiện diện để giúp sức đẩy lui những sức mạnh thấp kém. Điều này thật tốn nhiều thời gian.

Tôi không chế biến bất cứ gì, mọi hội viên Subud chân thành có thể hiểu những gì tôi nói, vì đời sống tâm linh không tách biệt với đời sống hàng ngày, mà trái lại gắn bó mãnh liệt với nó. Tôi biết được tha nhân là ai, trong khi mình vẫn còn là mình.

Ta hãy trở lại trẻ thơ: Khi chúng tôi vào Subud, sau một khoảng thời gian, những quan hệ của chúng tôi được mở rộng trên thế giới, và chúng tôi tiếp xúc với nhiều người, chúng tôi có thể nghe kể lại những kinh nghiệm của những cha mẹ có con cái trước khi vào Subud và sau khi vào Subud.

Chúng tôi đã trông thấy những đứa bé đó, và thậm chí đã sống với chúng trong một khoảng thời gian: Chúng tôi nhận thấy những đứa bé sinh ra sau khi cha mẹ vào

Subud, khác biệt với những đứa bé khác, chúng như được tác động từ bên trong, vừa điềm tĩnh vừa năng động, thông minh, đôi khi có khả năng tiết lộ một vài điều cho cha mẹ, khiến họ ngạc nhiên.

Điều đó quả thực là một bằng chứng về lợi lạc sự tập luyện tâm linh của họ, điều có một hiệu quả tốt lành với con cái mình. Việc này không đúng với tất cả những đứa bé sinh ra do những cha mẹ trong Subud, vì ta đừng quên rằng hội viên Subud chỉ là những người đang đi trên con đường của sự toàn thiện, và do đó vẫn còn phải loại trừ những tật xấu bên trong mình. Latihan không hành động như cây gậy tiên làm biến mất một cách lập tức tất cả những tính xấu chôn dấu bên trong mỗi cá nhân. Điều này thì quá dễ dàng. Tất nhiên có những cha mẹ không trong Subud có những đứa con không náo động và làm cho cha mẹ chúng được sung sướng vì cái thái độ yêu mến của chúng đối với họ.

Vậy, ta đừng nhất thiết tin rằng trong Subud mọi việc được hoàn hảo cho mọi người, bởi nếu latihan là điều dễ dàng theo tập, sự khó khăn ở chỗ đem nó áp dụng vào đời sống hàng ngày. Có một điều ta không được quên: đó là vai trò của cha mẹ trong việc giáo dục con cái và biến chúng thành những người được hạnh phúc.

Tại sao chúng tôi đôi khi làm trắc nghiệm trong Subud

Mọi người đôi khi đã đối diện với những tình cảnh khiến mình bối rối, nghi ngờ, không quyết đoán. Ta phải có một thái độ nào? Chúng ta cố sức suy tính, cân nhắc lợi hại nhưng vô ích; cái sự thật có thể làm chúng ta được sáng tỏ và đem đến một giải pháp cho cái vấn đề tốt đẹp của mình, là điều không tùy thuộc mình. Không tìm thấy nơi mình cái giải pháp thích ứng nhờ nó khiến mình thoát khỏi sự bế tắc, chúng tôi xin thân nhân hay bạn bè mình trợ giúp, hoặc trong Subud, những người anh em của mình. Điều có thể thậm chí xảy ra, và điều này xảy ra cho mọi người, là trong lúc chúng tôi không nghĩ tới cái vấn đề khiến mình nhức đầu, thì vui thay! Anh sáng bật lên bên trong chúng tôi! Và như vậy chúng tôi được giải thoát khỏi sự tìm kiếm đè nặng trên tâm thức mình. Chúng tôi nhận thấy quả thực trong sự yên tĩnh mình đã giải quyết được vấn đề.

Những người chơi thể thao, chẳng hạn, biết rõ là nhiều lúc tuy nhà thể thao có nơi mình tất cả những năng lực về thể chất để thực hiện được cái thành tích mình mong đoạt được, nhưng người đó có thể bị ngăn chặn do nội tâm của

mình không được bình tĩnh, như mình bị tê liệt vì sự sợ hãi trước cái kì công phải hoàn thành. Khi là giáo viên về thể dục và thể thao, tôi rất thường được chứng kiến những cuộc tranh đua quốc gia và quốc tế trong nhiều bộ môn thể thao, và mỗi lần tôi có thể cảm thấy điều đòi hỏi là sự im lặng để nhà thể thao có thể tập trung. Sự bình tĩnh đó của nội tâm không chỉ cần thiết cho nhà thể thao. Nhạc sĩ, ca sĩ, nhà khoa học vân vân, cũng rất cần tới nó. Tôi nói thêm là mỗi người cũng cần nó, khi điều này là cần thiết để giải quyết một sự khó khăn, và cuộc sống thì có đầy những cái đó. Vậy, do sự yên tĩnh mà phát sinh sự sống là động lực; trong âm nhạc lúc im lặng là những lúc khiến nốt nhạc có giá trị, khiến chúng trở nên sống động và du dương. Người ta nói giá trị của một cái đàn vĩ cầm ăn thua nơi chất lượng của cái khoảng trống trong cái thùng tạo nên nó.

Trong Subud chúng tôi có dịp may phi thường khiến mình có thể ngăn lại sự dao động của nội tâm, và do đó có thể thực sự điềm tĩnh và trống không. Thế nên, khi có một vấn đề phải giải quyết, và mặc dù một sự tìm kiếm gay go của trí thức, chúng tôi không tìm thấy giải pháp, chúng tôi tìm cách hợp chung với nhiều phụ tá trong Subud, để cùng nhau coi với tình huynh đệ cách làm sáng tỏ tình cảnh của mình.

Nếu không giải quyết được với tư tưởng, chúng tôi tập một cái latihan, nhờ ân huệ của Thượng Đế, khiến trong lòng mình không bị ảnh hưởng của bất cứ điều gì. Khi mọi việc lắng đọng trong lòng mình và chúng tôi cầu xin Thượng Đế Toàn Năng Duy Nhất cho phép mình được tiếp nhận, do những gì thanh khiết nhất trong lòng mình, sự giải đáp của câu hỏi mình đặt ra, thì sự giải đáp được cho chúng tôi trong cái latihan đó.

Trong cuốn sách này tôi thấy không thể bàn rộng về đề tài này, vì trong việc này chỉ có những người đã tham dự những trải nghiệm như vậy mới có thể hiểu nó và tuân theo nó. Lập tức tôi có thể cảm thấy sự phản ứng của

những bạn hoài nghi những điều vừa nói: 'Nhưng đó là trò phù thủy, là ma thuật!' câu trả lời thật đơn giản:

KHÔNG! Bởi trong lúc trắc nghiệm, ta gạt bỏ ý chí của cá nhân để nhường chỗ cho Ý Muốn của Thượng Đế. Có một sự khác biệt rất lớn giữa những trắc nghiệm thực hành trong Subud và tà thuật hay tài thiên nhãn³⁰ dùng ý chí cá nhân của người mình hỏi. Điều quan trọng: lúc tiếp nhận được giải đáp, chúng tôi rất sáng suốt, và không trong trạng thái xuất thần hay bị thôi miên, hoặc bị một thứ ma túy nào đó làm cho mê ngủ, và chúng tôi cũng có thể khiến trắc nghiệm ngưng lại, nếu đó là điều cần thiết. Tất nhiên, mỗi người được tự do theo hay không theo những giải đáp nhận được trong trắc nghiệm, nhưng hầu như luôn luôn là vậy, những giải đáp đó đến cho chúng tôi một hướng đi rõ rệt, khiến mình thay đổi thái độ.

Chúng ta hãy lấy một trường hợp có ý nghĩa: một khoảng thời gian sau cái chết của cô con gái chúng tôi là Monique, bà vợ tôi thường khóc lóc và đau khổ vì sự vắng bóng của cháu. Với lời lẽ và tình thương của người chồng, tôi tìm cách làm cho nỗi lòng của bà được lắng dịu. Nhưng hiếm khi sự đau khổ của bà bớt đi, tôi cũng đau khổ về điều đó. Một buổi chiều sau latihan, tôi nói về điều đó với những người anh em là phụ tá trong nhóm, họ khuyên tôi làm trắc nghiệm về thái độ của mình với Renée, khi cái kí ức về Monique trở lại và khiến bà đau khổ. Trắc nghiệm cho thấy tôi đã nói năng và dùng ý chí của cá nhân mình. Thái độ tôi phải có là điềm tĩnh, thật điềm tĩnh, quy phục Quyền Lực của Thượng Đế, để trở thành một con đường truyền dẫn trong sạch, khiến lòng nhân ái của Thượng Đế và cái Năng Lực làm lắng dịu của Ngài đi qua đó, mà không nói gì, không làm gì.

Ba hay 4 ngày sau, một buổi sáng, khi dùng bữa chung, tôi cảm thấy Renée đang buồn bã, nước mắt chảy xuống đôi mắt bà, tôi sắp lên tiếng nói, nhưng cái trắc nghiệm đã làm trở lại đầu óc mình. Tôi không nói gì hết, để cho mình

30 voyance: khả năng nhìn thấu suốt quá khứ và vị lai.

được yên tĩnh, và ngay cả trong trạng thái latihan. Sự yên lặng hiện diện trong lòng mình, tôi để cho Ý Thượng Đế hành động và quan sát Renée. Một lúc sau, sự buồn bã của Renée biến mất như sương mai biến mất khi mặt trời mọc lên. Chúng tôi được kết hợp với nhau, và được an tâm. Cái kinh nghiệm đó cho chúng tôi thấy một lần nữa khi mình có thể tuân theo một cách đơn giản những giải đáp mà Thượng Đế đã ghi khắc trong cuốn sách của nội tâm, thì cuộc sống trở nên dễ dàng và đơn giản một cách tự nhiên, vì chúng tôi có thể tránh tất cả những gì khiến nó trở nên phiền phức, khó khăn và đen tối.

Chúng tôi nhận thấy sự thanh lọc đó gạn lọc trong lòng mình những lỗi lầm tích trữ trong quá khứ, những lỗi lầm khiến chúng tôi không nhìn rõ trong cuốn sách của cuộc sống mình. Chúng tôi tiếp nhận được, tùy theo mức độ của những khó khăn đến với mình, những giải đáp thích hợp để tìm thấy cái phương diện dễ dàng của điều đó, và trong việc này, chúng tôi luôn luôn cố gắng điềm tĩnh, và sẵn sàng để được Thượng Đế hướng dẫn.

Tôi xin được kể lại một trải nghiệm khác chứng minh cho chúng ta thấy là Thượng Đế có thể hướng dẫn mình trong mọi hoàn cảnh, như vậy kể cả trong cách tiếp cận với công việc hàng ngày của mình. Điều này xảy ra một vài tháng trước khi tôi về hưu.

Chúng tôi đã làm những trải nghiệm có tính cách khái quát, trong đó có những điều:

‘Thái độ của chúng ta như thế nào lúc làm việc mà xa lánh Thượng Đế? Thái độ của chúng ta như thế nào khi gần gũi với Quyền Lực của Thượng Đế?’ Trong cái trải nghiệm đầu tiên, tôi nhận được khi xa lánh Quyền Lực của Thượng Đế, mình thối sáo, tay bỏ vào túi quần, tôi như lén lút trốn khỏi cái công việc mình phải làm với một cảm nghĩ: ‘Không mắc mớ gì tới mình, mình sắp về hưu,’ đồng thời tôi cảm thấy cái thái độ đó khiến mình bức, vì đến công sở mỗi sáng mà hoàn toàn không thấy hứng

làm việc, bởi mình sắp về hưu, điều này không hợp với con người của tôi. Cái trắc nghiệm thứ nhì quả thực đến cho tôi một sự chỉ dẫn tốt đẹp được ghi khắc trong cuốn sách của nội tâm: tôi tiếp nhận được mình phải làm việc nghiêm chỉnh cho tới ngày cuối cùng mà không xin nghỉ theo lời khuyên của một anh bạn có lòng tốt. Tại sao lại lừa dối nhà nước? Thế nên, vui mừng vì sự khả thi đó, ngày kế tiếp tôi đi làm như mình phải đi suốt đời, điều đôi khi khiến những đồng nghiệp của tôi lấy làm ngạc nhiên. Tôi làm việc cho tới ngày cuối cùng như không có gì hết, và đó là một nỗi vui, bởi không phải nhàn cư vi bất thiện hay sao?³¹ Tôi không muốn là một kẻ lười biếng, nhất là khi mình có trách nhiệm đào tạo người kế tiếp mình trong cái chức vụ mình đã giữ.

Ta có thể nhận thấy trong Subud không có bí mật. Mọi sự việc trong đó đều đơn giản và sáng sủa, khi ta tuân theo ý Thượng Đế. Ôi! Điều này không luôn luôn dễ.

Có nhiều người muốn biết được mình đã tới đâu trong sự tiến hóa tâm linh của mình.

Về việc này, tất cả các tôn giáo đều đề nghị một cuộc thử nghiệm với những người đi theo con đường của sự toàn thiện: 'Đừng hận thù.' Vậy, ta sẽ biết được mình có thuận với tôn giáo của mình hay không, và tự thử nghiệm mình! Nếu còn một chút hận thù với bất cứ ai và bất cứ điều gì, thì tức là ta bị mắc kẹt trong những cảm xúc chưa được Quyền Lực của Thượng Đế thanh lọc. Bởi phụng thờ Thượng Đế để làm gì, nếu ta còn hận thù? Nếu hận thù thì tức là vẫn còn những hạt giống của sự hận thù trong lòng mình, và do đó ta không thể chỉ yêu bản thân mình, như thế ta không thể áp dụng cái mệnh lệnh của Thượng Đế mời chúng ta yêu tha nhân như bản thân mình.

Mỗi người trong việc này có thể cảm thấy trong lòng mình những nỗ lực phải làm để cảm được cái tình thương mà chỉ Thượng Đế mới có thể ban cho chúng ta trong

31 Nguyên văn: la paresse est mère de toutes les vices: lười biếng là mẹ đẻ của tất cả các tật xấu.

những lúc phó thác cho sự Toàn Năng của Ngài. Cái tình thương đó mãnh liệt tới nỗi nó mãi mãi giết chết hận thù.

Thiên hạ sẽ sung sướng, nếu trên trái đất có nhiều tình thương hơn hận thù!

Subud đã được tiên tri tại nhiều nơi

Sự xuất hiện của latihan, trên thực tế, không là một biến cố đột xuất do ngẫu nhiên.

Nhiều người đã đề cập tới nó kể từ lâu, những người nhờ ân huệ của Thượng Đế đã có thể tiếp nhận được của Ngài những chỉ dẫn về việc đó. Trong những lúc Bapak ở Paris, một người đàn bà là hội viên Subud, kể lại cho Bapak việc bà ấy đã gặp một người đàn bà khác ở Paris nói với mình là đã trông thấy đức mẹ Maria, mẹ của đức Ki Tô, 40 năm trước đó tại một nơi chốn hiện nay trở thành thánh địa đối với người Công giáo; đức mẹ Maria đã nói với người đó là trong 40 năm sẽ có một người Đông phương đến Âu Châu đem tới của Thượng Đế Toàn Năng điều gì mở đường đi cho thiên hạ trong lãnh vực tâm linh. Nhưng người đó đã nhận được sự cảnh cáo là đừng nói điều đó cho thiên hạ, trước khi gặp người đến từ phương Đông là sứ giả của Thượng Đế. Quả thực, Bapak đến Âu Châu 40 năm sau sự khai thị đó [tới Anh, Pháp, Hòa Lan và những quốc gia Âu Châu khác]

Người ta kể một câu chuyện khác ở Hòa Lan theo đó một người phương Đông sẽ đến Hòa Lan, một người Hồi giáo không râu mép và râu cằm, ăn mặc theo lối Tây phương,

người đó sẽ khiến thiên hạ ý thức được những khuyết điểm của họ, những kẻ từ lâu đã chối bỏ Thượng Đế.

Trong một cuộc họp của những vị lãnh đạo tâm linh của khắp thế giới, nhất là của Phật giáo, tại Nepal ở Himalaya, người ta nói tới nhiều việc trong đó có việc liên quan tới một hiệp hội được tạo lập sau này của loài người nhân danh cái dharma³² và có khả năng kết hợp nhiều người có những quốc tịch khác nhau, thuộc những môn phái tâm linh và tôn giáo khác nhau. Hiệp hội đó được lập nên năm 1947 ở Nam Dương, mang tên là Susila Budhi Dharma, và kết hợp những người thuộc mọi chủng tộc, mọi giới, mọi tôn giáo.

Trong những năm 1920-1930, những người Hòa Lan sống ở Nam Dương kể lại câu chuyện có một sứ giả của Thượng Đế đến trần gian, và đã có những dấu hiệu về một biển cổ gọi là 'Ngôi Sao của phương Đông'. Tin đồn đó còn nói rõ là trong năm 1901, vị sứ giả đó của Thượng Đế đã đến trần gian. Và ta nhận thấy là Bapak sinh ngày 22 tháng 6 1901 lúc bình minh.

Tất cả những câu chuyện đó, cũng như những tiền sử của Bapak, cho thấy sự xuất hiện trên trần gian của latihan kedjawan Subud không là điều ngẫu nhiên. Đó là cái quả của nhiều nhân, và là điều do Thượng Đế Toàn Năng muốn.

Hội tâm linh Subud được thành lập. Subud là chữ viết tắt của Susila Budhi Dharma.

Susila nghĩa là cái khả năng sống thuận với ý Thượng Đế với tư cách là con người chân thực. Budhi biểu thị sự hiện hữu, trong tất cả những gì được tạo ra, trong mỗi tạo vật của Thượng Đế, kể cả con người, của một thiên quyền hoạt động bên trong và bên ngoài tạo vật. Dharma nghĩa là cái khả năng hoàn toàn quy thuận Thượng Đế của con người; ta chỉ là một tạo vật của Thượng Đế, và do đó điều

32 Từ tiếng Phạn có nghĩa là con đường, đạo lí. Ý đây không nên hiểu chữ dharmna mà ta thường hiểu trong tổ hợp susila budhi dharma.

không tránh được là quy phục ý Muốn của Tạo Hóa.

Susila Budhi Dharma có nghĩa: tuân theo ý Thượng Đế nhờ sự trợ giúp của cái thiên quyền hoạt động bên trong và bên ngoài chúng ta, bằng cách quy thuận ý Muốn của Thượng Đế Toàn Năng Duy Nhất.

Như vậy Subud là biểu tượng của những gì chúng tôi thực hành trong lối tập luyện tâm linh của hội tâm linh Subud. Điều đó hàm ý là tất cả những gì xảy ra trong lối tu tập đó hoàn toàn là Ý Muốn của chính Thượng Đế, và đến với chúng ta vì đó là Ý Muốn của Ngài đối với chúng ta.

Điều này hoàn toàn thuận với những điều nói trong Thánh Kinh. Thế nên, trong Subud chúng tôi không làm tổn thương đến tôn giáo mình, Subud không là một tôn giáo, mà là kĩ thuật của tất cả các tôn giáo, bằng cách bao gồm tất cả các tôn giáo.

Thế nên, trong Subud có những người thuộc mọi tôn giáo, và có cả những người không theo tôn giáo. Trong Subud không có nghi thức, nghi lễ, tôn ti, uy quyền về mặt tâm linh. Không! Nhưng ta có trách nhiệm.

Do ân huệ của Thượng Đế, Bapak đã trở thành tôi tớ của Thượng Đế và người có cái trách nhiệm tối cao về cái tổ chức ngoại diện của hội tâm linh Subud trên khắp thế giới. Như người đã nói nhiều lần, người không cất giấu bất cứ gì trong bàn tay mình, người đã cho chúng tôi tất cả. Và ngay khi được khai mở trong Subud, chúng tôi đã tiếp nhận được tất cả, nghĩa là có thể phụng thờ Thượng Đế và quy phục cái Quyền Lực của Thượng Đế làm cho chúng tôi sống lại. Mặc dù đi khắp thế giới, Bapak không thể có mặt cùng một lúc tại mọi nơi. Bởi lẽ đó, để được trợ giúp trong cái sứ mệnh của mình, người đã phong chức phụ tá nam và phụ tá nữ có trách nhiệm làm cho Subud được biết tới quanh họ, và giải thích Subud là gì cho những người để ý tới con đường tu tập trực tiếp đó. Họ cũng làm chứng cho những khai mở của hội viên mới, bởi như Bapak, họ trở

thành một con đường truyền dẫn để cái nguồn đại sinh lực đó đi qua.

Thượng Đế cần tới con người để Ý Muốn của Ngài được thể hiện trên trời cũng như dưới đất. Và con người cần tới Thượng Đế là đấng Duy Nhất có quyền hành ban ân huệ cho người mà Ngài thấy nên cho, người sẵn sàng tiếp nhận nó. Như thế trong Subud, Bapak hay phụ tá của Bapak, có trách nhiệm truyền cái 'lễ rửa tội của Đức Thánh Linh'. Vậy, có phụ tá tại bất cứ đâu Subud phát triển, cho tới nay thì Subud có trên 80 quốc gia. Hiện nay, để được phong chức là phụ tá, một người nào đó phải có một số kinh nghiệm trong Subud, một đạo đức tốt, đức tin ở Quyền Lực của Thượng Đế, và 7 năm tu tập latihan kedjawan Subud.

Ngay khi cảm thấy cái nhu cầu vào Subud, một người nào đó phải liên lạc với một phụ tá, phái nam tiếp chuyện với phái nam, và phái nữ với phái nữ. Sau lần nói chuyện đầu tiên, đương sự được yêu cầu đợi chờ 3 tháng dự bị, trong đó mình gặp những phụ tá cho mình biết thêm những điều về Subud, như vậy để đương sự không còn nghi ngờ trong ngày được khai mở. Nếu trong 3 tháng đó mà không muốn vào Subud, đương sự chỉ việc từ chối. Nếu ngược lại muốn tiếp nhận sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế, đương sự được mời đến tập cái latihan đầu tiên của mình, và phụ tá là những người làm trung gian cho sự khai mở. Như đã nói trên kia, phái nam làm chứng cho sự khai mở của phái nam, phái nữ làm chứng cho sự khai mở của phái nữ.

Tuổi tác đòi hỏi để được chấp nhận vào Subud là 17. Được miễn khỏi thời kì dự bị 3 tháng là những người hơn 63 tuổi, những con cái của hội viên Subud, những người đàn bà mà chồng đã vào Subud, những người bị bệnh nặng, những người sắp chết.

Để vào Subud, sự việc thật đơn giản: ta chỉ việc xin, điều này thuận với lời nói trong Thánh Kinh: 'Cứ xin đi, ta

sẽ nhận được.' Thực vậy, kinh nghiệm đã dạy cho chúng tôi hay là nếu yêu cầu của mình chân thành, thì trong ngày khai mở chúng tôi nhận được một ân phước vượt ngoài ước mong của mình. Sự xác nhận đó dựa trên kinh nghiệm của hàng ngàn người đã nhận được sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế, khiến cuộc sống mình trở nên khá hơn.

Vậy, ta dễ hiểu được cuộc sống mình không thể hạnh phúc và yên lành, nếu không được Thượng Đế giúp đỡ, ý chí của chúng ta không giải quyết được mọi vấn đề, điều cũng cần thiết là sửa soạn mình để đến chỗ hẹn gặp cuối cùng là cái chết; và nếu muốn thế giới thay đổi, thì chúng ta phải bắt đầu với chính bản thân mình. Mỗi người phải có cái nỗ lực cần thiết để thay đổi cái thế giới của nội tâm mình, để được thanh tịnh, hạnh phúc, trở nên tin tưởng, thuận với những nguyên tắc đạo đức mà các tôn giáo đã thuyết giảng, hợp với Ý Thượng Đế. Bởi nếu muốn thế giới sống trong cảnh hòa thuận, thì chúng ta cũng phải sống hòa thuận với chính mình. Hãy biến cuộc sống mình thành cuộc sống một cộng đồng của thế giới, chứ không là cái thế giới của 'tôi'.

Hãy bày tỏ tình huynh đệ với mọi người trên trái đất. Điều này có thể được, chúng tôi đã có bằng chứng.

Tại sao Subud xuất hiện trong thời đại của chúng ta?

Cuộc sống thay đổi. Mọi việc đều động đậy, đều thay đổi. Cái hạt giống của sự sống của cha mẹ tôi đã thay đổi: hiện nay nó trở thành một người lớn. Khi chúng tôi đến cái làng này cách đây 25 năm, căn nhà của chúng tôi cô lập. Hiện nay có những căn nhà khác khắp nơi chung quanh. Hôm nay là cuối hè, thiên nhiên thật đẹp, mọi thứ vẫn còn màu xanh lá cây trên núi, cho tới một tháng rưỡi, mọi sự việc sẽ thay đổi, những màu sắc khác nhau sẽ còn đẹp hơn nữa. Rồi mùa thu đến, kế đến là mùa đông, núi sẽ khoác lên mình cái áo choàng màu trắng, cơn lạnh sẽ đến. Rồi nhựa sống sẽ lên trở lại, mọi thứ sẽ trở thành màu xanh lá cây trở lại, và mùa xuân đến. Chỉ có Thượng Đế là không thay đổi!

Nơi tôi có nhiều điều đã thay đổi về mọi phương diện. Tôi đã thường thay đổi nghề nghiệp, trước khi biết được cái nghề thích hợp với mình là nghề của một giáo viên về thể thao và thể dục. Rồi một căn bệnh lại khiến tôi thay đổi nghề nghiệp, và tôi trở thành công chức làm việc trong

văn phòng. Hiện nay tôi về hưu và lại có một loại công việc mới: viết văn. Viết lách khiến tôi vui sướng, và đó là một điều tốt.

Hiện nay nhân loại đang đợi chờ một sự thay đổi, vì một mặt thế giới bị trục trặc: lòng hận thù, kiêu ngạo, tính đạo đức giả, giả dối, bạo lực, ngự trị trên trái đất, và mặt khác, sự thay đổi đó đã được tiên đoán bởi những người tìm kiếm điều đó và đọc được về nó trong các cổ thư. Cái sự kiện mà mọi người tại mọi quốc gia đều nhận thấy, tạo nên một nỗi sợ hãi có tính cách tập thể và cá nhân. Con người sợ chính mình, ta sợ người khác. Quốc gia này sợ quốc gia khác, và mỗi quốc gia, để phòng vệ chống lại kẻ xâm lược, phát triển một kho vũ khí khiến nhà nước chi tiêu những số tiền khổng lồ, hàng triệu người phục vụ trong những đạo quân của những quốc gia trên khắp thế giới, hàng triệu người khác có những hoạt động liên quan tới những nhu cầu quân sự. Trong 5 năm vừa qua, những chi tiêu quân sự đã vượt qua con số 1800 tỉ đô theo tỉ suất hiện nay. Đồng thời hầu hết các quốc gia còn phải giải quyết những vấn đề xã hội rộng lớn. Những sở y tế cho công chúng, giáo dục, nhà cửa, bảo vệ môi sinh, tiến bộ kinh tế và xã hội nói chung: nhiều tài nguyên trong lãnh vực của tư nhân bị cuộc chạy đua vũ trang làm phung phí. Trong tạp chí của UNICEF tháng 12 1985, ta có thể đọc thấy những chi tiêu quân sự trên thế giới là 50 tỉ đô mỗi năm, 130 triệu đô mỗi ngày! Và người ta nói có 40 ngàn đứa bé chết đói mỗi ngày...

Năng lực quân sự của những cường quốc lớn nhất và cái khả năng phá hoại lớn lao của những vũ khí trang bị cho những quốc gia đó, là những điều khiến thế giới bị đe dọa một cách nặng nề nhất. Những sự củng cố tiềm năng quân sự tại những khu vực khác trên thế giới cũng tạo nên những nguy cơ trầm trọng: các cường quốc có thể bị lôi kéo tham dự vào những xung đột tại những nước của thế giới đệ tam, và ngay cả khi các cường quốc không làm điều đó, kinh nghiệm của những thập niên vừa qua đã cho thấy quy mô tàn phá của những vũ khí tân tiến, kể cả

những thứ thuộc loại 'cổ điển.' Đó là vài nét nổi bật nhất của bản báo cáo đầu tiên về 'những hậu quả kinh tế và xã hội của cuộc chạy đua vũ trang và những chỉ tiêu quân sự', được đệ trình lên Liên hiệp quốc trong năm 1971. Và điều đó hiện nay đã không mất cái tính hiệu lực của nó! Thực ra, kể từ năm đó, các kho vũ khí đã gia tăng về thể tích, và nhiều loại vũ khí mới với sức công phá khốc liệt hơn đã được điều chỉnh và đặt trong thể tác chiến.

Sự đe dọa gắn liền với sự tích lũy vũ khí lớn lao đó, đặc biệt loại vũ khí nguyên tử, đã tiếp tục gia tăng. Tổng phí của cuộc chạy đua vũ trang, đối với thế giới trong toàn thể và đại đa số các quốc gia, cũng tiếp tục gia tăng về phía của nó, những vấn đề phát triển (kinh tế) và những nhu cầu xã hội vẫn còn giữ cái tính chất cấp bách của chúng.

Sự đe dọa của chiến tranh, cái nguy cơ mọi người cuối cùng sẽ bị tiêu diệt, những phí tổn lớn lao về nhân sự và vật liệu của cuộc chạy đua vũ trang, là những nguyên do khiến việc giải giới là một điều bó buộc khẩn thiết và cấp bách. Khi đọc cái đoạn ngắn trên trong bản báo cáo của những quốc gia gọi là 'liên hiệp' [thật khôi hài!] ta chỉ có thể kết luận là phải có một sự thay đổi.

Sự thay đổi đó đã được tiên đoán trong mọi thời bởi các thánh thư. Trong kinh Vệ Đà, thánh thư của phương Đông, người ta nói: 'Mỗi lần lòng hận thù, sợ hãi, ganh tị, sự nói xấu, lòng tham, tính ngoại tình, ngự trị trên trần gian, Thượng Đế nhận thấy sự yếu đuối của loài người, sẽ đem tới Ánh Sáng, Chân Lí, Tri Thức, Tình Thương, của Ngài cho người trở thành tội lỗi của Ngài, một sứ giả của Thượng Đế, (và giao cho người đó) việc phải truyền bá những gì mình nhận được cho tất cả nhân loại, để hòa bình, hòa thuận, thông cảm, trở lại trần gian, và tránh được chiến tranh và tội ác'.

Câu nói đó của các thánh thư đã được kiểm chứng trong lịch sử của nhân loại, bởi nếu nhìn vào những gì xảy ra trong quá khứ, chúng ta nhận thấy khi những điều kiện

của cuộc sống trên trần gian đạt tới chỗ tuyệt đỉnh của sự kinh hoàng, Thượng Đế luôn luôn phái viện trợ tới cho nhân loại, để dẫn dắt và hướng dẫn những bước đi của con người trên con đường của chân lí.

Những vũ khí ta chế tạo được quan niệm theo một cái đích nào đó, và tiêu biểu cho một sức mạnh tìm cách thực hiện cái mục tiêu đó. Những kẻ chế tạo những vũ khí đó đã trở thành nô lệ của chúng, và ta có thể tự hỏi là con người chỉ huy vũ khí, hay ngược lại chính vũ khí là những cái có quyền hành đối với con người. Trí tuệ của con người đã phát triển nhiều tới nỗi vượt qua những giới hạn của lí trí và trở thành vô lí, khiến cho những kiến thức của khoa học và kĩ thuật đã vượt xa cái trí huệ³³ của con người và cái khả năng kiểm chế được những thứ đó để dùng chúng cho sự tốt đẹp của nhân loại.

Khuôn mẫu của những xã hội đưa ra cho nhân loại đã thất bại. Người cộng sản đã trở thành những kẻ xâm lược, những kẻ độc tài. Những chế độ tư bản bóc lột những kẻ mà họ cho tiền. Các tôn giáo đã trở nên cuồng tín, và những kẻ mộ đạo gây chiến tranh nhân danh Thượng Đế.

Còn lại là gì? Nhờ ân huệ của Thượng Đế, con người mang trong lòng mình những hạt giống linh động của thời hoàng kim mới. Chúng tôi có thể nói mà không sợ lầm lẫn là mình đang sống trong cái thời đại của sự sợ hãi và những khuyết tật của con người, khiến nhân loại chờ đợi một sự tỉnh thức để nhận thấy một cuộc sống khá hơn; chúng ta đang sống trong thời đại của sắt thép, cái thời trong đó những sức mạnh vật chất do mình tạo nên có thể tiêu diệt mình. Xe hơi, xe gắn máy, máy bay, xe lửa, giết ta chết mà không có chiến tranh. Đồng tiền đã trở thành con bò sữa như thời của Moise.

Những tiền đề của thời hoàng kim ở đâu? Sau cơn mưa trời lại nắng, sau một thời kì hỗn loạn tới một thời kì khác, và vân vân. Nhưng mọi sự việc bắt đầu từ cái nhỏ để kể

33 Chúng tôi phân biệt giữa giữa 'trí tuệ' (intelligence) và trí huệ (sagesse)

tiếp trở thành lớn hơn.

Subud đã bắt đầu với một người, rồi hai, rồi ba người, hiện nay sau 45 năm ra đời hội tâm linh Subud lan tràn tới 80 quốc gia, hàng ngàn người nam và nữ đã nhận được sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế Toàn Năng. Subud chỉ là Một trong hàng ngàn cái, nghĩa là Thượng Đế ban ân huệ cho những người sẵn sàng tiếp nhận trong Subud cũng như ngoài Subud. Vậy, con người nhờ đó Quyền Lực của Thượng Đế bành trướng trên trần gian là ai, trong một thời kì điều đó thực sự cần thiết?

Muhammad Subuh Sumhadiwijojo là ai?

Câu chuyện sắp tới không là một truyện thần tiên cũng như không là kết quả của tưởng tượng. Trong 25 năm, tôi đã có thể gặp Bapak tại Pháp, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, trong những hội nghị thế giới của Subud ở Nam Dương, Đức, Canada và Anh, và mỗi lần tôi có thể nghe những buổi nói chuyện của người. Trong những hội nghị, tôi đã có thể nghe một phần của câu chuyện về cuộc đời của Bapak.

Bapak sinh năm 1901 ngày 22 tháng 6 lúc bình minh [4 giờ 30] cùng ngày và cùng giờ với thiên sứ Muhammed. Lúc người sinh ra, người ta bắn 40 phát đại bác để ăn mừng ngày sinh nhật của Muhammed. Đó chỉ là sự ngẫu nhiên, hiện tượng đó không thể hiểu được, chỉ có việc là ngày sanh đó xảy ra cùng một lúc. Nhưng Bapak đã luôn luôn chối cãi mình là thiên sứ Muhammed; mình là Bapak! người thường nói.

Khi là một đứa bé, người nhận được một nền giáo dục tương tự với giáo dục của chúng ta, nghĩa là người không biết nhiều về vấn đề tâm linh. Trong lãnh vực đó, người chỉ nhận được một sự giáo dục thông thường, cái giáo

dục người ta thường tạo cho trẻ thơ, theo Bapak nghĩ, khiến mình được toại nguyện và làm việc để kiếm sống. Người đã không được cha mẹ, mà được ông bà mình nuôi nấng, điều này thật kì lạ, vì đó cũng là trường hợp của thiên sứ Muhammed! Kể từ thời thơ ấu, lúc 2 hoặc 3 tuổi, người thường có những kinh nghiệm đặc biệt, những kinh nghiệm có vẻ như kì diệu. Tất nhiên, bởi còn là một đứa bé, nên khi thuật lại những kinh nghiệm đó cho kẻ khác, người ta cho là tưởng tượng. Nhưng những kinh nghiệm đó có thật, Bapak có những hồi ức đi ngược lại tới lúc 2 tuổi.

Khi sinh ra, người được cha mẹ đặt cho cái tên là Sukarno [cái tên đó sau này nổi tiếng, vì đó là cái tên của người tổng thống tương lai của Nam Dương] Nhưng hiển nhiên đó không là cái tên tốt cho Bapak, vì người mắc bệnh, tới chỗ mắc bệnh nặng, và không gì có thể cải thiện tình trạng của mình. Người đã xém chết. Sau 3 tháng, cha mẹ người được khuyến cho, theo lời khuyên của một người mà chưa ai từng gặp trước đó, thay đổi tên của mình thành Subuhi. Nhưng bởi Subuhi là một từ Ả Rập mà người Java khó đọc được, nên nó được đăng kí thành Subuh, Muhammed Subuh. Người nhanh chóng mạnh khoẻ trở lại.

Là một đứa bé được bà nội nuôi, người thường đi theo bà, khi bà được mời ăn cưới, điều này xảy ra thường xuyên và là điều phải làm ở Nam Dương. Nhưng Bapak luôn luôn có thể thấy đôi vợ chồng không hợp với nhau và người nói: 'Nhưng đó là điều không tốt, nếu người này lấy người kia, bởi họ sẽ có nhiều khó khăn.' Điều đó luôn luôn xảy ra, hoặc họ li dị, hoặc một trong hai người chết. Cuối cùng, khi bà của Bapak được mời đi ăn cưới, thiệp mời luôn luôn kèm theo câu: 'Xin đừng mang cháu bà tới.'

Như đã nói, Bapak được giáo dục một cách thông thường. Người đã học xong trung học và sửa soạn vào cao học, với ý định là sau này sẽ bắt đầu học y khoa. Nhưng ngay lúc đó, người có một kinh nghiệm khiến mình đổi hướng đi. Một đêm người nằm mơ [nhưng đó không là giấc mơ

thường; mọi việc đều thật rõ rệt và tạo nên cái ấn tượng của sự thật hoàn toàn] thấy một người đàn ông mặc đồ đen tiến tới phía mình và nói: 'Đã đến lúc người biết được khi tới tuổi 32, Thượng Đế Toàn Năng sẽ kêu gọi người.'

Rồi người đó biến mất, và Bapak thức dậy. Giấc mơ đó thực sự tới nỗi người coi đó là hệ trọng. Và người nghĩ: 'Mình đã từng nghe nói tới một người nào mà không chết khi được Thượng Đế kêu gọi?' Bởi thông thường khi ta nói tới việc được Thượng Đế kêu gọi, điều này có nghĩa là mình sắp chết. Người kết luận là cái thông điệp đó báo cho hay mình sẽ chết lúc 32 tuổi. Tin chắc cái thông điệp đó là sự thật, người từ chối dự tính của ông bà và gia đình [cho đi học y khoa] vì không còn thấy lợi ích của việc học đó. Người nghĩ tốt hơn là đi theo một con đường khiến mình, trong khoảng thời gian ngắn ngủi còn lại để sống, tìm thấy đường đi biết được cái hướng đi tốt cho tới lúc chết.

Thế nên, người đã không tiếp tục đi học như đã dự tính trước đó. Người kiếm một việc làm, vì nhận thấy đi làm có vẻ hữu ích hơn đi học. Người bắt đầu đi làm khi còn khá trẻ; người vào khoảng 16 tuổi khi nhận một việc làm đầu tiên tại ga xe lửa. Người được phái tới Surabaya, một thị trấn lớn ở tây bộ Java. Những kinh nghiệm (trong công việc) của người được biết tới, người ta rất quý người, người được những xếp của mình chiếu cố, gần như mình là một đứa trẻ rất dễ thương hay điều gì như vậy.

Hồi đó trẻ thơ không được đối xử như hiện nay, khi cha mẹ thường xuyên chăm sóc chúng và cho chúng ngủ trên những tấm nệm êm ái. Người phải ngủ dưới đất, thậm chí không có đến một cái chiếu cho ban đêm. Thực vậy, hồi đó cha mẹ nói: 'Các con, đừng có thói quen sống tiện nghi, nếu không thì cuộc sống các con sẽ không được vui sướng khi lớn lên.'

Khi đến dự hội nghị Subud thế giới ở Cilandak tại Nam Dương năm 1971, tôi quả thực đã trông thấy những thiếu

niên ngủ ở ngoài trên vỉa hè, điều đó khiến tôi lấy làm lạ, và tôi muốn biết tại sao chúng ngủ ở ngoài trước cửa nhà, trong khi có thể vào nhà! Dem theo một thông dịch viên, tôi đặt cái câu hỏi mình mong ước được giải đáp. Người thông dịch cười cho tôi hay trong đời mình phải tỏ vẻ xứng đáng, và nếu muốn xứng đáng với một người đàn bà khiến mình được hạnh phúc, chúng phải tránh tiện nghi và chịu đau khổ; bởi lẽ đó chúng tránh tiện nghi của một chiếc giường tốt. Khi ở Surabaya Bapak có một kinh nghiệm kì lạ. Người thuê một căn phòng trong nhà của một người nào đó. Khi người đến cái thành phố đó, có một bệnh dịch tả nặng và nhiều người đã chết. Thiên hạ mắc bệnh buổi sáng và chết buổi chiều, hay ngược lại, và mọi người đều lo sợ. Chủ nhân của căn nhà nơi Bapak trọ hỏi: 'Ông có một lối che chở nào khỏi bệnh dịch tả?' Người đáp: 'Ông muốn nói gì?' 'Ồ, một sự giúp đỡ nào đó có tính cách siêu nhiên, một lá bùa, một mật ngữ, một câu chú, hay một loại nào đó khác để che chở mình.' Tình cờ, Bapak có một người bạn ở chung với mình trong căn nhà đó. Người nói chuyện với anh bạn đó và họ nói với nhau: <Chúng ta cùng đi kiếm một guru³⁴ có thể cho mình sự che chở đó.' Thế nên, họ quyết định đi kiếm một vị guru rất minh triết mang cái tên là Sakgwanin, và ở cách đó không xa. Có nhiều tin đồn về vị guru đó. Chẳng hạn như việc ông có những phép thần thông đem mình tới những nơi chốn xa xôi mà không thực sự di chuyển. Ông có thể đến từ nơi này tới nơi khác, chỉ bằng cách mong muốn điều đó, dù sao thì đó cũng là điều người ta kể.

Bapak không nói điều đó là sự thật! Khi đến chung với bạn mình, người đã rất ngạc nhiên thấy một số đồng các đệ tử của nhân vật đó ngồi dưới đất đang nghe những thuyết giảng của ông. Những đệ tử đó không là những kẻ tầm thường, hay người nghèo, mà là những kẻ giàu có và quan trọng, những công chức cao cấp vv... Trong số những người đó có ngay cả vị quan nhiếp chính của tỉnh đang theo dõi những thuyết giảng của ông.

Khi người đến và trước khi bước vào nhà, vị guru đó đứng lên, đi ra ngoài để đón người, xiết tay người và nói: 'Thưa ngài, ngài đừng giận tôi, tôi chỉ tuân theo mệnh lệnh của Thượng Đế. Sau này, chính Thượng Đế sẽ trực tiếp hành động, nhưng hiện nay thì tôi làm điều đó. Xin ngài bước vào và mời ngồi.' Ông đưa Bapak lên ngồi trên một chiếc ghế, trong khi tất cả những người khác, tất cả những nhân vật quan trọng đó, ngồi dưới đất trên thảm. Bapak từ chối: <Không, tôi không muốn ngồi đó,> Nhưng vị guru đó nói: 'Cứ tự nhiên, cứ tự nhiên, ngài phải ngồi, vì ngài khác với những người nơi đây, thực vậy. Ngài là một người Java, nhưng đồng thời ngài khác với tất cả những người nơi đây. Vậy, ngài cứ ngồi xuống đó.' Rồi vị guru đó thuyết giảng nhiều điều cho các đệ tử của mình. Về phần mình, Bapak không nghe được gì hết, vì thấy thật khó xử, người cảm thấy rất áy náy được ngồi trên một chiếc ghế đặc biệt. Sau một khoảng thời gian, cuối cùng người nói: 'Thưa thầy, bây giờ con phải đi. Thầy biết là con có một việc làm. Con đến đây trong lúc rảnh rỗi, và bây giờ con phải về để đi làm.' Vị guru đó nói: 'Đừng, đừng, xin ngài đừng đi, ngài có thể ngủ đêm ở đây, tôi muốn nói chuyện với ngài; tôi có nhiều điều phải bàn luận với ngài.' Bapak đáp: 'Tiếc thật, nhưng không thể được. Con sẽ tới một lần khác.' Người cố nài cho được ra đi và trở về nhà với người bạn của mình. Trên đường, người bạn đó không dám đi cạnh người như trước đây; anh đi đằng sau! 'Anh làm gì vậy?' người nói. 'Ồ, người bạn đáp, anh nói dối tôi, anh nói mình là một kẻ tầm thường, và bây giờ tôi được biết anh là con của vua chúa, nếu không thì vị guru đó đã không đối xử với anh như ông đã làm.' Bapak đáp: 'Thật phi lí, tôi là một kẻ hoàn toàn tầm thường, xuất thân từ một gia đình không kém tầm thường.' 'Không, tôi không tin anh.' Hậu quả là họ cãi lộn suốt dọc đường! Dù sao, Bapak trở về mà không nhận được gì để được che chở khỏi bệnh dịch tả! Trong lúc ở Surabaya, người đã đến diện kiến một số các vị guru khác như vậy, nhưng luôn luôn là như thế: họ không bao giờ muốn hay không thể cho Bapak bất cứ gì. Cuối cùng, một người trong đám họ nói: <Ông không cần tới bất cứ ai để giảng dạy cho mình, bởi tuy không nhận

thức được điều đó trong lúc này, sau này sẽ tới lúc ông nhận được trong nội tâm tất cả những gì mình cần. Ông không cần đi tìm kiếm một vị tôn sư. Thực ra, không có một tôn sư nào có thể dạy ông.'

Ta có thể nói khi lưu lại Surabaya, người đã chưa từng nhận được gì của những vị tôn sư đó, và chắc chắn là không có gì đặc biệt khiến người được che chở khỏi bệnh dịch tả! Nhưng hiển nhiên bệnh dịch tả đã không ưa người, vì người không mắc bệnh.

Người làm việc được 3 năm ở Surabaya. Sau đó, người trở về Semarang, và nhận được một việc làm tại tòa thị chính. Người vừa đi làm vừa đi học, vì tất nhiên muốn kiếm được một số lương khá hơn. Thế nên, người học kế toán, và không bỏ lỡ bất cứ dịp nào để đến diện kiến các vị guru, vì người mãnh liệt ước mong tìm hiểu bí mật của sự sống, chân nghĩa của sự sống, trước khi chết. Việc tâm sư học đạo là điều thông thường ở Nam Dương. Thiên hạ thường đi tìm sự hiểu biết hay tri thức tâm linh.

Ở Ấn Độ thì cũng thế, bởi điều đó trở thành một thành phần trong nền văn hóa của đất nước. Nhưng người nhận thấy như điều đã xảy ra ở Surabaya: không có bất cứ một tôn sư nào người đến diện kiến, đã có thể hay muốn cho người bất cứ hình thức hiểu biết hay giáo lý nào, cho tới khi người gặp được một tôn sư rất nổi danh tên là Abdul Racham, một tôn sư về đạo Hồi có tiếng tăm và đã sống 40 năm ở Ai Cập, một người rất được tôn kính. Chính vị tôn sư đó cuối cùng đã nói: <Thực ra, ông không cần tôn sư, bởi khi tới lúc, ông sẽ được vị Sứ Giả của Thượng Đế trực tiếp truyền dạy; đi tìm kiếm khắp nơi một tôn sư đối với ông chẳng được việc gì hết.' Thế nên, Bapak dứt cuộc chấp nhận cái tình trạng đó, và từ bỏ việc tâm sư học đạo. Người tiếp tục học hành và làm việc nhiều năm cho tới lúc được 24 tuổi. Người học hành buổi chiều cho tới lúc gần khuya. Người gấp sách vở lại, và theo thói quen, đi dạo mát để đầu óc được trống rỗng trước khi đi ngủ.

Một buổi chiều, trong lúc Bapak đang đi và sắp về tới nhà, đột nhiên xuất hiện một luồng ánh sáng từ phía trên. Người rất hết hoảng, vì đó là thứ ánh sáng tương tự với ánh sáng của buổi trưa. Khi người trông thấy ánh sáng, cái mặt trời đó rớt xuống đầu mình, nhập vào thân mình, và người cảm thấy một cơn chấn động mạnh trong ngực. Người có cảm tưởng đó có lẽ là cơn bạo hành của căn bệnh gọi là bệnh tim. Người rất bị chấn động và vội vã về nhà. Điều may mắn là nơi chốn xảy ra điều đó rất gần với chỗ ở của người, cách đó khoảng 200 thước. Khi về tới nhà, người chuẩn bị để chết, vì toàn thân chấn động mạnh. Khi sẵn sàng, người đã ngủ thiếp. Người đã không chết, mà thấy mình có đầy ánh sáng, ánh sáng có khắp nơi chung quanh mình.

Người không lo sợ, nhưng cái biến cố có vẻ kì lạ với mình, bởi ánh sáng có bên trong mình, trong đầu mình, trong toàn thân. Điều đó chỉ kéo dài một phút hay ít hơn, rồi biến mất. Khi ánh sáng đi mất, người tỉnh dậy khỏi cơn ngủ. 'Ai đã đánh thức mình dậy?' Nhưng người không cảm thấy một chút sợ hãi, không, người chỉ cảm thấy trong lòng mình một niềm hạnh phúc, một sự an lạc, khi thức dậy, đứng lên và đi đứng.

Căn nhà người ở có một căn phòng dành cho việc học hành, nên nó có ít đồ đạc và bàn ghế. Khi bước vào phòng, người đứng trong thế làm cái <solat> [một lối làm lễ thường nhật của người Hồi giáo] Người hoàn thành cái nghi thức đó, và khi làm xong cái ibadat, người được khiến cho quay mình và tự động đi đứng. Người tự hỏi điều gì khiến cho mình đi đứng như vậy. Nhưng không có ai để mình hỏi, bởi trong lúc đó người chỉ có một mình. Sau này, người đi hỏi những người khác về điều đó, nhưng không ai biết đó là gì. Khi lên giường trở lại, người liền ngủ. Và điều đó đã tái diễn mỗi đêm, và như vậy trong 1000 đêm.

Vậy, nếu hỏi xuất xứ của latihan kedjiwan, ta nhận thấy Bapak không nhận nó từ bất cứ người nào; latihan bộc phát trong chính nội tâm của Bapak, và người không hiểu

tại sao điều đó lại đến với mình theo cách đó. Điều này tức là người được đánh thức khỏi cơn ngủ, và nhận được cái khả năng tuân theo sự tập luyện tâm linh đó [latihan kedjiwan] Về phần cái nội dung của những kinh nghiệm đó trong 1000 đêm, Bapak nhận thấy không cần thiết nói tới điều đó, bởi nếu người nói nhiều thêm, điều này sẽ như những câu truyện của 'Ngàn Lẻ Một Đêm'. Những kinh nghiệm đó sau này được biết tới.

Nhưng Bapak đã có thể cho chúng ta những kinh nghiệm khác. Một hôm, trong lúc đang làm lễ, người nhận được một cuốn sách, người không nằm mơ, đó là một biển cộ có thật. Người mở nó ra, và trên trang đầu có một người Ả Rập, nhưng chỉ có nửa phần trên của người đó, chứ không không toàn thân. Người nhìn cái hình đó, rồi thấy điều gì viết phía dưới bằng tiếng Ả Rập. Người đọc những chữ viết đó, nhưng có lẽ vị thiên thần (trông nom mình) thấy sốt ruột, bởi người đã tốn khá nhiều thời giờ để đọc được những chữ đó, nên những văn tự Ả Rập biến thành văn tự La Tinh, và người có thể đọc: Nabi Muhammed rasuallah [thiên sứ Muhammed sứ giả của Thượng Đế] Sau khi đọc những chữ đó, người nhìn cái hình đó, và nó liền gật đầu nhưng không nói một lời nào, cái hình đó mỉm cười. Một chân dung có thể gật đầu! Điều này gây nên cái cảm tưởng về một câu truyện thần tiên, khi ta nghe Bapak kể cho mình những kinh nghiệm đó; ta có vẻ khó tin, làm sao điều đó có thể như vậy được? Sau việc đó, Bapak quyết định lập tức đưa cuốn sách đó cho bạn bè mình coi. Rồi Bapak mở cuốn sách một lần nữa. Nhiều hình ảnh mới xuất hiện, cái đầu tiên cho thấy nhiều người Nam Dương mà phần đông là người Java. Khi người tập trung sự chú ý vào cái hình đó, nó trở nên linh hoạt. Một hình ảnh cử động! Không thể được! Người nhìn về phía sau, nghĩ rằng có lẽ có một đèn chiếu như trong rạp xi-nê, nhưng không có gì hết.

Những người trong hình ảnh đó ban đầu đi đứng, rồi dần dần ta nghe thấy tiếng xì xào và những âm thanh khác nhau; người thì khóc, người thì cười, người thì la hét,

người thì nói năng, người thì cử động. Thật kì lạ, Bapak nghĩ, cuốn sách này sẽ khiến bạn bè mình thích!

Sau đó, người lật cuốn sách tới những trang khác, trang một, hai, ba, những trang cho thấy những hình ảnh khác nhau. Ta thấy một lô những người mặc váy, hay những người khác thì mặc sarong, người thì da trắng, người thì da vàng, đủ loại người. Bapak chưa hiểu được điều đó có nghĩa là gì. Đó chỉ là những hình ảnh, nhưng ngay khi người nhìn chúng, chúng trở nên linh hoạt. Rồi những người da trắng lên tiếng nói, hiển nhiên trong ngôn ngữ của họ mà người nhận thấy là tiếng Anh, tiếng Đức và những thứ tiếng khác. Nội dung của những hình ảnh đó tương ứng với những gì xảy ra sau này, và cho thấy những điều đó trước tiên. Quả thực điều đó là một sự khái thị về những gì xảy ra trong tương lai, những điều Bapak đã trông thấy trong nội tâm mình, những điều Thượng Đế Duy Nhất muốn. Sau khi nhìn 4 hay 5 hình, người gấp sách lại và nghĩ: 'Ngày mai sẽ thấy rõ hơn, khi mình nhìn những hình ảnh này lúc thanh thiên bạch nhật!' Người cầm chặt cuốn sách trong tay, ôm xiết nó trong lòng mình, nhưng rồi cuốn sách biến mất! Bapak rất lấy làm buồn và thất vọng; người có cảm tưởng là linh hồn đã mất. Làm sao cuốn sách đã có thể biến mất được? Nhưng ngay lúc đó, người nghe thấy nội tâm mình bảo: Đừng hối tiếc, đó chỉ là ban đầu, sẽ còn nhiều điều khác; cuốn sách biến mất đã không đi đâu xa, nó đã đi vào trong cái tôi của người, vì được dành cho cái chân tâm. Người có thể coi nó khi nào muốn, và điều người thấy sẽ được thể hiện sau đó.' Người chấp nhận những chỉ dẫn đó và lấy làm hài lòng; rồi người ngủ thiếp.

Khoảng 6 tháng sau, người nhận được một cuốn sách khác cũng rút xuống từ phía trên lên đùi mình, nhưng nó giống một tập bản đồ, đúng hơn nó giống một cuốn từ điển dày cộm. Lần này, người muốn mở cuốn sách, nhưng thấy sợ; nếu mở thì sẽ thấy nó biến đi. Người ngập ngừng, không hiểu mục đích của nó là gì, nhưng người cứ chậm chạp mở nó, và cuốn sách có vẻ như chưa có gì hết, chẳng

có gì viết trong đó. Sau khi nhìn nhiều trang, người nhận thấy tất cả đều không có chữ. Nhìn thấy điều đó, người nhận thấy nó thật kì bí, vì cuốn sách có thật! Vậy, nguyên nhân của trò chơi này là gì? Có ai ở đây không? Người ngước mắt lên và không thấy gì hết.

Ngay lúc đó, người nhận thấy những chữ xuất hiện trên đó. Người có thể đọc: 'trên sách không có bất cứ gì là điều cố ý, bởi nếu muốn đặt một câu hỏi, người sẽ được giải đáp.' Và người đặt nhiều câu hỏi: 'Tại sao điều này? Tại sao điều nọ?' và lập tức, những giải đáp được ghi khắc trên trang giấy. Khi người lần lượt lật những trang sách, mọi câu hỏi của mình được giải đáp, và nhiều điều xảy ra trong tương lai đã được cho hay. Chẳng hạn, một ngày nào đó Nam Dương sẽ được tự do, nhưng trước đó có nhiều cuộc chiến, cuộc chiến đầu tiên được tiên đoán là cuộc chiến giữa nước Ý và Ethiopia xảy ra trong thập niên 20. Tất nhiên, người chờ đợi cuộc chiến đó, và quả thực nó đã xảy ra. Rồi người được cho hay là sau những cuộc chiến đó và sau khi Nam Dương được độc lập, người sẽ du hành khắp thế giới. Nhưng người tự hỏi: 'Làm sao mình có thể du hành khắp thế giới? Để du hành khắp thế giới phải có tiền.' Người được cho hay: 'Người không chỉ có khả năng du hành khắp thế giới, mà còn được mời đến mọi nơi bởi những người thuộc mọi chủng tộc sẽ coi người là cha mình, cuối cùng người sẽ trở thành người cha của toàn thể nhân loại.'

Nhiều điều đã xảy ra, như Nam Dương được độc lập, những chuyến đi khắp thế giới [Bapak đã có hơn 20 chuyến đi] Tất cả những điều đó đã xảy ra như những điều được tiên đoán trong cuốn sách thứ nhất và thứ hai. Khi nhận được những giải đáp cho tất cả những câu hỏi của mình, người gấp sách lại và cầm nó trong bàn tay, và như cuốn sách trước, cuốn đó cũng biến mất. Nhưng người cảm thấy nó trong ngực mình như thứ gì cứng, rồi cái cảm giác đó biến mất. Chẳng bao lâu sau đó, người lập gia đình và có đứa con gái đầu tiên mà mọi người đều biết: đứa bé gái đó tên là Ibu Rahayu.

Một hôm, người cảm thấy buồn ngủ và yếu sức. Đó là lúc cuối trưa, nhưng ban đêm thì không, như trong những trường hợp trước đây. Người cảm thấy mình như một kẻ rất yếu sức và tự nói: 'Mình có bị bệnh không, có thiếu máu không?' Rồi người chợt nhớ tới lời tiên tri: 'Thượng Đế sẽ kêu gọi người khi người được 32 tuổi.' Người nhận thấy mình đã 32 tuổi. Thế nên, người thấy khá sợ, bởi đồng thời với việc càng lúc càng thấy mình yếu sức, hơi thở của người có vẻ như ngưng lại. Người ép buộc hơi thở của mình hoạt động trở lại, nhưng khi người thư giãn một lần nữa, nó ngưng lại.

Người lên giường nằm, và trong lúc đó, và chính trong lúc đó có một cái kinh nghiệm mà mình chỉ có thể thuật lại trong những nét đại cương. Điều xảy ra là trong lúc nằm trên giường, người có cái cảm giác của sự trống không và yếu sức, và đột nhiên người cảm thấy thân mình trở nên càng lúc càng dài, cho tới khi chân và đầu mình cảm thấy rất lạnh. Khi hỏi: 'Điều này có nghĩa là gì?' người được cho hay: 'Điều đó tiêu biểu cho cái sự kiện chân người ở nam cực và đầu người ở bắc cực.' Khi nghe những lời đó, người cảm giác mình bị phân chia ở giữa và thân mình mở ra, khiến nó cuối cùng nở rộng trên một diện tích của hình cầu. Người cảm thấy thân thể mình trở thành hình cầu và có ấn tượng mình bao bọc toàn thể cái hành tinh tên là trái đất.

Rồi người chợt thấy mình rời khỏi thể gian với một tốc độ phi thường. Người tự hỏi:

'Nếu đang rời khỏi trái đất, mình muốn dừng lại để coi thể gian như thế nào từ đằng xa. Ngay lúc đó, người dừng lại và có thể trông thấy thể gian có cái kích thước vào khoảng đó, cái trái đất trên đó chúng ta sống. Rồi người tiếp tục cuộc hành trình trong một khoảng thời gian bằng cỡ đó, và người xin được trông nhìn (chung quanh) Tất cả những điều người nhìn thấy ở đằng xa là những thứ lấp lánh, gần như những hạt ngọc của một bông tai hay một kim cài. Điều này tức là người trông thấy rất nhiều hạt

ngọc đứng chung nhau. Người hỏi: 'Điều đó là gì?' 'Đó là giải ngân hà, cái vũ trụ từ đó người đến, với mặt trời, các hành tinh, vân vân.' Rồi người đi xa hơn nữa, và chỉ khi đó người mới tới tầng trời thứ nhất; tầng trời thứ nhất đó rất chói sáng, sáng hơn rất nhiều ánh sáng của ban ngày trên thế gian này.

Người hiểu đó là tầng trời thứ nhất được thiên sứ Muhammed mô tả trong cuộc thăng thiên của ông. Cái kinh nghiệm đó khiến Bapak hiểu được những gì Muhammed thuật lại về cuộc thăng thiên của ông, và những gì được nói về cuộc thăng thiên của đức Ki Tô, quả nhiên là sự thật; đó là những kinh nghiệm đích thực, chứ không là những câu chuyện (hoang đường) Đó là tầng trời thứ nhất, rồi người còn đi xa hơn nữa và hỏi:

'Tôi có phải đi xa hơn nữa không?' 'Phải, vẫn còn một khoảng cách mê mông từ nơi đây tới chỗ người phải tới.' Và người tiếp tục cuộc hành trình lâu thêm, nhưng Bapak không thấy lợi ích kể cho chúng ta nghe những kinh nghiệm của mình trong chuyến đi đó, việc này sẽ chỉ làm đầu óc chúng ta có đầy nhóc những điều làm đề tài cho sự suy tưởng của mình. Nhưng người đã nói là trong cuộc hành trình của mình, người phải đi xuyên qua mặt trời, người trông thấy quả thực mặt trời là một cái lỗ xuyên qua đó mình phải đi. Khi nhận thấy mình phải đi qua, người nói: 'Nhưng thân thể tôi có bị tàn phá không?' Quả thực, người trông thấy mặt trời là một hòn ánh sáng và chất khí có một sức nóng không thể tưởng nổi. Người được cho hay. <Hãy nhìn thân thể của người.' Người nhìn thân thể mình và trông thấy nó cũng bao gồm ánh sáng. Như vậy, người đã thành cùng một chất liệu như cái mình phải đi qua. Người hiểu được điều có thể kết hợp với lửa là lửa, điều có thể kết hợp với ánh sáng là ánh sáng. Và cuối cùng người đến cái nơi chốn mà Thượng Đế muốn mình đến, và kể tiếp, người bắt đầu cuộc hành trình đi về.

Trên đường về, người muốn đi chậm lại, để thấy rõ thế gian được tạo thành bằng cái gì, và những thế giới khác

trông như thế nào. Và đó là điều quả thực đã xảy ra. Thế nên, cuộc hành trình trở về của người xảy ra thật chậm chạp, từng giai đoạn một, và cuối cùng khi đến gần cái thế gian này, người nhìn những ngôi sao phía dưới mình:

'Cái đó là gì vậy?' Và người được cho hay: 'Đó là những ánh sáng của Semarang, cái thành phố từ đó ngươi đến.' Và người nói: 'Vậy, tôi đã thực sự trở về thế gian?' 'Đúng, ngươi cứ nhìn coi.' Người nhìn và trông thấy cái hình thù ta có thể thấy. Người đi xuống và trông thấy bên ngoài của căn nhà mình. Khi trông thấy những ngôi nhà, người hỏi: 'Nhưng làm sao tôi đi xuyên qua được ngôi nhà để tới phòng ngoài?' Người được cho hay: <Đừng lo lắng, bởi ngươi đã không du hành trong cái thân vật chất của mình, mà trong cái thân tinh thể, cái jiwa của ngươi, và cái thân đó có thể đi xuyên qua đồ đạc vật chất. Quả thực, ngươi đi xuyên qua mái nhà, thấy mình đứng trong văn phòng, người nhìn đồng hồ trên tường và trông thấy nó điểm 4 giờ 25 phút.

Người đi vào phòng của mình và trông thấy thân xác mình có vẻ như đã chết, người trông thấy trên trán mình một viên ngọc đang lấp lánh như một ngôi sao. Người tiến gần đến thân xác, hôn nó trên môi, và ngay lúc đó kẻ được hôn thức dậy và kẻ hôn biến mất.

Người chợt thức dậy trong thân thể của mình và cố gắng ngồi dậy, nhưng người không thể làm được điều đó, vì thân thể mình hoàn toàn lạnh; máu không lưu thông nữa, người phải mất nhiều phút mới có thể khiến nó cử động trở lại. Rồi người dần dần ngồi dậy để xuống giường. Khi có thể đi đứng, người đi vào văn phòng, vì nghĩ:

'Mình vừa nhìn cái đồng hồ trên tường. Bây giờ mình đến coi rõ có phải là sự thật không, mình đã trông thấy nó với cặp mắt của jiwa [linh hồn] Mình sẽ kiểm chứng coi cái giờ giấc mình đã trông thấy cũng là cái giờ giấc của đồng hồ không?' Người trông thấy đồng hồ điểm đúng 4 giờ 30. Người đã mất 5 phút kể từ lúc trở về và nhập vào thân thể

mình, cho tới lúc đến văn phòng để kiểm chứng.

Bapak thường nói với chúng tôi là cái kinh nghiệm đó có vẻ như một câu chuyện thần tiên, khi được kể cho những người không tự mình nghiệm được nó; bởi lẽ tin điều đó như vậy một cách tự động là không cần thiết. Tuy nhiên, nó đã xác nhận với Bapak cái sự thật về những điều thiên sứ Muhammed và đức Ki Tô nói về sự thăng thiên của họ, đó là những kinh nghiệm hoàn toàn có thật, và không được nhận thấy trong trạng thái xuất thần, hay trong những trạng thái mờ ảo của tâm thức. Bởi trong suốt lúc nhận được những điều đó, tại bất cứ chỗ nào mình tới, sự hiểu biết của người đều được toàn diện: đó là việc cái con đường người đã theo là con đường của các vị sứ giả của Thượng Đế, mà không hề là con đường của các thiên sứ³⁵ những kẻ nghiệm được những điều kì diệu, nhưng trong trạng thái xuất thần, một trạng thái tương tự với giấc mơ. Đối với Bapak, điều đó không là như vậy. Dù sao, tất cả những điều đã được tiên đoán cho Bapak trong những năm nhận được latihan, đã thực sự xảy ra.

Nhưng còn có điều khác xảy ra trong cái đêm của cuộc hành trình đó: mẫu thân của người đã thức dậy [bà là một người được hội viên biết tới] Như điều thường xảy ra nơi những người lớn tuổi, bà muốn đi cầu. Bà mò mẫm với đôi chân để kiếm những chiếc giầy nhẹ của mình, bà mở mắt để nhìn, đột nhiên bà trông thấy căn phòng có đầy ánh sáng và ngôi sao. Bà nghĩ: <Đó chắc là ánh đèn của hàng xóm.> Bà chăm chú nhìn và nhận thấy tường nhà đã biến mất. Chỉ có một luồng ánh sáng lớn phía trên.

Bà rất sợ hãi, nhắm mắt lại, và đi ngủ trở lại! Nhưng sáng hôm sau, khi Bapak về nhà, bà đến gặp người và hỏi: 'Này con, mẹ có thể nói với con điều này không?' Con bà đang làm cái dikhir³⁶ 'Tất nhiên là được' con bà nói. Bà kể cho người nghe cái kinh nghiệm của mình. Con bà nói: 'Có chứ, có chứ, con biết mà.' Và ngay lúc đó có một mùi

35 dewas

36 Một lối mặc niệm trong đạo Hồi.

hương êm dịu trong phòng của Bapak. Bapak nghĩ điều đó đến để cái kinh nghiệm của mình có một nhân chứng ngoài bản thân mình.

Lí do trọng đại khiến Bapak kể cho chúng ta những kinh nghiệm đó là Bapak biết thật rõ chúng ta muốn biết được xuất xứ của cái latihan mà hội viên nghiệm được. Chắc chắn có khó thì phải lửa, và ngược lại. Tất cả những gì xảy ra phải có một khởi điểm, phải có xuất xứ, một nguồn gốc. Bapak kể cho chúng ta nghe tất cả những kinh nghiệm đó để chúng ta tin chắc hiện nay đó là Ý Thượng Đế khiến nhân loại nhận được cái latihan này là sự hướng dẫn của Thượng Đế Toàn Năng. Bởi Thượng Đế biết được nhân loại đã nhận được hàng ngàn giáo lí, nhưng những giáo lí đó không khiến cho nhân loại tìm thấy con đường của hòa bình và hạnh phúc trong cảnh hoà thuận và cảm thông tốt đẹp giữa các dân tộc.

Hiện nay đó là Ý Thượng Đế, khi người nam và nữ được ban cho một con đường hết sức thực dụng, nghĩa là thiên hạ được khiến cho ý thức được, bắt đầu từ cái kinh nghiệm của bản thân mình, ý thức được trong mỗi người chúng ta có một sức lực vượt ngoài dự vọng và không bị ảnh hưởng của nó, kết hợp ý chí chúng ta với ý chí của Thượng Đế. Có một sự sống khiến chúng ta cử động, và đó là điều gì như một sự định hướng xuất phát từ nội tâm và chỉ cho chúng ta con đường tốt đẹp tới một cuộc sống khá hơn. Chúng tôi nghiệm được trong Subud là mỗi người trực tiếp nhận được sự giáo hóa tùy theo tư chất đặc biệt của mình, như vậy mỗi người tuân theo không phải người bên cạnh hay người bạn mình, hoặc điều gì mình đã đọc được, mà là cái con đường xuất phát từ sự trống không được Thượng Đế tạo nên trong lòng mình.

Một hôm có một nhà báo hỏi Bapak về nhiều điều, và Bapak nói với nhà báo đó về cái thực tại của ánh sáng: 'Trước khi thế gian được tạo nên chỉ có hư vô. Chỉ có hư vô, chỉ có Thượng Đế. Ta không thể tưởng tượng được ngay cả làm sao chỉ có hư vô và Thượng Đế. Ta không thể

tưởng tượng được ngay cả cái hư vô đó là gì, vì không có ánh sáng. Bởi không có ánh sáng, nên không có bóng tối, chỉ có hư vô và Thượng Đế. Ánh sáng không là Thượng Đế, Thượng Đế có trước ánh sáng. Và cái ánh sáng đó là sự rung động. Cái ánh sáng rung động đó tạo nên những thứ vật chất tự nó cũng là những rung động. Cái latihan Subud là cái ánh sáng đầu tiên đó.

Latihan là sự rung động sơ khởi.'

Trong 1000 đêm không ngủ, Bapak đã tiếp nhận được đủ điều. Điều kể tiếp trước hết: người tuân theo latihan, khi trông thấy căn phòng trong đó mình đang đứng biến mất, để trở thành một không gian rộng trước mặt. Rồi một người đến. Người đó mặc ăn mặc như một người Ả Rập, mặc đồ djellabah, đầu đội khăn, và mang theo một cây lao. Khi đến trước mặt Bapak, người đó bảo Bapak mở áo ra, và đó là điều Bapak làm, và tất nhiên Bapak yên tĩnh trong lòng. Khi kể cho chúng tôi những kinh nghiệm đó, Bapak nói: <Các bạn nghe tôi nói có thể tin hay không, điều đó tùy ý các bạn; dù sao thì đó cũng là một kinh nghiệm được nhận thấy trong latihan.' Bapak tiếp tục kể: người đó đâm Bapak với cây lao; đột nhiên ông ta phóng cây lao vào bụng Bapak, tại chỗ gọi là gan. Cây lao đâm xuyên qua. Đầu lao có một cục máu kích thước của một hộp quẹt, dù sao thì trông nó có vẻ như vậy. Bapak trông thấy điều đó và tự nói: 'đó là máu!' Người đó lấy cục máu đi, nhét tay vào túi quần bên phải, lấy ra một vật có kích thước của một trái trứng gà, một vật chói sáng lấp lánh như sao ban mai, dù sao thì đối với Bapak điều đó có vẻ như vậy; người đó đem vật đó nhét vào cái lỗ do cây lao tạo nên. Khi bị đâm xuyên, Bapak cảm thấy đau ốm, khi cục máu được lấy đi thì cũng thế. Khi cái vật sáng chói được đặt vào bụng, Bapak cảm thấy được toàn vẹn, thú vị nữa là khác, ta có thể nói là thoải mái. Kể đến, bàn tay của người đó vuốt nhẹ và vết thương đóng lại.

Trong một đêm khác, trong khi Bapak đang đơn độc tuân theo latihan, căn phòng lại biến mất, và trước mặt mình

xuất hiện một đại dương mà Bapak nhận thấy sóng: trước mặt Bapak có một cái đê và đằng trước đó là một loại đường dẫn. Một tiếng nói bên ngoài ban lệnh cho người tiến lên, miệng mở; người tiến lên và nước tràn vào bao tử mình cho tới khi cái đại dương mênh mông đó cạn. 'Điều này có nghĩa là gì?' Người được cho hay: 'Nó có nghĩa là người có tất cả các hiểu biết.' 'Hiểu biết nào tôi có được khi mình ngu dốt?' Và đó đúng là điều đã xảy ra.

Nếu Bapak đã có những kinh nghiệm như thế, những kẻ đến sau người cũng sẽ có.

Quả thực điều đó đã xảy ra với một vài người trong chúng tôi; một vài người đã tiết lộ chúng, những người khác thì chưa nói tới chúng.

Để kết thúc cái chương liên quan tới cuộc đời của Bapak, tôi xin được nhắc tới bức thư phúc đáp của bức thư mà anh hội trưởng của hiệp hội Subud Pháp đã gửi cho Bapak ngày 15 tháng 3 1966, trong đó anh xin Bapak tóm lược về cuộc đời của mình.

Đáp:

Trước khi nhận được do ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng sự thức tỉnh và phát triển của 'nội ngã', Bapak quả thực đã đến diện kiến nhiều vị gurus, và không chỉ có Kiaji Abdurracham, nhưng không ai trong những vị gurus đó đã truyền dạy cho Bapak.

Ngược lại, những vị gurus đó nói rằng kết cục Bapak sẽ tìm thấy con đường của chính mình nhờ ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng. Liên quan tới tiểu sử của Bapak, ta phải nhớ là tiểu sử của một người nào đó chỉ có thể được viết sau cái chết của người đó, để có thể thuật lại đầy đủ câu truyện về cuộc đời của đương sự từ đầu tới cuối.

Vậy chúng tôi không thể, như điều bạn yêu cầu, cho bạn một tiểu sử có chi tiết của Bapak. Bapak chỉ muốn cho một vài biến cố trọng yếu trực tiếp liên quan tới latihan

kedjiwan Subud: Bapak sinh ngày 22 tháng 6 1901 tại làng Kedungdjati ở trung bộ Java, ngay lúc xảy ra việc ngọn núi Kelut phun lửa mãnh liệt. Bapak sinh lúc bình minh khoảng 5 giờ sáng. Bởi lẽ đó người tên là Muhammed Subuh, điều này có nghĩa: người sinh ra lúc bình minh, cái giờ trong đó người Hồi giáo làm lễ buổi sáng.

Thân phụ của Bapak tên là Chasidi, ông là công chức trong một công ti của đường xe lửa. Khi về hưu, ông cấy đất đai của mình. Phụ thân quá cố của Bapak là hậu duệ của Kiaji Muhammed Abudakar là ông nội của ông, hay nếu đi ngược trở lại thời gian, là hậu duệ của Pangeran [hoàng thân] Sajid Muhmmad Abudakar. Người ta nói vị hoàng thân này đến từ Djojakarta [một thành phố tại trung bộ Java] Mẫu thân của Bapak tên là Siti Kursinah. Bà là hậu duệ của Pangeran Purbukosomo, hậu duệ của Sunan Kalidjojo của Kalidangudemak.

Khi còn là một đứa bé, Bapak đã có những kinh nghiệm thần bí [tài thiên nhãn] Khi trông thấy thiên hạ cãi lộn hay đánh nhau, người thường cảm thấy thân mình đau đớn; sau này khi lớn lên và khi muốn đi coi xi-nê hay coi kịch, người có cảm giác ớn lạnh. Tới lúc 18 tuổi, Bapak nhận một việc làm tại một công ti đường xe lửa ở Surabaya, rồi người đến Semarang, nơi người làm việc cho tòa thị chính.

Khi còn trẻ, Bapak thích tới diện kiến những người thuộc thể hệ xưa, hay những vị gurus tâm linh, có nghĩa là những nhân vật thuyết giảng một lối tu tập tâm linh hầu đạt được một trạng thái cao quý sau cái chết. Nhưng những vị tôn sư đó đã không đem đến được cho người nhiều điều; trái lại, họ còn không muốn hay không thể cho người bất cứ gì, bởi theo họ nói, Bapak không phải đến học hỏi nơi họ. Một hôm, người trực tiếp nhận được ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng. Trong số những vị tôn sư nói tới trên kia, có một vị Kiaji [guru] tên là Kiajo Abdurachman, quê quán ở làng Djatigoro [trung bộ Java] Giáo lí của ông có gốc ở Sunam Ampel, một vị wali đến từ Mecca, một kẻ đã đạt được tình trạng của con người toàn

thiện. Bapak nhận được rất ít của ông đó. Trái lại, vị Kiaji quá cố Abdurachman thường nói Bapak không phải đến học hỏi nơi mình, vì một ngày nào đó Bapak có thể trực tiếp tiếp nhận của Rasul Allah. Lời tuyên bố của vị Kiaji quá cố Abdurachman là điều mà các đệ tử hồi đó của ông được nghe ông nói. Kết quả là một số khá đông những đệ tử đó đã liên lạc với Bapak, với mục đích đạt được những gì Bapak đã nhận được từ ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng. Trên thực tế, hồi đó Bapak chưa thấy mình tiếp nhận được gì.

Điều may mắn là chẳng bao lâu sau đó, nghĩa là trong năm 1930, Bapak nhận được ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng. Người nhận được từ phía trên một luồng ánh sáng sống động cũng như mãnh liệt, thân thể người có đầy ánh sáng chói lòa. Hiện tượng đó khiến nội giác³⁷ của Bapak thức tỉnh, một sự thức tỉnh mà trí tưởng tượng và trí tuệ không thể lường tượng được. Biến cố đó xảy ra lúc giữa đêm, khi Bapak vừa ngưng học môn kế toán. Bapak tiếp tục nhận được cái ân huệ đó đêm này qua đêm khác trong vòng gần 3 năm. Năm 1933, sau khi nhận được cái ân huệ đó trong 1000 đêm liên tiếp, Bapak nhận được trong nội tâm mình lệnh bỏ việc làm tại toà thị chính Semarang, và kiếm sống bằng phương tiện của chính mình nhờ một kinh doanh nhỏ của cá nhân, trong khi vừa tiếp tục truyền thụ sự giao tiếp của nội giác cho những anh em khác. Bapak chỉ làm điều đó sau khi đã định cư ở Djojakarta trong năm 1946-47. Bapak gọi điều đó là hội tâm linh Susila Budhi Dharma.

Khi còn ở Semarang, người đã tiếp nhận được một ngày nào đó mình phải đi ra nước ngoài, không chỉ tới Âu Châu, mà còn tới những quốc gia khác. Trong lòng mình, Bapak có cảm tưởng điều đó không thể làm được, nhưng người đã nhiều lần được chứng tỏ cho thấy là một ngày nào đó mình sẽ được cơ hội. Rồi khi ở Djojakarta trong năm 1953, Bapak kiếm được phương tiện đến Palembang [nam bộ Java] rồi đến Medan. Năm 1957, Bapak đã có thể đi

ra nước ngoài, và đến khắp thế giới. Như vậy, những điều Bapak tiếp nhận được ở Semarang trong năm 1933, đã trở thành sự thật.

Khi nhận xét cái đà nhanh chóng theo đó hội tâm linh Susila Budhi Dharma bành trướng và phát triển, ta có thể kết luận những điều Bapak đã tiếp nhận [và những điều chúng tôi thuật lại trên kia] quả thực xuất phát từ ân huệ của Thượng Đế Toàn Năng.

Thay cho Bapak,

Tiến sĩ Prio Hartono

Vào năm 1958, một cuốn sách dịch từ tiếng Anh qua tiếng Pháp báo tin sự xuất hiện của Subud trên thế giới: cuốn 'Subud hay Nguồn Đại Sinh Lực' của John Bennet.

Một phụ nữ ở Marseille, chị Rochana, sau khi đọc nó, tò mò muốn coi một chiêm tinh gia giỏi có thể thấy được gì nơi một con người như Bapak; chị cho lập lá số tử vi của Bapak, vì muốn thử cái kinh nghiệm của Subud. Chị đã hỏi chiêm tinh gia đó ở Marseille về tử vi của nhiều nhân vật quan trọng, và người đó luôn đoán đúng ngay tróc cái tại sao và như thế nào của sự việc. Thế nên, chị đưa ngày sinh tháng đẻ của Bapak là 22 tháng 6 1901 lúc bình minh, Nam Dương.

Bà chị đó viết thư cho tôi: 'Tôi không bao giờ quên vẽ của ông đó, khi đến lấy kết quả của lá số tử vi.'

- 'Thưa cô, cô quen biết người này?'

- 'Không, nhưng tôi mong được quen biết ông ta một ngày nào đó.

- Đây là một người có thể làm nhiều điều cho cô. Nhưng coi này! Đó không là trên phương diện thông thường của sự việc! Và ông ta kể cho chị nghe về số mệnh của Bapak - nói tới những khó khăn trong một phần cuộc sống của

người - Bapak đã phải đau khổ ngay cả trong gia đình. Bà chị đó rất ngạc nhiên, bởi thành thật mà nói, chị nghĩ Bapak đã chưa từng bị đau khổ! Nhà chiêm tinh đó còn cho chị hay về việc lấy vợ lần cuối của Bapak. Rồi đột nhiên, ông nói với chị: 'Cô biết là nói về nhân vật này khó thật là khó! Tôi không biết giải thích sao đây? Trước hết, lá số tử vi như cái này ta không thấy nói mỗi 100 năm, ngay cả mỗi 1000 năm! Điều đáng kể trên hết không là tháng, nơi và giờ sinh, đó là sự sắp xếp của các sao chung quanh lúc sinh đẻ. Đây này, nhân vật đó đến lúc bình minh, ông đứng trên thềm. Ông gõ cửa, ông chỉ đường đi, một con đường mới.Ồ! Nhưng coi này, ông chỉ con đường đó cho cả thế giới!

Nhân vật đó biết mình đi tới đâu sau cái chết! Ông biết mình từ đâu tới! Nếu muốn điều mình đạt được trên bình diện tâm linh được y như trên bình diện vật chất, ông ta có thể trở thành một tay trùm tư bản lớn nhất của thế giới. Và thưa cô, cô sẽ nói là tôi điên, nhưng nhân vật đó có những dấu hiệu tương tự với những cái của các vị thiên sứ.'

Bà chị đó đã trở thành hội viên Subud một khoảng thời gian sau. Chị được bà vợ của Bapak khai mở. Nhiều sự kiện đã chứng minh những gì chiêm tinh gia đó nói: hồi Bapak làm việc trong ban kế toán của toà thị chính Semarang, ngân quỹ của toà chỉ có 5 triệu; sau khi Bapak đã giữ cái chức vụ đó trong một khoảng thời gian, ngân quỹ hàng năm lên tới 25 triệu [hồi đó không phải là tiền rupiah mà là guilder] chỉ trong một hoặc hai năm, và tại bất cứ đâu mình làm việc, người cũng nhận thấy hiện tượng đó. Người đổi công việc, và sau khi đi khỏi toà thị chính Semarang, người làm kế toán cho những hội tư nhân, và khi người làm sổ sách cho họ, tiền lời của họ có vẻ gia tăng một cách đáng kể. Và trước đó, trong lúc còn trẻ, khi chẳng hạn thuê một căn phòng trong nhà ở của một người nào đó, người luôn nhận thấy điều này: người được lợi không là chủ nhân, mà là kẻ đi thuê, thuê lại căn phòng của Bapak. Rồi đột nhiên người đó mua được căn nhà, rồi

một căn khác, và trở thành chủ nhân của một dãy nhà. Bapak luôn nhận thấy hiện tượng đó và tự hỏi: 'Hình như khi một người nào đến gần mình, thì phú quý được ban cho hẳn. Điều đó thực sự là vậy?' Và người phải kết luận: 'Thực vậy, đó là một sự kiện; nó quả thực là như vậy.' Nhưng người không hiểu tại sao. Muhammed cũng có một hiệu quả y như vậy với những người chung quanh ông: họ làm ăn được khấm khá.

Ta có thể hiểu trong Subud mình không được yêu cầu sống nghèo khổ và trinh tiết (không lập gia đình) Kinh Thánh nói: 'Hãy tìm phước lành của Chúa, và phần còn lại được cho ta thêm.> Thượng Đế không muốn những tạo vật của Ngài chết đói, cư ngụ trong những ổ chuột, hay ăn mặc lôi thôi. Tôi chưa từng thấy Bapak ăn mặc lôi thôi, nhưng người luôn luôn mặc một bộ đồ chỉnh tề; bởi sạch sẽ bên trong, nên người sạch sẽ bên ngoài. Và trông người đôi khi chói sáng.

Subud đến Âu Châu như thế nào

Trong khi tiếp nhận được những điều này nọ, Bapak nhận được là sau thế chiến [đệ nhị] mình phải đi khắp thế giới và khiến nhân loại biết được latihan. Tuy không tất cả, nhưng nhân loại sẽ chấp nhận nó, nhận thấy những điều Bapak đem tới xuất phát từ Thượng Đế Toàn Năng. Hồi đó Bapak tự hỏi làm sao mình có thể làm được điều đó, bởi du hành khắp thế giới đòi hỏi nhiều tiền, và người lại không có tiền hay có rất ít, ngay cả để đến Java. Nhưng Bapak đã được cho hay là mình sẽ đi khắp thế giới nhiều lần. Bapak chỉ tin điều đó có một nửa; người thấy hình như chấp nhận cái ý nghĩ đó là điều không thể được; ta khó tin được điều mà mình chưa thấy thực hiện.

Sau đệ nhị thế chiến, quả thực có một người đã xuất hiện chỉ để trở thành công cụ của Thượng Đế. Điều xảy ra không là việc làm của người đó, mà là việc làm của Thượng Đế. Tôi đã được đọc cuốn sách kể lại một phần về cuộc đời của nhân vật đó, và cuộc phiêu lưu của ông để có thể gặp Bapak là một điều phi thường.

Thực vậy, khi Bapak đến Djojakarta ở, một người ngoại quốc tên Hussein Rofe có mặt tại đó; ông là người từ Anh đến. Nhân vật Rofe đó là một người đi tìm đạo, và trong lúc đi tìm, ông kiếm sống bằng cách dạy tiếng Anh. Một hôm, ông nói tới việc tìm đạo với một học sinh của mình, và nói lí do đích thực khiến mình đến Java là tìm kiếm một người nào có những hiểu biết đích thực về tâm linh:

đối với ông điều đó không chỉ là tôn giáo (đạo Hồi) bởi nói được thông thạo tiếng Ả Rập, ông có thể đọc kinh Koran. Ông thấy chán cái tôn giáo như điều người ta thường thực hành, và đó không là điều mình tìm kiếm. Điều ông tìm kiếm là bằng chứng. Người học sinh của ông nói có nhân vật mà ông đang tìm kiếm, và hỏi ông có muốn gặp người đó không.

Rofe xin được giới thiệu với người đó. Người học sinh đó đem Rofe đến gặp Bapak và giới thiệu ông với người. Bapak hỏi đến để làm gì, và Rofe nói mình muốn được học hỏi của Bapak. 'Ồ, Bapak nói, tôi không có bất cứ một hiểu biết nào, hiểu biết được là Thượng Đế. Tôi chỉ là kẻ có thể truyền cho bạn sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế, nếu bạn thực sự muốn.' Rofe nói mình muốn điều đó, và quả nhiên ông có vẻ nôn nóng. Không đợi chờ, Bapak khai mở cho Rofe; Rofe làm lễ trong thể phụng thờ, bắt đầu quay tít, trong khi vừa phát ra âm thanh; ông lặn té xuống đất và ngồi đó. Bapak khiến ông ngưng lại.

Bapak hỏi ông đã cảm thấy gì. Ông đáp, đó đúng là điều mình từ Anh đến Nam Dương tìm kiếm. Trước đó ông đã ghé qua Bali, nơi ông trông thấy người Bali theo những lối tu tập khác nhau không tương ứng với những gì mình tìm kiếm. Ông đã trở lại Java và đã gặp tất cả những vị 'Kiaji' [thánh nhân] của tín ngưỡng Hồi giáo như phái Muhammadiyah và Ahmadiyah, những người đó đã cho ông những lập luận theo lôgic lấy từ kinh Koran, nhưng Rofe nói với họ là không cần nghe người ta nói với những điều đó, vì chính mình đã được đọc về chúng. Họ hỏi như vậy ông đang tìm kiếm cái gì. Rofe nói với họ là mình kiếm cái nội dung, nếu quả thực có một nội dung, đó là điều mình tìm kiếm trước hết.

Đó là khởi điểm. Ngày tháng trôi qua trong lúc Rofe tiếp tục tập latihan, có tiến bộ và tiếp nhận được khá nhiều. Nhưng ông có một tính tình đặc biệt. Ông luôn luôn muốn đi chỗ khác. Ông không bao giờ cảm thấy có chỗ nào là quê nhà, và không thấy hài lòng tại bất cứ đâu. Sau một

khoảng thời gian, ông đến Palembang. Nhưng sau một năm rưỡi, ông thấy chán ở Palembang, và sau khi hỏi Bapak, ông được khuyên nên đi Hongkong.

Tất nhiên Rofe hành nghề của mình là viết bài vở cho báo chí; những bài của ông nói tới những kinh nghiệm của mình và những điều trông thấy. Thế nên, ông viết về những điều mình đã nhận được trong Subud cho một tờ báo xuất bản ở Thổ Nhĩ Kỳ và đảo Chypre. Ông cũng nói thông thạo tiếng Thổ [thực ra ông nói được 25 thứ tiếng]

Tình cờ ở đảo có một nhóm người Anh theo đường lối tâm linh của ông Bissing, và sau đó theo đường lối của một chuyên viên khác trong lối tu đó tên là Meredith Starr.

Người đó có lẽ đã đọc bài báo của Rofe, bởi Bapak nhận được thư từ Chypre mang tên và địa chỉ mình. Bapak ngạc nhiên, vì mình chưa từng nhận được một bức thư nào của ngoại quốc. Người đọc những gì bức thư chứa: 'Tôi xin được tự giới thiệu: tôi chuyên tâm tìm kiếm tri thức tâm linh, và đọc được một bài báo của Hussein Rofe, trong đó ông Rofe nói Bapak, sư phụ của mình, có thể giải thích về những vấn đề tâm linh. Bởi đó chính là điều mình rất cần, nên tôi mong Bapak đến Chypre, để khai mở tôi và giáo huấn tôi [hồi đó từ 'khai mở' chưa thông dụng, ông nói là giáo huấn] Nếu Bapak có thể quả thực ghé đến Chypre, tôi lập tức gửi số tiền cần thiết để thanh toán những chi tiêu của Bapak.'

Khi đọc bức thư đó, Bapak nhớ tới ông Rofe rất đang muốn trở về Anh. Bapak làm một bản sao của bức thư đó và gửi nó cho ông, để ông có thể thay mình nhận lời mời của Meredith Starr tới Chypre. Một khi đến Chypre, ông sẽ không còn cách xa nước Anh và có thể về nước. Cho Meredith Starr Bapak viết là mình đã gửi bức thư của ông cho đệ tử mình là Hussein Rofe hiện đang ở Hongkong, ông Rofe là người Anh và muốn trở về nước, ông có thể khai mở cho những người ở Chypre.

Bapak nhận được một bức thư phúc đáp của Rofe nói là mình chịu đi Chypre, miễn là người ta gửi tiền cho mình để bảo lãnh những chi tiêu của chuyến đi. Ông đến Chypre, và khai mở cho Meredith Starr cùng với một vài người khác. Chẳng bao lâu, Rofe viết thư cho Bapak để cho hay là mình về Anh với sự chấp thuận của những người mình đã khai mở ở Chypre. Ông nói là Meredith Starr và những người sẽ đi theo mình, và mong Bapak, nếu có thời giờ, sẽ nhận một lời mời đến Anh. Bapak được mời tới Anh.

Đó là khởi điểm. Bapak nhận lời mời cho thấy rõ rệt con người sẽ cung cấp số tiền cần thiết, chứ không là Thượng Đế. Sự việc đã xảy ra như thế; bởi không có phương tiện nhờ đó Thượng Đế cho Bapak tiền, nên Quyền Lực của Thượng Đế khiến cho thiên hạ làm điều đó. Rồi Bapak đến Anh, và điều kì lạ là tại đó có những người biết được lí do khiến Bapak tới: lúc đó họ đang ở Coombe Spring. Do một sự tình cờ kì lạ, lúc Bapak đến Anh, có một khoá học về lối tu Gurdjieff được ông John Bennet tổ chức, cái trường hợp này không ai ngờ tới. Hồi đó là năm 1957. Do khoá học đó những đệ tử của lối tu Gurdjieff từ khắp nơi đến Coombe Springs ở Anh. Có những người đến từ Nam Phi, từ Tích Lan, Âu Châu [Hoà Lan, Đức; Pháp...] Lối tu Gurdjieff khá có tiếng tăm, và những đệ tử của nó, tuy không nhiều, đến từ những nơi khác nhau. Tất cả những điều đó chỉ hoàn toàn là ngẫu nhiên. Bapak không ngờ mình gặp ở Anh những người đến từ nước khác, và không hề nghĩ tới sự tình cờ đó.

Thế nên, Bapak đến Anh và trước hết ở nhà ông Rofe, kể đến ở nhà ông Bennett.

Mỗi chiều, người khai mở cho thiên hạ. Tất cả những người đã được ông Rofe khai mở, xin Bapak khai mở cho họ một lần nữa. Bapak làm điều họ mong muốn.

Khi đến Coombe Springs Bapak khai mở cho nhiều người, và tập latihan với các ông Bissing, Bennett, và nhiều người khác. Những người đến dự khoá học của Gurdjieff

hình như đã tự hỏi làm sao sư phụ của mình bây giờ lại có một sư phụ. Họ hơi lúng túng, bởi khi đến gặp ông Bennett là người mình tin tưởng, họ lại nhận thấy ông đã vào Subud. Đó là điều lôgích, khi ta nghĩ ông Bennett xin Bapak dạy bảo mình. 'Ồ, họ nghĩ, cái ông đến đây phải là một người cao siêu, chắc chắn là vậy.' Họ xin phép ông Bennett cho mình được vào Subud, và được khai mở. Ông Bennett chuyển lời thỉnh cầu của họ cho Bapak, và các đệ tử của Gurdjieff hỏi Bapak là người có cho phép mình theo tập latihan không, nếu họ muốn tập. Bapak trả lời là được, vì latihan dành cho tất cả nhân loại. Ngay khi Bapak cho phép, có 1, 2, 3, 10, 20 vào Subud, rồi tới 100, 200. Nhưng có nhiều người ở Coombe Springs xin được khai mở, tới hơn 1000 người, nên Bapak phải kéo dài thời gian lưu trú tới 7 tháng.

Vậy, Bapak ở Anh 7 tháng liên tiếp, khi đến đó lần đầu tiên, và trong thời kì đó, ta có thể nói người khai mở cho thiên hạ mỗi chiều; tối thiểu có từ 30 đến 40 người nhận được sự giao tiếp, đôi khi tới cả trăm người. Như vậy, Bapak có thể biết chắc những người đến từ những nước khác có thể thực sự tiếp nhận và hiểu được tới một phần nào latihan kedjivan Subud là gì. Sau đó, người trở về nhà ở Nam Dương.

Sau khi đã tiếp nhận latihan và trở về quê hương mình, những người đó có lẽ đã cảm thấy latihan rất có lợi ích. Chính nhờ họ mà Subud càng lúc càng lan rộng tới những quốc gia khác.

Thế nên, khi nhận thấy hiện tượng đó, Bapak tin chắc những điều được tiên tri quả là sự thật, trong khi trước đây khi nhận được ân huệ của Thượng Đế, trong năm 1932, người chỉ tin có một nửa, vì đã chưa nghiệm được điều đó. Khi tới lúc, người có thể nhận thấy những gì mình tiếp nhận là sự thật, và quả thực đã xảy ra.

Chúng tôi là những người tiên phong của thời đại hoàng kim

Khi ta lâu đời tìm kiếm cách thoát khỏi những vết cũ của sự đau khổ, của những lừa dối của mình, và trong cái latihan đầu tiên ánh sáng đến đập ngay vào trước mặt mình, thì từ đáy lòng mình dâng lên một niềm vui vượt qua tất cả những niềm vui khác về mức cường độ và thanh khiết. Ta có thể nói: đúng rồi, tôi thoát khỏi những thói cũ, bây giờ thì tôi đang trên đường tới sự toàn thiện. Nhưng con đường đó không được vạch sẵn, vì đó là con đường của tự do.

Tôi đã nghiên cứu nhiều tôn giáo tiên tri một thời đại hoàng kim. Những điều kiện đòi hỏi hình như đang có hiện nay, ta nhận thấy nhiều dấu hiệu báo trước. Tháng 7 1960 có một cuộc họp đầu tiên của Subud ở Paris tại nhà một người chị em với sự hiện diện của một trong những người phụ tá đầu tiên của Bapak là anh Sjafrudin. Tôi đến dự buổi họp đó với nhiều anh chị em khác, trong đó chúng tôi đã phải đặt những nền móng đầu tiên của hiệp hội Subud Pháp.

Cuộc khởi hành trong Subud của chúng tôi khá gay go, với nhiều kinh nghiệm đi ra ngoài mức bình thường và để lại nhiều câu hỏi nghiêm trọng. Tôi xin được gặp mặt anh Sjafrudin. Anh đồng ý cùng tôi gặp nhau, và trong 2

tiếng đồng hồ, trả lời tất cả những câu hỏi, những nghi vấn và háo hức của tôi. Tôi còn nhớ là anh đã bật cười khi mình nói: 'Tôi coi Bapak như đức Phật của thời hiện đại.' Kể từ lúc đó, tôi đã không thay đổi ý kiến. Bapak là người mà Thượng Đế đã lựa chọn cho cái thời đạo xáo trộn của chúng ta, để thiên ân lan tràn trên trần gian, và cái thời hoàng kim thể hiện được theo những điều nói trong các thánh thư. Một khoảng thời gian sau, có lẽ 10 hay 15 năm, tôi được tin anh Sjafrudin đã qua đời, khi còn đang dồi dào sức khoẻ. Tôi nhắc tới người anh em đó, vì anh cũng đã được Thượng Đế hướng dẫn, biết mình sắp chết, bởi anh đã cho bà vợ mình hay về điều đó trước đó một tháng. Quả thực trong khi chơi đùa với con cái mình, anh đi ngủ. Và sáng hôm sau anh rời khỏi thế xác mình, để đến một thế giới tự do hơn.

Là những kẻ tiên phong của cái thời đại được báo trước đó [chính Bapak cũng nói điều này] là điều không luôn luôn dễ, vì chúng tôi phải sống theo lối đi ngược lại thời đại, nghĩa là không luôn luôn hợp với những thời thượng của thế kỉ. Đồng thời chúng tôi phải gắn bó với những người anh em của mình, với cái sự kiên tiếp nhận được latihan; tất cả những điều đó khiến chúng tôi nhạy cảm hơn, và cuộc đàm thoại với anh Sjafrudin đã giúp tôi rất nhiều để hiểu được điều đó.

Có một khẩu ngữ rất phổ biến: 'Ta là ta, ta không thay đổi.' Điều đó vừa đúng vừa sai.

Chắc chắn là khi lười biếng, thiếu ý chí, hay bị sự chi phối của nhiều ý chí trái ngược nhau, ta không thay đổi được; sinh ra là kẻ đau yếu, ta là kẻ đau yếu và chấp nhận cái định mệnh là sự bào chữa của những tâm hồn thiếu ý chí, thiếu dũng cảm. 28 năm trong Subud đã cho chúng tôi bằng chứng về việc nhờ sự hoạt động của Thượng Đế trong lòng mình, một cuộc đảo lộn lớn lao tác hành và sự thay đổi xảy ra. Và dĩ nhiên, không là sự thay đổi theo kiểu của chính trị! Ta tìm thấy trở lại cái định mệnh đích thực của mình là cái định mệnh mà Thượng Đế muốn.

Chắc chắn là tuy có sự trợ giúp của Thượng Đế, điều đó không xảy ra một cách tự nhiên. Tôi đã trải qua nhiều năm đau khổ, thiếu thốn một số những lạc thú của cuộc sống. Tôi học được cách từ chối những mời mọc của những bữa nhậu nhẹt, những lừa dối, những thói quen xấu, tất cả những loại cám dỗ trái với Ý Thượng Đế. Điều đó không chỉ đòi hỏi tôi có một chút nỗ lực, một chút ý chí, một vài cái latihan, một hay hai cái ramadhan, hay những lỗi để bào chữa cho mình: 'Ăn nhắm gì! Dù sao hãy theo đám đông! Hãy để cho tư tưởng và dục vọng được lỏng lẻo, hãy sống theo cái thời đại của mình, hãy theo thời thượng, điều đó dễ hơn!' mà là một nỗ lực thường trực của mỗi giây phút, của hàng ngàn cái latihan, của nhiều trai giới Ramadhan và ăn chay, cũng như của những trai giới trong thứ hai và thứ năm.

Tôi nhớ trong năm 1959 và đầu năm 1960 mình phải đạp xe đạp 11 cây số, đi xe lửa 80 cây số, hơn nửa tiếng đồng xe điện ngầm, để đến Paris tập latihan, nơi chúng tôi chỉ vào khoảng 5 hay 6 người. Ngay khi latihan chấm dứt, mỗi người đều vội vã về nhà như có lửa cháy. Tháng 7 1960 tôi được thuyền chuyển tới Ariège, theo đơn xin của mình, nơi không có nhóm Subud. Nhóm người Pháp gần nhất là nhóm ở Marseille, cách 450 cây số; tôi đến Marseille mỗi tháng, và điều đó kéo dài 10 năm.

Tôi đã không lùi bước trước những nhân tố coi là có lí để khỏi đi tập latihan, vì hiểu được những sự bào chữa đó chỉ là những lừa dối do trí tuệ tạo nên, bất chấp linh hồn.

Thượng Đế đã ban ân huệ khiến linh hồn chúng tôi được thức tỉnh, khiến cái Ý Muốn đã từ lâu mê ngủ của Ngài trong lòng chúng tôi được thức tỉnh. Thượng Đế không thể chấp nhận những bào chữa để không tập latihan nhóm. Bởi người ta nói: 'Đức tin có thể nâng cao núi non,> thế thì tại sao nó lại không xua đuổi những lừa dối theo kiểu đó? Một hôm, một người anh em nói với tôi: <Tôi không thể tới tập latihan, vì mệt.' Tôi hỏi anh: 'Anh có muốn thử nghiệm: latihan mình như thế nào, nếu tập trong lúc

mệt?’

Anh chấp nhận, và điều khiến mình ngạc nhiên là anh ca hát, nhảy múa, như thể cái ân huệ của Thượng Đế nhận được trong cái latihan đó đã lấy đi mọi cơn mệt và làm nhẹ bớt một khối nặng khó mang được. Người anh em đó hiểu được đúng ra trí tuệ mình mệt, chứ không phải linh hồn, bởi linh hồn luôn luôn phụng thờ Thượng Đế Toàn Năng.

Một lần khác, một người anh em nói với tôi: ‘Có lẽ tôi sẽ không đến tập latihan nhóm, chiếc xe của tôi có vấn đề và nguy cơ bị chết máy.’ Người anh em chỉ đi có 12 cây số để đến tập latihan. Tôi đề nghị với anh làm một trắc nghiệm: ‘Đối với anh về phương diện tâm linh như thế nào, nếu anh đến tập latihan nhóm?’ Anh chấp nhận cái trắc nghiệm, trong đầu không có một chút tư tưởng; khi quy thuận Quyền Lực của Thượng Đế Duy Nhất anh té xuống đất và bắt đầu rên rỉ. Anh hiểu được không đến tập latihan nhóm là điều không tốt.

Trắc nghiệm cho chúng ta bằng chứng về việc chính dục vọng chi phối trí tuệ, sự yếu đuối của mình, và ngăn cản mình phụng thờ Thượng Đế. Tâm và trí thích phụng thờ hình thức và đồ vật.

Tại sao tôi đã không tạo nên những lí do để không đến tập latihan? Ngay ban đầu, tôi luôn học được cách nghe tiếng nói của nội tâm, và tiếng nói đó, mặc dù sự mệt mỏi hay thiếu hứng thú của tôi, bởi đi tới đó quá xa [nhất là khi mình phải đến Marseille cách 450 cây số] hay điều gì đó khác, tiếng nói đó bảo tôi: ‘Cứ đi tập latihan đi, hãy phụng thờ Thượng Đế, người sẽ không hối hận.’ Quả thực, tôi đã chưa từng hối hận, ngược lại là khác. Cái thái độ đó khai triển trong lòng chúng tôi sự kiên trì, vì chúng tôi biết mình còn phải gạn lọc những ô uế, khám phá những bí mật bên trong mình.

Đại học của Thượng Đế cần những sinh viên chuyên cần, và trong cái đại học đó không có những kì nghỉ hè,

những giờ giấc cố định, những cuốn lịch, vì sự giáo hóa của Thượng Đế là điều gì thường trực, tại thế gian này cũng như tại thế giới bên kia.

Thượng Đế giáo hoá chúng ta 24 giờ trên 24. Ngài đôi khi thay đổi những dự tính của chúng ta, và mở chúng ta thấy những cái khác. Điều ngạc nhiên là việc nhận thấy Ngài giúp đỡ chúng ta tới một mức độ nào trong nội tâm mình; Ngài chuẩn bị chúng ta như thế nào cho một dự án mới, khiến nó trở thành điều gì của chúng ta, chỉ bằng cách cho chúng ta thấy đó là Ý Muốn của Ngài, và điều đó xảy ra bất chấp những nhược điểm, những quyền luyến và lối nhìn của cá nhân mình. Khi có một quyết định thuận với Ý Muốn của Ngài, chúng tôi nhận được những năng lực cần thiết để bền lòng: chẳng hạn, khi trong nhiều năm bị cô lập và sống xa mọi nhóm (Subud) tôi lập nên một thời biểu tập latihan. Thượng Đế cho tôi kỉ luật và thời gian cần thiết để đều đặn theo cái thời biểu đó. Bởi nếu ta tự nói với mình: cái latihan của thứ hai, tôi đi tập thứ ba, hay một ngày khác, thứ ba ta tự nói: tôi tập thứ năm, thứ năm đến, cái luật lệ đó lại tái diễn. Cái kỉ luật tập hai hay ba latihan mỗi tuần là điều được Thượng Đế ấn định, và được Bapak là người đầu tiên tiếp nhận. Thượng Đế không nói: 'Người tập latihan khi nào mình thích, hay khi nào mình có thời giờ.'

Nhưng Thượng Đế không ép buộc bất cứ ai; Ngài để chúng ta được tự ý hiểu những mệnh lệnh của Ngài, đem chúng ra ứng dụng hay quên chúng. Kinh Koran nói: 'Thượng Đế củng cố trên trần gian tâm của những kẻ có đức tin và thực hành điều thiện, như Ngài đã củng cố tâm của những kẻ đến trước họ. Ngài bảo đảm cho cái tôn giáo họ lựa chọn được tôn kính. Ngài biến thành sự an lạc những nỗi sợ hãi và lo âu của họ. Họ phụng thờ Ta mà không đặt Ta ngang hàng với bất cứ ai.'

Những kẻ chối bỏ Ta, sau khi tất cả những điều tốt lành đó được làm, là những kẻ nghịch đạo.'

Sự hài hòa của các tôn giáo

Trước khi vào Subud tôi bị ảnh hưởng nặng của một anh bạn Phật giáo. Đã đọc nhiều tác phẩm về đề tài đó, nên tôi có xu hướng tự cô lập mình, xa lánh mọi người, đám đông, và nếu tiếp tục đi theo con đường đó, có lẽ tôi đã vào sống trong một tu viện.

Nhưng điều may mắn là Subud đã đến trong đời mình, và tôi hiểu được rằng đời sống tâm linh không tách biệt với đời sống hàng ngày. Ta có thể phụng thờ Thượng Đế khắp nơi, chỉ cần có một thái độ đúng đắn, thái độ phục tùng và quy thuận Quyền Lực của Thượng Đế. Dần dần tôi xa lánh đạo Phật, nhưng những tình bạn lâu đời không thể dứt bỏ trong khoảnh khắc, và tôi thường đến thăm những người bạn của mình. Một người bạn của tôi đã được nhận vào tăng đoàn. Là một kẻ rất thông thái và năng động, anh mời tôi đến dự những buổi thiền định của đạo Phật. Tôi nói với anh là mình không cần, nhưng để làm vui lòng anh, tôi đã đến. Sau một lúc lặng yên, tôi thấy thanh tịnh trong lòng, và không để cho sự rung động của latihan dâng trào,

vì tôi muốn tôn trọng cái nghi thức tôn giáo đó. Một hôm, trong lúc trò chuyện, nhà sư đó hỏi Renée về thái độ của tôi và những thay đổi kể từ lúc vào Subud. Tôi đã cười khi nghe Renée trả lời: 'Kể từ lúc vào Subud, anh ấy bớt điên khùng hơn trước.'

Ở Toronto, trong hội nghị thế giới 1979, tôi được các anh em Algeria mời đi dự một buổi lễ của Hồi giáo tại một chùa Hồi ở Toronto; tôi rất cảm kích, vì đã được mời, và tôi không thể chối từ; hơn nữa, tôi muốn coi một chùa Hồi như thế nào, và cái không khí của những hành lễ Hồi giáo. Thế nên, tôi đến chùa Hồi với những anh em của mình, tìm cách làm theo những nghi thức của đạo Hồi, trong đó có nhiều lễ bái và việc thường xuyên đọc kinh Koran, trong lúc trai giới Ramadhan.

Khi điều đó chấm dứt, tôi được mời dự lễ cầu nguyện theo cá nhân, và như trong chùa Phật giáo, tôi cảm thấy lòng mình được yên tĩnh, tôi an tâm và vui sướng được có mặt ở đây.

Khi có dịp đến nhà thờ, tôi cố gắng theo các nghi lễ, nhưng cũng lập nên được sự an lạc. Do đó tôi kết luận là sự hài hoà của các tôn giáo có thể thực hiện được, khi ta vượt qua các nghi thức và nghi lễ. Thượng Đế giúp chúng tôi biết được sự trống không của nội tâm, trong đó phát sinh sự rung động của Nguồn Đại Sinh Lực, khiến chúng tôi cử động; đôi khi có những lời cầu nguyện hay lời hát được thốt ra.

Bapak nói với chúng tôi là đức Ki Tô và thiên sứ Muhammed, khi nhận được sự rung động, đã lẩn tránh; điều đó tạo năng lực cho cầu nguyện. Cái chân lí mà Thượng Đế ban cho tất cả các vị thiên sứ của mọi thời không có nhãn hiệu, nó là Sự Thật. Cái hạnh phúc mà Thượng Đế ban cho Tự Sự là hạnh phúc. Nó không có tính chất Ki Tô giáo hơn, hay Phật giáo, Hồi giáo, hoặc điều gì khác.

Mùa hè năm ngoái, chúng tôi được mời đến nghỉ mát một

vài ngày và tập latihan tại nhà anh chị Jacques và Liliane ở Charente. Khi tôi nhìn tủ sách của họ, Jacques nói: 'Anh cứ tự tiện lục lọi.' Cái nhìn của tôi nhằm tới một cuốn sách: đời sống nội tâm, 'Những Thức Ăn Mới' của André Gide. Tôi lấy cuốn sách đó, mở nó ra, và điều ngạc nhiên là cái đoạn tôi đọc tương ứng với nội cảm mình, chỉ có điều là cuốn sách không đề cập tới đời sống tâm linh, tới Subud, tới thần bí học, tới tôn giáo; tác phẩm đó chỉ trích dẫn những tác giả rất nổi tiếng. Một cách tóm lược, đoạn văn đó nói: 'Tôi cần hạnh phúc của mọi người; cái hạnh phúc dựa hơi trên sự khốn khổ, tôi không muốn; một sự giàu có làm người khác thiếu thốn, tôi không muốn nó.' Trên trái đất có rất nhiều nỗi khốn khổ, cảnh khốn quẫn, sự kinh hoàng, và một người hạnh phúc không thể nghĩ tới những điều đó mà không thấy xấu hổ vì hạnh phúc của mình. Tuy nhiên, một kẻ không thể làm gì cho hạnh phúc của người khác, là một kẻ không biết làm cho chính mình được hạnh phúc.

Tôi thấy trong lòng mình cái bồn phận khẩn thiết được hạnh phúc. Nhưng tất cả những hạnh phúc đạt được mà làm thiệt thòi người khác, đối với tôi là điều đáng ghét.

Bản thân mình, tôi ghét tất cả những gì là chiếm đoạt độc quyền; hạnh phúc của tôi được cái tư chất đó tạo thành, và cái chết sẽ không lấy đi được những điều trong bàn tay tôi.

Hạnh phúc của tôi là sự gia tăng hạnh phúc của người khác. Tôi cần hạnh phúc của mọi người để được hạnh phúc. <Tính ích kỷ có xu hướng lấy của người khác cái hạnh phúc chính đáng của họ.>

Ta có thể nói Thượng Đế đã gợi cảm hứng cho nhà văn André Gide, khi ông viết đoạn văn đó. Thượng Đế giúp tôi hiểu được điều đó, để có thể áp dụng nó hàng ngày, bởi điều này là sự thật, đời sống tâm linh không tách biệt với đời sống hàng ngày, chúng ta không tách biệt với thế giới, nhưng kết hợp với nó. Cái cảm quan của chúng tôi được

Quyền Lực của Thượng Đế làm cho thức tỉnh và phát triển, khiến mình cảm được điều André Gide nói: sự khốn khổ bao la của thế giới. Nhưng chúng tôi cũng biết là những khuyên răn, dù có uyên thâm và đáng kính trọng tới mấy đi nữa, đã chưa từng thay đổi được nội dung của một con người. Kinh nghiệm đã dạy cho chúng tôi hay là chỉ Thượng Đế mới làm được điều đó, cho nên cái thái độ của chúng tôi với tư cách là hội viên Subud là việc trông nom như thế nào để nội tâm mình được yên tịnh, và không bị ảnh hưởng của dục vọng và tư tưởng, để sự hiện diện của mình có thể sánh với một đại dương, khiến những rối loạn và khuyết điểm của những người đến gần mình được vớt bỏ và gột sạch. Nhờ cái trạng thái yên tịnh đó của nội tâm mà có những người hỏi chúng tôi: <Sự yên tịnh uy nghiêm đó, ông lấy được từ đâu?> một ông cha đã nói với tôi.

Kinh Koran nói:

-Người không biết hay sao Thượng Đế là Chúa Tể của trên trời và dưới đất, và người không có sự nâng đỡ và bảo vệ nào ngoài Thượng Đế.

-Tại sao lại đem Thượng Đế làm đề tài cho một cuộc tranh luận, vì Ngài là Chúa của tôi và các bạn.

-Chúng tôi có lỗi hành động của mình, các bạn có lỗi của các bạn. Chúng tôi chân thành với Thượng Đế.

-Ban đầu, loài người chỉ tạo nên một quốc gia duy nhất; Thượng Đế phái tới các vị thiên sứ để báo cho họ tin vui và cảnh cáo họ.

Trong Subud chúng tôi trở ngược lại lúc ban đầu, vì cảm thấy quả thực chỉ có một quốc gia duy nhất. Chúng tôi nhận thấy cái thực tại đó mỗi lần sát cánh với các anh chị em của mọi tôn giáo, mọi chủng tộc, tại mỗi hội nghị Subud thế giới: sự khẳng định của chúng tôi không là một kì vọng, mà là một thực tại nghiệm được trong sự vui vẻ và hoà thuận.

Tất cả các tôn giáo đều có giá trị như nhau, mọi việc đều ăn thua ở việc ứng dụng.

Chúng tôi không là những kẻ không đồng ý với tôn giáo, và chia thành giáo phái.

Trong Subud, mỗi người tìm thấy thực tại của cái tôn giáo mà Thượng Đế đã lựa chọn cho mình. Ta không thể cưỡng tìn được trong Subud.

Căn nhà của Subud ở Bénaix

Khi đến Ariège, chúng tôi cư ngụ tại trường học của làng. Cái nơi chốn đó khiến mình thích, nên tôi cho xây cất một căn nhà gần, một nhà gỗ cách biệt. Thường đến Bénaix nghỉ hè, ông em tôi cũng cho xây cất một nhà gỗ để tới đó nghỉ ngơi, và về đó sống lúc về hưu. Khi nhóm Subud thành lập, latihan trước hết được tập tại nhà chúng tôi, sau đó tại căn nhà gỗ khi nó xây xong. Mùa hè, tôi thuê một căn lều rất lớn của người phụ trách trong Ban Giám Đốc Hàng Tỉnh về Thế Dục và Thế Thao [người phụ trách đó là anh Richard] Chúng tôi dựng căn lều đó trên khu đất cắm trại, tại một nơi chốn gọi là 'Giọt Nước'; chúng tôi tập latihan tại đó, vì căn nhà gỗ có người ở. Rồi mùa thu, chúng tôi trở về căn nhà gỗ.

Nhóm Subud gia tăng, và căn nhà gỗ trở nên quá nhỏ bé; được độc lập là điều cần thiết. Chúng tôi được tin ông Brodjo, phụ tá của Bapak, và bà vợ của ông, Ulfia, từ Nam Dương đến Paris và sắp tới Bénaix. Cái tin về cuộc viếng thăm đó xảy ra cùng một lúc với việc cha mẹ của một người chị em Subud đề nghị cho chúng tôi mượn một nơi rộng lớn để tập latihan. Đề nghị đó được nhóm chấp thuận, và căn nhà được dọn dẹp cho việc đó. Điều bất tiện

duy nhất: vấn đề sưởi. Mùa đông, chúng tôi ăn mặc chật ních như mình ở Bắc Cực, nhưng điều đó không ngăn cản chúng tôi có những latihan tốt và nhiều người tập. Nơi chốn đó không thiếu thốn chỗ để chúng tôi di động mà không bị làm khó dễ. Hiện nay một số người đã bỏ Subud, nhưng không vì lạnh.

Ở Bénaix, một người đàn ông đến từ Phi Châu cho xây cất một căn nhà cách căn của chúng tôi 50 thước, và khi căn nhà đó xây xong, bà vợ và 3 đứa con của người đó đến ở. Lúc đó là mùa đông và hình như họ không được vui. Cái nơi chốn của chúng tôi không thực dụng, theo nghĩa là chỉ có một căn phòng. Thế nên, chúng tôi kiếm một nơi khác. Cho điều đó tôi đã làm prihatin hai lần mỗi tuần. Với Renée, chúng tôi đi Rome, và đã ngạc nhiên biết bao khi trở về, vì chúng tôi được biết một người anh em của mình đã thuê được căn nhà xây cất gần căn của tôi: chủ nhân của nó đã đi khỏi. Người anh em đó kể cho chúng tôi là mình đã gặp chủ nhân của căn nhà trong trường hợp kì lạ nào, người đó cho mình hay cái ý định cho thuê căn nhà. Anh lập tức chộp cơ hội, nói chuyện với nhóm và mọi người đã không bỏ lỡ dịp đó. Trong căn nhà có hai phòng tập latihan, một nhà bếp, nhiều phòng, phòng đựng nước vv... Cuộc gặp gỡ của người anh em đó là một sự may mắn cho chúng tôi lúc đó, vì qua ngày hôm sau và những ngày kế tiếp, căn nhà đó trở nên đắt giá. Tôi cũng luôn có ấn tượng là căn nhà đó được xây cho Subud, bởi trên thực tế, những người đến ở đó chưa đầy 6 tháng (đã bỏ đi) và kể từ lúc đó chúng tôi có thể thuê nó mà không gặp vấn đề. Nó khiến chúng tôi được tập latihan 3 lần mỗi tuần, và ngay cả đón tiếp những anh chị đến từ hầu hết mọi nơi. Tôi có thể cho phép mình mơ ước một ngày nào đó [như lời ca của một bài hát] chúng tôi có thể mua nó.

Một vài năm sau, chủ nhân của nó cho chúng tôi hay là căn nhà được bán. Nhóm Subud không có những phương tiện vật chất và lòng nhiệt thành tâm linh cần thiết để mua nó, nên chúng tôi viết một lô những bức thư cho tất cả những người đã biết căn nhà đó, hỏi họ có thể giúp

mình không. Giá bán là 250 ngàn F, và chúng tôi chỉ nhận được những hứa hẹn mà tổng cộng là 80 ngàn F. Làm gì đây? Căn nhà đó sẽ chạy khỏi tầm tay của chúng tôi?

Một hôm, khi đi làm về, tôi trông thấy ánh sáng trong nhà bếp của căn nhà, và 2 chiếc xe đậu trước cửa. Bởi ở gần đó, nên chúng tôi được coi gần như kẻ giữ nhà, tôi đến coi có ai trong nhà bếp. Tôi đã ngạc nhiên biết bao khi trông thấy người làm nghề mộc của Bénaix, một môn sinh nhu đạo cũ của tôi, một người mà trước đây vài năm tôi đã khuyên lập nên một cái cơ xưởng của chính mình ở Bénaix; anh đang kí một tờ giấy để trở thành chủ nhân của căn nhà. Tôi quen biết anh từ lâu, và chúng tôi là bạn bè. Tôi nói: 'Sao? Anh mua căn nhà?' 'Đúng thế, anh nói, tôi mua nó, vì mấy anh là những kẻ đang hoang, sẽ giữ cho nó được sạch sẽ, và tôi cho thuê nó như trước kia.' Trong lòng mình, tôi thầm tạ ơn Thượng Đế đã phái đến người bạn đó. Tất nhiên, mua nó là điều tốt hơn, nhưng nếu đức tin của chúng tôi chưa đủ chân thành để nâng cao được núi non, thì nó cũng chưa đủ để chúng tôi lấy được căn nhà.

Với căn nhà gỗ của cô em dâu tôi cũng là người Subud, và căn nhà của mình, tôi có thể tổ chức những buổi gặp gỡ. Điều đó khiến những nghị viên kedjiwan của khu vực chúng tôi được hội họp, và trong năm 1981 là cuộc họp của các nhà tâm lí học Subud từ khắp thế giới. Trong tất cả những hội họp đó, tôi có thể nhận thấy một môi trường và không khí rất huynh đệ, một điều gì như một thời hoàng kim được cảm nhận một cách mãnh liệt, trong đó mỗi người là kẻ dễ mến đối với anh em hay chị em của mình, và những xuất latihan có một chiều rộng như khi Bapak có mặt với mình.

Chúng tôi một lần nữa có thể tạ ơn Thượng Đế, nhưng ta không được lấy thế làm thoả mãn, cái mục tiêu phải đạt được, tôi mong ngày đó sắp tới, là việc có thể được một căn nhà là sở hữu của Subud.

Cầu nguyện

Trong Subud, bởi không có bất cứ giáo điều nào được thuyết giảng, nên ta có thể hiểu được việc vị hướng đạo tâm linh của chúng tôi, hay phụ tá, không bắt buộc các anh chị em của mình đọc câu kinh này hay câu kinh nọ. Chúng tôi không là những người sùng đạo theo nghĩa thông thường của từ đó, tuy gắn liền với Thượng Đế và cái Quyền Lực của Ngài mà chúng tôi cảm thấy trong lòng mình. Trước khi bắt đầu sự luyện tập tâm linh của mình [latihan] chúng tôi không được yêu cầu đọc một câu kinh đặc biệt nào, điều chỉ được yêu cầu là quy thuận cái Quyền Lực của Thượng Đế hoạt động trong lòng mình. Quy thuận không mang cái nghĩa thông thường; bởi quy thuận Thượng Đế là không suy nghĩ tới bất cứ điều gì, không có tình cảm, nói cách khác là trống không chẳng có gì hết và chỉ cảm nhận bản thân mình, trong khi mình là một quan sát viên điềm tĩnh, sáng suốt, về điều gì đó động dậy trong lòng mình mà không có sự can thiệp của ý chí. Chính lúc đó chúng ta nhận thấy sự dâng trào trong lòng mình của cầu nguyện, của sự ngợi ca Thượng Đế hay Allah. Cái cầu nguyện đề cao sự vĩ đại của Thượng Đế hay Allah, thường đến với chúng tôi trong ngày, khi mình đang làm việc, và một sự an lạc đặc biệt cư ngụ trong lòng chúng tôi. Trong khi đang đi trên con đường thanh cao của sự toàn thiện, chúng tôi được dịp đào sâu năng lực

của cầu nguyện, và nhận thấy hiệu quả của nó, không tùy theo những ngôn từ chứa trong đó, mà theo cái trạng thái tâm linh ngay lúc chúng tôi bày tỏ với Thượng Đế những nguyện vọng của mình, hoặc cho bản thân mình, hoặc cho người khác.

Hiệu quả những cầu nguyện của chúng tôi tùy thuộc lòng chân thành và cái ý định cao quý của mình. Nếu nguyện vọng được bày tỏ với một tâm hồn thanh khiết và trong một trạng thái trống không tiên quyết, thì ta cảm thấy năng lực, lợi ích của nó.

Đó là một kinh nghiệm có tính cá nhân, và chỉ những kẻ thực sự có đức tin ở Thượng Đế và cầu nguyện mới hiểu được. Nhiều khi, lúc nội tâm chúng tôi trống không, một lời cầu nguyện dâng trào lên, hoàn toàn không tương tự với những cầu nguyện thốt ra trên đầu lưỡi, những điều lặp đi lặp lại một cách máy móc.

Mọi thời và trong mọi tôn giáo, người ta đã nhận thấy những lợi ích của cầu nguyện theo tập thể hay cá nhân. Tôi xin kể lại 3 trường hợp về những cầu nguyện phải có:

Cái thứ nhất đến với mình khi tôi đang phụng thờ Thượng Đế, điều đó xảy ra một tháng trước cái chết của phụ thân tôi, tôi cầu nguyện và xin Thượng Đế cho mọi việc được sắp xếp để ông có thể đến chết ở Bénaix, vì bị y sĩ chê, tôi muốn được gần kề ông, khi ông rời khỏi trần gian. Tôi thường bày tỏ nhiều lần nguyện vọng đó; quả thực, tuy người ta không thể mang ba tôi đi được, nhưng một người anh em họ đến thăm ông tại bệnh viện Marseille, đã đề nghị đem ông đến Bénaix, 10 ngày trước khi ông rời khỏi thế gian này. Do đó, ông có thể nhận được sự giao tiếp với Quyền Lực của Thượng Đế và lên trời trong trạng thái hân hoan mà vợ chồng tôi là nhân chứng.

Tôi cảm tạ Thượng Đế đã cho mình được toại nguyện.

Cái thứ hai là cầu nguyện khi tôi đang trong trạng thái

đau khổ, một hay hai tháng sau cái chết của cô con gái chúng tôi là Monique. Lúc đó là một buổi chiều mùa đông, một khoảng thời gian sau khi tôi đi làm về, cái kí ức về Monique trở lại nơi mình; ngực tôi siết lại và tôi cảm thấy muốn khóc. Trời rất lạnh, tôi ăn mặc đồ ấm, và bước chân của mình đưa tôi tới cái nghĩa trang của làng, nơi Monique mai táng. Trời tối mù và gió thổi rất mạnh; may thay, tôi ăn mặc đủ ấm, đội mũ trùm chỉ hở mặt, có áo amorak³⁸ và bao tay. Tôi đến gần cái bia mộ của Monique, ngồi lên chỗ đá lát, đợi chờ một lúc cho tư tưởng mình được yên lặng. Tôi đứng lên và cầu xin Thượng Đế ban ân huệ cho Monique, để cháu được hạnh phúc và yên bình trên trời. Tôi cũng cầu xin được cho bằng chứng về hạnh phúc của cháu. Tôi thấy một sự trống không rất lớn trong lòng, ngực tôi giãn ra, tôi cảm thấy trong toàn thân một nỗi thư thái lớn, tiếp theo là một sự an lạc lớn, và kì diệu thay! một nụ cười hiện lên trên môi tôi. Thực ra, tôi sung sướng, ngạc nhiên thấy mình được như vậy trong cái nghĩa địa này, chỉ có một mình trong ban đêm giữa đông. Thượng Đế lại vừa cho tôi một lần nữa cái bằng chứng về việc khi quy thuận Ngài một cách tin cậy và chân thành, không sợ hãi vì nơi chốn, ta có thể được an tâm sau một cơn đau khổ lớn của lòng mình. Một lời cầu nguyện ca ngợi (ThượngĐế) dâng lên từ toàn thể bản chất tôi.

Cái cầu nguyện thứ ba là điều được nhiều người biết tới, những kẻ thực sự có đức tin ở Thượng Đế Duy Nhất, nó được tiếp nhận, khi chúng ta trong một trạng thái yên tĩnh, an lạc của nội tâm, trong thế đứng, không có bất cứ gì khác ngoài cái ý thức mình đang hiện hữu. Người Ki Tô giáo gọi cái cầu nguyện đó là cầu nguyện có tính chất vĩnh cửu, người Hồi giáo gọi là Dikhir. Cái cầu nguyện đó thật đơn sơ, đó chỉ là sự lặp đi lặp lại danh hiệu của Thượng Đế hay Allah. Khi nó xuất phát từ cái Quyền Lực của Thượng Đế trong mỗi người, chúng ta có thể nhận thấy hiệu lực của nó. Nó không đến do một nỗ lực trường kì của ý chí và dục vọng. Nó được tiếp nhận một cách tự nhiên trong những lúc bất ngờ, và đặt chúng ta trong một trạng thái

38 Loại áo mặc lúc trượt tuyết

yên lặng và vui sướng.

Kinh Koran viết: 'Hãy chuyên cần cầu nguyện Thượng Đế, nếu muốn được hạnh phúc. Những sự tốt lành của Thượng Đế có một giá trị khác với một cuộc buôn bán hay một trò giải trí. Thượng Đế là đấng ban cho nhiều điều tốt lành nhất. Điều gây tai họa cho con người là sự quên lãng Thượng Đế của mình.' Chúng ta thấy được cái gương mẫu của sự cầu nguyện qua những người nam và nữ thuộc mọi tôn giáo, mọi chủng tộc, những người hiểu được cái nhu cầu khẩn thiết được một sự giao tiếp mật thiết và thực sự với Đấng có thể nghe mình, và làm cho những cầu xin của mình được toại nguyện, bởi người duy nhất có tất cả các hiểu biết về những điều hữu hình và vô hình, là Thượng Đế. Các vị thiên sứ, các vị thánh, đã cầu nguyện; có một lí do khiến làm điều đó: chúng ta cần được tha thứ, chúng ta biết Thượng Đế tha thứ và chúng ta xin Ngài tha thứ cho mình.

Trong lúc cầu nguyện, chúng ta không đơn độc, vì biết có ai đó nghe mình, và Đấng nghe chúng ta vừa ở chỗ thâm sâu nhất của mình, vừa ở chung quanh mình trong khắp vũ trụ. Kẻ nhận được của Thượng Đế cái ân huệ của sự cầu nguyện là kẻ không bao giờ cô đơn. Bởi sự cô đơn của mình tạo thành một cuộc đối thoại có cường độ lớn, một sự an lạc lớn và một sự phong phú mà chỉ những kẻ nghiệm được nó mới hiểu nổi. Trong cầu nguyện có sự kết hợp giữa chúng ta và Thượng Đế, và sự kết hợp đó gây nên trong lòng chúng ta một động lực, một kiểu lắ lư như thể Thượng Đế muốn tạo nên một cái đà cho cử chỉ cầu nguyện của chúng ta, khiến nó được lay động, và không trở nên bất động và thiếu sự sống. Bởi sự sống là cử động, thay đổi.

Sống giây phút hiện tại

Tập latihan kedjiwan Subud giải thoát chúng tôi từng chút một khỏi những kí ức và hối tiếc của quá khứ, khỏi những suy cứu vô ích có thể có về tương lai. Do sự thanh lọc đó, một sự trống không được thể hiện trong lòng mình, chúng tôi thấy hình như mình không còn trí nhớ nữa; những kí ức vô ích tan biến, những điều làm cho tâm thức trở nên nặng nề và bị che lấp. Sự hiện diện của Thượng Đế trong lòng mình dần dần tạo cho chúng tôi sự thanh thản, yên tĩnh, hạnh phúc và tự do.

Khi với thời gian ta có thói quen sống một cách trọn vẹn cái giây phút hiện tại, điều đó tạo cho mình cái khả năng sẵn sàng cả bên trong lẫn bên ngoài tiếp nhận được sự hướng dẫn của Thượng Đế.

Thư thái, thanh thản và yên tĩnh khiến chúng tôi bắt được những làn sóng của thế giới vô hình, và trông thấy một cách rõ rệt cái hữu hình, nghĩa là vượt qua những hiện tượng bề ngoài, những ngôn từ, những hứa hẹn, vượt qua ngay cả cái bề ngoài thô kệch của cuộc sống, vượt qua sự khốn khổ của loài người. Thế nên, chúng tôi có

thể nói mà không sợ lầm lẫn rằng quá khứ và tương lai là những điều vô thực, những lâu đài bằng cát gần một biển cả cuồng loạn, chỉ hiện tại là hữu thực.

Latihan gạn lọc trong chúng tôi rất nhiều khuyết điểm, và do cái Quyền Lực hoạt động trong lòng mình, Thượng Đế làm nhẹ bớt những lo âu, giết chết những thù oán của chúng tôi, chỉ cho chúng tôi thấy những lầm lẫn của sự lừa dối, không muốn chúng tôi lười biếng vv... Nếu không là Thượng Đế, thì ai sẽ thanh lọc chúng ta? Điều gì sẽ xảy ra? Tư tưởng của chúng ta sẽ trở nên lỏng lẻo, nó khiến chúng ta có đầy nhóc những tiếng động, và chúng ta bị đình trệ, kẹt cứng trong những tật xấu của mình. Sự lười biếng do tính ngại lao động tạo nên, có thể xâm chiếm chúng ta. Cái khả năng khiến nội tâm trở nên trống không, sẽ suy yếu. Thay vì sống trong hiện tại, trong một niềm hạnh phúc trọn vẹn, chúng ta đi ngoài lề cuộc sống, chúng ta đi đi lại lại thường xuyên giữa một quá khứ vô thực và một tương lai bất định; cuộc sống trở nên nặng nề, trong khi nó có thể tươi mát, nhẹ nhàng và năng động.

Latihan tạo cho chúng ta cái khả năng là một học sinh mới mỗi sáng, cho ta một cuộc sống nhẹ nhàng, vui sướng, tự do và hiểu động, một cuộc sống không đóng khung trong những đồ vật, những hình thức đủ loại, những thị dục và tình cảm. Trái lại, sự sống có thể trôi chảy và đẩy chúng ta tới việc khám phá một chân trời rộng lớn hơn, tự do hơn, đầy tình thương vô biên. Ngay khi xuất hiện một chướng ngại, latihan hiện diện nhờ đó Thượng Đế giải phóng chúng tôi khỏi những gì cản trở trong lòng mình cái đà của một cuộc sống hiểu động và từ thiện. Ta có thể trở thành một con người tự do, thoát khỏi cái quá khứ làm phiền mình. Chúng ta tránh được việc bị mắc kẹt trong những vấn đề này nọ, khi nhìn thẳng vào chúng, và tìm cách giải quyết chúng với lòng kiên nhẫn và tin cậy.

Hãy giải phóng mình khỏi lòng sợ hãi cái tội lỗi nguyên thủy, nhưng hãy thanh lọc những lỗi lầm trước đây của mình; những người trong Subud có cái khả năng đó. Các

bạn cũng có thể xin nhận được cái ân huệ của Thượng Đế gột sạch do sự Toàn Năng của Ngài những tì tật của quá khứ, khiến chúng ta thấy rõ được những gì bên trong và bên ngoài mình, và điều quý giá trên thế gian này là khiến chúng ta thương mến nhau, như điều đức Ki Tô khuyên các đệ tử mình làm.

Chúng tôi cảm tạ Thượng Đế đã đem tới cho Bapak sự tập luyện tâm linh mà Thượng Đế cho con người, chứ không của con người cho con người. Sự tập luyện đó được truyền cho tất cả những ai cầu xin nó, bất chấp tôn giáo, chủng tộc, môi trường.

Tôi xin lỗi, nếu đã có thể viết bất cứ điều gì khiến các bạn hoang mang hay thấy chướng, và xin Thượng Đế thứ lỗi cho tôi, nếu trong lúc viết, lòng kiêu hãnh đã nhập vào nội cảm mình. Viết về những kinh nghiệm của Bapak và những cái của chúng tôi như điều được cảm nhận, điều đó có thể là lòng kiêu ngạo? Vậy, lòng khiêm tốn buộc ta câm lặng? Sự kiện đã có những kinh nghiệm mà một phần được mô tả trong cuốn sách này, không có nghĩa là chúng tôi đã đạt được một trình độ cao siêu của sự thanh lọc, điều này khiến chúng tôi bị kẹt trong cái tính tự phụ mà mình phải chối bỏ.

Chúng tôi đang trên đường tới sự toàn thiện của con người, và con đường đó không có giới hạn và không thể ngưng lại sau những mò mẫm của một vài kinh nghiệm. Thế nên, chúng tôi đứng ngoài mọi so sánh với bất cứ ai hay bất cứ điều gì. Chẳng hạn, điều nên làm là dùng trí tuệ của mình cho sự phát triển của những sinh hoạt hàng ngày, hay trong việc tạo lập kinh doanh, như điều vị hướng đạo tâm linh của chúng tôi thường khuyên làm.

Với lòng biết ơn thâm sâu, tôi cảm tạ Bapak đã cho phép mình được đăng một vài kinh nghiệm của người. Viết xong cuốn sách này, tôi xin được cảm ơn tất cả những người đã có lòng tốt sửa chữa một cách kiên nhẫn và chăm chú những điều cần thiết, khiến bản thảo được trình bày một

cách tốt đẹp và đúng cách. Tôi cũng cảm tạ bà vợ tôi đã cho phép mình kể lại một vài giấc mơ có tính chất báo hiệu của bà.

Xin cảm tạ Thượng Đế, do sự Toàn Năng của Ngài, nên tôi đã thực hiện được công việc này.

Bénaix, tháng 5 1986

Người dịch xin được cảm tạ chị Mỹ Hạnh, anh Liêm Minh, chị Liên Hồng, đã tạo phương tiện cho mình được dịch cuốn sách này, và cảm tạ tác giả đã tặng cho mình nguyên bản bằng tiếng Pháp và cho phép mình dịch cuốn sách của ông.



